

nhiều tác giả

ông già Noel

bị bắt cóc



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

NHIỀU TÁC GIẢ

ÔNG GIÀ NOEL BỊ BẮT CỐC

Tập truyện ngắn về Giáng sinh

HỒNG VÂN
tuyển dịch

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Ông Già Noel Bị Bắt Cóc

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

& CÔNG TY VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

PHỐI HỢP THỰC HIỆN



THAY LỜI TỰA

đúng, Virginia ơi, có một Santa Claus trên đời

Chúng tôi lấy làm vinh hạnh được trả lời một câu hỏi rất hay trong mục giao lưu cùng bạn đọc, đồng thời chúng tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến tác giả vốn là một trong những người bạn trung thành của tờ báo Mặt trời.

Lá thư chúng tôi nhận được có nội dung như sau: “Năm nay cháu 8 tuổi. Những người bạn cùng tuổi cháu bảo làm gì có Santa Claus. Papa thì bảo, “Nếu con nhìn thấy ông trên tờ Mặt trời thì có nghĩa là ông có thật”. Làm ơn cho cháu biết trên đời này có Santa Claus không?”

Ký tên: Virginia ở Hannon

Cháu Virginia thân mến, các bạn của cháu sai rồi. Họ bị tác động của chủ nghĩa hoài nghi trong một thời đại hoài nghi đẩy cháu ạ. Họ sẽ không tin trừ khi chính mắt họ trông thấy. Họ nghĩ rằng chẳng có gì là không thể hiểu được đối với những bộ óc nhỏ xinh của họ. Nhưng Virginia à, tất cả mọi bộ óc dù là của người lớn hay trẻ con đều là rất bé nhỏ. Trong cái vũ trụ mênh mông vô hạn của chúng ta, con người chỉ là một con côn trùng - một con kiến không hơn không kém và khả năng hiểu biết của anh ta đem so với cái thế giới không có giới hạn bao quanh anh ta, được đo lường bằng cái khả năng tinh thần nắm bắt được toàn bộ chân lý và cái gọi là tri thức.

Có đấy, Virginia ạ, có một ông già Noel ở trên đời. Sự hiện diện của ông cũng hiển nhiên như sự tồn tại của tình yêu thương, lòng độ lượng và sự tận tâm. Cháu cũng biết rằng tất cả những điều đó đều có, nó mang lại cho cuộc sống của cháu cái đẹp và niềm vui cao cả nhất. Than ôi, cuộc đời này sẽ đáng chán biết bao nếu như không có ông già Noel. Cũng đáng chán như thế trên đời này không có một cô bé Virginia nào vậy. Sẽ không có niềm tin của bé thơ, vậy thì làm gì còn có thơ ca, cái lãng mạn bay bổng làm cho sự tồn tại trở thành một cái gì có thể chịu đựng nổi. Chúng ta sẽ chẳng còn

niềm vui sống nữa, chỉ còn ý thức khô khan và những điều ta tận mắt thấy. Cái ánh sáng lung linh mà tuổi thơ hồn nhiên của chúng ta cho phép nó tràn ra các ngõ cuộc đời sẽ bị hủy bỏ.

Không tin vào Santa Claus! Vậy cháu cũng không tin vào những câu chuyện cổ tích. Cháu có thể yêu cầu Papa của cháu thuê người đứng canh tất cả các ống khói để bắt cho được ông già Noel, nhưng ngay cả khi cháu không trông thấy Santa chui xuống từ ống khói thì điều đó phỏng chứng minh được cái gì? Không ai nhìn thấy Santa Claus, nhưng chẳng có dấu hiệu gì cho biết trên đời không có ông già Santa ấy. Những điều thật nhất trên đời chính là những điều cả trẻ con lẫn người lớn đều có thể trông thấy. Thế cháu có trông thấy các nàng tiên nhảy múa trên thảm cỏ không? Tất nhiên là không, nhưng chẳng có bằng chứng gì cho biết họ không có mặt trên đời. Không một ai có thể tri giác hoặc hình dung được tất cả những điều kỳ diệu chưa được nhìn thấy và không thể nhìn thấy trong cuộc sống.

Cháu có thể đập cái lúc lắc trẻ con để coi xem cái gì trong đó làm nó phát ra tiếng kêu vui tai, nhưng bên trong chỉ có một bức màn che một thế giới không nhìn thấy được, cái thế giới mà cả người đàn ông hùng mạnh nhất hay thậm chí cả sức mạnh tổng hợp của tất cả những người đàn ông mạnh mẽ nhất cũng chịu không thể đập vỡ ra được. Chỉ có niềm tin, tình yêu, những vần thơ, sự lãng mạn tuyệt vời mới đủ sức vén bức màn sang một bên để ngắm nhìn và hình dung vẻ đẹp thần tiên và ánh hào quang chói lọi bên trong. Điều đó có thật không? Ôi cháu Virginia ơi, không có một thứ gì khác trên đời này là thật và vĩnh cửu hơn đâu.

Không có Santa Claus ư? Tạ ơn Chúa là ông vẫn sống và sẽ còn sống. Một ngàn năm sau Virginia à, hay 10.000 năm sau kể từ hôm nay ông sẽ tiếp tục thắp lên niềm vui trong tâm hồn trẻ thơ.

Chúc cháu Giáng Sinh vui vẻ và năm mới hạnh phúc!

Ban biên tập báo Mặt trời New York

1897

truyền thuyết về Giáng sinh

ngày Giáng sinh đầu tiên

Vua August trị vì xứ Palestine muốn biết tổng số thần dân trong vương quốc của mình, ông ra lệnh mọi người phải đi đến thành Bethlehem để kê khai tên tuổi. Trong số đoàn người kéo đến đây có Mary và Joseph là con cháu của vua David.

Họ đến Bethlehem vào ban đêm, kiệt sức sau một cuộc hành trình dài. Không có đủ chỗ trong các quán trọ và các nhà dân cho một dòng người tấp nập đổ về theo lệnh của nhà vua, Mary và Joseph phải dạt ra ngoại ô thành Bethlehem. Ở đây họ tìm được một chuồng gia súc nơi những người chăn cừu ở Bethlehem nhốt bầy gia súc của họ trong suốt mùa giông bão. Họ dự định ngủ qua đêm ở đây. Vào khoảng nửa đêm, những vì sao trên trời rọi ánh sáng xuống chuồng cừu và Mary Đồng Trinh đã hạ sinh ra một bé trai. Bà quấn cậu bé trong lớp quần áo cũ rồi đặt con vào trong máng cỏ. Thành phố Bethlehem bé nhỏ đang ngủ say trong thanh bình, không hề biết một biến cố trọng đại đã xảy ra. Những người đầu tiên nghe tin Chúa Jesus ra đời là những người chăn cừu đang thức canh bầy cừu của họ. Một thiên sứ trên trời cao đã mang đến cho họ một tin vui nức lòng và báo cho họ biết họ có thể tìm thấy một hài nhi đang nằm trong máng cỏ. Cả bầu trời bỗng rực ánh hào quang từ trên thiên đường, tiếng nhạc vang lừng và một dàn đồng ca gồm các thiên thần ca giọng hát: “Sáng danh Chúa trên trời cao và trên trái đất, Hòa bình và Tốt lành sẽ đến với Con người”. Những người chăn cừu vội vã chạy về chuồng gia súc, tìm thấy Chúa Jesus trong hình hài một đứa trẻ quấn trên người bộ quần áo cũ và đang nằm trong máng cỏ. Họ xưng tụng Chúa cứu thế mới ra đời, thưa lại với Joseph Công chính và Đức mẹ Mary thiêng liêng của Chúa điều họ đã nghe được và tận mắt nhìn thấy từ các vị thiên sứ. Sau đó những người chăn cừu ra về, trên đường về họ vui sướng, hân hoan và hết lòng ca tụng Chúa.

Khi chúa Jesus ra đời, ở phương Đông xa xôi có xuất hiện một vì tinh tú tỏa ra một ánh sáng đặc biệt. Nhìn thấy vì sao ấy, ba người đàn ông khôn

ngoan biết rằng Đấng Cứu thế đang được mong đợi đã ra đời và họ lên đường đi tìm Ngài. Ngôi sao đó chỉ đường cho họ đến Bethlehem và họ tìm thấy Chúa Jesus nằm trong máng cỏ. Ba người khôn ngoan bước vào lều quỳ xuống dưới chân người mẹ và Chúa hài đồng. Nhã nhạc vang lên từ trên trời cao, những món quà bằng vàng rải xuống chân Người và không gian thơm ngát hương trầm.

truyền thuyết về ông già Noel

Ông già Noel tương truyền là Thánh Nicholas, sinh ra ở thành phố cổ Lycia, ở vùng Đông Nam Thổ Nhĩ Kỳ, vào đầu thế kỷ thứ 4. Sự hào phóng của ông đã trở thành một huyền thoại và ông đặc biệt yêu quý trẻ em. Những gì mà ngày nay chúng ta biết được là nhờ vào những tài liệu ở Roma ghi chép về những việc ông đã làm cho trẻ con và nhờ thế ông trở thành vị thánh bảo trợ cho nhi đồng.

Trẻ em ngày nay không nhận ra Thánh Nick là người đã mang quà đến cho trẻ em Châu Âu hàng ngàn năm về trước, ngoài bộ râu dài trắng như cước. Ông đến với trẻ em trong bộ quần áo đỏ và trắng cùng chiếc mũ tể hai chỏm và cây gậy phép của Đức Giám mục. Ông đi xa không phải bởi một bầu tuần lộc kéo mà nhờ một chú lừa lừa nhác. Ông cũng không đến với trẻ vào đêm Giáng Sinh mà vào ngày lễ đặt tên thánh của ông, ngày 6 tháng 12. Những món quà mà ông để lại bên lò sưởi thường rất nhỏ: trái cây, hạt dẻ, kẹo, hình thú và người bằng gỗ hoặc đất sét.

Trong thời kỳ của đạo Tin lành vào thế kỷ 16, Thánh Nicholas bị trục xuất ra khỏi hầu hết các nước Âu châu. Thay thế ông là những nhân vật thể tục hơn. Nhưng người Hà Lan vẫn giữ cho hình tượng về Thánh Nicholas còn sống mãi. Với tư cách là “thần hộ mệnh cho các thủy thủ”, Thánh Nicholas đã phù hộ cho con tàu đầu tiên của người Hà Lan đến Tân thế giới an toàn. Nhà thờ đầu tiên được xây ở New York mang tên ông. Người Hà Lan đã mang đến miền đất mới hai biểu tượng của Giáng Sinh và chúng mau chóng được Mỹ hóa.

Ở Hà Lan vào thế kỷ 16, trẻ em thường đặt đôi guốc gỗ cạnh lò sưởi vào đêm Thánh Nicholas tới chơi. Trên những đôi guốc có để một nắm rơm làm thức ăn đãi con lừa chở nặng quà của vị thánh này. Lúc già từ. Thánh Nicholas sẽ để lại trên mỗi chiếc guốc một món quà nhỏ. Ở Mỹ đôi guốc được thay bằng chiếc vớ treo cạnh lò sưởi.

Vào đêm 5 tháng 12, một học trò của Thánh Nicholas tên là Zwarte Piet (Pete Đen) sẽ đi khắp thị xã, mở to các cánh cửa ném vào nhà hàng năm kẹo. Ở Hà Lan, Thánh Nicholas còn đến các nhà trên một con thuyền do một con ngựa bạch to lớn kéo.

Người Hà Lan phát âm tên Thánh Nicholas là “Sint Nikolass”, và ở Tân thế giới nó trở thành “Sinter-klass” sau đó đổi thành “Santa Claus”.

Phần lớn truyền thuyết về Santa Claus, kể cả cỗ xe có những con tuần lộc kéo, là phát xuất từ Mỹ. Bác sĩ Clemont Clarke Moor sáng tác bài thơ “Đêm vọng Giáng Sinh” vào năm 1822 để đọc cho bảy con của ông vào đêm Noel. Có lẽ bài thơ sẽ chỉ tồn tại như một giá trị thuộc về gia đình họ Moor nếu một người bạn của gia đình không chép lại (mà không được tác giả cho phép) và gửi đến một tòa báo để từ đấy nó trở nên nổi tiếng và là một phần trong truyền thuyết về ông già Noel.

Ở Mỹ, ông già Noel mập lên rất nhiều. Thân hình to lớn, phốp pháp; đôi má tròn ửng đỏ tượng trưng cho sự phồn vinh của thế kỷ 19, là tác phẩm của họa sĩ Thomas Nast. Hàng loạt tranh của Nast được vẽ từ năm 1863 đến 1868 trên tờ báo tuần Harper, gợi ý cho những sáng tạo vô tận về ông già Noel, từ trang phục, cỗ xe, đến những chú yêu tinh bé nhỏ giúp việc cho Santa Claus, tiếng lục lạc vang trên đường phố khi cỗ xe lướt đi.

Tranh của Nast cũng cho cả thế giới biết Santa Claus đã dành cả đời mình làm đồ chơi cho trẻ, chấn chỉnh hành vi của trẻ và thấu hiểu được những mong muốn của trẻ như thế nào. Hình tượng về ông đã có mối liên hệ chặt chẽ đến các huyền thoại về ông.

Ông già Noel được biết đến trên khắp thế giới với nhiều cái tên: Người Hà Lan gọi ông là Santa Nikolaas (Sinter Klaas); người Anh gọi ông là Kris Kringle, tên Christkind vang lên ở Đức, Befana ở Italy, còn ở Nga là Bobouschka (nhưng lại là bà già Noel, chứ không phải ông già Noel) và ở Mỹ, như ta đã biết, ông là Santa Claus.

CHUYẾN ĐI VÒNG QUANH THẾ GIỚI CỦA ÔNG GIÀ NOEL

Ông già Noel rất khôn ngoan và chu đáo. Ông có cả một danh sách dài tên những đứa bé ngoan, ông nhìn lại một lần nữa xem có bé nào bị sót không và kiểm tra xem quà đã được đóng gói gọn gàng chưa. Việc tiếp theo, ông đến chuồng nhốt bầy tuần lộc để biết chắc là chúng đã sẵn sàng, xe trượt đã bôi dầu mỡ đầy đủ còn bầy tuần lộc thì no nê cho một chuyến đi dài để chúng không còn muốn dừng lại ở một cửa hàng Mc Donalds nào nữa.

Ông xuất phát từ ngôi nhà của mình ở Bắc cực nơi ông sống với bà Noel, bầy yêu tinh bé nhỏ tươi vui và đàn tuần lộc. Tất cả thư của trẻ em đều được gửi đến địa chỉ này, nhiều thư thế thì ông cần phải có người phụ giúp để đọc tất cả các lá thư và để biết mọi ước mơ lớn nhỏ của các em chứ. Tạ ơn Chúa, ngày nay chúng ta không cần phụ thuộc quá nhiều vào ngành Bưu điện vốn nổi tiếng chậm trễ bởi vì bây giờ ông già Noel đã có Internet.

Trên suốt chặng đường, Santa tha hồ mà ngắm cảnh, đó đây có những phong cảnh mà ông rất thích. Ngay ở chặng đầu, ông đã thích thú ngắm nhìn những chú gấu Bắc cực. Ông đến vào lúc gần sáng khi trẻ em đang say giấc nồng và trong giấc mơ hiện lên những món quà, những túi bánh kẹo mà chúng nhận được khi tỉnh giấc.

Ông già Noel hạ cánh trên mái nhà bạn, kiểm tra một lần nữa xem đã đúng địa chỉ chưa, món quà đã đúng người chưa rồi vắt túi quà lên vai, ông tụt xuống theo đường ống khói, trước đó tất nhiên ông cần biết chắc là lửa trong lò đã tắt để ông không bị bỏng chứ. Xuống đến nơi ông chui ra khỏi lò sưởi, nghe ngóng xem cả nhà có ngon giấc không rồi lặng lẽ như một chú chuột nhắt, ông để quà dưới cây thông Noel, cho đầy vào các cái vớ. Nếu nhà bạn không có lò sưởi thì cũng đừng lo nhé, ông già Noel rất mưu mẹo, thế nào ông cũng tìm cách vào trong nhà được, bởi vì ông là một người biết chơi “đúng điệu” mà.

Ông già Noel tặng quà cho tất cả những đứa bé ngoan. Truyền thuyết về cái vớ Noel bắt đầu bằng câu chuyện Thánh Nicholas ném những đồng

vàng qua ống khói một gia đình nghèo, tình cờ làm sao những đồng vàng rơi đúng vào những chiếc vớ treo trên miệng lò sưởi cho mau khô.

Trong chuyến đi thường niên của mình, ông cũng quan tâm đến cả thú vật nữa, ông đến thăm chúng để biết chắc chúng được chăm nom chu đáo. Cả lũ gấu ở Bắc Cực cũng đợi ông đến thăm, lũ gấu con ấy cũng giống như trẻ con vậy, bồn chồn không đợi được đến lúc ông già Noel đến. Nhưng tất nhiên ông chỉ đến khi chúng đã ngủ say tít.

Thế còn những con vật biết bay thì sao? Huyền thoại về những con tuần lộc có lẽ xuất phát từ bài thơ của Clement Clarke Moore vào đầu thế kỷ 19, “Đêm vọng Giáng Sinh”. Tuần lộc là loại thú khỏe mạnh, chân ngắn, bộ lông màu nâu trở nên đậm màu vào mùa hè và nhạt màu hơn vào mùa đông, lông mọc dài quanh cổ và móng, ở một số vùng đuôi tuần lộc gần như có màu trắng. Tuần lộc nhỏ hơn loài hươu, dài trung bình 1 mét 8, cao khoảng 90cm. Loài vật này rất khỏe, móng chắc và dày giúp chúng có thể di chuyển nhanh ở những vùng có tuyết. Thức ăn của chúng chủ yếu là thực vật như cỏ, lá cây, rêu...

truyện thuyết về cây thông Noel

Cây thông Noel đầu tiên - ở dạng tự nhiên - được cho là có nguồn gốc ở Đức vào nửa đầu thế kỷ thứ 8.

Những câu chuyện đã sử sớm nhất kể chuyện một tu sĩ và là nhà truyền giáo - thánh Boniface - trong lúc ông đang thuyết pháp về Chúa Giáng Sinh cho tộc người Druid (Đức) ở bên ngoài thành Geismar. Để thuyết phục những người mù quáng tin rằng sồi không phải loại cây linh thiêng và không gì có thể hủy hoại được, “Vị tông đồ người Đức” đã giơ tay quật ngã một cây sồi khổng lồ. Thân cây chẻ ra làm bốn mảnh và từ lõi mọc lên một cây thông non. Kể từ sự kiện này có nhiều truyền thuyết ra đời. Có truyền thuyết nói rằng thánh Boniface với cố gắng chinh phục những kẻ ngoại đạo đã truyền cho cây thông một phép màu để nó mãi mãi xanh tươi, xứng đáng là “cây của Chúa Hài đồng”. Kể từ đó, người Đức chào đón ngày Giáng Sinh bằng cách trồng những cây thông non.

Cây thông Noel như chúng ta có ngày nay phải đợi đến thế kỷ 16 ở Đức. Ở Alsace (Elsass) [1]. “không có một nhà trung lưu nào mà không có trong nhà một cây thông cao vào khoảng 8 đôi giày chổng lên”. Ngày ấy đồ dùng để trang trí trên cây thông Noel là những bông hồng cắt bằng giấy đủ màu, những trái táo, bánh thánh, nhũ bạc và kẹo bánh. Ở Strasbourg [2]. người ta còn mang nhiều cây về nhà (không cứ là cây thông, bất cứ loại cây nào có lá xanh biếc vào mùa đông) để trang trí trong nhà vào dịp Giáng Sinh.

Phong tục trang trí cây thông Noel ngày nay cũng có liên hệ với cây Thiên đường treo những chùm quả táo, thường có mặt trong các vở kịch tôn giáo thời Trung cổ. Đến thế kỷ 17 cây thông Noel đã trở nên phổ biến ở khắp nước Đức và vùng Scandinavi.

Càng ngày việc trang trí cho cây thông Noel càng phong phú đa dạng và sáng tạo hơn, đầu tiên là với nến và bánh kẹo sau đó là những trái táo và

những vật thủ công tinh xảo, cuối cùng là bất cứ thứ gì lấp lánh, tỏa sáng và rực rỡ.

Cây thông Noel ở các nước theo đạo Tin lành có một vẻ đẹp riêng bởi một truyền thuyết có liên quan đến Martin Luther [3]. Nhiều người tin rằng Martin Luther là người đầu tiên thắp nến lên cây thông. Chuyện là thế này, một buổi tối mùa đông trên đường trở về nhà, ông giật mình kinh ngạc khi nhận thấy ánh sáng rực rỡ của các vì sao nhấp nháy giữa những cành cây xanh biếc. Để tái hiện lại ánh sáng khải thị ấy, ông đã mang vào trong nhà một cây thông lớn và mắc lên cành thông những ngọn nến lung linh.

Ở Anh, cây thông Noel trở nên thông dụng nhờ Hoàng thái tử người Đức tên là Albert, phu quân của Nữ hoàng Victoria. Những di dân người Đức cũng mang theo phong tục này sang Tân thế giới vào thế kỷ 17. Những cây thông Noel ngoài trời ở nơi công cộng với những ngọn nến chạy bằng điện ra đời ở Phần Lan năm 1906 và ở Mỹ (New York) năm 1912.

[1] *Alsace ngày nay thuộc Pháp nhưng trước đây đã từng thuộc về nước Đức.*

[2] *Strasbourg ngày nay thuộc Pháp nhưng trước đây đã từng thuộc về nước Đức.*

[3] *Martin Luther là nhà cải cách tôn giáo người Đức, sáng lập ra đạo Tin lành.*

câu chuyện thật xảy ra với Rudolph

Nhiều năm về trước, vào một đêm tháng 12, có một cô bé ngồi vào lòng cha nó đặt câu hỏi. Đó là một câu hỏi đơn giản xuất phát từ trí tò mò của con trẻ, có lẽ chính vì vậy nó làm người cha, Robert May, hết sức đau lòng.

“Ba à”, cô bé Barbara May 4 tuổi hỏi, “Tại sao má con không giống má của các bạn khác vậy ba?”

Bob May liếc nhanh qua căn hộ hai phòng nghèo nàn của mình. Trên một chiếc ghế dài, người vợ trẻ của anh, Evelyn đang nằm co quắp trong cơn đau dữ dội của bệnh ung thư. Hai năm nay cô đã phải nằm liệt giường và cũng trong hai năm ấy tất cả những món thu nhập còm cõi và số tiền dành dụm ít ỏi đã đổ ra cho việc điều trị và tiền thuốc men.

Căn bệnh chết người này đã tàn phá cuộc đời của hai vợ chồng và giờ đây Bob chợt nhận ra hạnh phúc của đứa con gái đang ngày một lớn lên cũng đang bị đe dọa. Trong lúc lùa những ngón tay vào mái tóc tơ mịn màng của Barbara, anh cố nghĩ ra một câu trả lời thích hợp với câu hỏi của con gái.

Bob May hiểu rất rõ ý nghĩa của từ “không giống ai”. Từ lúc còn bé anh đã là một đứa trẻ ẻo lả với thân hình quắt queo. Với cái thói tai quái có phần độc ác rất trẻ con, những đứa bạn học trong trường bao giờ cũng lôi cậu bé còi cọc, gầy gơ xương ra trêu đùa. Sau này ở trường Dartsmouth nơi anh tốt nghiệp vào năm 1936, anh vẫn còn nhỏ bé đến nỗi bao giờ anh cũng bị người ta nhầm với một đứa em út của một người bạn học nào đó. Cuộc sống của anh sau khi tốt nghiệp cũng không hạnh phúc hơn. Khác với những người bạn khác trong lớp, rời trường đại học họ có những việc làm đầy triển vọng, Bob chỉ làm một nhân viên quèn chạy giấy tờ ở Montgomery Ward, một trung tâm bưu điện lớn ở Chicago. Bây giờ ở tuổi 33, Bob sống trong cảnh giật gấu vá vai, công nợ, tuyệt vọng và bất hạnh.

Trong lúc suy nghĩ về câu hỏi của con gái, làm sao anh biết được câu giải đáp thắc mắc của đứa con gái đang ngồi trong lòng anh sẽ đem đến cho anh cả tiền tài lẫn danh tiếng. Nó cũng mang lại niềm vui cho hàng ngàn những đứa trẻ như Barbara, con gái anh. Thế là vào một đêm tháng 12 rét mướt, trong căn hộ tồi tàn của mình, Bob áp đầu con gái vào vai mình và bắt đầu một câu chuyện...

“Ngày xưa ngày xưa, có một con tuần lộc tên là Rudolph, đó là con tuần lộc duy nhất trên đời có một cái mũi đỏ thật bự. Lẽ tự nhiên người ta gọi nó là “Rudolph, con tuần lộc mũi đỏ”. Trong lúc Bob tiếp tục kể cho con gái nghe về Rudolph, anh cố hết sức để Barbara hiểu rằng, cả những sinh vật kỳ lạ, khác biệt với những sinh vật khác thì chúng cũng có thể có được cái năng lực huyền diệu làm cho kẻ khác hạnh phúc.

“Rudolph rất lấy làm xấu hổ về cái mũi “hồng giống ai” của nó. Những con tuần lộc khác cười nhạo; cả cha mẹ và chị nó cũng cảm thấy bị mất mặt với cái mũi của Rudolph. Và Rudolph chỉ còn biết nuốt vào những giọt lệ thương thân. “Tại sao tôi lại sinh ra với cái mũi quái đản như thế này?” nó kêu lên.

“Thế rồi”, Bob tiếp tục, “vào một đêm Noel nọ, Santa Claus sắp dây cương cho bầy tuần lộc khỏe mạnh tuyệt đẹp của mình - những con Dasher, Dancer, Prancer, Vixen và những con khác - chuẩn bị cho chuyến đi hàng năm vòng quanh thế giới. Cả bầy tuần lộc được tập hợp lại là để mang đến niềm vui cho những nhân vật nhỏ tuổi sống dưới mỗi mái nhà trên toàn thế giới. Nhưng đêm ấy, một làn sương mù tai hại đã buông xuống trái đất, Santa biết rằng trong màn sương mù đục lờ, dày đặc này ông không có cách nào tìm ra dù chỉ một ống khói.

“Bất thành linh Rudolph hiện ra, cái mũi đỏ của nó rực sáng như một ngọn đèn. Santa cảm thấy đây chính là câu trả lời cho vấn đề nan giải của mình. Ông dắt con Rudolph lại đứng trước xe trượt, choàng dây cương cho nó và trèo lên ghế. Họ lên đường, Rudolph đưa Santa đến tất cả các ống khói một cách an toàn. Mưa, sương mù, bông tuyết và mưa tuyết ư - không

thành vấn đề, Rudolph đã có chiếc mũi đỏ của nó dẫn đường như một ngọn đèn hiệu.

“Và thế là Rudolph trở nên nổi tiếng hơn ai hết, nó được tất cả các con tuần lộc yêu quý. Cái mũi đỏ to tướng từng bị nó giấu đi trong túi hồ ghiơ đây làm cho bất cứ con hươu, con nai nào trong thế giới những con vật xinh đẹp có sừng cũng phải ghen tỵ. Santa đã bảo với tất cả mọi người rằng Rudolph đã cứu ngày Giáng Sinh năm ấy và kể từ hôm đó, Rudolph được sống một cuộc đời yên ả, hạnh phúc.”

Cô bé Barbara cười khúc khích vì vui thích khi người cha kể xong. Đêm nào cô cũng nài cha kể lại câu chuyện ấy cho đến khi Bob có thể kể lại nó cả trong lúc anh đang ngủ. Gần đến mùa Giáng Sinh anh quyết định biến câu chuyện đó thành một bài thơ như kiểu bài “Đêm Noel”. Anh tự tay làm một cuốn sách nhỏ dạng bỏ túi, vẽ những hình minh họa đơn sơ với mục đích tặng cho con gái như một món quà Giáng Sinh.

Rồi, khi Bob bắt đầu kết thúc những nét vẽ về Rudolph thì cũng là lúc Evelyn May từ giã cha con anh đi mãi. Trong lúc bao nhiêu hy vọng tan thành mây khói, Bob tập trung vào con gái như một nguồn an ủi lớn. Tuy vậy, mặc cho nỗi đau trong cảnh khốn cùng, tang tóc, anh vẫn miệt mài ngồi bên bàn làm việc trong căn hộ ảm đạm, trống trải hơn bao giờ hết để sáng tạo Rudolph cùng với những giọt lệ cay xè trong mắt.

Ngay sau khi Barbara bật khóc vì sung sướng đón nhận món quà tự tay cha mình làm vào sáng Noel, Bob được bạn bè đồng nghiệp mời đến dự một bữa tiệc liên hoan ở Montgomery Wards. Anh không muốn đến chỗ tiệc tùng vui vẻ chút nào nhưng bạn bè cứ khẳng khẳng mời anh đến. Cuối cùng anh đồng ý, mang theo bài thơ và đọc cho đám đông nghe. Đầu tiên, cử tọa nghe anh với những tiếng cười đùa âm ỉ. Rồi họ trở nên trật tự và cuối cùng khi anh đọc xong, một trận vỗ tay vang dội cả hội trường. Đó là vào năm 1938.

Đến Giáng Sinh năm 1947 thì đã có 6 triệu cuốn sách nhỏ về Rudolph được in ra để trao tặng hay bán trên thị trường, làm cho bài thơ về Rudolph

trở thành một trong những cuốn sách phổ biến nhất trên thế giới. Nhu cầu về các sản phẩm về Rudolph tăng cao về số lượng và chủng loại đến nỗi các nhà giáo dục học và sử học tiên đoán Rudolph sẽ chiếm một chỗ vĩnh viễn trong các huyền thoại, truyền thuyết về Giáng Sinh.

Trải qua những năm tháng bất hạnh thiếu thời và nỗi đau trước cái chết của vợ, với thành công ngoài sự mong đợi của Rudolph, cuối cùng Bob đã hiểu được ý nghĩa của một cuộc sống thanh bình, hạnh phúc. Và mỗi khi ngày Giáng Sinh đến gần, Bob lại nhớ lại với một lòng biết ơn, cái đêm mà câu hỏi của con gái anh đã gợi nên cảm hứng cho anh viết ra câu chuyện về Rudolph mũi đỏ.

câu chuyện về cuộc đời ông già Noel

Bryan Griffin

Trần bảo

Ngày xưa ngày xưa, trong một ngôi nhà nhỏ nằm trên bờ biển Baltic có vợ chồng bác đánh cá sống trong một ngôi nhà nhỏ đơn giản bằng đá với hai người con, cậu bé Nicholas 5 tuổi và bé Kathy còn năm nôi.

Một buổi chiều nọ, trong lúc Nicholas ngồi bên cửa sổ tạc một mẫu gỗ nhỏ, cậu thấy một đám mây giận dữ báo hiệu một trận bão đang lớn dần. Từ xa cậu đã có thể nghe thấy tiếng gầm của những đợt sóng dữ tợn dội vào bờ đá và ý nghĩ của cậu bé quay về người cha, lúc này hẳn đang bị quăng lên quật xuống trong con thuyền câu mỏng mảnh. Chẳng bao lâu sau, Nicholas không còn nghe thấy tiếng sóng ầm ầm nữa, nó đã bị chìm đi trong những âm thanh khủng khiếp của một trận mưa đá. Trời tối sập xuống, Nicholas hỏi mẹ bằng giọng quan tâm, lo lắng, “Mẹ ơi, mẹ có nghĩ là cha sẽ an toàn ở ngoài khơi không?” Cậu bé không nhận được câu trả lời. Mẹ cậu còn đang bận rộn chăm sóc bé Kathy toàn thân sốt hừng hực nằm lả đi trong nôi. Cuối cùng, người mẹ đứng thẳng người lên, vẻ mặt lo lắng nhưng bà tin tưởng nhìn vào mắt cậu con trai nhỏ tuổi. “Em gái con càng lúc càng sốt cao, mẹ không thể đợi đến lúc cha con về đến nhà. Nicholas, mẹ muốn con ngồi cạnh Kathy, lau trán em nó bằng một cái khăn ướt. Con phải trông chừng đừng để em Kathy đập hết chăn đắp ra nhé. Mẹ sẽ nhanh chóng quay về với các con.” Bà bồn chồn vỗ vỗ tay lên đầu Nicholas. Sau khi mặc ra ngoài một chiếc áo khoác dài, bà vội vã biến vào trong màn đêm dày đặc, lạnh cóng và đầy đe dọa; những bông tuyết bay cả vào trong nhà khi bà lách qua cánh cửa dẫn thân vào trong bóng đêm vô định.

Nicholas kiên nhẫn ngồi cạnh em bé hàng mấy giờ liền cho đến khi cô bé thôi không đập tung chăn sang một bên, khuôn mặt bé trở nên trắng toát, vầng trán nhỏ nóng bỏng trở nên lạnh toát dưới bàn tay của cậu. Khi đồng

lửa trong lò sưởi biến từ màu đỏ sang màu xám thì đầu Nicholas nặng dần, cậu ngã người xuống sàn bên cạnh cái nôi, ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau dân làng tìm thấy cậu ngủ gục như thế khi họ mang tin dữ đến, cha cậu đã bị sóng biển nhận chìm ngoài khơi xa. Nhưng bất hạnh đâu chỉ có thế, họ đành phải cho cậu biết người mẹ đáng thương của cậu cũng đã bị một thân cây đổ giết chết trên đường bà đi tìm thầy thuốc. Bây giờ thì một gia đình 4 người, hạnh phúc là thế chỉ còn lại một mình Nicholas. Cậu trở thành một trẻ mồ côi.

Quà tặng Giáng sinh đầu tiên

Ai sẽ là người trông nom chú bé Nicholas đây bởi vì từ nay cậu hoàn toàn đơn độc trên đời? Những người dân chài và các bà vợ của họ họp lại thảo luận về tương lai của cậu. “Chúng ta sẽ quan tâm đến nó, tất nhiên là như thế rồi”, một người nói, “nhưng chẳng dễ gì kiếm ăn cho đủ 5 cái miệng mà nó thì cũng đã lớn rồi.” “Bây giờ đang là giữa mùa đông, những ngày trời yên biển lặng có thể kiếm con cá con tôm rất ít mà lại cách xa nhau”, một người khác lên tiếng, “may mắn lắm thì chúng ta cũng chỉ sống qua ngày cho đến độ xuân sang.”

Đến đây bà Bavran phớt pháp, tốt bụng phát biểu, “Nhà chúng tôi có đủ thức ăn dự trữ trong mùa đông, chúng tôi còn có một cái giường cũ trong phòng kho, vì thế chúng tôi có thể nhận nuôi cậu bé khốn khổ này. Nhưng các ông các bà cũng biết rõ rồi đấy, cuộc sống của một người dân làng chài không dễ dàng chút nào. Ai nói trước được chuyện gì sẽ xảy ra trong 1, 2 năm tới? Ở đây chúng ta có tất cả 10 gia đình, nếu mỗi gia đình đồng ý nuôi cậu bé một năm thì chúng ta sẽ trông nom nó cho đến năm 15 tuổi, và tôi chắc rằng nó sẽ đi biển trước cái tuổi đó.”

Mọi người nhất trí với đề nghị trên, thế là Nicholas đến sống với gia đình Bavran trước ngày Chúa Giáng Sinh một ngày. Niềm vui trong ngày lễ của đám con nhà chủ chỉ làm cho cậu bé cảm thấy khốn khổ hơn, cậu ngồi dúi người lại trong một góc phòng chứa đồ, lặng lẽ khóc cho nỗi đau chất

chồng; mất cha, mất mẹ, mất em trong cùng một ngày. Cánh cửa phòng từ từ mở ra và một hình dáng bé nhỏ hiện ra trong ánh sáng chan hòa.

“Cậu muốn gì?” Nicholas hỏi gần như thô lỗ. “Đi đi, tôi muốn ở một mình.”

Đứng trên ngưỡng cửa, đôi môi cậu bé kia run rẩy, “Chiếc thuyền của em bị vỡ”, nó kêu lên, “món quà em vừa nhận được trong bữa tiệc Giáng Sinh. Cha ra ngoài khơi đánh cá, mẹ không thể sửa được. Em biết làm sao đây?” Cậu bé chìa ra một chiếc thuyền đi câu bằng gỗ bị vỡ. Nicholas lấy ống tay áo lau khô nước mắt, cầm lấy món đồ chơi trong tay thẳng bé kia. “Để anh chữa lại cho em”, cậu nói trong khi quay về cái góc cô đơn của mình.

“Không, anh ra ngoài này đi, ngoài ấy sáng hơn”, cậu bé Bavran nói.

Thế là Nicholas bước vào một căn phòng có nhiều ánh sáng, nhiều trẻ con, nhiều tiếng cười và trong giây lát cậu quên đi nỗi buồn của mình.

Ngày tháng trôi qua, Nicholas trở nên quen luyến đám trẻ con nhà Bavran: Otto, Margaret và Gretchen. Cậu thích chơi với các bạn dù vẫn biết rằng điều này sẽ không kéo dài. Khi một mùa Giáng Sinh nữa lại đến gần, gia đình Bavran nói đến chuyện Nicholas sẽ rời khỏi gia đình họ, cậu trở nên hoang mang, sợ hãi tuy những suy nghĩ chi phối cậu vẫn là làm thế nào cậu có thể đền đáp được một phần lòng tốt của họ. Nicholas mong muốn cậu có thể tặng họ một món quà, nhưng tất cả những thứ cậu có trên đời này chỉ là mấy bộ quần áo trên người, thêm một cái áo khoác, vài cái quần, một cái rương đi biển cũ, một con dao bỏ túi là hai món của cha cậu để lại. Cậu không thể xa rời bất cứ vật gì. Chợt một ý tưởng tuyệt vời lóe lên trong đầu. Phải rồi, cậu sẽ tạc đồ chơi từ những mẫu gỗ như cậu vẫn làm cho em Kathy thân yêu.

Thế là suốt 2 tuần lễ cuối cùng ở lại nhà Bavran, Nicholas âm thầm làm việc trong gian nhà kho tối om, giấu dao và những mẫu gỗ đi mỗi khi cậu nghe có tiếng chân ai bước đến gần. Cậu đã phải dốc hết sức trong những ngày cuối cùng sao cho tất cả các món đồ chơi đều được hoàn thành vào

sáng Noel, bởi vì, đó là ngày gia đình Bavran đón cậu về nuôi, một năm trước đây và bây giờ đã đến lúc chuyển đến một gia đình khác.

Bọn trẻ âm thầm rơi lệ khi Nicholas cho tất cả những món đồ nghèo nàn của cậu vào cái rương cũ, trong lúc ông Bavran đứng đợi để đưa cậu đến nhà ông Hans, một gia đình đan lưới. Cậu bé mồ côi lúi từ trong tay nải của mình ra những món đồ chơi bằng gỗ mà cậu tự tay làm ra, chứng kiến niềm vui của các bạn khi cầm trên tay món đồ chơi đó, cậu sung sướng đến nỗi không cầm nổi nước mắt. Một cảm giác lâng lâng, ấm áp trào dâng trong lồng ngực khi cậu nhìn những khuôn mặt bừng lên hạnh phúc và nghe tiếng cảm ơn tươi vui của các bạn.

“Giáng Sinh năm tới, tôi sẽ làm cho các bạn những món đồ chơi thậm chí còn đẹp hơn.” Nicholas nói, có một cái gì rất chắc chắn trong giọng nói của cậu. “Các bạn chỉ cần chờ đợi.”

Với lời hứa đó, Nicholas lúc này đã 6 tuổi, can đảm từ giã bạn bè, bóng dáng bé nhỏ của cậu xa dần một nếp nhà hạnh phúc để đối mặt với một năm không biết có chuyện gì xảy ra trong một gia đình mới. Khuôn mặt cậu lộ vẻ buồn bã, nhưng đôi mắt xanh biếc trong trẻo lại có cái ánh sáng ấm áp bởi ý nghĩ về cái niềm vui mà cậu đã để lại sau lưng.

“Phải”, cậu bé nghĩ khi họ đi đến nhà người đan lưới “có thể 5 đứa bạn ở đây cũng đối xử tốt với mình như trẻ ở nhà Bavran và mình cũng có thể làm đồ chơi cho chúng. Ngày Giáng Sinh có thể là ngày tốt lành đối với mình ngay cả khi nó là ngày mình buộc phải thay đổi chỗ ở.”

Cuộc đua xe trượt tuyết

Trong căn nhà của người đan lưới, hầu hết các buổi tối mùa đông bọn trẻ con học cách cuộn và gỡ hàng năm sợi rối vào với nhau và công việc đơn giản nhất là vá lưới. Nicholas khám phá ra là những đoạn sợi gai dầu hay sợi lanh nhuộm màu có thể dùng làm tóc cho những con búp bê mà cậu vẫn tìm ra thời gian để đeo gọt.

Cuối năm ấy, khi cậu rời ngôi nhà này bọn trẻ tìm thấy 5 món đồ chơi tặng chúng đặt trên bệ lò sưởi. Nicholas không quên lời hứa với ba đưa trẻ nhà Bavran và đã đến tận nhà họ vào sáng ngày Giáng Sinh với những món quà đặc biệt dành cho các bạn.

Năm tháng trôi qua, càng ngày tay nghề của Nicholas càng trở nên tinh xảo hơn với con dao của cha để lại và tất cả bọn con nít đều đi đến chỗ ngóng đợi có một món quà của Nicholas vào ngày Giáng Sinh. Không có đứa bé nào phải thất vọng bởi vì người thợ mộc nhỏ tuổi bao giờ cũng biết đúng cái mà bọn trẻ con cần.

Chỉ còn một tuần nữa là đến Noel thì Nicholas, lúc này đã 14 tuổi, đi đến sân trường và tìm thấy tất cả bè bạn của cậu tập hợp thành một nhóm, đang nói chuyện hào hứng về một cái gì đó.

“Có chuyện gì xảy ra vậy?” cậu hỏi.

“Sẽ có một cuộc đua xe trượt tuyết vào sáng ngày Giáng Sinh”, Otto nói. “Nó sẽ bắt đầu từ cổng nhà Squire ở trên đồi và kết thúc ở chỗ cây thông lớn phía bên kia ngôi nhà ông ta.”

“Còn phần thưởng,” Huns cắt ngang, “là một chiếc xe trượt mới với những con lăn bằng kim loại.”

“Nicholas, cậu có tham gia không? Cậu cũng có một chiếc xe không tồi mà, thậm chí cậu...”

“Này Jan,” một người bạn khác thì thầm, “Không tể nhị lắm nếu nhắc Nicholas nhớ là cậu ấy phải tự đóng xe trượt cho mình, còn chúng ta đã có cha làm hộ.”

Nhưng Nicholas không nghe nốt cuộc trao đổi này. Cậu suy nghĩ rất nhanh. Cuối cùng cậu quay qua những người bạn khác và hỏi: “Mấy giờ thì cuộc đua mới bắt đầu?”

“Đúng 9 giờ sáng ngày Noel.”

Nicholas lắc đầu hoài nghi.

“Mình không biết mình có thể làm được không.” Cậu nói, chậm rãi. Cậu đang nghĩ đến một cái rương đầy đồ chơi mà cậu định phân phát cho tất cả trẻ con trong làng vào sáng ngày 25, đặc biệt là món đồ chơi dành cho Elsa con gái người tiều phu bởi vì cô sống tách biệt ra khỏi làng.

“Có thể nếu mình dậy sớm và khẩn trương hơn”, Nicholas tự nhủ, chợt cậu nhận ra là đoạn đường đua sẽ đi qua nhà Elsa. Bỏ con búp bê trước nhà cô chỉ mất vài giây, như vậy cậu có thể tiếp tục cuộc đua mà không để mất nhiều thời gian.

“Mình sẽ đến! Mình sẽ tham gia! 9 giờ sáng, các cậu hãy cố gắng lãnh được phần thưởng nghe!” Nicholas kêu lên phấn khích. Buổi sáng ngày 25 bầu trời trong và rực rỡ nắng vàng chiếu xuống lớp tuyết trắng tinh khôi. Nicholas đã thức dậy từ trước lúc mặt trời mọc và như thường lệ để đồ chơi trước cửa các ngôi nhà. Khi bọn trẻ con chuẩn bị xe trượt cho cuộc đua, tất cả dân làng đi theo cổ vũ với một không khí hào hứng sôi động. Không thấy Nicholas đâu. Thật không may, một trong những con lăn trên chiếc xe trượt của cậu bị gãy dưới sức nặng của những món đồ chơi. Trong khi tuyệt vọng buộc lại bằng một đoạn dây, cậu có thể nghe thấy tiếng vang lạnh lạnh của hồi còi từ nhà Squire trên đỉnh đồi vọng xuống. Cuộc đua đã bắt đầu. Nicholas thực sự chán nản vì cậu biết mình đã để mất cơ hội có được một cái xe trượt mới, nhưng khi đi ngang qua nhà của người tiều phu để đưa quà cho Elsa, cậu quay cái xe trượt ọp ẹp của mình lại lao một mạch lên đỉnh đồi. Khi đến vạch xuất phát, Nicholas thấy bạn bè mình đã phóng đi rất xa, giờ đây họ chỉ còn là những chấm đen nhỏ xíu.

“Nhanh lên Nicholas,” dân làng kêu lên. “Hãy cố lên ngay từ vạch xuất phát. 1, 2, 3. Lao lên!”

Nicholas lao xuống đồi, da mặt cậu tê buốt như kim châm trong làn gió lạnh. Nhanh hơn, nhanh hơn, những con lăn bằng gỗ hầu như không chạm xuống bề mặt băng rắn chắc. Những chấm đen trở nên to hơn, to hơn và Nicholas biết cậu phải bắt kịp những đứa trẻ khác. Lớn hơn, lớn hơn, những người bạn bây giờ đã có hình dáng thực cho đến khi Nicholas suýt ngã khỏi

xe trượt vì kinh ngạc. Họ đã dừng lại đợi cậu ngay trước ngôi nhà của người đốn củi.

“Nhanh lên Nicholas,” cậu bé Josef động viên, “chúng tôi đã đợi cậu ở trên vạch xuất phát nhưng ông chủ trò trở nên sốt ruột bắt chúng tôi phải bắt đầu ngay khi tiếng còi vang lên. Cậu cũng biết là chúng tôi sẽ đợi cho đến cùng nếu được phép.”

“Phải,” Otto thét lên, “nào đi, để búp bê trước ngưỡng cửa nhà Elsa rồi thi tiếp. Coi xem chúng tôi đã đợi cậu bao lâu! Hãy về đầu tiên để nhận phần thưởng, một chiếc xe trượt với những con lăn bằng sắt.”

Với những tiếng la hét ồn ào, 20 đứa trẻ phóng đi và cuộc đua bắt đầu đi qua một nhánh sông đông cứng, qua một vạt đồi nơi họ phải vác xe trượt lên, đi len lỏi qua các gốc cây rồi khó nhọc đẩy một đoạn dài lên cái dốc sau nhà Squire. Nicholas chỉ thấy một cậu con trai ở trước mặt trên đoạn đường nước rút cuối cùng trước khi về đích. Trong đầu cậu chỉ có một ý nghĩ, cỗ xe mới ấy cần cho cậu biết chừng nào trong chuyện vận chuyển quà Giáng Sinh. Nicholas trượt đi nhanh đến nỗi trong một tích tắc cậu ngỡ mình sẽ lao thẳng vào cây thông dùng làm đích và bổ nó ra làm đôi, nhưng đúng lúc đó cậu lạng xe qua một bên và nhảy ra ngoài! Khi cởi cái mũ len ra cậu có thể nghe thấy tiếng reo mừng vang dội của dân làng. Cậu đã thắng trong cuộc đua, thế cũng giống như một ước mơ đã thành sự thật.

Tất cả các bạn trẻ đẩy Nicholas về nhà trên cỗ xe mới, mỗi ông bố, bà mẹ đi ngang đều vỗ tay và mỉm cười tự hào, họ sung sướng cứ như thể chính đứa con ruột thịt của họ đã giành chiến thắng trong cuộc thi.

Buổi tối trước lễ Giáng sinh

Sau khi đám đông dân làng giải tán sau hội thi vui vẻ mừng ngày Giáng Sinh, Nicholas đứng lại trước cửa túp lều nơi cậu sẽ phải đến sống một năm với một ông lão già nua, khắc khổ, gầy gò có khuôn mặt đóng khung trong vẻ cau có như thể cả đời ông không hề biết đến nụ cười. Đó là Bertram Marsden hành nghề thợ mộc trong làng, người mà tất cả bọn trẻ con đều gọi

là “Marsden hắc ám” bởi vì ông ta sống đơn độc, hiếm khi mở miệng ra nói chuyện với ai, thường xua đuổi đứa trẻ nào dám bén mảng đến trước cửa nhà mình bằng những cái nhìn u tối và những lời lẽ thô bạo.

“Nicholas, mày quên là sẽ chuyển đến ở nhà tao ngày hôm nay sao?” Ông Marsden gầm gừ hỏi giọng cộc cằn.

Nicholas ngẩng lên nhìn. Ồ không, cậu không quên đâu, cậu còn biết rõ tại sao Marsden lại đề nghị được nuôi cậu với tư cách là một đứa trẻ mồ côi lang thang vào cái năm cuối cùng này. Lý do duy nhất để ông ta vui lòng, thậm chí sốt sắng nuôi ăn và cung cấp áo mặc cho Nicholas là bởi vì trong suốt 5 năm qua ông ta đã quan sát các tác phẩm cậu làm với một con dao bỏ túi cũ kỹ và nhận ra rằng Nicholas sẽ là một người thợ giỏi không công cho ông ta.

Một lần nữa Nicholas lại gói ghém số đồ đạc ít ỏi của mình bỏ lên chiếc xe trượt mới, chào tạm biệt gia đình vừa nuôi cậu để theo Marsden “hắc ám” về túp lều nghèo nàn của ông ta ở ngoài bìa làng.

Bước chân vào nhà, Nicholas cũng bước thẳng vào xưởng mộc chính của người thợ mộc. Ở đây có ghế, bàn và tất cả bộ đồ lễ của một người thợ mộc. Marsden chỉ tay vào một cánh cửa ở trong góc và nói, “Mày có thể để đồ đạc của mày ở đây.” Nicholas đứng ở giữa căn phòng bề bộn, ngơ ngác nhìn quanh mất hết cả tinh thần.

“Mày có thể ngủ ở cái giường kia và tốt nhất là xếp cái xe trượt đẹp để kia lại. Chúng ta không có thời gian nháy chồm chồm với nó ngoài đồng tuyết đâu. Đến đây Nicholas, đừng có đứng như trời trồng thế. Cất đồ đạc đi, có nhiều cái mày phải học lắm đấy. Tao sẽ dạy mày thành một người thợ mộc lành nghề. Không có thời gian để tạc những con búp bê và đồ chơi bằng gỗ vớ vẩn đâu. Mày sẽ phải lao động để kiếm sống từ bây giờ. À mà này, mày cần phải giữ làm sao để cho lũ trẻ con không theo mày lai vãng đến đây, có hiểu tao nói gì không?”

Nicholas chỉ còn biết cúi đầu lặng lẽ bắt đầu cuộc sống mới bằng cách cất cái tay nải đựng quần áo của mình đi.

Thế là Nicholas bắt đầu làm việc với người thợ mộc già dờ dại, học được bài học đầu tiên là con dao xếp cũ kỹ của cha thực ra chỉ là một dụng cụ vụng về, kém cỏi so với những con dao sắc và những cái đục tinh xảo mà Marsden vẫn dùng. Cậu học cách làm việc hết giờ này qua giờ khác, cặm cùi cúi xuống chiếc ghế bành bên cạnh ông chủ, kiên nhẫn bào một mảnh gỗ cho đến khi nó sáng bóng như gương. Nhưng Nicholas không thể học để quen với sự cô độc chết người trong căn chòi này, và một cách âu sầu cậu vẫn thường mơ đến một ngày cậu lại được sống giữa những người thân thiện hơn và được bao quanh bởi tiếng cười của bè bạn đồng trang lứa. Vài tháng trôi qua, Nicholas đã từng bước thay đổi và làm cho căn nhà mới của mình trở nên tươi sáng hơn để cậu có thể dễ sống hơn, dù điều đó cả Marsden cũng không dễ gì nhận ra.

Một buổi tối, Marsden ngồi trước bếp lửa, lặng lẽ hút thuốc với một chiếc tẩu dài, ông ta nhận thấy Nicholas vẫn cặm cùi bên bàn mộc hoàn toàn chú tâm vào một việc gì đó.

“Lại đây cậu bé,” ông lên tiếng, gần như là âu yếm với giọng nói thô lỗ của mình. “Ta cũng không phải là ông chủ khắc nghiệt đến nỗi bắt cậu phải làm đêm làm ngày. Mà cháu đang làm cái gì vậy? Sao không đi ngủ đi.”

“Đó là một mẫu gỗ mà ông đã thải ra,” Nicholas đáp nhanh. “Cháu đang cố gắng làm nó giống như cái ghế mà ông đã hoàn thành ngày hôm nay, nhưng nó rất nhỏ, chỉ là một thứ đồ chơi,” cậu hạ giọng với vẻ sợ hãi bởi vì cậu biết rõ rằng chữ “đồ chơi” có nghĩa là trẻ con đối với ông già Marsden, và vì một lý do lạ lùng nào đó, chỉ cần nhắc đến một đứa trẻ trước mặt ông ta là sẽ làm cho ông ta nổi giận điên cuồng.

Tuy vậy, tối hôm ấy, ông già có vẻ dịu dàng với một cái nhìn ủ dột, ông nói, “Đưa cho ta coi nào. Hừm, không đến nỗi tệ nhưng cháu đã để một đường lượn không đều ở lưng ghế. Thấy chưa, bên này lớn hơn bên kia. Đưa cho ta con dao nhỏ.”

Nicholas vội vã đưa cho ông một con dao nhỏ và thán phục ngắm nhìn người thợ mộc già sửa chỗ sai đó.

“Đây,” cuối cùng Marsden nói, đưa chiếc ghế nhỏ ra xa để ông có thể ngắm nghía cho kỹ, “đó là cái cách mà nó phải được làm ra.”

Rồi thay vì đưa chiếc ghế nhỏ cho Nicholas, đang nóng lòng chờ đợi, ông ta tiếp tục giữ nó trong bàn tay thô ráp, trong đôi mắt già nua, dữ dằn có một cái vẻ gì như buồn bã đau đớn, bởi vì ông nhớ lại những món đồ chơi mà ông đã tự tay làm cho hai cậu con trai từ những ngày xa lắc xa lơ. Một nụ cười từ từ nở ra trên khuôn mặt già nua, mệt mỏi. Nicholas bối rối, hấp háy đôi mắt nhìn lại một lần nữa. Phải, một nụ cười thật sự nhếch lên hai khóe miệng với những nếp nhăn quạu quọ bao năm qua vẫn cụp xuống.

Marsden ngẩng đầu nhìn khuôn mặt cậu thiếu niên, nước da sáng ngời, những đường nét rắn rỏi, đôi mắt trong trẻo, ấm áp tình người.

“Cháu là một chú bé ngoan Nicholas à,” ông nói thêm, gần như ngượng ngùng bởi vì không dễ gì có một sự đổi thay trong một người đàn ông nổi tiếng là nghiệt ngã. “Ta nghĩ ta sẽ giúp cháu làm những món đồ nho nhỏ mà cháu muốn. Chúng ta sẽ cùng nhau làm vào những đêm đông dài lạnh lẽo phải không Nicholas? Rồi cháu có thể đi phân phát quà Giáng Sinh trên cỗ xe trượt đẹp đẽ của mình. Có thể sau đó cháu sẽ muốn ở lại với ta thêm một năm nữa,” đoạn cuối giọng ông già chùng xuống, dịu dàng nghe như một lời cầu xin.

Marsden chộp lấy cánh tay cậu làm cho cậu cảm thấy đau, chột một vẻ thanh thản lan tỏa trên khuôn mặt nhăn nheo cô lẻ của ông khi chàng trai nhanh nhẹn đáp: “Vâng, tất nhiên rồi ông chủ. Cháu sẽ ở lại đây với ông chừng nào ông còn muốn cháu ở lại.”

Thế là vào những buổi tối mùa đông, người ta thấy hai mái đầu chụm lại cùng cúi xuống bên bàn thợ mộc. Một mái đầu bạc với những sợi tóc xác xơ thô cứng như đuôi ngựa, một mái đầu với bộ tóc vàng ươm màu nắng, óng mượt như tơ. Họ làm việc hết mình vào những tuần lễ cuối cùng trước ngày

Chúa ra đời. Với sự giúp đỡ của ông già, tay nghề của Nicholas đã có được cái chạm nhẹ tinh tế của tài hoa và giờ đây với cái chạm tinh tế ấy, mỗi món đồ chơi đẹp hơn hẳn những gì mà cậu đã làm ra trước đó. Dưới bàn tay của cậu đôi mắt của những con búp bê lớn nhỏ có cái sắc biếc của da trời tháng Tám, đôi má ửng lên cái màu hồng của trái đào mọc trên núi cao, môi chúng đỏ thắm như cánh hồng nhung, tuyệt đến nỗi các cô bé lập tức dang tay ôm búp bê ghì chặt vào ngực. Những chiếc ghế và bàn cũng được sơn cùng cái màu mà Marsden dùng cho tác phẩm của mình; những chiếc xe trượt tuyết và những con thuyền của các cậu bé sáng bừng lên với những màu sơn mới: đỏ, vàng, xanh da trời và xanh lá cây.

Hai đêm trước Giáng Sinh, mọi thứ đã được hoàn thành. Mặc dù đồ chơi cho mỗi đứa trẻ trong làng đã được gói ghém cho vào chiếc xe trượt có con lăn bằng sắt, Nicholas và ông già vẫn miệt mài làm việc. Lần này, họ phải cố hết sức hoàn thành một cái rương được một người đàn bà giàu có ở làng bên, cách làng họ 20 dặm, đặt trước. Nó phải được hoàn thành vào ngày 24.

“Ông xin lỗi,” ông già Marsden nói như đọc được suy nghĩ của Nicholas. “Ngày mai cháu phải đi thôi. Ông cũng muốn tự mình đi giao nhưng ông không còn khỏe chân mạnh tay như ngày xưa nữa. Đó là một chuyến đi mất cả ngày đấy, 20 dặm đường rồi cháu lại còn phải đợi vài tiếng cho ngựa lấy lại sức để trở về một đoạn đường 20 dặm nữa.”

“Nếu như bà ấy không muốn có ngay vào ngày mai.” Nicholas nói.

“Phải, chúng ta đã hứa rồi và chúng ta phải giao hàng đúng hẹn. Còn những món đồ chơi thì ta chưa hứa...”

“Không, cháu muốn tặng quà đúng dịp,” Nicholas cắt ngang.

“Này con, ta đang định nói quà không được hứa hẹn trao đúng vào ngày Giáng Sinh. Cháu biết là bọn trẻ nhỏ thường đi ngủ sớm. Tại sao cháu không...”

“Tất nhiên rồi, tại sao lại không!” Nicholas sung sướng nhảy lên. “Danh sách của cháu đây rồi? Cỗ xe trượt tuyết đâu rồi? Cháu phải gấp lên mới

được.”

Bên ngoài, làng quê chìm trong một giấc ngủ thanh bình. Không có ai trông thấy một thiếu niên cô đơn, quần quanh người lớp áo không khí giá lạnh như kim châm của băng tuyết, lặng lẽ kéo chiếc xe trượt từ nhà này sang nhà khác, để lại trên bậc cửa mỗi ngôi nhà một gói quà nhỏ cho đến khi trong xe chẳng còn gì. Khi Nicholas rời ngôi nhà cuối cùng thì đã 3 giờ sáng ngày Giáng Sinh. Cổ xe đã nhẹ nhàng hơn rất nhiều nhưng bước chân nặng nề của cậu khi phải đạp lên những lớp tuyết dày. Tuy nhiên, Nicholas rất hạnh phúc bởi vì hôm nay là ngày Giáng Sinh và cậu đã giữ trọn một lời hứa thầm lặng với tất cả bọn trẻ trong làng.

Cái vớ Giáng sinh đầu tiên

Nicholas không rời khỏi nhà người thợ mộc vào ngày Giáng Sinh năm ấy, cả năm sau, năm sau nữa cũng vậy, cậu ở lại từng bước trở thành một người học trò vượt qua chính ông thầy mình. Marsden cũng hiểu được bài học tre già măng mọc và bây giờ khi ông đã quá già để có thể ngồi cả ngày đục đục đẽo đẽo, ông quyết định giải nghệ về sống với người em gái ở làng bên. Ông hết sức tự hào về Nicholas và biết rằng anh có thể đứng ra làm chủ, và như thế Nicholas bắt đầu được biết đến như là Nicholas - người thợ mộc tài hoa.

Ngôi làng bây giờ đã phình to ra đến nỗi Nicholas không thể biết tất cả bọn trẻ trong làng như trước đây nữa. Chỉ có một cách cho anh biết nhà nào có trẻ con là nhờ vào một cái túi treo ở trước cửa vào đêm trước Giáng Sinh. Với số trẻ sinh sôi nảy nở rất nhanh cỗ xe trượt nhỏ của anh không mang hết số quà, thế là Nicholas phải dùng đến con ngựa của ông già Marsden và một cỗ xe to hơn. Thế là có một phong tục, trẻ con treo một cái túi thêu thật rực rỡ ở ngoài cửa và để lúa yến mạch trước nhà, trong khi Nicholas cho quà vào túi thì con ngựa tranh thủ nhấm nhá một ít lúa yến mạch để có sức đi tiếp.

Cuộc đời của Nicholas không chỉ có công việc. Một hôm anh ngẩng đầu lên khỏi bàn làm việc và nhìn thấy cảnh mấy đứa trẻ chơi trò ném tuyết khi

tuyết đang rơi. Trò chơi thú vị đến nỗi anh không cưỡng nổi sức cám dỗ của nó và bỏ việc đẩy ra tham gia cùng bọn trẻ. Có một đứa bé mà anh chưa trông thấy bao giờ, đứng ở một góc rụt rè quan sát.

“Lại đây em,” Nicholas gọi, ném về phía đứa bé một nắm tuyết thật lớn, “thử làm một nắm bằng này xem. Justin ở đằng kia có vẻ là một đích nhắm tốt đấy.”

“Ồ không, em phải đi kiểm củi đun và về nhà ngay,” cậu bé đáp rồi đẩy chiếc xe trượt trống rỗng đi.

“Cậu bé ấy là ai vậy?” Nicholas hỏi bọn trẻ còn lại khi cậu bé đi khuất khỏi tầm nghe.

“Đó là Frederick ạ. Nó vừa chuyển tới ở làng này. Cha nó gặp một tai nạn khi đi biển, làm cho ông ấy bị liệt và bây giờ suốt ngày ông ấy chỉ nằm trên giường. Gia đình họ nghèo lắm, vì thế mà Frederick và đứa em nhỏ là Wilhelm không có thời gian chơi đùa bởi vì chúng nó phải phụ việc cho mẹ.”

Trong lúc Frederick kéo cái xe củi về nhà, nó chỉ vẫn vương một ý nghĩ trong đầu. Nó đã nghe nói nhiều về Nicholas và chuyện anh cho món quà vào những cái túi treo trước cửa nhà. Chỉ còn vài ngày nữa là đến Giáng Sinh, Frederick có thể hình dung ra khuôn mặt của em trai nó rạng rỡ lên như thế nào nếu em có một món quà vào buổi sáng sớm ngày Giáng Sinh, nhưng làm sao có thể có được một cái túi thôi để Nicholas biết được là trong nhà nó có một đứa em nhỏ? Frederick đi khắp nơi tìm một cái túi nhưng chẳng đâu có.

Vào ngày 24 nó cố gắng gọi cho mẹ quan tâm đến vấn đề này.

“Mẹ à,” nó nhỏ nhẹ bắt đầu, “mẹ có nghĩ là chúng ta nên có một cái túi treo trước nhà không?”

“Túi à? Mà túi gì hả Frederick?” Mẹ nó kinh ngạc hỏi.

“À, đó phải là một cái túi thêu, nhưng con nghĩ là bất cứ loại túi nào cũng được. Chúng ta có thể treo nó trước cửa nhà vào ngày hôm nay, thế là Giáng Sinh ngày mai Wilhelm thức dậy đã có một món đồ chơi đẹp chờ sẵn ở trong túi. Anh Nicholas thợ mộc làm đồ chơi cho tất cả bọn trẻ trong làng mà, vì vậy con nghĩ nếu có một loại túi nào đó treo ở đây...”

Người mẹ thở dài, “Những thứ cần thiết như bột mì và khoai tây mới cho vào trong túi, mà những thứ đó chúng ta đã không thấy từ đời nào đến giờ rồi. Chúa cũng biết là với tất cả những mối lo toan lớn nhỏ, mẹ làm gì có thời gian thêu thùa hay thậm chí may một cái túi vải. Với lại mẹ chắc chắn rằng cái ông Nicholas này không đến với những đứa trẻ nghèo như các con đâu. Bây giờ thì con cho em Wilhelm đi ngủ đi. Việc đó có thể làm biến mất những ý nghĩ vớ vẩn của con.”

Thế là Frederick đáng thương buộc phải quên ý định treo một cái túi ngoài cửa để có được một món quà Giáng Sinh cho em trai, nhưng nó không thể không nghĩ đến Nicholas. Nó nhớ đến hình ảnh người thanh niên tốt bụng, vui vẻ gặp trong rừng. Nó biết chắc anh sẽ không bỏ qua nhà một đứa trẻ chỉ vì nó là con nhà nghèo. Nó cứ suy nghĩ nung nấu mãi và trong khi ngồi bên lò sưởi giúp đứa em nhỏ cởi quần áo, nó tháo chiếc vớ len ấm áp, đủ màu của em ra. Chợt Wilhelm cầm chiếc vớ lên, nói đùa. “Cái vớ này cũng có thể đựng đồ chơi như bất cứ một chiếc túi thêu nào chứ. Tại sao không?” “Ừ, tại sao không?” Frederick kêu lên, chỉ với một cú nhảy nó mở toang cánh cửa và chẳng bao lâu chiếc vớ đã được treo lên trước cửa nhà.

Lại một đêm Noel tươi đẹp nữa, mọi vật trong làng đều được phủ lên một tấm mền trắng muốt của tuyết, sáng lên lấp lánh dưới ánh sáng bạc của vầng trăng uy nghi ngự trên đỉnh trời đêm trong vắt. Không có một ánh lửa nào lọt qua khe cửa và mọi người đều say ngủ... chỉ trừ Nicholas, tất nhiên là thế, bởi vì anh đang bận rộn đi từ nhà này sang nhà kia, cho vào những chiếc túi thêu các món quà lớn nhỏ. Đến cửa nhà Frederick anh dừng lại. Ánh trăng trắng ngà soi cho anh thấy một vật rất buồn cười treo ngoài cánh

cửa. Một cái vớ len của trẻ con! Nicholas bật cười một mình, tiếng cười ngân lên trong như tiếng bạc trong đêm thanh vắng rồi cho tay vào trong túi quà của mình lấy ra mấy món nhét đầy cái vớ len đơn độc. Anh vung roi lên làm tiếng chuông của cỗ xe ngân lên leng keng, tiếp tục cuộc hành trình đến ngôi nhà kế tiếp.

Sáng hôm sau khi Frederick mở cửa trước, hai anh em nó tìm thấy không chỉ 1 hoặc 2 mà là ba món đồ chơi cho mỗi đứa. Ở dưới đáy cái vớ nó tìm thấy một đồng tiền lớn, đủ để giúp gia đình nó qua khỏi mùa đông đói kém. Bọn con trai nhảy lên vì sung sướng làm cho người cha cũng gần như ngồi bật dậy vì hào hứng. Đôi mắt của người mẹ dù luôn luôn buồn cũng dâng đầy những giọt lệ hạnh phúc khi bà ngắm nhìn hai đứa con trai âu yếm ôm vào lòng cái vớ Giáng Sinh đầu tiên.

Bộ quần áo màu đỏ

Một hôm Squire Kanson, người đàn ông giàu có nhất trong vùng thân chinh đánh xe đến tận nhà Nicholas đặt làm một cái tủ mới có nhiều ngăn kéo. Nicholas bị thu hút bởi âm thanh trong vắt ngân nga của tiếng chuông bạc và tiếng bước chân giòn tan của bầy tuần lộc đạp trên tuyết. Anh lại gần cửa sổ nhìn ra, hoàn toàn chịu ấn tượng tốt đẹp trước cái cách mà nhà quý tộc này đi đến trong cỗ xe trượt màu đỏ rực rỡ có hai con tuần lộc tuyết đẹp kéo đi. Tên của chúng là Donner và Blitzen bởi chúng phi rất nhanh, tựa như một tia chớp hay như tiếng sấm vậy. Nicholas ngắm nhìn hai con vật tuyết đẹp mà trong lòng thầm nghĩ chúng sẽ đưa anh đi quanh vùng nhanh như thế nào vào đêm Giáng Sinh, trong khi con ngựa già Lufka của anh càng ngày càng trở nên chậm chạp hơn sau mỗi mùa Giáng Sinh.

Trong suốt quãng thời gian nhà quý tộc trao đổi về công việc, người thợ mộc chăm chú chiêm ngưỡng bộ quần áo màu đỏ, tuyệt đẹp may bằng da hươu của ông ta. Cái áo dài có thắt lưng ở ngang hông, quần rộng có viền những mảnh da đen lấp lánh. Một tấm lông chồn ecmin trắng tinh, xấp nhẹ viền quanh cổ áo, cổ tay và gấu áo cũng một tấm lông chồn cùng màu tuyệt đẹp đính trên chiếc mũ ôm khít lấy đầu. Sau khi vị khách đi khỏi, Nicholas

tiếp tục công việc của mình nhưng đầu óc anh vẫn hiện lên hình ảnh bộ quần áo màu đỏ đẹp tuyệt ấy.

“Chẳng có lý do gì khiến ta không thể tậu một bộ quần áo như thế,” anh tự nhủ. “Từ hồi nào đến giờ mình chỉ ăn mặc như một đứa trẻ mồ côi thay vì một người thợ mộc trưởng thành.”

Ngay hôm sau anh tìm đến nhà bà góa Arpen, người thợ may khéo tay nhất làng.

“Tôi muốn may một bộ quần áo đẹp bà Arpen ạ. Bà có biết bộ quần áo mà ông Kanson mặc không?” Người đàn bà gật đầu. “Nhưng mà thật không may, tôi không mua nổi loại da hươu mềm, đẹp như vậy và tất nhiên tôi cũng không biết liệu tôi có kiếm được bộ lông chồn ecmin thật để đính kèm không. Bà có gợi ý gì chẳng?”

Bà góa nghĩ ngợi một lúc rồi nói, “Chúng ta có thể sử dụng loại vải ấm và chắc dệt bằng tay, tôi có thể nhuộm vải với quả thanh lương trà để có một màu đỏ rực rỡ. Còn về cổ và tay áo thì da của loài thỏ trắng cũng rất phù hợp, tôi nghĩ thế.”

“Tuyệt lắm!” Nicholas kêu lên, anh đổ một nắm tiền vàng lên mặt bàn. “Chỗ này chắc là đủ cho tiền vải và tiền công.”

“Ồ như thế là quá nhiều”, bà góa lắc đầu quầy quậy. “Chỉ một nửa số đó cũng giúp gia đình tôi sống tươi tắn trong suốt mùa đông.”

“Cứ giữ lấy bà chủ ạ,” Nicholas mỉm cười. “Bà đã phải sống rất chật vật còn tôi thì không phải là người muốn xuống mồ với một cái rương đầy vàng chôn dưới lò sưởi.”

Bà góa đứng ở ngưỡng cửa nhìn theo Nicholas đi xa dần trên tuyết trắng. “Ở đời sao mà lại có những con người tốt đẹp đến thế”, bà lẩm bẩm, những đồng tiền vàng kêu leng keng giữa các ngón tay bà. “Một người đàn ông vĩ đại, cao quý!” Rồi bà mua loại vải chắc và đẹp, tự nhuộm cho nó có màu đỏ như ý, nhưng có một chuyện lạ xảy ra. Bà không có mẫu áo bởi vì Nicholas

đứng trước mắt bà trong chiếc áo choàng duy nhất mà anh có, thế là bà góa cắt và may một bộ quần áo theo hình ảnh một người đàn ông cao lớn, vĩ đại luôn hiển hiện trước mắt bà. Nicholas không phải là người thấp nhưng anh lại khá mảnh khảnh. Bà Arpen đã cắt một bộ quần áo mà bà nghĩ là dành cho một người đàn ông rộng lượng, cao cả, một cái áo chứa đựng tấm lòng bao dung to lớn của anh hơn là thân hình anh.

Đến cái ngày bộ quần áo được hoàn thành và tấm da thỏ cũng dính nốt vào áo, Nicholas đến mặc thử. Anh đi vào căn phòng thay đồ bé nhỏ của người thợ may, vài phút sau đi ra ngoài - trông anh như thế nào?

“Tôi chẳng nhìn thấy mình, bà Arpen à,” Nicholas nói với vẻ băn khoăn, “bởi vì cái gương nhỏ trong phòng bà mỗi lần chỉ soi được một phần thôi, nhưng hình như nó có vẻ rộng,” anh kết luận một cách tế nhị vì không muốn làm bà thợ may buồn.

Bà góa nhìn anh, ứa nước mắt, “Thôi chết rồi Nicholas, tôi đã làm hỏng bộ quần áo của anh rồi. Tôi đã làm hỏng mọi chuyện rồi. Tôi lại nghĩ anh to lớn hơn chứ. Trời đất, biết làm gì bây giờ đây?”

“Thôi, thôi, xin bà đừng lo lắng. Nhìn chiều dài xem, thế là vừa. Chỉ có điều tôi không được mập mạp như lẽ ra tôi phải thế. Nếu tôi ăn hết chỗ thức ăn mà tất cả dân làng gửi cho tôi thì sao nhỉ, tôi đảm bảo là trong một vài tháng nữa bà sẽ không nhận ra tôi đâu. Cái quần thế là vừa rồi, tôi sẽ đi mua ngay một đôi ủng và nhét gấu quần vào, còn cái mũ này nom đẹp quá. Xem này, thật vừa vặn, ấm áp với chùm lông trắng muốt.”

Thế là Nicholas vẫn giữ lại chiếc áo màu đỏ rộng thùng thình và chẳng bao lâu dân làng quen với hình ảnh một người cao lớn trong bộ quần áo màu đỏ, chiếc mũ trùm có đính chùm lông màu trắng, thắt lưng da màu đen lấp lánh và đôi ủng cao. Các em nghĩ chuyện gì xảy ra sau khi Nicholas chịu khó ăn thật nhiều cháo yến mạch, rau tươi và sữa hết tuần này qua tuần khác? Phải, khuôn mặt anh trở nên đầy đặn, lồng ngực căng phồng, và thậm chí anh bắt đầu - nói nhỏ thôi nghe - có bụng đấy!

Tám con tuần lộc

Mùa Giáng Sinh năm sau, Nicholas không còn dễ dàng đánh xe một vòng quanh làng nữa. Đầu tiên anh cảm thấy thú vị, sau lại cảm thấy lo lo khi phát hiện ra là thay vì treo một cái túi thêu ở trước cửa nhà, bọn trẻ con lại theo gương chú nhỏ Frederick treo ra ngoài những cái vớ len. Vì thế đối với những gia đình có tới 5, 6 con thì có cả một dãy vớ treo trước nhà. Tất nhiên Nicholas không phải là người giàu có nhưng một món quà bị cái vớ nuốt chửng và trông nó lại như thể chưa có gì. Bởi vì trên cỗ xe của anh không có đủ đồ chơi để anh cho vào mỗi cái vớ vài ba món nên anh thấy cỗ xe của mình đã trống trơn mà mới chỉ có một nửa danh sách các nhà được anh đặt chân đến.

“May sao ta vẫn còn một số đồ chơi dự trữ để trong tủ,” anh nói với con ngựa già Lufka khi họ trở về ngôi nhà một lần nữa. Nicholas vội vã chất đồ lên xe và họ lại lên đường tiếp tục cuộc hành trình. Khi chỉ còn vài căn nhà nữa, con ngựa già mệt mỏi bắt đầu đứng ỳ ra. “Đi thôi nào anh bạn già,” Nicholas khuyến khích nó, nhưng con Lufka đã quá mệt mỏi để có thể xông pha suốt đêm, mà trong đêm nay nó lại đi tới 2 vòng. Khi bước qua một đồng tuyết dày con Lufka vấp ngã, chiếc xe trượt xuống một chiếc hào. Rắc một cái, một con lăn bị gãy. Nicholas nhảy xuống xe và sau khi biết chắc con ngựa không sao, anh lắc đầu trước cảnh cỗ xe lăn kềnh ra đường.

Thế là hôm ấy anh phải đi bộ đến những nhà còn lại và khi rạng đông với làn ánh sáng tươi hồng xuất hiện làm bừng sáng cả thế gian cho một ngày Giáng Sinh tươi vui, anh và Lufka mới về được đến nhà. Nicholas mập mạp và hồng hào đứng thờ hồn hển trong khi con Lufka đáng thương kéo lê cái thân hình già nua xương xẩu về phía chuồng ngựa.

Mấy ngày sau, dân làng nghe thấy tiếng cửa và đục vọng ra từ sau căn nhà của Nicholas. Người ta tự hỏi không biết anh làm gì, nếu có ai hỏi thì anh chỉ đùa lại: “Chờ đấy rồi sẽ biết.”

Dân làng cũng quên đi sự tò mò của mình khi một mẫu tin kích động lan đi khắp làng.

“Điều tôi nghe được về ông quý tộc Kanson ấy là nghĩa làm sao hả Otto?” Nicholas hỏi người bạn thân.

“Ồ,” Otto nói, thả ra một làn khói từ cái tẩu thuốc. “Người ta nói mấy năm nay ông ấy làm ăn thất bát lắm, vì thế mà ông ấy quyết định bán hết đất đai, đồ đạc đi để trả nợ cho những người mà ông ấy còn thiếu. Ngày mai họ sẽ bán đấu giá đấy, sao anh không đi với chúng tôi, Nicholas?”

“Tôi thì cần món gì trong số của nả của ông ấy nào? Tôi không muốn có thêm đất đai và tôi có thể đóng đồ đạc cho mình cũng tốt như bất cứ món nào ông ta có trong nhà. Thực ra thì chính tay tôi đã làm ra một vài món trong số đó.”

“Thế còn gia súc thì sao?” Otto hỏi. “Ông ta có hai con ngựa hay và cả một đàn tuần lộc.”

“Đúng rồi,” Nicholas nói, cuối cùng anh cũng quan tâm đến vấn đề này đủ để ngừng công việc lại. “Lufka đã quá già để có thể giúp đỡ tôi. Có lẽ tôi sẽ đi với anh đến đó xem sao.”

Sáng hôm sau, những người tò mò đứng vòng trong vòng ngoài quanh nhà Squire Kanson. Có một số người đến để mua đồ còn những người khác chỉ đến xem hoặc làm ồn. Nicholas đi qua những con ngựa đến thẳng chuồng nhốt những con tuần lộc. “Ông ấy đi tìm con Donner và Blitzen,” người ta thì thầm với nhau, “Ông ấy bao giờ cũng thán phục cách chúng bay đi như tên bắn.”

Nhà quý tộc, bây giờ đã là một ông già lưng còng với một khuôn mặt lo âu, dường như rất bối rối bởi tất cả mọi người chỉ bàn tán về ngôi nhà và tài sản của ông. Khi Nicholas tỏ vẻ quan tâm đến con Donner và Blitzen, ông ta đáp thẳng thừng: “Ông không thể chỉ mua hai con Donner và Blitzen. Phải mua cả bầy nếu không thì thôi. Lý do là con Donner sẽ phát cuồng lên nếu nó bị tách khỏi gia đình nó.”

“Gia đình à!” Nicholas kêu lên, “Nhưng tôi chỉ cần có 2 con mà thôi. Cần cả đàn thế để làm gì?...” Nhưng dần dần anh cũng bị thuyết phục và trở

thành chủ nhân của không chỉ hai con mà những tám con tuần lộc kiêu hãnh: Donner và Blitzen là con mẹ và con bố cùng với 6 đứa con Dasher và Dancer, Comet và Cupid, Prancer và Vixen.

Năm ấy Nicholas hoạch định một lễ hội Noel to hơn, từng bừng hơn bao giờ hết và anh phải làm ngày làm đêm cho đủ số đồ chơi cần thiết. Cuối cùng cái đêm đáng nhớ ấy cũng đến. Nicholas sử dụng cả 8 con tuần lộc, mỗi con một bộ yên cương với những chiếc chuông bạc có tiếng kêu trong trẻo ngân xa. Anh từ tốn dắt chúng đến một cánh cửa nhà kho, rồi tự hào mở cánh cửa để lộ ra một cảnh tượng tươi đẹp nhất. Trong nhà kho là một cỗ xe đỏ sáng lấp lánh, chói lọi có đính những dải kim tuyến bạc. Những con lăn lượn lên ở phía trước tạo thành đầu một con chim thiên nga, thùng xe có đủ chỗ để đựng đồ chơi cho trẻ con ở mấy làng lân cận. Nicholas buộc những con tuần lộc vào xe, trèo lên ghế xe, một chỗ ngồi rất đẹp được đôn cao lên với những chiếc gối làm bằng da hươu rừng. Anh rút ra một cây roi dài màu đen sáng bóng, vút lên làm nó kêu rảng rặc trong không khí buốt lạnh và một, hai, ba họ lên đường. Đêm ấy dân làng thức giấc bởi tiếng ngân trong ngần, tươi vui của những cái chuông bạc, tiếng bước chân đạp lên tuyết giòn tan của những con tuần lộc và tiếng vun vút của ngọn roi chỉ huy. Họ vén màn cửa nhìn ra và thấy dưới ánh sáng như dát bạc của Hằng Nga, một cỗ xe đỏ rực có 8 con tuần lộc đẹp để kéo đi nhanh như đường đi của một tia chớp đỏ. Ngồi chễm chệ trên chiếc ghế xà ích cao cao, một tay vung ngọn roi lên vun vút, một tay điều khiển bầy tuần lộc là một người đàn ông to béo, bệ vệ mặc một chiếc áo khoác màu đỏ có viền lông trắng, một chiếc quần cũng màu đỏ nhét trong đôi ủng cao màu đen, và đội một cái mũ tròn cũng màu đỏ có chỏm lông trắng trông như muốn bay lên theo gió. Tất nhiên họ không đứng đủ gần để nhìn rõ mặt người xà ích nhưng ai nấy đều biết đó là ai và khi họ quay lại giường ngủ tiếp, họ lẩm bẩm nói một mình với một vẻ thành kính, “Đó là Nicholas trên đường đến với bọn trẻ. Chúa phù hộ cho anh ấy.”

Ổng khói giáng sinh đầu tiên

Khi Nicholas vào khoảng 50 tuổi, tóc và râu ông đã bạc phau như tuyết thì cũng là lúc một gia đình lạ dọn đến sống trong làng. Không hẳn là một gia đình đầy đủ như các em có thể nghĩ đâu, chỉ có một ông già nhỏ thó, nước da dãi dầu mưa nắng và nhăn nheo như một củ lạc, một cô gái nhỏ gầy gò và họ nhìn xuống chân khi thấy mình thu hút cả một đám đông đi theo. Người dân ở đây luôn tập hợp lại như thế khi có một người lạ mặt xuất hiện ở nơi này.

“Tên ông ta là Carl Dinsler,” một người đàn bà thì thào.

“Bà quản gia của nhà quý tộc đã nói cho tôi biết. Bà ta bảo ông ấy giàu nứt đổ đổ vách. Chắc phải giàu lắm mới có đủ tiền mua cả tòa nhà cổ trên đồi.”

“Có thể thế nhưng sao trông ông ta không có vẻ có tiền.” Một người nhận xét. “Mọi người không để ý đến con bé khốn khổ gầy gò xương đi theo ông ta à? Trông nó như thể rất cần có một bữa ăn no. Dù vậy nó là thế nào với ông ấy?”

“Con bé là cháu ngoại. Bố mẹ nó vừa mới chết và người ta nói ông già mua căn nhà trên đồi để họ có thể sống biệt lập.”

“Mọi người có biết ông ta đã làm gì không?” một thằng bé đứng trong đám người tò mò lên tiếng hỏi. “Ông ta đóng đinh niêm phong tất cả các cánh cổng, chỉ còn để lại cổng trước mà ông ta lại khóa bằng một cái khóa to như thế này này.” Thằng bé dang rộng hai tay diễn tả kích cỡ của chiếc khóa khổng lồ. “Mà đâu chỉ có thế. Cháu không biết làm cách nào có thể đi vào nhà ông ấy bởi vì ông ta lấy ván gỗ bịt lên tất cả các cửa sổ mặt trước cũng như mặt sau. Không còn dấu hiệu sự sống ở bất cứ chỗ nào trong ngôi nhà cổ trên đồi nữa. Các bác có thể nghĩ nó bị bỏ hoang.”

“Tại sao vậy, chắc lão già này bị điên rồi,” tất cả đều nói. “Hẳn lão ta sợ một ai đó.”

“Sợ cái gì mới được chứ,” một người đàn ông buông lời, “chỉ có một cái làm ông ta lo sợ là có ai ăn trộm tiền của lão.”

“Tôi chắc là bác Nicholas thợ mộc sẽ quan tâm đến chuyện này. Có thêm một đứa trẻ nữa trong làng, mà lại là một đứa trẻ rất dễ thương.”

“Nicholas đã biết rõ về cô bé đó,” mọi người nghe thấy một giọng nói trầm âm vang và dân làng quay lại nhận ra người thợ mộc đã gia nhập hội với họ từ lúc nào mà không ai biết.

“Tên cô bé là Kathy. Tôi từng biết một cô gái có cái tên này,” ông nói tiếp với một cái nhìn xa vắng buồn bã trong đôi mắt xanh thường ngày rất vui tươi của ông. Ông đang nhớ về cô em gái. “Tôi muốn làm một cái gì đó thật đặc biệt cho cô bé tội nghiệp này.”

“Làm sao ông biết được tên cô bé?”

“Cô bé đi loanh quanh trong sân như một con chó con đáng thương bị ai đó nhốt lại,” Nicholas nói. “Tôi tình cờ đi ngang qua và đã dừng lại hỏi chuyện. Cô bé nói nó không được phép ra ngoài hàng rào, chỉ có thể chơi trong sân mỗi ngày một tiếng. Nó cũng bảo tôi là ông ngoại không muốn nó chơi với những đứa trẻ khác trong làng vì sợ nó có thể để lộ thông tin về số vàng và nơi ông ta cất giấu.”

“Làm như chúng ta thêm đụng đến tiền của ông ta ấy,” dân làng tỏ ra giận dữ. “Thật là một lão già keo bẩn, xấu tính. Tôi dám cá là lão thậm chí sẽ không cho con bé treo vớ ra ngoài cửa vào đêm Giáng Sinh đâu.”

“Hẳn là thế rồi,” Nicholas cất tiếng cười, “thậm chí lão sẽ không mở cửa trước để cho bất cứ thứ gì biểu không được vào nhà nữa.”

Đám đông tản dần, Nicholas trở về với công việc nhưng trong suốt mấy tháng sau ông cứ phải suy nghĩ mãi về cô bé Kathy cô đơn. Ông có gặp cô vài lần, cô cho biết cô không được phép treo cái vớ của mình ra ngoài vào đêm Giáng Sinh. Lần cuối cùng ông đến thăm cô, lão già Dinsler phát hiện được đã dứ dứ cây ba toong về phía ông, lớn tiếng bảo ông tránh xa nhà lão ta ra. Sau lần đó, ông không gặp cô bé Kathy nữa nhưng ông vẫn làm cho cô mấy món đồ chơi, gói ghém lại, sẵn sàng chờ dịp trao cho cô bé.

Còn vài ngày nữa thì đến Giáng Sinh và ông đi bộ một vòng quanh tòa nhà rào kín mít trên đồi. Ông nhìn lên, tất cả các cửa lớn cửa nhỏ đều bị bịt kín, chợt mắt ông sáng lên khi ông nhìn thấy một ống khói to bằng đá, vươn lên từ mái nhà. Nicholas khanh khách cười một mình. “Phải thử một lần xem sao. Mình có thể bị kẹt trong đó, nhưng nó đáng cho ta liều một phen.”

Đêm Noel năm ấy không có trăng, trời tối đen như mực, gió rít lên qua các con đường ngang ngõ dọc, tuyết bám vào mặt Nicholas, phủ lên cổ xe trượt và bày tuần lộc một lớp áo sáng lấp lánh của băng giá.

“Đi nào,” ông khuyến khích bày tuần lộc, “Chỉ còn một ngôi nhà trên đồi nữa mà thôi.”

Ông run rẩy trong bộ đồ màu đỏ, trông giống một người tuyết khổng lồ với một đám tuyết bám cứng vào bộ râu rậm rạp. Nicholas cột bày tuần lộc vào cổng trước, lấy túi quà to ở thùng xe, vác lên vai, nhảy từ cái ghế cao qua hàng rào để vào sân. Ông dừng lại một lát, nghe ngóng nhưng tất cả những âm thanh vọng đến tai ông chỉ là tiếng than thở và thì thầm đầy mưu mô của gió. Ông đến gần một đầu hồi, nơi một cây nho trèo lên một cánh cửa tạo thành một cái thang lý tưởng để trèo lên mái nhà. Là một người đầy đà, nặng nề lại thêm một túi quà trên lưng, Nicholas khó khăn lắm mới làm được việc đó, nhưng cuối cùng ông cũng trèo được lên trên mái. Đi lại trên mái nhà mới là phần việc nguy hiểm nhất bởi vì mái lợp bằng đá phủ một lớp dày băng tuyết, trơn như bôi mỡ. Ông phải rút dao ra chém mạnh xuống lớp băng để giữ cho cả thân hình đồ sộ không bị trượt đi. Sau nhiều nỗ lực cuối cùng một cái bóng sừng sững hiện lên trước mặt ông. Đó là cái ống khói. Nicholas dừng lại, nghỉ một chút, đoạn tựa người vào một cái gờ, nhìn xuống cái ống khói đen ngòm như đổ mực.

“Đúng như mình dự đoán,” ông lầm bầm, “lão già keo bẩn không cho đốt lửa vào ban đêm... thậm chí cả trong một đêm lạnh thấu xương như đêm nay.” Ông trèo lên miệng ống khói và bắt đầu mạo hiểm lần xuống, cẩn thận đặt từng bước chân lên các gờ gạch, hai tay bám chặt vào hai bên và tựa lưng vào sát tường. Ông chậm rãi lần xuống từng phân một cho đến lúc cảm

thấy mặt đất rắn chắc ở dưới chân. Ông chui ra khỏi lò sưởi đi vào một căn phòng cũng tối đen như cái ống khói. Dần dần mắt ông cũng quen với bóng tối, có thể nhìn thấy một cái bàn và trong lúc sờ soạng trong bóng đêm ông tìm thấy một ngọn nến bèn thắp nến lên. Ông lấy từ trong túi của mình ra một cái vớ len có màu xanh tươi sáng, nhét vào đấy những món đồ chơi xinh đẹp cho đến khi không thể nhét thêm món nào nữa. Ông cũng cho vào đấy kẹo và hạt dẻ bởi vì ông nghĩ cô gái nhỏ đói khát hẳn không có nhiều dịp thưởng thức những thứ đó. Nicholas treo cái vớ lên kệ, dùng một cái giá cầm nến nặng nề để đỡ nó, rồi lùi lại mấy bước đứng ngăm nhìn thành quả của mình. Vừa lúc ông định thổi tắt ngọn nến thì ông giật mình bởi tiếng một cánh cửa bật mở và lão già Dinsler xông vào phòng.

“Lên vào trong nhà tôi phỏng? Tìm kiếm những đồng vàng của tôi chứ gì? Tôi sẽ cho ông biết tôi sẽ làm gì với bọn trộm cắp, tôi sẽ cho ông thấy.” Lão già nhặt lên một cái que cời lửa vung về phía Nicholas. Người khách không mời nhanh chân nhảy sang một bên, thế là có cái bàn ngăn cách giữa hai người.

“Đừng có ngu ngốc như vậy,” ông vội vã nói, nhận ra là lão già keo cú đang giận điên người và thực sự nguy hiểm. “Tôi không đến đây để tìm vàng của ông. Nhìn kìa...”

“Không à? Vậy đang đêm đang hôm ông lên vào nhà tôi làm cái gì vậy?”

“Tôi sẽ bảo cho ông biết! Nhìn vào cái vớ ở sau lưng ông kìa kìa. Những đứa trẻ khác trong làng treo vớ của chúng ở ngoài cửa, nhưng ông đã khùng bố đưa cháu ngoại của ông đến nỗi con bé sợ hãi không dám cầu xin ở ông bất cứ cái gì. Tôi chỉ muốn có một điều, làm cho con bé nó cảm thấy nó cũng được quan tâm như những đứa trẻ khác và nó phải có được những món quà như tất cả những đứa trẻ khác vào sáng Giáng Sinh.”

“Quà cáp!” lão già thốt lên, hoàn toàn bối rối và cây que cời lửa hạ thấp xuống. “Ông muốn nói ông cho không những thứ ấy?” Lão nhìn Nicholas với một vẻ mặt ngờ ngàng, không có vẻ hiểu được điều gì.

“Phải,” Nicholas đáp, cảm thấy nhẹ cả người khi thấy chiếc que cờ không còn chĩa thẳng vào mình nữa. “Thậm chí tôi còn có quà Giáng Sinh cho ông nữa, ông già keo kiệt ạ.” Ông thò tay vào túi áo, bốc ra một nắm những đồng tiền vàng sáng choang thả xuống cái bàn trước mặt Dinsler, “Đây, nếu vàng là tất cả những gì mà ông quan tâm thì cứ lấy đi... còn nữa... còn nữa này thêm vào kho vàng của ông! Và bây giờ,” Nicholas nói với một vẻ quyền lực khi ông vượt bờ hóng ra khỏi một bên mắt. “Ông có vui lòng chỉ cho tôi đường đi qua cửa trước không? Nếu tôi lại phải ra bằng đường ống khói e rằng tôi sẽ không bao giờ giặt sạch được bộ quần áo này.” Với câu nói đó ông đường bệ đi ra khỏi phòng, một mặt nào đó trông ông thật tức cười với thân hình to lớn phủ đầy bờ hóng, nhưng ông vẫn tỏ ra áp đảo lão già Dinsler và lão hồi hả đi trước mở cửa để Nicholas quay về trong đêm đen giá lạnh.

Tuần lễ sau đó cả làng sôi động hẳn lên với những tin chấn động. Một cái gì đó đã xảy ra ở trên đồi. Lão già keo kiệt đã gỡ những tấm ván bít kín các cửa ra vào và cửa sổ. Lão còn mua cả ngựa và một cỗ xe rồi đánh xe đi xuống làng mua rất nhiều lương thực. Lão cũng nói chuyện với cả thầy giáo làng và vài ngày sau bà con chứng kiến cảnh ông cháu lão đi đến trường, khuôn mặt cô bé sáng ngời lên bên cạnh ông ngoại, cô sai bước cho kịp bước chân của người ông và bàn tay bé nhỏ ấm áp của cô nắm gọn trong bàn tay xương xẩu của ông ngoại. Chuyện lạ xảy ra chỉ vì Nicholas đã trèo xuống một ống khói và nhét đầy quà vào một cái vớ.

Cây thông Noel đầu tiên

Có một rừng cây rậm rạp mọc lên gần nhà của Nicholas, đó là những cây thông cao vút, thân thẳng tắp với một màu xanh muôn thuở tuyệt đẹp, vươn thẳng những cành nhánh của nó lên bầu trời, tạo thành một mái nhà hoàn hảo cho mặt đất phía dưới. Rải rác giữa những cây đại thụ ấy là những bụi linh sam, những thân cây nhỏ mà kiên cường, giữ cho những cánh tay vững chắc của chúng xanh biếc suốt mùa đông mặc cho cơn gió lạnh hung bạo từ phương Bắc tràn về, mặc cho những trận bão tuyết dữ dội. Bao giờ cũng

vậy, những chiếc lá hình kim xanh ngắt của chúng vẫn chĩa thẳng lên bầu trời, kiêu hãnh.

Trẻ con thường đến đây chơi đùa, bởi vì cho dù bên ngoài mưa to gió lớn đến mấy thì ở đây chúng cũng tìm được một mái nhà ấm áp, ngăn cách khỏi những cơn gió rét buốt của mùa đông. Vào mùa hè thì đây là một sân chơi lý tưởng với mùi thơm sáng khoái của rừng thông và lời ca êm ái ngọt ngào của chúng khi tất cả những chiếc lá reo lên vi vu cùng làn gió mát mùa hè.

Nicholas yêu cánh rừng này lắm, bởi một lẽ để đi được đến đây, bọn trẻ trong làng phải đi qua ngôi nhà của ông và hầu như không có một tốp trẻ nào ngang qua đây mà không có một hai đứa ghé qua chỗ ông, chào hỏi người bạn lớn tuổi của chúng và ngắm nhìn ông ngồi đẽo gọt những món đồ chơi đẹp tuyệt.

Một hôm khi Nicholas nhìn qua cửa sổ, ông thấy một đám trẻ chạy thực mạng từ trong cánh rừng ra. Khi chúng đến gần hơn ông có thể nhận thấy chúng hoảng sợ như thế nào và khi chúng chạy hết vào trong nhà ông tìm chỗ nấp, vừa thở hổn hển vừa lo sợ, ông hỏi: “Có chuyện gì thế? Sao trông các cháu sợ hãi làm vậy?”

“Họ có mái tóc dài màu đen,” một thằng bé kêu lên, “Mà những người đàn ông còn đeo khuyên tai nữa,” một đứa khác xen vào. “Chúng cháu chẳng hiểu được một lời họ nói nữa.”

“Từ từ nào, từ từ nào,” Nicholas nói, “Các cháu đang nói về ai vậy?”

“Những người lạ với nước da đen xì và mái tóc đen.”

“Họ có mang theo xe và ngựa không?” Nicholas hỏi với một cái nhìn hiểu biết.

“Có ạ, những chiếc xe thật to chất đầy hàng.”

“Nghe có vẻ như đấy là những người dân du mục,” Nicholas tư lự nói, “dù vậy hình như họ không thường đi quá xa về phương Bắc như vậy. Chắc

họ bị lạc đường và họ sẽ cắm trại ở đây cho đến khi sang xuân. Không cần phải sợ họ đâu các cháu ạ. Họ cũng là người như các cháu và như ta thôi.”

Sau khi đã trấn tĩnh lại, bọn trẻ lại quay vào cánh rừng thông tìm hiểu về những người khách lạ này. Chẳng bao lâu sau chúng đã kết bạn với những người du mục này và phát hiện ra rằng con cái những người du mục cũng chơi những trò chơi như chúng, ngoài ra còn có những trò chơi thú vị hơn. Khi mùa Giáng Sinh đến chúng kể cho các bạn mới nghe về Nicholas, việc ông phóng trên cỗ xe màu đỏ có 8 con tuần lộc kéo đi để đến từng nhà cho vào những chiếc vớ của chúng những món đồ chơi tuyệt đẹp mà ông tự tay làm ra.

“Một lần, khi ông không thể đi vào nhà Kathy bởi vì cả nhà đã bị đóng kín mít, ông đã phải trèo xuống qua đường ống khói.”

“Ông không thể đến thăm chúng tôi,” một cô bé du mục nói đùa, “chúng tôi chẳng có cánh cửa, cũng chẳng treo vớ lên. Chắc chắn là chúng tôi không mang theo ống khói trên người.” Cô bé kết thúc và bật cười buồn bã.

Cô bé Sonya bản tính dễ thương bao giờ cũng muốn người khác được hạnh phúc đã mang câu chuyện đó kể lại cho Nicholas nghe. Lát sau cô rời ngôi nhà nhỏ của ông với nụ cười mãn nguyện, bởi vì cô biết rằng nụ cười khôn ngoan trên môi ông có nghĩa là ông đã có một kế hoạch nào đó trong mái đầu bạc trắng tốt lành kia.

Vào đêm Giáng Sinh, bảy tuần lộc ngạc nhiên khi phát hiện sau chuyến đi thường lệ của họ, Nicholas không dừng lại ở ngôi nhà của mình mà lại phóng thẳng vào trong rừng rồi dừng lại ở ngoài cánh rừng thông. Một bóng đen với nụ cười rộng ngoác đến tận mang tai bước ra khỏi bóng tối. Đó là Grinka, thủ lĩnh của đoàn người du mục.

“Chào Grinka, anh ở đây rồi à?” Nicholas lên tiếng, đưa cho người kia một bó nến nhỏ màu trắng. “Anh đi trước dẫn đường, tôi đi theo sau.”

Grinka dừng lại bên mỗi cây thông nhỏ, buộc những ngọn nến lên cành, Nicholas đi theo sau, mắc lên các cành thông những gói hạt dẻ, những trái

táo đỏ sáng bóng và tất nhiên cả những món đồ chơi ông đã làm ra. Bầu trời phớt một màu xanh lá mạ khi đôi bạn hoàn thành xong công việc, mỗi một cây thông dành cho một gia đình có trẻ con.

“Bây giờ đến mục ánh sáng,” Nicholas nói khi họ đi từ cây này sang cây kia thả cho những ngọn nến sáng lên, đến lúc ấy thì cả cánh rừng tối om chợt sáng lên lung linh với những ánh lửa nhấp nháy tựa như vô số vì sao thả sáng một vùng trời.

“Tôi nghĩ đây là phần tuyệt nhất,” Nicholas nói, “anh cần phải đánh thức bọn trẻ dậy trước khi mặt trời mọc và rọi những ánh sáng đầu tiên qua các cành thông làm hỏng hiệu quả của bữa tiệc!”

“Được rồi,” Grinka nói, “Tôi sẽ đi đánh thức chúng ngay bây giờ, trước khi ông ra về.”

“Ồ, không,” Nicholas giật mình kêu lên. “Chúng không được nhìn thấy tôi. Bọn trẻ không bao giờ được NHÌN thấy tôi. Điều đó sẽ làm hỏng tất cả. Bây giờ thì tôi đi đây.”

Nicholas nhảy phắt lên ghế xe và phóng đi cùng với chiếc chuông bạc quen thuộc ngân vang và tiếng lách cách của ngọn roi bạc rõ dài.

Vài phút sau đó, Grinka đã đánh thức tất cả bọn trẻ con trong trại dậy. Nicholas nên ở lại để chứng kiến niềm vui bùng lên trên tất cả những gương mặt nhỏ của các em khi chúng đi quanh các cây thông nhỏ, mỗi khi khám phá ra một cái gì mới mẻ đều hét lên sung sướng.

“Chính ánh nến trên những cái cây nhỏ này đã làm cho tất cả trở nên đẹp đẽ,” một đứa bé trầm trồ.

“Không phải, đó là do món đồ chơi này.” Một đứa khác kêu lên. “Nhìn con búp bê tuyệt đẹp của tớ này.”

“Đây là do trái cây và hạt dẻ,” một cậu bé háu đói vừa nhét đầy mồm thức ăn vừa nói.

“Tớ nghĩ tất cả mọi thứ đều tuyệt diệu bởi vì hôm nay là ngày Giáng Sinh,” một thằng bé khôn ngoan rút ra kết luận. “Phải, phải, đó là vì ngày Giáng Sinh,” tất cả reo mừng rồi nhảy múa chung quanh những cây thông lấp lánh ánh nến và những món quà.

Cô bé Holly

Holveg, cô bé mà người làng gọi là Holly, rất nhút nhát, đôi khi cô còn bị bóng tối làm cho sợ hết hồn. Nhưng nghệ thuật nuôi trồng hoa trong những điều kiện thời tiết khắc nghiệt của cô thì thật đặc biệt. Không gì có thể làm cho cô sung sướng hơn việc đáp lại phần nào những món quà hào phóng của Nicholas dành cho cô bằng những đóa hoa tươi thắm hái từ vườn nhà cô. Một hôm, khi cô đến nhà tặng ông già Nicholas những đóa hoa tươi còn long lanh sương sớm, cô hỏi ông: “Ông có sợ những con yêu tinh không ạ?”

Nicholas bỏ món đồ chơi ông đang làm xuống, quay khuôn mặt ngạc nhiên về phía cô gái nhỏ. “Yêu tinh à!” ông kêu lên. “Ông đang sống ở trên đời, và 60 năm qua ông chưa nghe nói gì về yêu tinh cả. Nó là cái gì vậy, Holly?” Ông hỏi với giọng quan tâm.

Holly tỏ vẻ bối rối, rồi với một giọng băn khoăn, nghi hoặc cô thổ lộ: “Con cũng không biết chính xác đâu, nhưng con có nghe nói đến những con yêu tinh và khi con nằm trên giường trong bóng tối, con chắc rằng đó là cái con nhìn thấy đang len vào phòng con.”

“Chắc đấy chỉ là những cái bóng,” Nicholas đáp, “ông chưa bao giờ gặp yêu tinh hoặc gặp ma,” ông nói thêm.

Holly tỏ vẻ hiểu ông, cô nói, “Nếu con gặp một con yêu tinh trong phòng riêng, con sẽ nói với nó rằng Nicholas nói rằng người không tồn tại, con yêu tinh già ạ!”

Cả hai người cùng cười vang, Nicholas ôm chặt cô bé vào lòng nói với cô rằng đã đến lúc cô phải chạy về nhà nấu bữa cơm trưa.

Mùa đông rét mướt cũng trôi qua và khi mùa xuân đến, cũng là lúc gieo những hạt giống hoa xuống đất thì Holly đã trở bệnh nặng. Suốt mùa hè cô phải nằm liệt giường, càng lúc càng mất sức bởi một cơn sốt quái ác. Cô không còn nhận ra được ai, kể cả ông già Nicholas rất mực thân yêu. Ông mang hoa tươi đến thăm cô, hy vọng màu sắc rực rỡ của nó sẽ đem cô bé trở lại cuộc đời, thoát khỏi những cơn mê hoang dại, nhưng cô bé chỉ một mực đẩy những bông hoa ra xa, rồi lại rơi vào cơn mê sáng kinh khủng với những tên khổng lồ đen xì và những yêu tinh ghê tởm. Trong cơn bệnh của mình, những nỗi sợ hãi gần như đã quên lãng của cô lại trở về và với một trái tim trĩu nặng đau buồn, Nicholas nhận ra những câu chuyện thú vị giữa họ đã hoàn toàn bị gạt ra khỏi đầu cô bé. Dần dần cô cũng qua cơn bệnh hiểm nghèo nhưng nó làm cho cô trở lại thành đúng cái cô bé xanh xao, nhút nhát như lần đầu tiên cô tết một bó hoa đem đến tặng Nicholas.

Holly sống lại nhưng cô buồn hơn bất cứ lúc nào trong đời. Mọi thứ dường như tối đen và ảm đạm đối với cô, và đêm đến trong cô tràn ngập một nỗi sợ hãi khủng khiếp, bất chấp tất cả những lời động viên khích lệ mà ông già Nicholas đã nói với cô. Nhưng hơn bất cứ thứ gì khác, Holly lo lắng bởi vì cô không còn có một bông hoa nào để mang tặng ông, cô chỉ còn biết áp khuôn mặt bé bỏng, gầy gò vào cửa sổ nhìn ra khu vườn tiêu điều xơ xác để cho nước mắt lặng lẽ tuôn rơi.

Khi một vài cậu con trai đi qua cổng nhà cô, chúng dừng lại ân cần vẫy tay về phía cô. Holly vẫy trả lại, lau khô những giọt lệ. Cô đẩy cửa kính ra một chút rồi nói vọng ra: “Cái bụi cây xanh xanh trên xe đẩy của cậu là gì vậy, Karl?”

Bọn con trai chạy đến bên cửa sổ và Karl giơ cao một ôm cành lá xanh rì, những trái dâu màu đỏ tươi ấm áp, lấp ló giữa những chiếc lá xanh biếc hình tháp.

“Chao ôi, nom mới đẹp làm sao,” Holly thốt lên, hai tay chắp lại với nhau. Đôi mắt đờ đẫn của cô vụt sáng lên khi cô hỏi, “Nó là cây gì vậy? Bạn kiếm được nó ở đâu vậy, Karl?”

“Chúng tôi tìm thấy trong rừng, trên đường dẫn đến nơi mà người ta gọi là cánh rừng già đen tối. Loại cây này mọc tốt như thế này cả vào thời kỳ đông giá nhất, nhưng tôi không biết tên nó là gì.”

“Ôi trông nó đẹp quá chừng,” Holly lại kêu lên, “nhưng, nhưng bạn nói nó mọc trong khu rừng đen tối à?”

“Phải,” Karl gật đầu, “trong ấy tối tăm lắm. Mặt trời khó lòng rọi qua được những cành lá ken dày phía trên, nếu bạn bị lạc ở đó tôi cho rằng bạn sẽ không bao giờ tìm thấy đường về.”

“Đúng vậy,” một cậu trai khác nói, “Tôi cũng không dám đến đây một mình đâu Holly ạ.” Nói rồi bọn con trai bỏ đi, giơ bó cành lá lên vẫy vẫy, để Holly lại một mình tưởng tượng về những quả dâu đỏ mọng với những chiếc lá nhọn xanh rờn. Nicholas sẽ yêu thích loài cây tươi đẹp này lắm đây. Nhưng một cánh rừng tối om! Cô rừng mình khiếp sợ. “Chắc hẳn phải có tất cả những điều kinh khủng ở đây,” cô nghĩ. “Những con thú hoang, những tiếng động lạ lùng và có thể phía sau những thân cây là những con yêu tinh!”

Holly run bắn lên nhưng chợt cô nhớ lại điều chính mình đã nói ở trong ngôi nhà của Nicholas, rằng, “Con sẽ nhìn vào nó mà nói, này yêu tinh, Nicholas đã nói mà không có thật.”

Holly vui mặt vào đôi bàn tay bé nhỏ. “Ôi, nếu như mình có gan làm điều đó,” cô ghen ngào nói, “Nicholas đã nói nếu mình làm bất cứ điều gì trong lúc thật sự sợ hãi thì mình còn can đảm hơn là khi mình không cảm thấy sợ hãi gì hết. Nhưng đây là một nơi thật đáng sợ. Ngay cả bọn con trai cũng chẳng dám đến đây một mình. Nhưng mình chẳng có bông hoa nào tặng ông mà ông thì quá tốt đối với tất cả bọn trẻ con chúng mình, mà mùa xuân còn lâu lắm nữa mới lại đến!”

Thế là Holly ngồi bên cửa sổ hồi lâu, đưa ra hết quyết định này đến quyết định khác. “Có lẽ vẫn có ánh mặt trời rọi xuống qua các tàn cây và nếu mình nhanh chân, tìm cây đó thật nhanh, mình cũng kịp trở về trước khi trời

tối. Mình sẽ đi ngay bây giờ.” Cô chạy đi tìm áo khoác trước khi có cơ hội thay đổi quyết định của mình và trước khi mẹ cô từ trong làng trở về.

Nicholas ngẩng đầu lên khỏi bàn thợ mộc, nhìn thấy một bóng bé nhỏ chạy như bay trên đường, băng qua căn nhà gỗ của ông chạy sâu vào rừng.

“Sao trông giống như Holly,” ông giật mình nghĩ ngợi. “Không, không thể nào. Cô bé con chưa khỏe hẳn mà. Với lại,” ông lắc đầu buồn bã, “con bé quá sợ để có thể đi vào rừng một mình bởi vì ở đây đủ bóng tối cho những con yêu tinh hiện hình,” ông nói một mình với một tiếng chép miệng.

Tuy vậy, một tiếng đồng hồ sau ông bị ngắt quãng khỏi công việc bởi người mẹ hoảng loạn của Holly. “Ôi, tôi nghĩ con bé đến đây. Khi tôi về nhà không thấy nó, tôi đã nghĩ tôi sẽ tìm thấy nó ở đây. Nó vẫn còn yếu lắm và coi kìa, tuyết đã bắt đầu rơi!”

Nicholas vội vàng mặc cái áo khoác màu đỏ và đội mũ lông lên. “Tôi sẽ đi tìm cô bé, bà cũng đừng sợ hãi quá.” Nhưng bản thân ông lại lo lắng khi ngược lên nhìn bầu trời xám xịt chiều hôm với những đám mây đen u ám. Trong không gian bay bay hàng triệu bông tuyết, chúng cuộn tròn, xoay xoay trong không khí rồi tản mát đi mọi phía.

“Tôi biết cần phải tìm cô bé ở đâu,” Nicholas nói. “Tôi sẽ đi một chiếc xe trượt nhỏ với con Vixen, chúng tôi sẽ mang Holly quay về đây trước khi tuyết phủ kín đường đi.”

Trong khi ấy thì Holly đã tìm ra chùm dâu đỏ mọng và niềm vui của cô bé khi tìm ra bụi cây tươi đẹp đó gần như đã xua đuổi ý nghĩ về những con vật kinh khủng có thể lảng vảng sau những thân cây lớn hoặc nấp trong những cành cây, chờ đợi để nhảy xổ ra chỗ cô. Holly hái một bó to loại cây có những chùm quả đỏ thắm và bắt đầu quay về. Tim cô bỗng nảy lên trong lồng ngực khi thấy ánh sáng trong rừng mỗi lúc một nhạt đi rồi trời tối sập xuống.

Khi cô bé bắt đầu co giò bỏ chạy thì cũng là lúc những bông tuyết quay cuồng loạn lên bốn chung quanh cô. Gió rít lên qua các cành cây, rên rỉ một cách thê lương từ trên những ngọn cây cao út. Gió thổi tốc chiếc áo khoác mỏng manh của cô, chụp lên đầu cô, làm cô nghĩ có một bàn tay ma quái nào đó đã tóm lấy cô, cố giữ cô ở lại cái nơi kinh hoàng này.

Cô ráng sức chạy nhanh hơn, nhanh hơn, hai tay vẫn ôm chặt bó cành lá vào ngực, đầu cúi xuống tránh gió, đôi chân bé nhỏ đạp lên những cục đá, những ụ đất giấu mình trong lớp tuyết. Cô bé thở một cách khó nhọc và mặc cho ngọn gió tê buốt, cô cảm thấy đầu mình càng lúc càng nóng lên. Trái tim bé nhỏ đập một cách điên dại làm cô nghĩ nó sẽ bốc cháy trong lồng ngực.

“Sao mình chẳng nhìn thấy gì thế này,” cô khóc nức lên, “trời càng lúc càng tối. Mình không nhắc nổi chân lên, cây cối sẽ đổ lên người mình mất. Ôi trời!” Cô ré lên khi thấy trước đôi mắt kinh hoàng của mình, một hình người to lớn đang lao về phía cô qua đám mây tuyết trắng xóa. Cô nhắm mắt lại, cảm thấy sức lực rút hết khỏi người và ngã sấp xuống trước mặt Nicholas và con Vixen.

Khi mở mắt ra, cô nhìn thấy mình đang ở trong căn nhà gỗ của người thợ mộc, mẹ cô đang ôm cô trong vòng tay, còn khuôn mặt nhân từ, tốt đẹp của Nicholas đang lo lắng nhìn cô.

“Những bông hoa của con đâu rồi?” câu hỏi đầu tiên của cô là như thế. “Con đi vào trong rừng tối một mình là để hái hoa cho ông đó. Hoa đâu rồi?”

Nicholas đặt những cành lá xanh tươi với chùm quả đỏ mọng vào tay cô bé. “Đây, hoa đây, con thân yêu của ta. Con hái nó cho ta ư?”

“Vâng thưa ông Nicholas, con đã sợ lắm lắm, con sẽ không bao giờ đi vào đấy nữa, bây giờ thì con biết rồi.”

Nicholas gạt một giọt lệ đọng lại bên khóe mắt. “Con không nên đi như thế ngay khi vừa mới khỏi ốm, nhưng ông thích những chùm quả dâu tươi

đẹp này lắm. Tên chúng là gì nhỉ?”

“Con không biết, nhưng con cảm thấy thích chùm quả này; nó nhắc con nhớ đến ông: tròn trĩnh, đỏ rực và sáng bóng,” cô gái nói với một tiếng cười láu lỉnh.

“Thật buồn cười,” Nicholas đáp, “chúng lại nhắc ông nghĩ đến cháu cơ chứ, cháu của ông đã quả cảm biết bao khi một mình chạy vào cánh rừng tối tăm, lạnh lẽo đó. Những trái dâu đỏ rực này trông giống một trái tim nóng bỏng, can trường, vì thế, ông đã nghĩ ra một cái tên cho chúng. Từ nay chúng ta sẽ gọi loại cây này là Holly [1].”

Cái vớ Giáng Sinh cuối cùng

Năm tháng nối nhau trôi qua, Nicholas giờ đây đã trở thành một người đàn ông giàu có mặc dù ông bao giờ cũng chia sẻ tất cả những gì mà ông có với bè bạn trong làng. Mỗi buổi sáng Giáng Sinh, bọn trẻ con đều thức dậy, tìm thấy những chiếc vớ của chúng đựng đầy đồ chơi và kẹo bánh. Những gia đình nghèo hơn thì tìm thấy thức ăn... chẳng hạn như gà, rau quả, thịt heo hun khói và thường là một khúc vải để trên ngưỡng cửa.

Nhưng như các em có thể biết, mỗi năm ông một yếu đi, những người yêu kính ông hết lòng trở nên lo lắng. Mỗi một buổi sớm Giáng Sinh, trong khi bọn trẻ hào hứng lấy quà của mình ra khỏi vớ, thì lại có những ý nghĩ đáng sợ xâm chiếm trái tim cha mẹ chúng: “Có thể Giáng Sinh năm tới ông không còn có mặt với chúng ta nữa.”

Mùa Giáng Sinh năm ấy, chỉ còn vài ngày nữa là đến ngày 25, một số dân làng rủ nhau đến thăm ông với một lời đề nghị. “Thưa ông Nicholas, chúng tôi nghĩ chắc là ông sẽ lạnh lắm khi cho quà vào những chiếc vớ treo ngoài cửa, nhất là ở những gia đình có đến 5, 6 con. Sẽ là một ý hay nếu bọn trẻ để vớ của chúng bên lò sưởi.”

“Như vậy, ông có thể vào nhà, ngồi bên lò sưởi, nghỉ ngơi một chút,” một người đàn bà dịu dàng nói thêm.

Ông già Nicholas ngẩng đầu lên khỏi công việc đang làm, mỉm cười. Ông đặt tay lên vai một người đàn ông. “A ha ha ha. Cứ hình dung cảnh cậu đến đây bảo tôi phải làm công việc của mình như thế nào.” Ông nói đùa, “Coi nào, tôi vẫn còn nhớ đã cho quà vào cái túi thêu của cậu khi cậu còn bé hơn đàn con của cậu bây giờ. Rồi mọi cái thay đổi khi bọn trẻ bắt đầu treo những cái vớ lên thay cho những cái túi thêu, bây giờ mọi người muốn tôi thay đổi một lần nữa và lại để những chiếc vớ ở trong nhà. Phải, tôi cho rằng mình phải theo kịp bước tiến của thời gian và nếu tất cả mọi người đều nghĩ là nên để vớ trong nhà, vậy thì ta sẽ làm như vậy.”

Thế là từ đấy Nicholas lặng lẽ lén vào nhà dân làng vào đêm Noel, ngồi trước lò sưởi, chậm rãi cho từng món quà vào những chiếc vớ. Thường thì bọn trẻ dành sẵn cho ông một ly nước và một miếng bánh vì chúng biết ông đã có cả một đêm dài mệt nhọc vì công việc.

Một đêm Noel nọ, già Nicholas cảm thấy khó mà rời bếp lửa theo lệ thường. Ánh lửa ấm áp, bập bùng trong lò làm ông buồn ngủ, và bộ xương rệu rã già nua của ông đau nhức khi ông mệt mỏi lê bước từ nhà này sang nhà kia. Cuộc hành trình của ông từ bếp lửa nhà này sang bếp lửa nhà kia kéo dài hơn cho đến khi, tạ ơn Chúa, ông cũng đến được trạm dừng chân cuối cùng. Tầm lưng còng của ông đau ê ẩm vì phải mang một bao tải quà rõ nặng, đầu ông gục xuống mệt mỏi còn trái tim thì nặng trĩu trong lồng ngực, bởi vì ông nhận ra mình đã già nua như thế nào. Công việc mà ông đã làm suốt một quãng đời dài với bao nhiêu nhiệt tình hào hứng, giờ đã trở thành một cái gì gần như là quá sức. Ông thả người xuống một cái ghế bên lò sưởi với một tiếng thở dài nhẹ nhõm và phải mất một lúc lâu ông mới hồi sức để bắt đầu cho quà vào các cái vớ. Ông làm rất chậm, dù chỉ việc cho tay vào túi xách của mình, mỗi lần ông lại phải duỗi thẳng người ra, và nó cũng đủ làm toàn thân ông đau ê ẩm. Ông đã cho quà vào bốn cái vớ nhưng vẫn còn một cái vớ chưa có gì nằm trong tay ông, thì ông gục xuống ngủ.

Khoảng một tiếng đồng hồ sau ông giật thót người thức dậy, cảm thấy một bàn tay đang lay ông.

“Ông có sao không ông Nicholas?”, một giọng lo lắng hỏi, “Tôi thức dậy xem lửa có còn cháy không thì thấy ông vẫn còn ở đây. Tại sao vậy, trời gần sáng rồi.”

Nicholas lắc đầu, mệt mỏi đứng dậy. “Phải, đã là buổi sáng Noel rồi mà tôi vẫn chưa hoàn thành công việc.”

“Không sao. Tôi sẽ cho quà vào cái vớ cuối cùng cho ông,” người đàn ông trấn an, “Cứ để quà lại và về nhà đi ngủ đi, nhưng ông phải nhanh lên kéo bọn trẻ thức dậy và nhìn thấy ông đấy.”

Nicholas nghĩ đến cái giường ấm áp thoải mái của ông, bèn đưa cho chủ nhà cái vớ và quà bánh rồi nặng nề đi ra ngoài.

Vài phút sau một thằng bé trong bộ đồ ngủ hiện lên trên ngưỡng cửa. “Cha đang làm cái gì vậy?” nó hỏi với giọng thất vọng. “Con nghĩ là Nicholas cho chúng con quà chứ.”

Thằng bé trông có vẻ sắp bật khóc như mưa nhưng người cha trấn an nó, “Nicholas của con đã già lắm rồi, và thỉnh thoảng những người cha chúng ta cũng phải giúp đỡ ông, nhưng con nên nhớ là chính Nicholas đã mang quà đến cho các con.”

“Vậy thì được,” cậu bé phụng phịu, “nhưng nó không bằng một nửa niềm vui như mọi lần khi con biết đó chỉ là do cha hoặc mẹ tặng quà cho các con.”

“Cha không nói thế,” người cha nói giọng nghiêm khắc, “và con không bao giờ được nghi ngờ Nicholas. Ông sẽ cảm thấy đau lòng khi có một thằng bé nghĩ ông không mang quà cho nó và có thể ông sẽ không bao giờ đến nữa. Như thế có đáng sợ không nào?”

“Có ạ,” cậu bé thì thầm với giọng hoảng hốt. “Giáng Sinh sẽ như thế nào nếu không có Nicholas?”

Giấc ngủ của Nicholas

Holly không còn là một cô bé nữa mà đã lớn lên thành một thiếu nữ mảnh dẻ, đáng yêu, luôn đến với mọi người bằng tiếng cười hồn nhiên vì nỗi sợ đã lùi sâu trong dĩ vãng. Cô vẫn tiếp tục mang hoa tươi đến cho người bạn già và vào những ngày 24 tháng 12 một mình cô lặn lội vào rừng sâu hái những cành cây mang tên cô để sáng hôm sau cô mang đến trang hoàng căn nhà gỗ của Nicholas.

Lúc ấy đã gần giờ trưa và khi đến gần căn nhà nhỏ, cô nhận thấy nó vắng vẻ và trống trải khác thường khi không thấy cái bóng to lớn của Nicholas cặm cụi bên bàn làm việc và những cuộn khói thơm thơm bốc lên từ ống khói.

Holly lặng lẽ rảo bước vào nhà, khe khẽ mở cánh cửa phòng ngủ của già Nicholas.

“Chắc già Nicholas yêu quý mệt mỏi lắm mới để nguyên quần áo mà ngủ,” cô nói nhỏ về âu yếm. Nằm mê mết trên giường trong bộ đồ màu đỏ viền lông trắng, đôi ủng đen sáng bóng và vẫn đội chiếc mũ có chùm lông màu trắng là già Nicholas thân yêu của cô.

“Đây cành Holly của ông đây,” cô gái thì thầm, cúi xuống bên người bạn già.

Rồi với một tiếng kêu thất thanh, cô đánh rơi tất cả đám cành lá xuống thân hình bất động trên giường và nhảy giật lùi ra sau vì kinh hoàng. Phải mất một lúc sau Holly mới ý thức được chuyện gì đã xảy ra, sau đó cô cúi xuống bên ông vật vã. “Già Nicholas tội nghiệp của con! Sao ông lại phải chết? Tất cả chúng con đã yêu quý ông như thế kia mà!” Vừa khóc cô vừa dịu dàng trang hoàng chiếc giường ông nằm với những cành cây Holly rồi chạy ra ngoài vùng tuyết trắng, báo cho dân làng tin dữ với tiếng khóc đau thương.

Mọi người tập hợp thành từng nhóm nhỏ nghe câu chuyện của cô. Những người đàn bà thì thầm bằng những giọng nói ghen ngào xen giữa những tiếng nức nở, “Ngài đã về với Chúa,” rồi ôm những đứa con nhỏ vào lòng

nếu thế muốn an ủi chúng trong nỗi mất mát không gì bù đắp nổi này. Cánh đàn ông nhìn quanh quất, chỉ không dám nhìn vào mắt người khác bởi vì không ai muốn nhìn thấy những giọt nước mắt rơi trên má những người đàn ông.

“Phải, ngài đã an giấc ngàn năm,” tất cả đều thở dài, lòng nặng trĩu.

“Ai mất hả mẹ? Có phải là Nicholas?” Bọn trẻ hỏi.

“Ông sẽ không đến thăm chúng con vào đêm Noel sang năm sao?”

Các bậc cha mẹ quay mặt đi không dám nhìn vào đôi mắt hoang mang của bọn trẻ, bởi vì họ không muốn xác định cái tin khủng khiếp này, “Phải, Nicholas của chúng ta đã qua đời.”

Chuông nguyện hồn vang lên, cả một vùng chìm trong bóng tối như đang là đêm đen. Vixen và gia đình tuần lộc của nó khóc thương trong chuồng còn những trái Holly vẫn đỏ mọng, một trái tim tràn đầy tình yêu thương trong lớp áo rực đỏ.

Santa Claus Giáng thế

Cái năm sau cái chết của Nicholas vào sáng ngày Giáng Sinh là một năm buồn bã đau thương với tất cả mọi người trong làng. Họ thành kính đưa Nicholas đến yên nghỉ ở cánh rừng thông gần cái chỗ mà ông vẫn nô đùa với bọn trẻ. Tám con tuần lộc không còn ở lại trong chuồng sau ngôi nhà gỗ trống trải nữa mà đã được Kathy đưa về chuồng trong tòa nhà lớn trên đồi. Ngày tháng trôi qua, đôi khi một người mẹ nào đó cúi nhặt một con búp bê nhỏ bị đánh rơi trên sàn, trùi mền lau những hạt bụi trên mặt nó và những giọt lệ chột rưng rưng trong đôi mắt bà bởi vì bà nhớ lại trái tim lớn bao la đã dành bao nhiêu tình thương yêu cho các thế hệ trẻ em - từ lúc bà còn là một cô bé háo hức đợi quà cho đến lúc con gái bà cũng thế. Dần dần cả những đứa trẻ non nớt nhất cũng hiểu ra là Nicholas đã chết và không bao giờ còn cho đầy quà vào những chiếc vớ của chúng trong đêm Giáng Sinh nữa. Chúng bật khóc khi nghĩ đến đây, nhưng từ từ hình ảnh về một ông già

béo tốt, vui nhộn cũng mờ dần trong ký ức, và một năm rồi cũng trôi qua cho đến ngày 24 tháng 12.

“Mẹ à, chúng ta sẽ treo vớ của chúng ta lên chứ?”

“Không, con ạ. Con quên là Nicholas của chúng ta không còn nữa và không thể mang quà đến đây cho con sao?”

Cũng câu hỏi như thế và một câu trả lời tương tự diễn ra hầu như dưới tất cả các mái nhà có con trẻ trong làng. Đêm ấy, bọn trẻ buồn rầu lên giường đi ngủ, không để vớ bên lò sưởi, trừ một cậu bé, đó là Stephen, cậu từ chối không tin là Nicholas sẽ không đến. Cậu bé làm cha mẹ phải ngạc nhiên khi bình tĩnh treo cái vớ của mình lên như cậu vẫn làm vào mỗi đêm Noel.

“Nhưng Stephen à, ngài đã mất thật rồi,” bà mẹ nói.

“Ngài không thể đến với con.”

“Tất nhiên là ông sẽ đến,” Stephen đáp với giọng chắc nịch, “chúng ta phải giữ cho ngọn lửa cháy sáng trong lò để chờ ông.”

Thế là đêm hôm ấy, cửa của tất cả các ngôi nhà đều đóng kín và bếp lửa tắt ngấm, chỉ trừ có ngôi nhà của Stephen, nơi đó có một chiếc vớ đơn độc treo lên bên cạnh ngọn lửa reo vui.

Sau nửa đêm một chút, Holly chợt thức giấc. “Nghe như có tiếng chuông bạc và tiếng chân của bảy tuần lộc,” cô nói nhỏ giọng ngái ngủ. “Chắc là mình lại nằm mơ đấy thôi,” cô trở mình rồi ngủ tiếp.

Mặt trời của một ngày Giáng Sinh lại bùng lên rực rỡ, vạn vật hiện lên trong ánh sáng trong lành, ngôi làng vẫn chưa thức dậy dưới tấm mền tuyết trắng xóa.

Bất thành linh sự yên tĩnh sâu thẳm của nó bị phá vỡ bởi tiếng kêu lanh lảnh vang xa khắp vùng khi cánh cửa một ngôi nhà bật mở: “Nicholas đã về!” Stephen gào lên đến rách cả họng.

“Ông đã trở về. Coi cái vợ của tôi nè. Nó đầy những món quà như Giáng Sinh năm ngoái và có cả một cỗ xe trượt mới bên lò sưởi. Tôi biết mà. Nhìn đây mọi người. Dậy mà xem, dậy mà xem. Nicholas đã ở đây.”

Đàn ông, đàn bà, già, trẻ, lớn, bé nhảy ra khỏi giường chạy ra xem tiếng ồn từ đâu. Bọn trẻ vấp ngay phải một đồng quà lớn chưa từng thấy. Quà bày la liệt quanh lò sưởi, trên bàn, trên ghế, thậm chí cả ở gần giường. Nhà nhà mở cửa, ủa ra đường, trẻ con kéo những chiếc xe trượt tuyết mới tinh chất đầy những món đồ chơi tuyệt đẹp chưa có ai từng nhìn thấy trong đời.

“Bạn có nhìn thấy không? Coi con thuyền của tôi nè.”

“Chắc ông phải chui xuống từ ống khói khi thấy các cánh cửa đều khóa chặt. Có một vài vết bồ hóng trên sàn.”

“Tuyệt quá nhỉ! Đây là Giáng Sinh vui vẻ nhất mà chúng ta từng hưởng thụ đấy.”

“Cậu bé Stephen tìm thấy một cây thông trong phòng tắm, được trang hoàng rất đẹp với bao nhiêu là quà, kẹo bánh và nến, cũng giống như bọn trẻ du mục đã tìm thấy quà của chúng nhiều năm về trước.”

“Phải, và Stephen nói có một ngôi sao thật to lấp la lấp lánh ánh sáng treo trên ngọn cây.”

“Đó là bởi vì Stephen tin tưởng Ngài,” họ ngượng ngùng bảo nhau. “Nhưng bây giờ thì tất cả chúng ta đều tin.”

Một bà cụ già quan sát tất cả những gương mặt ngời ngời hạnh phúc và nói với giọng run rẩy của người già, “Ngài là một vị thánh, phải, chính là thế đấy.”

“Cụ nói chí phải, bây giờ Ngài là Thánh Nicholas!” Tất cả đồng thanh kêu lên và cả làng một lần nữa lại hòa giọng “Thánh Nicholas! Thánh Nicholas!”

Một cậu bé vẫn còn ngọng nghịu cũng cố hòa cái giọng ngọng lú lo của mình với mọi người mà hét lên. “Sant Clos! Sant Clos!”

“Chúng con xin tin Người,” tất cả các nam phụ lão ấu đều đồng thanh nói.

“Làm sao chúng ta có thể quên Thánh Nicholas! Chúng ta tin rằng Người bao giờ cũng đến thăm chúng ta vào đêm Giáng Sinh chừng nào còn có một đứa trẻ trong làng.”

“Trong làng ư?” giọng cậu bé Stephen vang lên, át tất cả giọng khác, “các bác muốn nói đến ngôi làng là cả thế gian rộng lớn này phải không?”; và giọng nói của cậu vút lên chiến thắng.

[1] Có nghĩa là Ô rô, một loại cây như đã miêu tả ở trên, người phương Tây thích dùng nó để trang hoàng nhà cửa trong ngày Giáng Sinh

Ông già Noel bị bắt cóc

Frank Baum

Santa Claus sống ở thung lũng Tiếng cười, nơi đó có một tòa lâu đài đồ sộ có cơ man là phòng để ông sản xuất đồ chơi các loại. Những người thợ của ông được tuyển chọn trong số các yêu tinh tốt bụng, họ đến sống cùng với ông và ai cũng bận tối mắt tối mũi suốt từ đầu năm tới cuối năm.

Sở dĩ nó được gọi là thung lũng Tiếng cười là vì tất cả mọi thứ ở đây đều tươi vui, hạnh phúc. Dòng suối khúc khích reo vang khi nó róc rách chảy giữa đôi bờ xanh rờn cây cỏ, ngọn gió thổi lên những điệu nhạc rộn rã náo nức khi luồn qua các cành cây, ánh mặt trời nhẹ nhàng nhẩy múa trên những cọng cỏ mềm mại như tơ, còn những bông violet và hoa đồng nội thì lúc nào cũng nhoẻn miệng cười khi lấp ló ra khỏi những đài hoa xanh biếc. Để cười được người ta cần phải vui vẻ trong lòng, để vui vẻ người ta cần phải hài lòng. Và ở khắp nơi trong thung lũng Tiếng cười của Santa Claus, chỉ có niềm vui ngự trị.

Gần đây có một cánh rừng già rậm rạp của các bà Tiên, đối diện với nó là một ngọn núi khổng lồ trong đó có hang ổ của lũ Quỷ. Nằm giữa cánh rừng già và ngọn núi đồ sộ hiểm ác ấy là thung lũng chỉ có tiếng cười và niềm vui trong trẻo của già Santa. Một điều hiển nhiên là Santa tốt lành của chúng ta, người đã dành tất cả thời gian của mình để làm cho trẻ con được hạnh phúc thì làm gì có bất cứ kẻ thù nào trên trái đất này, và thực tế là trong suốt một thời gian dài ông chẳng đón nhận bất cứ một cái gì ngoài tình yêu ở bất cứ nơi nào ông đặt chân đến.

Nhưng lũ Quỷ sống trong sào huyệt của chúng nuôi lòng căm giận Santa Claus, chỉ vì một lẽ đơn giản, ông sinh ra là để cho trẻ con được vui cười.

Trong núi có tất cả 5 cái hang của bọn Quỷ. Một lối đi rộng rãi dẫn vào cái hang thứ nhất được đào ngay ở dưới chân núi, cổng vào được chạm

khắc công phu và trang trí vô cùng hấp dẫn. Đó là nơi ở của Quỷ Ích kỷ. Tiếp theo sau hang này là nơi Quỷ Đổ kị ẩn náu. Hang của Quỷ Thù hận đi sâu vào một chút nữa, từ đó có một lối đi dẫn đến nhà của Quỷ Hiểm ác - một nơi tối tăm, ghê rợn ở giữa tâm núi. Quả thật, tôi cũng không rõ có những gì chứa trong các hang đó. Có người nói có những cạm bẫy khủng khiếp dẫn đến cái chết và sự hủy diệt, điều này cũng có thể đúng sự thật đấy. Tuy vậy, từ mỗi một cái hang kể trên có một con đường ngầm dẫn đến cái hang thứ 5 - một căn phòng nhỏ, ấm cúng là lãnh địa của Quỷ Phục thiện. Và bởi vì cái nền lát đá của những lối đi này đã mòn đi dưới bao dấu chân, tôi cho rằng nhiều kẻ lầm đường lạc lối đi vào những cái hang kia đã trốn qua những địa đạo đến nơi ở của Quỷ Phục thiện, một con quỷ được cho là khá dễ chịu, vui lòng mở một cánh cửa cho phép kẻ nào vất vả đến được đây một lần nữa lại được hít thở không khí trong lành và nhìn ánh mặt trời.

Phải, những con Quỷ trong những chiếc hang này nghĩ rằng chúng có lý do chính đáng để căm ghét Santa nên chúng tổ chức một buổi họp mặt để thảo luận về vấn đề này.

“Tôi cảm thấy mình bị bỏ rơi,” Quỷ Ích kỷ lên tiếng trước.

“Santa Claus phân phát bao nhiêu những món đồ chơi đẹp cho tất cả bọn trẻ con và khiến chúng vui sướng, hài lòng, theo gương ông ta, chúng tránh xa cái hang của tôi.”

“Tôi cũng có đúng cái nỗi niềm này” Quỷ Đổ kị vào hùa với bạn. “Bọn nhóc đứa nào cũng mãi nguyện với Santa và quả thực có ít đứa nào tôi có thể dụ dỗ để chúng trở nên đổ kị.”

“Sự việc còn trở nên tồi tệ hơn với tôi,” Quỷ Thù hận tuyên bố, “Bởi vì nếu không có nhãi ranh nào đi qua hang của Ích kỷ và Đổ kị thì làm gì có đứa nào dẫn xác đến hang của tôi chứ.”

“Và của tôi nữa.” Quỷ Hiểm ác để thêm.

“Về phần mình,” Quý Phục thiện thùng thẳng, “dễ thấy rằng nếu bọn trẻ không đến thăm hang của các anh thì chúng đâu cần đến hang tôi làm gì, vì thế mà tôi cũng bị bỏ quên như các anh.”

“Và tất cả chỉ vì một người mà chúng gọi là Santa Claus!” Quý Đổ kỹ kêu lên, “Hắn ta đã làm hỏng mọi việc của chúng ta, phải làm một việc gì đó ngay lập tức!”

Bọn Quý nhất trí với nhau ở điểm này, nhưng làm cái gì lại là chuyện khác, trong vấn đề này chúng khó mà nhất trí với nhau. Chúng biết rằng Santa Claus làm việc suốt năm trong lâu đài của ông ở Thung lũng Tiếng cười để chuẩn bị những món quà mà ông sẽ đem tặng trẻ con vào đêm Giáng Sinh. Như vậy bước đầu tiên phải dụ ông đến sào huyệt của chúng cho bằng được, như vậy chúng mới có thể lừa ông vào những cạm bẫy đáng sợ dẫn đến sự hủy diệt.

Thế là ngay ngày hôm sau trong lúc Santa đang bận rộn làm việc với một tốp trợ thủ tí hon khéo léo trong xưởng mộc thì Quý Ích kỹ bước đến bên ông và nói:

“Những món đồ chơi này thật tinh xảo và đẹp đẽ. Sao ông không giữ nó cho riêng mình? Thật đáng tiếc khi phải đem chúng cho bọn con trai ồn ào quậy phá, bọn con gái hay mè nheo, mít ướt, cái lũ ấy sẽ bẻ gãy hoặc làm hỏng ngay lập tức.”

“Nói bậy!” ông già râu tóc bạc phơ kêu lên, đôi mắt sáng của ông lấp lánh một nụ cười tươi vui khi ông quay về phía con Quý đang cố cáng dỡ mình. “Bọn con trai và con gái ấy không bao giờ làm ồn và mè nheo sau khi nhận được món quà của ta, và nếu ta có thể làm chúng vui sướng vào một ngày trong năm ta đã hài lòng, đẹp ý lắm rồi.” Kết quả, Quý Ích kỹ phải tiu nghiu quay về hang ổ gặp bạn bè, “Tôi thua rồi bởi vì Santa Claus không có trong máu một chút ích kỷ nào.”

Ngày hôm sau Quý Đổ kỹ tìm đến rí tai, “Này các cửa hàng bán đồ chơi cũng đầy những món đẹp đẽ hay ho như ông đã tạo ra! Thật đáng xấu hổ,

bọn họ đã can thiệp vào công việc của ông. Mà bọn chúng lại làm bằng máy, nhanh hơn ông làm bằng tay nhiều, để bán lấy tiền ấy mà, trong khi ông chẳng kiếm được lấy một đồng.”

Santa của chúng ta từ chối việc trở thành đối thủ của các hiệu đồ chơi.

“Tôi chỉ có thể tặng quà cho bọn trẻ một lần trong năm, vào đêm Noel,” ông đáp, “bọn trẻ thì có nhiều mà tôi chỉ có một. Vì việc làm của tôi là xuất phát từ sự quan tâm và từ tình yêu thương cho nên tôi sẽ xấu hổ lắm khi nhận tiền từ những món quà nho nhỏ này. Tôi rất thích những hiệu đồ chơi và lấy làm sung sướng khi thấy họ làm ăn phát đạt.”

Mặc cho lời cự tuyệt lần thứ hai của Santa, Quỷ Thù hận nghĩ hẳn có thể tác động đến ông. Thế là ngày hôm sau, hẳn xông đến xưởng mộc bận rộn ở tòa lâu đài, thông báo: “Chào ông già, chúc một buổi sáng tốt lành. Ngày tôi có một tin xấu cho ông.”

“Vậy thì hãy đi khỏi đây ngay, với tư cách là một người bạn tốt. Tin xấu là một cái gì cần phải giữ kín và không bao giờ nên nói ra.” Santa Claus đáp.

“Nhưng ông không thể trốn tránh được đâu,” Quỷ Thù hận cao giọng nói, “bởi vì trên thế giới này có khá nhiều kẻ không tin vào Santa Claus, và ông phải căm ghét những tên này bởi vì chúng đã nghĩ rất bậy về ông.”

“Chuyện ba láp ba xàm!” Santa kêu lên.

“Bọn chúng bất mãn với việc ông đã làm cho bọn trẻ con hạnh phúc, chúng cười nhạo ông, gọi ông là một lão khờ ngu ngốc! Ông cũng nên căm ghét cái bọn vu khống xấu xa đó và phải làm một cuộc trả thù đối với những lời nhục mạ độc địa của chúng chứ.”

“Nhưng ta không hề ghét bỏ họ!” Santa Claus kêu lên, trong giọng nói như có tiếng cười... “Những người này không hề làm hại gì đến ta, có chăng chỉ làm cho họ và trẻ con không vui thôi. Thật đáng tiếc! Ta phải giúp đỡ họ hơn là trả thù họ, anh bạn ạ.”

Thế đấy, làm sao Quý có thể dụ dỗ được ông già Noel. Trái lại ông thừa thông minh để thấy mục đích của những vị khách không được mong đợi này, chẳng có gì tốt lành ngoài chuyện gieo rắc điều ác và những chuyện rắc rối. Tiếng cười vui vẻ của ông đã làm bọn Quý chưng hửng và cho chúng thấy âm mưu của chúng điên rồ đến mức nào. Thế là chúng quyết định không dùng những lời đường mật mà sử dụng biện pháp “mạnh”.

Rõ ràng, một khi Santa Claus còn ở trong Thung lũng Tiếng cười cùng với cả một đội quân thần tiên bảo vệ thì bọn Quý không có cách gì làm hại ông. Nhưng vào đêm Noel khi ông điều khiển bầy tuần lộc đi khắp thế giới mang theo một xe đồ chơi và những món quà đẹp cho trẻ em thì kẻ thù của ông sẽ có một cơ hội tốt để làm hại ông. Thế là bọn Quý trù tính một kế hoạch và kiên nhẫn đợi cho đến đêm Noel.

Đêm ấy khi vầng trăng tròn vành vạnh nhô lên trên bầu trời, rải một thứ ánh sáng bạc lên lớp tuyết trắng tinh, lấp lánh cũng là lúc Santa Claus vung cây roi dài phóng từ thung lũng Tiếng cười để đi ra thế giới bên ngoài. Cỗ xe to lớn chất đầy những túi quà lớn và trong khi những con tuần lộc lướt nhanh như tia chớp, ông già Noel vui tính của chúng ta vừa cười khà khà, vừa huýt sáo và ca hát vì một niềm vui bất tận. Trong suốt cuộc đời đầy niềm vui của ông, ngày Giáng Sinh bao giờ cũng là ngày hạnh phúc nhất - ngày mà ông có thể ban phát kho báu của mình cho những đứa trẻ nhỏ.

Sẽ là một đêm rất bận rộn, ông biết thế. Khi ông huýt sáo, ca hát và vung roi lên, ông ôn lại trong đầu tất cả những thành phố, làng mạc, nông trại đang chờ đợi ông và ước lượng rằng ông có đủ quà để đi khắp nơi và làm cho tất cả bọn trẻ con hạnh phúc. Bầy tuần lộc biết chính xác điều gì đang đợi chúng và lao đi như những mũi tên, những bộ vó của chúng hầu như không chạm mặt đất đang khoác một chiếc áo choàng bằng tuyết trong ngần.

Bất thành lình một điều kỳ lạ xảy ra: một sợi dây thòng lọng bắn ra từ ánh trăng và thoát một cái nó đã quấn quanh hai tay và cả người Santa, xiết thật chặt. Trước khi ông có thể chống cự lại hoặc kêu lên, ông đã bị lôi khỏi ghế

xe và lộn đầu xuống một đồng tuyết trong khi bầu trời lơ lửng băng băng về phía trước kéo theo cỗ xe chở đầy đồ chơi với tốc độ của âm thanh và ánh sáng.

Sự cố bất ngờ này làm ông già Santa bối rối mất một lúc, khi ông có thể bình tĩnh trở lại, ông nhận thấy bọn Quỷ độc ác đang lôi ông khỏi đồng tuyết, quẩn quanh người ông nhiều vòng dây thật chặt. Rồi chúng mang tù binh Santa về hang ổ của chúng ở sâu trong núi, tại đó chúng tống tù nhân vào một cái hang bí mật, xiềng ông vào vách đá để ông không thể trốn thoát.

“A ha ha!” bọn Quỷ cười, xoa hai tay vào nhau trong một niềm vui độc ác. “Bây giờ thì bọn lũ con sẽ như thế nào đây? Chúng sẽ khóc lóc, chửi bới và nổi cơn điên khi thấy không có đồ chơi trong những cái vớ và không có quà trên cây thông Noel! Thế là chúng sẽ nhận được đòn trừng phạt từ các ông bố bà mẹ và chúng sẽ tức tốc tìm đến những cái hang của tính Ích kỷ, thói Đố kị và lòng Thù hận cũng như sự Hiểm ác. Chúng ta đã làm được một việc thật khôn ngoan, những con Quỷ trong hang tối. A ha ha!!!”

Cũng trong cỗ xe trượt phóng đi trong đêm Noel ấy, Santa tốt lành còn mang theo cả những người tí hon Nutcracker, Peter, Kilter và một vị thần bé xíu tên là Wisk - họ là bốn người đồ đệ giỏi nhất của Santa. Những người tí hon này thường tỏ ra rất có ích trong việc giúp ông phát quà cho trẻ nhỏ và khi sự phụ của họ bị lôi ra khỏi xe thì tất cả bọn họ đang trốn dưới gầm ghế, nơi ngọn gió dữ dội buốt rất không thổi đến chỗ họ được.

Những con yêu tinh bé nhỏ này không biết gì về vụ Santa bị bắt cóc cho đến một lúc lâu sau đó họ cảm thấy thiếu giọng nói vui tươi của ông, và bởi vì Santa bao giờ cũng ca hát hay huýt sáo suốt dọc đường nên sự im lặng báo cho họ biết có một cái gì đó không ổn.

Wisk tí hon thò đầu ra khỏi gầm ghế, phát hiện Santa đã biến mất và không có ai điều khiển bầu trời lơ lửng.

“Họ! Họ!,” cậu kêu lên, những con vật tuân lệnh, phi chậm lại rồi dừng hẳn.

Peter, Nuter và Kilter cùng nhảy ra khỏi ghế, nhìn lại con đường mà chiếc xe vừa chạy qua nhưng Santa đã bị bỏ lại hàng dặm đường.

“Chúng ta biết làm gì bây giờ?” Wisk lo lắng hỏi, tất cả niềm vui và vẻ tinh nghịch đã biến khỏi khuôn mặt nhỏ xinh của cậu khi đứng trước thảm họa.

“Chúng ta phải quay lại tìm thầy ngay,” Nuter nói với một vẻ quả quyết.

“Không, không được!” Peter thốt lên, giọng vừa đau khổ vừa bức bối, mặc dù cậu thường là người dễ mất tinh thần trong những hoàn cảnh nguy khốn. “Nếu chúng ta chậm trễ, hoặc quay trở lại, sẽ không kịp phát quà cho trẻ con trước khi trời sáng, điều này còn làm Santa đau lòng hơn bất cứ chuyện gì khác.”

“Chắc chắn là bọn Quỷ dữ đã bắt cóc thầy,” Kilter góp ý về cân nhắc, “mục đích của chúng là làm cho bọn trẻ buồn. Vì thế nhiệm vụ đầu tiên của chúng ta là cứ phân phát quà Giáng Sinh như thể chính Santa đã đích thân làm điều đó. Xong việc chúng ta sẽ đi tìm ông và tìm cách giải thoát cho ông.”

Ý kiến này có vẻ thấu tình đạt lý và những người kia lập tức tán thành. Thế là Peter lên tiếng gọi bầy tuần lộc và vài giây sau những con vật trung thành ấy lại tung vó bay qua những ngọn đồi trập trùng, những dải thung lũng mênh mông, những cánh rừng rậm và thảo nguyên bàng bạc dưới ánh trăng cho đến khi chúng dừng lại trước những ngôi nhà có những đứa bé thơ đang ngủ, miệng hé nở nụ cười trong giấc mơ thần tiên về những món đồ chơi tuyệt đẹp mà chúng sẽ tìm thấy vào sáng ngày hôm sau.

Những yêu tinh dễ thương này đã đặt ra cho mình một nhiệm vụ khó khăn vì mặc dù họ đã theo chân thầy trong nhiều chuyến đi như thế này, nhưng thầy của họ bao giờ cũng hướng dẫn và chỉ thị cho họ cụ thể những việc cần làm. Bây giờ họ phải làm điều đó bằng sự phán đoán của bản thân

mà họ thì không hiểu trẻ con rõ như Santa. Vì thế, chẳng có gì phải ngạc nhiên khi họ mắc những cái lỗi rất buồn cười.

Mamie Brown thích có một con búp bê lại nhận được một cái trống, thì đâu có ý nghĩa gì với một cô bé yêu thích búp bê. Thằng bé Charlie Smith hiểu động khoái nô đùa ngoài trời, muốn có một đôi ủng cao su để giữ cho đôi chân được khô ráo thì lại nhận được một hộp đựng đồ thêu với kim và rất nhiều lộn chỉ óng ánh đủ màu làm cho nó bức bối đến mức trong lúc thiếu suy nghĩ nó dám gọi Santa là đồ lừa đảo.

Nếu họ mắc nhiều lỗi như vậy hẳn bọn Quỷ đã thực hiện được âm mưu độc ác của chúng là làm cho bọn trẻ con trên khắp thế giới này buồn bã. Nhưng may thay, những người học trò nhỏ của Santa đã làm việc một cách tận tụy và thông minh trong khi thực hiện ý định của người thầy nên họ mắc ít lỗi hơn là ta có thể chờ đợi trong một hoàn cảnh bất thường như vậy. Mặc dầu họ đã cố hết sức thì ngày cũng bắt đầu rạng lên, trước khi tất cả đồ chơi và các món quà được phân phát hết, thế là lần đầu tiên sau nhiều năm, bảy tuần lộn bay về thung lũng Tiếng cười trong ánh ngày rực rỡ, với những tia nắng vàng óng như mật ngọt rơi xuống cánh rừng chứng tỏ rằng chúng đã về muộn hơn thông lệ.

Nhất bảy tuần lộn vào chuồng xong, những người tí hon bắt đầu tự hỏi họ phải làm gì để giải thoát cho thầy, và họ nhận ra việc đầu tiên cần làm là tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra với thầy của họ, và hiện ông đang ở đâu.

Thế là Wisk - tiên đồng bèn hóa phép bay đến ngôi nhà của bà tiên Chúa, tọa lạc sâu trong cánh rừng già của các bà tiên. Dĩ nhiên cậu không mất nhiều thời gian để tìm hiểu về bọn quỷ độc ác và cái cách chúng bắt cóc Santa với mục đích khiến cho tất cả bọn trẻ thất vọng ra sao. Bà tiên Chúa hứa sẽ giúp đỡ cậu và rồi như được chấp thêm đôi cánh bởi sự ủng hộ này, Wisk bay về chỗ Nuter, Peter và Kilter đang ngồi đợi. Cả bốn chụm đầu vào nhau bàn bạc, sắp đặt kế hoạch cứu thầy mình ra khỏi nanh vuốt kẻ thù.

Khi những tia nắng đầu tiên rơi xuống trần gian cũng là lúc Quỷ Hiểm ác đến phiên canh gác, lưỡi của hắn nhọn sắc hơn bất cứ con quỷ nào khác.

“Bọn trẻ đã dậy rồi lão già Santa ạ! Chúng thức dậy để thấy vợ của chúng trống rỗng! A ha ha! Thế là chúng sẽ cãi nhau chí chóe, sẽ kêu gào và giầy lên đánh đập trong cơn bức tức. Hôm nay, những cái hang của chúng tôi sẽ đông nghẹt Santa ạ. Cứ đợi đấy mà xem, chúng sẽ kéo đến đây, lén kín những cái hang này.”

Nhưng cũng như với những lời báng bổ khác, Santa nhất định không thèm đối đáp với chúng. Ông rất đau khổ về việc bắt giữ này nhưng lòng can đảm đã không rời bỏ ông. Thấy rằng người tù không hề mở miệng trước những lời chế giễu của mình, Quỷ Hiểm ác bỏ đi để Quỷ Phục thiện thay thế chỗ của hắn.

Con Quỷ thứ năm này không đến nỗi dễ ghét như những con Quỷ khác. Vẻ mặt của hắn có nét dịu dàng, dễ coi và giọng nói của hắn tâm tình dễ lọt tai.

“Những người anh em của tôi không tin tưởng tôi lắm,” hắn nói trong lúc bước vào hầm tối, “nhưng vào sáng nay âm mưu của họ đã thực hiện. Trong vòng một năm nữa ông không thể đến thăm bọn trẻ của ông.”

“Đúng thế,” Santa Claus đáp, giọng cố làm cho vui vẻ, “đêm Noel đã qua và lần đầu tiên trong nhiều thế kỷ tôi đã không đến thăm lũ trẻ của mình.”

“Bọn chúng sẽ thất vọng lắm lắm,” Quỷ Phục thiện lẩm bẩm gần như là hối tiếc. “Nỗi buồn sẽ làm cho bọn chúng trở nên ích kỷ, ganh ghét và thù hận lẫn nhau. Nếu chúng tìm đến những hang Quỷ ngày hôm nay, tôi sẽ có dịp dẫn một số đứa đến cái hang Phục thiện của tôi.”

“Vậy nhà người không bao giờ ăn năn sao?” Santa hỏi, giọng tò mò.

“Ồ có chứ,” Quỷ đáp. “Thậm chí ngay cả lúc này tôi cũng bắt đầu hối tiếc là đã tham dự vào vụ bắt cóc ông. Tất nhiên bao giờ cũng quá trễ để cứu vãn một tội ác đã được thực hiện; nhưng ông cũng rõ rồi đấy, người ta chỉ cảm thấy ân hận sau một ý nghĩ hoặc một việc làm sai trái, chứ còn thoát kỳ thủy làm gì có điều gì phải ăn năn cơ chứ.”

“Thế là ta đã hiểu. Những ai tránh được tội lỗi sẽ không cần phải đến chỗ của người.”

“Như một quy luật, đúng thế,” Quỷ Phục thiện đáp, “còn ông, một người chưa phạm một lỗi nào sẽ đến thăm hang của tôi ngay nhé, chỉ để chứng minh rằng tôi thành thật ăn năn về vai trò của mình trong việc làm độc ác này và tôi sẽ để cho ông trốn thoát.”

Câu nói này làm người tù vĩ đại hết sức ngạc nhiên, cho đến lúc ông nghĩ rằng có thể đó là điều được chờ đợi ở Quỷ Phục thiện. Ngay lúc đó nó cúi xuống chăm chú cởi dây trói cho Santa và tháo chiếc xiềng đã xích ông vào vách núi. Xong đâu đấy, nó dẫn ông đi qua một hành lang dài cho đến khi cả hai bước vào hang Ăn năn.

“Tôi hy vọng ông sẽ thứ lỗi cho tôi,” Quỷ cầu khẩn. “Tôi không hẳn là một kẻ xấu xa, ông biết đấy. Tôi tin rằng mình cũng làm được một số điều tốt trên đời.”

Nói đến đây, Quỷ mở cánh cửa hậu, bên ngoài hang tràn ngập ánh mặt trời, Santa sung sướng hít đầy lồng ngực làn không khí trong lành.

“Trong người không có sự hiểm ác,” ông dịu dàng nói với Quỷ Phục thiện, “và ta tin rằng thế giới này sẽ âm đạm, thê lương nếu không có người. Vì thế, chúc người một buổi sáng tốt lành và một Giáng Sinh vui vẻ!”

Với những lời này ông bước ra ngoài chào đón một buổi sáng với nắng vàng rực rỡ và chỉ một phút sau đã sải bước trên đường trở về nhà của mình ở thung lũng Tiếng cười, vừa đi vừa huýt sáo một mình.

Nấp trong những lớp tuyết trải trên con đường dẫn vào núi là một đội quân đông vô kể, phần lớn là những sinh vật kỳ lạ khó lòng hình dung nổi. Đó là những con yêu trong rừng, hình dáng xù xì, vằn vện như những mẫu gỗ trên những cành cây mà chúng đứng canh. Còn có những hồn hoa bé nhỏ xinh xẻo từ các cánh đồng xa bay đến, mỗi hồn mang một biểu trưng của loài hoa hoặc loài cây mà nó có nhiệm vụ chăm nom. Đứng phía sau một

chút là hàng đoàn các vị thần tiên và những linh hồn bất tử bay lượn trong những quãng sáng rực rỡ.

Đội quân tuyệt vời này nằm dưới sự chỉ huy của Wisk, Peter, Nulter và Kilter nhằm giải cứu Santa khỏi sự giam cầm và trừng phạt lũ Quỷ đã dám tách ông ra khỏi những đứa trẻ thân yêu của ông.

Và mặc dù đội quân trông có vẻ hiền hòa và tươi sáng như vậy, những sinh vật tí hon bất tử ấy cũng được trang bị những thứ vũ khí đáng sợ đối với kẻ nào đã dám chọc giận họ. Sẽ là thảm họa đối với bọn Quỷ nếu chúng dám ngênh chiến.

Nhưng nhìn kìa, trên đường rời hang ổ của bọn Quỷ chính là hình dáng đầy ấn tượng của Santa Claus, chòm râu bạc như tuyết tung bay trong làn gió sớm mai, đôi mắt sáng của ông long lanh niềm vui, là hiện thân của tình yêu và lòng tôn kính mà ông khơi gợi trong trái tim của những sinh vật hùng mạnh nhất đang hiện hữu.

Trong khi cả đội quân vây quanh ông, múa may trong niềm vui vô tận vì ông đã an toàn trở về, Santa nồng nhiệt cảm ơn sự quan tâm của họ. Còn riêng Wisk, Nulter, Peter và Kilter được ông ôm hôn thăm thiết.

“Không cần phải truy bắt bọn quỷ” Santa nói với đội quân, “Chúng cũng có chỗ của chúng ở trên đời và có thể không bao giờ bị tiêu hủy. Nhưng mà thật là đáng tiếc, đáng tiếc thay,” ông nói giọng trầm tư.

Thế là các vị thần tiên, các linh hồn bất tử, những yêu tinh vui vẻ và các hồn hoa tiễn con người cao cả, tốt lành ấy về lâu đài của ông rồi để ông ở lại với những học trò của mình cùng ôn lại những biến cố xảy ra trong đêm trước.

Wisk đã biến hóa để không ai nhìn thấy rồi bay đi khắp thế giới rộng lớn, coi xem bọn trẻ con vui đón sáng Giáng Sinh tươi đẹp như thế nào, vào lúc cậu trở về thì Peter đã thuật xong mọi chuyện cho già Santa nghe.

“Chúng con đã làm mọi việc rất tốt,” Wisk kêu lên giọng vui vẻ, “sáng nay con chỉ tìm thấy một hai đứa trẻ không hài lòng với món quà. Dù vậy, thầy đừng để bị bắt một lần nữa, thầy yêu quý của con; bởi vì lần sau chúng con có thể không gặp may trong việc thực hiện ý tưởng của thầy.”

Rồi cậu kể lại vài nhầm lẫn của họ mà cậu chỉ vừa phát hiện ra. Santa Claus lập tức phái cậu mang đôi ủng cao su đến cho Charlie Smith và búp bê cho Mamie Brown, thế là cả hai đứa trẻ vừa thất vọng xong lại tràn trề vui sướng vì đã được như ý.

Nói về bọn Quỷ độc ác trong hang sâu, bọn chúng vô cùng tức giận và chán nản khi phát hiện kế hoạch tưởng là khôn ngoan khi bắt cóc Santa Claus rốt cục đã xôi hỏng bỏng không. Hơn nữa, trong ngày Giáng Sinh không có ai tỏ ra ích kỷ, xấu tính, hèn dối, hoặc căm ghét người khác. Và khi nhận ra vị thánh của tuổi thơ có bao nhiêu người bạn hùng mạnh như thế chúng hiểu rằng chỉ có điên mới dám chống lại ông. Bọn Quỷ không bao giờ dám nghĩ đến chuyện can thiệp vào những chuyến đi của ông trong đêm Noel nữa.

câu chuyện ngày Giáng sinh

câu chuyện thật về ông già Noel

Jay Frankson

Không có gì đẹp cho bằng giấc mơ của một đứa trẻ về Santa Claus. Tôi biết rõ như thế vì tôi thường có giấc mơ đó. Nhưng tôi là người Do Thái và chúng tôi không ăn mừng Giáng Sinh. Đó là ngày lễ của tất cả những người khác và tôi cảm thấy mình ở ngoài lề... giống như có một bữa tiệc thật lớn mà tôi lại không được mời. Không phải là chuyện tôi không có những món quà mà chính là Santa Claus và cây thông Noel.

Thế là khi lập gia đình và có con tôi quyết định làm cho giấc mơ của mình thành hiện thực. Tôi bắt đầu với một cây thông cao hơn 2 mét mắc đầy bóng đèn và kim tuyến có một ngôi sao của David ở trên ngọn, an ủi tất cả những người Do Thái mà cảm xúc đã bị trơ lì đi bởi những chuyện như thế này. Dành cho họ là một bụi cây Hanukah. Trái tim tôi ấm áp và mềm dịu hẳn lại khi nhìn ánh đèn nhấp nháy trên cây thông Noel bởi vì giờ đây tiệc Giáng Sinh đã được tổ chức ở nhà tôi và tất cả mọi người đều được mời.

Tuy vậy, vẫn còn thiếu một thứ, một thứ gì to, tròn, tươi vui với tiếng chuông ngân vui vẻ và tiếng cười ha... ha... ha! Thế là tôi mua một mảnh vải màu đỏ tươi cùng những dải lông trắng và vợ tôi may cho tôi một bộ quần áo. Những chiếc gối phồng độn quanh thân hình khăng khiu của tôi làm cho tôi trở nên phốp pháp nhưng dù hóa trang thế nào cũng không làm cho khuôn mặt tôi biến thành mặt ông già Santa vui vẻ. Tôi đã đi nhìn qua một vòng các cửa tiệm, thấy những người đóng vai Santa, ngồi chỉnh chệm trong chiếc ghế của mình, bọn trẻ con ngồi trong lòng, bên cạnh là cây thông Noel rực rỡ đèn hoa. Thú thật, tôi không thích cái dáng vẻ ấy của Santa Claus.

Sau rất nhiều nỗ lực tôi tìm đến một người chuyên làm mặt nạ, ông ta có một món dành cho tôi, một cái mặt nạ ông già Noel bằng cao su, có cả râu

và mái tóc bạc trắng kèm theo. Không phải là đồ xịn nhưng trông nó cũng đủ giống thật để làm sống lại giấc mơ của một đứa trẻ về Thánh Nick.

Khi tôi đeo thử chiếc mặt nạ có một điều đã xảy ra. Tôi nhìn vào gương và nhìn kìa, to lớn như thật là ông đấy, Santa của những năm tháng thơ ngây của tôi. Vâng đấy là ông... và cũng chính là tôi. Tôi có cảm xúc của Santa, ngỡ đâu như tôi đã trở thành Santa. Cả dáng điệu của tôi cũng thay đổi. Tôi khom lưng, phình cái bụng độn gối lên, ngả đầu qua một bên và giọng nói của tôi trầm hơn, biểu cảm hơn khi nói “Chúc mọi người Giáng Sinh vui vẻ.”

Trong hai năm tôi đóng vai Santa trước mặt các con làm cho chúng vừa sợ vừa vui, còn bản thân tôi thì hoàn toàn sung sướng. Vào năm thứ 3, Santa trong tôi lớn dần lên có tính cách riêng và ông ấy cần một khoảng trời cho mình lớn hơn cái mà tôi có thể dành cho ông. Thế là tôi phải đi đến chỗ điều đình với ông, để cho ông làm việc mình muốn với những đứa trẻ khác. Tôi gọi đến các trại mồ côi, bệnh viện dành cho nhi đồng đề nghị họ cho phép ông già Noel đến phục vụ miễn phí. Nhưng câu trả lời là: “Xin lỗi, chúng tôi không cần Santa, chúng tôi đã có tất cả các loại quà tặng từ các tổ chức, hiệp hội... cảm ơn ông đã gọi đến.” Cứ thế Santa trong tôi cảm thấy mình vô dụng không có ai cần đến.

Rồi một buổi chiều cuối tháng 11, tình cờ tôi đi đến một hộp thư ở góc phố để bỏ một lá thư, tôi gặp ở đấy một thiên thần sáu tuổi. Cô bé ngược đôi mắt trong veo lên nhìn mẹ: “Mẹ ơi, mẹ có chắc là ông già Noel sẽ nhận được thư con không?” cô bé hỏi. “À, con đã gửi đến địa chỉ của Santa ở Bắc Cực vậy thì ông ấy sẽ nhận được,” người mẹ đáp và bế cô con gái lên để cô bé có thể tự tay bỏ thư vào thùng. Một ý nghĩ thoáng qua trong đầu tôi. Có hàng ngàn đứa trẻ viết thư cho Santa Claus vào dịp Giáng Sinh, thư của chúng sẽ đi đến đâu?

Một cú điện thoại đến bưu điện giải đáp câu hỏi của tôi. Người ta cho biết cho đến tuần lễ cuối cùng của tháng 11, người ta phải dành ra cả một tầng lầu ở bưu điện để chứa những bao tải thư đến từ khắp nơi trong thành

phổ. Ông già Santa trong tôi cất tiếng cười ha hả và cùng nhau chúng tôi đâm bổ đến bưu điện. Kia kìa hàng ngàn lá thư chồng lên hàng ngàn lá thư khác, có tem hoặc không có tem, gửi đến cho Santa Claus hoặc St. Nick hoặc Kris Kringle, viết trên giấy trắng hoặc giấy trang trí rất đẹp. Tôi đọc lướt qua và cất tiếng cười. Hầu hết các lá thư đều yêu cầu “cho con, cho con, cho con”. Chẳng hạn, “con muốn xin một bộ đồ để đi trượt tuyết, một máy điện tử để chơi game, một bộ đồ chơi đánh trận, một máy vi tính cá nhân, một T.V nhỏ xách tay và bất cứ thứ gì ông có thể nghĩ ra”. Nhiều lá thư còn viết kèm theo giá cả ở mỗi món yêu cầu... có hoặc không kèm theo thuế giá trị gia tăng.

Có những lá thư buồn cười như thế này: “Ông già Noel yêu quý, suốt năm vừa qua con đã là một đứa trẻ ngoan, nhưng nếu con không có được cái mà con muốn con sẽ là một đứa trẻ hư trong suốt năm tới đây.”

Thú thật là tôi bắt đầu cảm thấy đôi chút thất vọng trước tất cả những đòi hỏi tham lam của quá nhiều đứa trẻ được cưng chiều. Nhưng ông già Noel trong tôi nghe được một tiếng nói nào đó trong đồng thư từ và tôi tiếp tục đọc hết lá thư này đến lá thư khác cho đến khi tôi cầm trên tay lá thư làm tôi day dứt không yên.

Đó là một lá thư viết trên một tờ giấy trắng. “Ông già Noel yêu quý. Con hy vọng ông nhận được thư con. Năm nay con 11 tuổi và con có hai em trai, một em gái. Cha con mất năm ngoái còn mẹ con thì đang bị bệnh. Con biết có nhiều người còn nghèo khổ hơn chúng con và con không mong muốn một cái gì cho mình, nhưng ông có thể gửi cho chúng con một cái chăn ấm không, bởi vì đêm đến mẹ chúng con lạnh lắm.” Lá thư ký tên Suzy. Một luồng run rẩy chạy dọc xương sống và ông già Santa trong tôi kêu lên: “Ta nghe thấy tiếng của con, Suzy, ta nghe thấy rồi.” Tôi hồi hả đào bới trong đồng thư từ và tìm được 8 lá thư như vậy, tất cả đều cất tiếng kêu gọi từ trong đói nghèo cùng cực. Tôi mang những lá thư ấy theo người, đi thẳng đến bưu điện chuyển phát nhanh gần nhất đánh cho mỗi đứa trẻ một bức điện tín. “Nhận được thư của con. Sẽ đến nhà con vào đêm Giáng Sinh. Hãy

chờ ta. Santa.” Tôi biết tôi không có khả năng đáp ứng nhu cầu của tất cả những đứa trẻ này và đó cũng không phải là mục đích của tôi. Nhưng nếu tôi có thể mang đến cho chúng niềm hy vọng. Nếu tôi có thể làm cho chúng cảm thấy tiếng kêu của chúng không tan loãng trong thinh không, có một ai đó ở một nơi nào đấy vẫn lắng nghe... Thế là tôi trích ra một số tiền, mua một số đồ chơi. Tôi không hài lòng với những món đồ chơi trị giá 5-10 xu. Tôi muốn một cái gì đó có ý nghĩa, một cái gì chỉ hiện lên trong giấc mơ của những đứa trẻ này như là một cái xe lửa chạy điện hoặc một cái kính hiển vi hoặc một con búp bê lớn mà chúng chỉ thấy quảng cáo trên ti vi.

Vào ngày Giáng Sinh tôi lấy cỗ xe trượt tuyết của mình ra và để cho Santa làm nhiệm vụ của ông.Ồ, nó không hẳn là một cỗ xe do những con tuần lộc kéo, mà là cái xe hơi và vợ tôi làm nhiệm vụ lái xe bởi vì với những chiếc gối nhét đầy người và những món đồ chơi, khó khăn lắm tôi mới chui vào được ghế sau. Những bông tuyết tuyệt đẹp rơi xuống từ đêm hôm trước và đường phố được viền một lớp ren trắng muốt như một thành quách trong truyện cổ tích.

Điểm hẹn đầu tiên đưa tôi ra đến ngoại ô. Thư của Peter Barsky viết thế này: “Santa yêu quý. Cháu 10 tuổi, là đứa con duy nhất trong nhà. Gia đình cháu mới chuyển nhà đến đây được vài tháng và cháu không có bạn chơi. Cháu không buồn vì nỗi con nhà nghèo mà buồn vì cháu rất cô đơn. Cháu biết ông có nhiều việc phải làm, nhiều người phải gặp và chắc chắn ông không có thời gian dành cho cháu. Vì thế cháu không cầu mong ông đến nhà cháu hoặc cho cháu bất cứ thứ gì. Nhưng ông có thể gửi cho cháu một lá thư để cháu biết là ông có thật trên đời.” Bức điện tôi đánh đi có nội dung: “Peter thân yêu, không những ông có thật hẳn hoi mà ông sẽ có mặt ở nhà cháu vào ngày Giáng Sinh. Đợi nhé. Santa.”

Chúng tôi tìm được căn nhà, đánh xe quá lên một đoạn rồi đậu lại ở một góc đường. Ở đấy, Santa ra khỏi xe với cái túi đồ chơi vắt qua vai, nhảy chân sáo trên lớp tuyết dày.

Ngôi nhà nằm kẹt giữa hai nhà cao tầng, mái lợp bằng tôn múi và trông giống một cái lán dựng tạm hơn là một căn nhà. Tôi đi qua cổng bước lên bậc thềm và rung chuông. Một người đàn ông mở cửa. Ông ta mặc áo lót và cái bụng bí ngô lòi ra khỏi cái quần. “Boje moy”, ông ta kêu lên bằng tiếng Ba Lan thể hiện mức độ kinh ngạc của mình, một tay đưa ngang lên mặt. “Làm ơn...” ông nói, lặp bà lặp bập, “làm ơn, chẳng bé... chẳng bé... đi lễ... nhà thờ. Tôi sẽ đi tìm nó. Xin ông hãy đợi, xin hãy đợi.” Rồi người đàn ông choàng vội một chiếc áo khoác lên đôi vai trần và sau khi chắc chắn là tôi sẽ đợi, vội chạy ra con đường phủ tuyết.

Thế là tôi đứng phía trước ngôi nhà, trong người tràn ngập những xúc cảm tốt lành, chợt tôi nhận ra, qua cửa sổ căn nhà ọp ẹp bên kia đường, những khuôn mặt gầy gò của những đứa trẻ da đen đang bùng lên hạnh phúc, chúng rối rít vẫy tay về phía tôi. Rồi cánh cửa nhà bên ấy ngập ngừng mở ra, các giọng nói đồng thanh cất lên. “Hoan hô Santa... Hoan hô Santa....”

Ồi la la! Tôi bước qua đường, một người đàn bà mời tôi vào trong nhà và tôi bước vào. Có tất cả 5 đứa trẻ từ 1 tuổi đến 7 tuổi. Tôi ngồi xuống trò chuyện với chúng về Santa và ý nghĩa của tình yêu thương đã trở thành tinh thần của ngày lễ Noel.

Rồi bởi vì những đứa trẻ này không có trong danh sách của tôi, và chắc rằng chúng cũng chỉ có những món đồ chơi cũ kỹ được gói lại làm quà, tôi hỏi chúng thích ông già Noel đem cho chúng món quà gì vào đêm nay. Mỗi đứa trẻ đều lên tiếng cảm ơn tôi và mong có được một đôi vớ len, một chiếc áo len hay một chiếc áo ấm mới tinh. Thế là tôi nhìn chúng và hỏi: “Các cháu không muốn bất cứ một món đồ chơi nào ư?” Lũ trẻ lắc đầu buồn bã. “A ha! Ha... Ha! Ta sẽ quay lại ngay,” tôi nói, “Chúng ta sẽ giải quyết vụ này.” Tôi bảo chúng hãy đợi, tôi sẽ quay lại trong vòng 5 phút, rồi vất vả lội qua các đồng tuyết đi về phía góc đường. Khi đã khuất khỏi tầm nhìn của chúng, tôi cố hết sức chạy về chỗ xe đậu. Chúng tôi có một ít đồ chơi dự phòng trong cốp xe, nhà tôi nhanh nhẹn giúp tôi cho đồ chơi vào một cái túi

và tôi quày quả quay lại ngôi nhà, cho mỗi đứa một món đồ chơi mới. Trong nhà tràn ngập niềm vui, tiếng cười; người mẹ hỏi bà có thể chụp một tấm ảnh Santa đứng giữa bầy con của mình không. Tôi gật đầu, tại sao lại không chứ?

Khi Santa chuẩn bị ra về, tôi nhận thấy cô bé 5 tuổi đang khóc. Con bé xinh xắn như một chiếc cúc áo. Tôi cúi xuống hỏi, “Có chuyện gì thế cháu yêu?” Nó thốn thức, “Ôi Santa, cháu sung sướng quá.” Và như vậy, những giọt lệ cũng lăn trên má tôi, bên dưới tấm mặt nạ cao su.

Tôi bước ra đường, “Cha, cha, linh mục... làm ơn... đến đây ạ,” tôi nghe cái ông Barsky gọi với từ bên kia đường. Santa rảo bước nhanh đến trước ngôi nhà ấy. Cậu bé Peter đứng ngây người, nhìn tôi. “Ông đã đến... cháu viết và... ông đã đến.” Nó quay sang nói với cha mẹ mình. “Con viết thư... và ông ấy đã đến.” Nó cứ lặp đi lặp lại mãi câu nói đó, “Con viết thư... và ông ấy đã đến.” Khi thằng bé đã trấn tĩnh lại sau cơn xúc động, tôi nói với nó về sự cô đơn và tình bạn, tặng cho nó một bộ đồ thí nghiệm hóa học, xem ra nó rất thích món quà này, rồi tặng luôn cả một trái bóng rổ. Nó cảm ơn tôi một cách nồng nhiệt, tha thiết. Mẹ nó, một người phụ nữ có tất cả những đặc trưng cơ bản nhất của người Slave, hỏi chồng một điều gì đó bằng tiếng Ba Lan. Bố mẹ tôi cũng là người Ba Lan vì thế tôi có thể nói được chút chút và nghe được khá nhiều. “Từ Bắc Cực,” tôi trả lời câu hỏi của chị cũng bằng tiếng Ba Lan. Chị nhìn tôi kinh ngạc. “Ông nói tiếng Ba Lan được à?” “Tất nhiên”, tôi đáp. “Santa có thể nói được tất cả các thứ tiếng.” Và tôi để họ ở lại trong niềm vui và một cái gì gần với sự kỳ diệu.

Tôi đã làm như thế trong suốt 12 năm qua, đọc những lá thư gửi cho Santa ở bưu điện, lắng nghe tiếng kêu gọi của bọn trẻ bị ghen lại trong một đồng thư từ ngồn ngộn. Trong thời gian đó tôi học hỏi được tất cả những điều mà Santa phải biết để xử lý trong các tình huống. Ví dụ như khi một đứa trẻ to xác chặn Santa lại trên đường phố và hỏi: “Này ông già Santa, cỗ xe tuần lộc của ông đâu vậy?” Thế là tôi hỏi: “Cháu bao nhiêu tuổi rồi?” “13.” “Vậy thì cháu cũng đã lớn rồi, cần phải biết nhiều hơn. Nhiều năm về

trước Santa dùng xe kéo, nhưng bây giờ đang là thời hiện đại mà. Ta đến đây bằng xe hơi.” Và tôi ngồi vào ghế sau, để cho vợ tôi cầm lái.

Hoặc là khi có một đứa trẻ đến gần tôi, nhìn chăm soi. “Đây là mặt nạ,” nó dí tay vào chiếc mặt nạ. Bạn không bao giờ nên nói dối trẻ con, thế là tôi đáp, “Chắc chắn là thế con trai ạ. Nếu tất cả mọi người biết rõ khuôn mặt của ta thì họ sẽ làm phiền ta suốt năm, làm sao ta có thể chuẩn bị quà sẵn sàng vào dịp Giáng Sinh được.”

Hoặc là có một người mẹ thì thầm với tôi để đứa con nhỏ của chị không nghe được, “Ông từ đâu đến vậy?” Tôi bèn quay sang đứa bé, nói, “Mẹ cháu muốn biết ta từ đâu đến đấy Willy ạ.” Thế là chú bé nhanh nhẩu đáp với giọng chắc như đinh đóng cột, “Từ Bắc Cực đến đấy mẹ ạ.” Bà mẹ lại thúc khuỷu tay vào người tôi, thì thầm tiếp: “Ông không hiểu. Ai cử ông đến đây? Tôi muốn nói, sao ông biết mà đến đây?” Tôi lại quay qua cậu con trai, nói: “Này Willy, mẹ cháu muốn biết lý do tại sao ta đến đây gặp cháu.” Chú bé cười: “Bởi vì con viết thư cho ông già Noel mẹ ạ.” Khi tôi đưa lá thư ra, chị biết là chính tay mình đã bỏ nó vào thùng thư, vì thế mà chị có vẻ bối rối, ngượng ngùng và tôi cứ để chị trong tâm trạng đó.

Thời gian trôi qua, lời đồn về Santa và tôi lan đi, tôi vẫn không muốn để lộ danh tính của mình, nhưng các công ty đồ chơi vẫn tìm ra, họ gửi đến cho tôi hàng thùng đồ chơi khổng lồ với tư cách là một đóng góp cho tinh thần của ngày Giáng Sinh. Thế là tôi phát triển danh sách từ 18 hay 20 trẻ lên đến 120, gõ cửa nhà này nhà kia, đi từ đầu này thành phố sang đầu bên kia thành phố, từ ngày 24 đến hết ngày 25.

Trong chuyến đi thăm cuối cùng của tôi cách đây một vài năm, tôi đến một gia đình có 4 đứa trẻ. Căn nhà nhỏ, hầu như chẳng có đồ đạc gì. Bọn trẻ đã ngồi đợi tôi suốt cả ngày, nhìn chăm chăm vào bức điện và nói đi nói lại với người mẹ vì bà tỏ ý hoài nghi: “Ông ấy sẽ đến, mẹ à, ông ấy nhất định sẽ đến.” Khi tôi bấm chuông, cả căn nhà sáng lên bởi niềm vui và tiếng cười trong trẻo của trẻ thơ. “Ông già Noel đến rồi... ông ấy đến rồi.” Cánh

cửa bật mở, cả bầy trẻ ùa ra nắm tay tôi, ôm chân tôi “Chào ông, Santa... Chào ông Santa. Chúng cháu biết chắc là ông sẽ đến mà.”

Khuôn mặt của những em bé nghèo này bừng lên ánh hào quang hạnh phúc. Tôi lần lượt ôm từng đứa vào lòng, nói với chúng về cầu vồng và những bông tuyết rơi rơi, kể cho chúng nghe câu chuyện về hy vọng và sự chờ đợi, rồi tặng mỗi đứa một món quà.

Trong khi đó có một đứa trẻ thứ năm này giờ đứng im ở góc nhà chứng kiến tất cả. Đó là một cô bé xinh xắn đáng yêu với mái tóc vàng óng mượt, đôi mắt xanh với cái nhìn thăm thẳm. Sau khi đã trò chuyện với những đứa trẻ kia, tôi quay qua cô bé: “Cháu không phải là người trong gia đình này ư?” Cô bé lắc đầu buồn bã rồi thì thầm: “Không ạ.” “Lại gần đây, cháu bé,” tôi gọi, cô bé e thẹn bước lại gần hơn. “Tên cháu là gì?” “Cháu là Lisa ạ.” “Cháu bao nhiêu tuổi?” “7 tuổi.” “Đến đây, ngồi vào lòng ông nào,” cô bé ngập ngừng một lúc rồi cũng đến gần hơn, tôi bế cô bé đặt lên đùi mình. “Cháu có món đồ chơi nào trong dịp Giáng Sinh chưa?” “Không ạ,” nó nói, đôi môi trề ra, phụng phịu. Thế là tôi lấy ra con búp bê đẹp nhất: “Thế cháu có muốn con búp bê này không?”. “Không ạ,” nó đáp rồi rướn người lên, thì thầm vào tai tôi: “Cháu là người Do Thái.”

Tôi hích nhệ vào người con bé, bắt chước nó cũng hạ giọng thì thầm thì: “Ông cũng là một người Do Thái đấy. Vậy, cháu có muốn con búp bê này không?”. Cô bé nở một nụ cười tươi tắn nhất, gật gật đầu với tất cả mong muốn và khao khát của con trẻ, rồi cầm lấy con búp bê, ôm chặt vào lòng và chạy đi.

Bao nhiêu thời gian đã trôi qua kể từ ngày tôi mặc lên người bộ quần áo màu đỏ của Santa. Tôi cảm thấy Santa vẫn sống trong tôi và mang đến cho tôi biết bao nhiêu là niềm vui trong những năm qua. Và bây giờ, khi mùa Giáng Sinh đến gần, ông lại ra khỏi chỗ nấp bấy lâu và hân hoan cất tiếng, “A ha! ha... ha! Merry Christmas!” còn tôi thì nói với bạn, GIÁNG SINH VUI VẺ CÁC BẠN CỦA TÔI.”

quà Giáng sinh dành cho Kathryn

Daniel ‘Chip’ Ciammaichella

Một cơn bão tuyết đã trải một tấm mền trắng toát mờ sương giá lên đỉnh núi mặt bàn Johnson, đỉnh núi trông xa như một pháo đài, rồi từng bước nhận chìm cái khối đá hùng vĩ đó vào một cõi hư vô màu trắng. Kathryn đứng một mình ngoài hiên, hai tay ôm chặt lấy ngực, đôi mắt màu xanh nước biển ngưng đọng những giọt lệ. Cô đang nhìn đắm đắm lên đỉnh núi xa xa kia và kẻ tấn công ma quái của nó.

Ở một nơi nào đó, trong hẻm núi hoang vu dưới cái đỉnh núi kia là xác chiếc máy bay Cessna một động cơ mà những người cứu hộ không thể tìm ra được. Đó là máy bay của Daniel. Anh đã vội vã từ một cuộc họp ở Washington trở về nhà để sum họp với gia đình vào ngày Giáng Sinh. Khi bay đến phía nam Trinidad, gần Praton Pass, anh nhận được một cú điện thoại tai họa qua sóng radio rằng anh buộc phải tránh trong đường tơ kẽ tóc một chiếc máy bay khác, nhưng động cơ của anh lại mất nguồn điện và lao thẳng xuống đất. Người ta đã phái một số máy bay đi tìm kiếm chiếc máy bay bị nạn nhưng địa hình hiểm trở và cơn bão tuyết đã làm cho đội tìm kiếm không thể tìm ra xác máy bay trước khi trời sáng. Máy bay cứu hộ thông báo về là họ không tìm thấy dấu hiệu nào của một người còn sống trước khi thời tiết buộc họ phải quay lại Pueblo.

“Thậm chí anh ấy còn không muốn thực hiện chuyến đi này,” Kathryn nức nở một mình, “... anh ấy đã quá lo lắng, sợ rằng không kịp về nhà vào ngày Noel. Ước gì mình đừng thúc đẩy anh ấy đi. Tại sao bao giờ mà cũng khuyến khích anh ấy làm những điều mà anh ấy nói là không muốn hả Kathryn?”. Giọng cô lạc đi trở thành những tiếng nấc tức tưởi xé lòng.

Kathryn nhớ lại rằng anh bao giờ cũng nói về một ước mong sống một cuộc đời thanh bình hiền hòa với cô, để mặc cho thế giới còn lại chăm sóc chính nó. Cô biết anh mong muốn điều đó với tất cả tâm nguyện, nhưng cô

cũng biết điều đó không nằm trong bản chất của anh. Đôi khi anh nhắc cô nhớ đến chàng Don Quixote, bao giờ cũng đuổi theo để đánh nhau với một chiếc cối xay gió khác và sung sướng với mỗi phút giây trong cuộc giao đấu ấy. Cô mỉm cười qua làn nước mắt trước ý nghĩ ấy. Cô yêu cái cách mà đôi mắt anh long lanh phát ra những tia sáng và giọng nói của anh trở nên tha thiết mỗi khi anh nói về một dự án mới phôi thai.

“Bao giờ cũng là dự án cuối cùng,” Kathryn buồn rầu nghĩ, “... mà có lẽ lần này anh ấy có ý định đó.”

Cơn bão đã mạnh lên, bắt đầu trút những bông tuyết lớn xuống khoảng sân và ngọn gió bắc làm Kathryn run rẩy toàn thân buộc cô quay vào trong nhà. Cô sẽ phải nói cho Cody biết điều gì đã xảy ra, cô đã lần lữa việc đó cho đến bây giờ bởi vì bản thân cô cũng không tin chuyện đó. Không có cái “cảm giác” là anh đã ra đi.

Kathryn dừng lại trước khi mở cửa, cô muốn ngắm nhìn con lom khom nhóm lò sưởi trước khi ngồi vào bàn vi tính thân yêu của nó. Cô chạm nhẹ lên mắt lau đi những giọt lệ và mỉm cười khi quan sát cậu bé. Ở tuổi 13, Cody đã có dáng dấp của cha. Cũng ánh long lanh trong đôi mắt và một ý chí kiên định trong khi thực hiện những điều cậu tự đặt ra cho mình, cả thái độ dành cho máy tính và kỹ thuật nữa. Cậu đã trở thành một thiếu niên nổi bật và cô rất tự hào về con. Cô thích chứng kiến cảnh Daniel kiên nhẫn - cũng có lúc nóng nảy - dạy con những bài học trong cuộc sống mà anh đã học được qua những hoàn cảnh khó khăn.

Cô biết chồng mình đã trải qua những giai đoạn cam go trong cuộc đời trước khi gặp cô, vì thế mà anh không muốn Cody rút ra những bài học đường đời qua những gì mà anh đã trải qua.

Khi Kathryn mở cửa, cô tự hỏi không biết mình có khả năng cản Cody không lao đi cứu cha nó, một khi cô báo cho nó biết chuyện gì đã xảy ra. Thằng bé mạnh mẽ và bướng bỉnh hết cha nó. Nhưng cô biết là nó không thể không tuân theo ý muốn của mẹ và cô nhất định không cho phép nó lang thang trong vùng núi vào một đêm bão tuyết như thế này. Ý nghĩ mất

Daniel đã làm lòng cô tan nát đến tận cùng... mất cả hai cha con họ sẽ làm cô chết theo.

Trước khi cô có thể nói gì, Cody đã quay lại cười với mẹ. “Chào mẹ, ba vừa gửi cho mẹ một email. Dài lắm. Ba lại “tình cảm” rồi.”

Kathryn ghì lại một tiếng ghen ngào trong cổ, chăm chăm nhìn con.

“Đã bao nhiêu lần mẹ bảo con để nguyên những lá thư cho mẹ rồi? Con chưa chẻ củi phải không? Tốt nhất là con nên đi làm việc của con đi anh bạn trẻ, nếu không mẹ sẽ khóa máy của con lại đấy.”

Cậu bé cười ngượng ngập đứng lên, khoác áo jacket lên người.

“Vâng thưa mẹ, con sẽ đi làm ngay... con chỉ vừa liếc qua thôi mà.”

Cậu nháy mắt với mẹ và cô không thể không mỉm cười với ý nghĩ: “Sao mà nó lại giống cha nó đến thế.”

Kathryn giữ tay con lại, hôn nhẹ lên má con khi cậu ta đi qua chỗ cô, rồi đột nhiên ôm con thật nồng nhiệt.

“Mẹ có chuyện muốn nói với con sau khi con xong việc. Mẹ yêu con, con trai ạ.”

Sau khi Cody đã ra ngoài, Kathryn chậm chạp bước lại chỗ máy vi tính. Thư của Daniel vẫn còn hiển thị trên màn hình. Khi anh đi xa, ngày nào anh cũng email cho cô, thỉnh thoảng có ngày lên tới hai ba lá thư. Cô thích những lá thư ấy lắm, anh bao giờ cũng rất mực tình tứ, lãng mạn dù đã chung sống với nhau tới 15 năm rồi. Daniel rất kiêu lời khi đối diện với người khác, nhưng trái tim anh lại lóng trào dâng khi anh viết và lời lẽ trong thư của anh mê hoặc cô. Kathryn bao giờ cũng nghĩ lẽ ra anh phải là một nhà văn, khi nghe cô nói thế anh chỉ cười và tuyên bố cô là người duy nhất trên đời được đọc bất cứ thứ gì anh viết ra. Cô di con trở vào đầu lá thư và bắt đầu đọc.

“Kathryn yêu thương của anh.

Chào người đẹp. Tất cả những buổi hội thảo đã kết thúc, và bọn anh đã đạt được nhiều điều. Thượng nghị sĩ vận một vài cánh tay (sau khi bọn anh đã vận tay ông ta ra trò) và tiền tài trợ sẽ chạy thẳng vào hội phiếu viện trợ khẩn cấp. Dù anh rất ghét chơi cái trò này, anh phải thừa nhận là anh cũng đam thích nó khi kế hoạch đã thành công. Anh chuẩn bị lái máy bay về nhà bây giờ đây, thời tiết có vẻ xấu đi thế nên anh cần phải kiểm tra lại một số việc trước khi sẵn sàng cho máy bay xuất phát. Anh không ngại chờ đợi một chút, nó tạo cho anh một chút thời gian để viết cho em. Anh biết rằng anh đã không chia sẻ với em những cảm xúc đầy ắp trong anh hoặc nói lời yêu em một cách thường xuyên như lẽ ra anh phải làm thế khi anh ở bên em. Anh cho rằng mình vẫn còn nhút nhát, e thẹn và vẫn còn e ngại em... mặc cho bao nhiêu năm ta đã có nhau. Trong đầu anh trào dâng không biết bao nhiêu lời lẽ bất cứ khi nào anh nghĩ đến em, nhưng dường như bao giờ chúng cũng lạc mất trên đường đi từ não đến miệng anh. Còn bây giờ ngồi ở đây, cách xa em hai ngàn dặm và trong nỗi nhớ em vô cùng tận, lời lẽ có vẻ lại dễ dàng tuôn chảy qua ngón tay anh. Anh yêu em nhiều lắm lắm, cưng à.

Máy bay đã nạp xong nhiên liệu và đã sẵn sàng tung cánh, ngay khi thời tiết có chiều hướng khá hơn anh sẽ lên đường trở về nhà với em. Anh thật sung sướng là chính em đã nói với anh về việc tập lái máy bay và mua chiếc Cessna này. Em hoàn toàn đúng, lý do duy nhất mà anh ghét bay là bởi vì anh không chịu nổi tình trạng bị kiểm soát. Phải, anh thích bay. Nó trao cho anh cảm giác hoàn toàn tự do. Anh phải cảm ơn em, tình yêu của anh, em bao giờ cũng biết rõ điều anh muốn còn hơn là chính anh nữa.

Đẹp làm sao khi anh bay, anh thấy mình mở bộ điều khiển tự động và nghĩ về em với mỗi một giây trôi qua. Đầu óc anh thường chất chứa bao nhiêu ý nghĩ về em, về những khoảng thời gian đặc biệt chúng ta bên nhau.

Không chỉ thích bay, anh cũng thích lái xe nữa. Không có cách nào chiêm ngưỡng tổ quốc mình tốt hơn là lái xe dọc ngang suốt chiều rộng chiều dài đất nước. Anh đặc biệt nhớ những lần lái xe với em. Anh có thể nghĩ ra một

số khoảng thời gian của đôi ta đặc biệt hơn khoảng thời gian còn lại, đó là những lần cùng nhau, chúng ta rong ruổi trên đường, khám phá những miền đất mới mà chúng ta chưa từng biết. Anh nhớ cái lần chúng mình đi trên đường U.S. 40 qua Rockies. Vẻ đẹp hoang sơ thuần khiết của những rặng núi ấy làm cho đôi mắt em sáng lên lung linh vì thần phục. Cái ánh sáng ấy, cái vẻ vui sướng lồ lộ trên khuôn mặt em làm cho em đẹp hơn cả những gì mà những ngọn núi tự ngàn đời nay vẫn đứng đấy có thể hy vọng chứng kiến. Anh vẫn còn nhớ như in từng nơi chốn mà ta đã dừng chân. Bất cứ nơi nào chúng ta ghé qua thì em cũng làm nơi ấy sáng lên và em mê hoặc bất cứ ai mà chúng ta gặp. Em làm anh cảm thấy thật đặc biệt khi được ở bên em, là người đàn ông của em và được em yêu. Tất nhiên, bao giờ em cũng khiến anh cảm thấy thế ngay từ ngày đầu tiên gặp em và mỗi phút giây trôi qua kể từ ngày ấy cho đến nay. Thậm chí cho đến hôm nay anh còn tự hỏi không biết em có thể tưởng tượng anh yêu em đến thế nào không.”

Kathryn vẫn nhớ chuyến đi ấy rất rõ. Cô cũng biết anh yêu cô nhiều như thế nào mà cô yêu anh cũng không kém. Cô nhớ từng giây họ bên nhau trong chuyến đi ấy. Đó là tuần trăng mật của họ. Đôi vợ chồng mới cưới dành ra hai tuần đi du lịch về miền Tây, tận hưởng thời gian và tất thảy những gì họ nhìn thấy và cùng làm. Ngồi trên xe với anh trong lúc họ đi qua vẻ đẹp hùng vĩ của dãy Rockies đối với cô là một cái gì chỉ có trên thiên đường. Anh hết lòng quan tâm chăm sóc vợ, bao giờ cũng chú ý đến việc làm cho cô cảm thấy thoải mái, chỉ cho cô bất cứ thứ gì có thể làm cô chú ý hay thích thú, nói chuyện với cô về tất cả mọi chuyện trên đời.

Trong hai tuần lễ ấy cô biết nhiều về anh hơn bất cứ khoảng thời gian nào trong đời họ. Không chỉ là chuyện anh kể cho cô nghe mọi chi tiết về quá khứ của anh mà còn là việc anh chia sẻ với cô niềm hy vọng, những ước mơ, phút vinh quang và cả những lần thất bại trong đời anh. Daniel có một cuộc đời thật sôi động, hứng thú dù anh không nghĩ thế. Cô tự hỏi không biết có phải mỗi một kinh nghiệm đó đã góp phần làm cho anh trở thành đúng cái người mà cô yêu không. Dù giọng nói của anh che giấu cảm xúc rất khéo, cô vẫn cảm thấy nỗi đau trong mắt anh khi anh nói về việc cha anh

ra đi hoặc việc mất đi một người bạn trong một trận đánh hay về một tình yêu đã qua. Cô cũng cảm thấy niềm tự hào trong mắt anh khi anh nói về những việc làm của mình, dù anh bao giờ cũng hạ thấp chúng xuống và cái ánh sáng nghịch ngợm trong mắt anh khi anh thuật lại những khám phá không phải bao giờ cũng chính đáng trong một đoạn đường đời sôi nổi của anh.

Kathryn mỉm cười trong lúc đôi mắt mờ lệ khi cô nhớ lại việc anh nắm tay cô trong suốt những lúc lái xe, dịu dàng vuốt ve lưng bàn tay cô bằng ngón tay cái. Một cử chỉ nhỏ thôi mà khiến cô xúc động đến tận đáy lòng. Anh làm cô cảm thấy như được chấp cánh, được yêu và hoàn toàn an bình. Đêm đến bao giờ anh cũng đưa cô đến một nơi đặc biệt nào đó cùng ngồi ngắm sao trời. Thẳng trên đầu họ, bất kể là họ đang ở đâu, ngôi sao của hai người cũng lấp lánh nhìn xuống họ. Sau này, vào những lúc xa nhau, cô thường ngẩng đầu nhìn ngôi sao ấy và cảm thấy gần anh hơn vì biết rằng anh cũng đang ở dưới chính cái vì sao ấy cho dù anh đang ở nơi nào đi nữa. Tối nay mây đen che khuất vì tinh tú nọ, nhưng cô biết nó vẫn còn ở chỗ ấy và trái tim mách bảo cô rằng, anh cũng đang ở một nơi nào đó ngay phía dưới ngôi sao ấy.

Sau khi lau nước mắt bằng một chiếc khăn giấy, Kathryn tập trung nhìn vào lá thư đang hiện lên trên màn hình. Cô giơ tay về phía con chuột nhẹ nhàng di chuyển, cảm thấy dâng lên trong lòng một khát khao cháy bỏng muốn được cảm thấy bàn tay mình trong bàn tay anh một lần nữa. Ngồi lặng đi một lúc cô mới đọc tiếp được.

“Anh nhớ nhất là những lúc ngồi kề bên em trên chiếc xích đu ngoài sân vào một buổi tối mùa thu se lạnh, ôm nhau dưới tấm mền len ấm áp. Tất cả vẫn hiện rõ mồn một trong đầu. Anh có thể nghe thấy tiếng chó sói tru lên từng hồi ở đâu nghe xa lắm, cảm thấy làn gió mát lạnh ve vuốt khuôn mặt anh và em, nhìn khuôn mặt cháy lên ngọn lửa màu cam của vầng trăng đầy đặn đang đứng đỉnh đi lên phía sau cái pháo đài đen ngòm của đỉnh núi Jonhson và cảm thấy thân hình ấm áp của em áp vào người anh. Có thể nhìn

thấy Cody lảo nháo bước ra khỏi nhà, cố dạy mấy con chó con mấy trò mới để rồi thất vọng khi mấy con vật ấy khăng khăng chơi tiếp với nó mà không chịu học bài.

Chao ôi, anh nhớ em và con làm sao. Cody đã trở thành một thiếu niên chững chạc, đáng yêu và anh tự hào về con biết mấy. Anh biết anh có nghiêm khắc với con nhưng chỉ là vì anh rất yêu con. Anh không muốn con lặp lại những sai lầm của anh dù anh biết rằng dẫu anh có nói, hay dạy bảo điều gì thì rốt cục con nó cũng sẽ học bài học đường đời bằng chính kinh nghiệm của nó. Cody đã thất vọng khi không có chân trong đội bóng và anh cảm thấy như đấy chính là lỗi của anh. Nó bao giờ cũng nghe anh nói là anh thích chơi bóng như thế nào và anh e rằng nó đã hết sức cố gắng chỉ để làm anh vui lòng. Trong khi nó không phải là một cậu bé bám gấu váy mẹ thì trái tim của nó lại không dành cho thể thao. Cody muốn trở thành một kỹ sư và điều này đã xác định rõ ràng trong tâm trí nó. Anh cần phải thận trọng khi huyền thuyên về quá khứ bóng đá vinh quang của mình và dành thời gian khích lệ nó đi theo giấc mơ của bản thân. Ước gì anh có thể là một ông bố có cuốn cẩm nang dạy làm cha trong tay. Anh thường lo là anh đã không làm đúng bốn phận làm cha.

Anh thật sự muốn giúp con tìm ra những giấc mơ của mình. Nghe có vẻ mĩa mai phải không? Trước khi được gặp em, anh đã nghĩ đời mình thế là hết và những ước mơ của mình chẳng là gì ngoài những ý nghĩ viễn vông. Anh tuyệt nhiên không muốn con trai sống như thế. Anh không bao giờ muốn con trai mình sống trong tâm trạng ấy. Tất nhiên, điều đó sẽ không bao giờ xảy ra với Cody vì nó có một người mẹ như em. Chính là em đã làm cho anh lấy lại lòng tin vào bản thân mình và cho anh thấy là anh có thể biến những ước mơ của chúng ta thành hiện thực. Em cũng đã tác động đến Cody theo cách ấy. Anh bao giờ cũng nói rằng em là phần tốt đẹp nhất trong anh, em yêu ạ, và cái phần ấy đã bị thất lạc cho đến khi chúng ta tìm thấy nhau. Em cũng là một phần trong Cody và điều này khiến anh vững tin rằng cậu bé sẽ trở thành một con người chân chính. Em là phần đẹp đẽ nhất trong hai cha con anh.

Anh nhớ nhà ghê lắm chừng à. Anh yêu Raton vào mùa Giáng Sinh. Anh yêu những đường phố sáng rực ánh đèn, trang hoàng cờ hoa lộng lẫy với cây thông Noel ở cuối con đường chính, giống như là nó sinh ra cho nơi ấy. Anh hy vọng là anh sẽ về nhà kịp để đưa hai mẹ con em đi dạo trung tâm rồi ngược lên thành phố của Bethlehem như nhà ta vẫn thường làm. Anh hy vọng anh không bỏ lỡ dịp đóng vai ông già Santa Claus phát các món đồ chơi. Anh rất thích làm chuyện đó chỉ để nhìn thấy những khuôn mặt trẻ thơ sáng bừng lên niềm vui. Em đã viết chi phiếu cho cái món Toys for Tots rồi chứ? Anh biết cũng tốn khá nhiều tiền, nhưng chúng ta có tiền mà, thế thì tại sao lại không chia sẻ một chút vào dịp Giáng Sinh, đúng không? Santa Claus có mặt trong mỗi chúng ta, nếu chúng ta để cho ông có đất dụng võ.

Thỉnh thoảng anh tự hỏi không biết em có nghĩ là anh hơi điên trong chuyện Giáng Sinh không. Anh biết mình cũng hơi quá đà và làm em phát ngán lên với những lời làm nhảm về tinh thần ngày Giáng Sinh, rằng những phép màu thường xảy ra và cả những ước mơ xa vời cũng có thể trở thành hiện thực. Phải, anh yêu Giáng Sinh và anh thật lòng tin vào những điều mình nói. Không có điều gì là bất khả vào ngày Giáng Sinh nếu người ta để cho tinh thần của nó tràn ngập trong lòng mình và một mực tin vào điều đó. Anh biết cái tinh thần ấy đang trào dâng trong tâm hồn em và anh cũng thấy cái nhìn em trao anh khi anh nói với Cody là đúng đấy, có một Santa Claus. Anh biết điều này nghe có vẻ thật điên rồ nhưng mà anh tin. Santa Claus ở trong mỗi chúng ta em Kathryn ạ, vấn đề là chúng ta cần để cho ông ấy được phép là chính mình.

Bây giờ thì anh phải đứng lên kiểm tra dầu nhớt máy bay rồi phi thẳng vào không trung. Đài không lưu báo cho biết cơn bão không xuất hiện trong đường bay của anh cho đến lúc anh đến Kansas. Anh muốn có mặt ngay ở nhà với em và con để hưởng một đêm Noel tuyệt diệu nhất.

Anh biết em sẽ không để cho anh phải nhắc em là không nên lo lắng cho anh trong lúc anh đang bay, bởi vì dù sao thì em cũng vẫn lo âu. Hãy nhớ rằng anh đang về nhà với mẹ con em như bao giờ cũng vậy, bằng cách này

hay cách khác. Anh chịu không thể nghĩ ra bất cứ điều gì có thể ngăn cản không cho anh về nhà để sà vào vòng tay em. Nay, có thể anh sẽ quá giang trên cỗ xe trượt của già Santa đây. Trước khi anh lên đường, hãy nhớ rằng anh yêu em với tất cả tâm hồn và trái tim mình. Anh biết em có thể cảm thấy tình yêu ở một khoảng cách hàng ngàn dặm, bởi vì chính lúc này anh cũng cảm thấy tình yêu của em. Gặp em trong bữa tối nhé, tình yêu của anh.

Hôn em và yêu em mãi mãi,

Daniel”

Kathryn nhìn chăm chăm vào tên anh dưới lá thư hồi lâu, sau đó cô nhắm mắt lại, cố tập trung để cảm thấy linh hồn anh ở trong cô. Kathryn biết chồng mình không thể chết bởi vì cô vẫn cảm thấy anh với tư cách là một người còn đang hiện hữu. Chỉ có điều cô không biết anh có khỏe không hay lại đang nằm đâu đó trên băng tuyết, bị thương, không thể gọi cô đến cứu, cảm thấy sự sống đang từ từ rút khỏi cơ thể. Cô cảm thấy một thôi thúc mãnh liệt muốn chạy ngay ra ngoài mênh mông tuyết trắng kia để tìm anh.

Cửa trước mở ra, Cody bước vào với một ôm củi trên tay, gió và bão tuyết hú lên, ủa theo cậu vào nhà. Kathryn giả vờ như không có chuyện gì nhưng cậu con trai đã nhìn thấy vệt nước mắt chảy dài trên má người mẹ.

“Có chuyện gì vậy mẹ?”, cậu hỏi trong lúc đặt củi xuống gần lò sưởi. “Chắc mẹ đang lo lắng cho ba, phải không? Con biết mẹ không muốn cho con biết, nhưng vừa nãy cô Sara có gọi điện thoại đến hỏi thăm mẹ con mình có ổn không. Con biết máy bay của ba bị rơi. Nhưng mẹ cũng đừng lo lắng quá. Mẹ hiểu rõ ba mà, ba sẽ không sao đâu. Ba chẳng luôn nói rằng Chúa sẽ không bao giờ chơi trò gì xấu với ba đó sao.”

Kathryn mỉm cười buồn bã, cậu con trai giống cha như đúc làm cho sự lo âu, nhưng nhớ của cô thêm mãnh liệt hơn. Cody cố tạo ra một vẻ mặt can trường, nhưng cô vẫn có thể thấy vẻ lo âu trong đôi mắt trong veo của nó... cũng cái nỗi lo cô đã nhiều lần bắt gặp trong mắt Daniel khi có điều gì đó làm anh ưu phiền.

Trong đầu cô lại sống lại một kỷ niệm khác của hai người trong lần đầu gặp gỡ. Phải, cô đã bị anh lôi cuốn ngay từ cái lần đầu tiên. Sau này cô thích nhắc lại với anh rằng anh là một người đàn ông thật đặc biệt và cô biết anh sẽ làm được bất cứ điều gì anh có trong đầu. Anh đã đỏ bừng mặt trước lời khen của cô, rồi lại nhìn cô bằng ánh mắt giờ đây dường như đang dõi theo cô từ khoảng cách hàng ngàn dặm. “Anh chỉ là một người đàn ông bình thường, cô bé ạ. Mỗi lần mặc quần anh cũng chỉ xỏ vào được có một chân và toàn thân anh đang rỉ máu. Em không nên dính dáng đến anh vì một ngày nào đó có thể anh ra đi mà sẽ không có ngày về.”

Kathryn lắc đầu để xua đuổi những lời nói này ra khỏi ký ức. Năm tháng qua đi và hình như thái độ ngạo nghễ, bất cần cũng bớt dần, trong khi anh như trẻ lại và yêu cuộc sống đời thường hơn. Cô giang tay ra cho Cody và mỉm cười.

“Đến đây, ôm mẹ đi con, con trai mẹ trưởng thành mau quá. Mẹ yêu con biết nhường nào.”

Cody bước lên ôm mẹ thật chặt, trong lòng tha thiết mong mỗi cậu có thể ra khỏi nhà đi tìm cha. Cậu hết lòng muốn làm điều đó, nhưng lại biết rằng mẹ cần có cậu bên cạnh vào lúc này và sẽ không để cho cậu làm thế. Gió gào thét lên từng hồi giận dữ, tuyết đổ xuống như trút quanh nhà trong lúc Kathryn đang ôm chặt con vào lòng tạ ơn Chúa là cô còn có đứa con và cầu nguyện cho cha nó bình an.

*

* *

Bếp lửa Cody nhóm lên cháy rất đượm và Kathryn ngồi bó gối trên chiếc ghế kê trước lò sưởi rất lâu sau khi Cody đã đi ngủ. Mỗi một phút trôi qua cô lại thêm lo lắng cho chồng. Cô biết rằng bao giờ Daniel cũng cảm thấy thoải mái khi ở ngoài trời và trong điều kiện bình thường anh có thể trải qua một đêm bão tố dữ dội mà không hề hấn gì. Nhưng máy bay của anh đâm xuống đất và có lẽ anh đã bị thương mà lại bị thương rất nặng. Càng lúc cô

càng trở nên lo sợ hơn cho tính mạng của anh và với những ý nghĩ bồn loạn ấy, một phần trong cô cũng chết theo. Cô cố xua đuổi cảm giác hãi hùng đó và xem xét mọi việc một cách tích cực hơn.

“Nếu mình tập trung, thật tập trung với tất cả năng lượng tinh thần, với cả tấm lòng, có thể điều đó sẽ mang đến cho anh cảm giác ấm áp, an toàn cho đến khi người ta tìm ra anh ấy.” Khi ngọn lửa tàn dần chỉ còn những hòn than ửng hồng, ý nghĩ nóng bỏng của Kathryn về chồng cũng giảm dần và cô chìm vào trong giấc ngủ. Cuối cùng khi lò sưởi đã tàn hẳn với một lớp tro xám ánh sáng chỉ còn hắt lên lò mờ thì Kathryn giật mình choàng dậy bởi một tiếng động bên ngoài. Những ngọn đèn nhấp nháy muôn màu trên cây thông Noel sáng rực lên qua cửa sổ phòng ngủ lúc cô ngồi dậy, một mồi nhận ra có tiếng động lạ. “Nghe như có tiếng chuông” cô nghĩ trong lúc đứng lên. Đúng, nghe có tiếng chuông ngân lẩn với tiếng đập lên tuyết nghe lạo xạo của một con vật nào đó ở rất gần. Cô tự hỏi không biết có phải tiếng vó ngựa xồng ra khỏi chuồng không trong lúc phòng ngoài mở cửa. Ngoài trời cơn bão đã tan, đêm trở nên trong trẻo và yên tĩnh. Trăng như một đĩa bạc lớn và vô số các vì sao lấp lăm hiện lên trên màn trời, lớp tuyết mới rơi xuống mặt đất sáng ngời lên tinh khôi làm cho đêm cũng gần như là ngày.

Nhưng Kathryn chẳng có tâm trạng nào thưởng thức vẻ đẹp của đêm huyền diệu, tất cả những gì cô trông thấy có thể làm cô vừa khóc vừa cười. Một cỗ xe trượt nhỏ chở đầy các túi bằng vải bạt đang đậu ở sân trước. Tám con tuần lộc đang gõ móng lên lớp tuyết mới phủ lên lớp cỏ mịn màng trên mặt đất. Đứng giữa cô và cỗ xe trượt là một người đàn ông nhỏ bé tròn vo đang giúp một người đàn ông cao lớn đi vào nhà. Người bé nhỏ có một bộ râu rậm trắng như cước, đôi má đỏ ửng, tia sáng trong cặp mắt ông có thể làm lu mờ ánh sáng của các vì tinh tú trên bầu trời. Bộ đồ màu đỏ với đường viền trắng như tuyết khiến cô không thể không biết ông là ai... mặc dù cô không thể làm cho mình tin vào điều đó. Người đàn ông cao lớn làm cho cô ngỡ ngàng không tin vào mắt mình.

“Daniel hả?”

“Daniell!!!”

Anh ngẩng mặt lên cười một nụ cười ngờ nghệch mà anh vẫn có khi say rượu, thế là tất cả mối hoài nghi của cô tan biến. Cô lao về phía anh, sau đó lại nghĩ ra điều gì đó, quay lại giữ cánh cửa mở trong khi già Santa giúp Daniel leo lên cầu thang bước lên bậc thềm. Kathryn ra hiệu cho ông già và giúp một tay đặt chồng cô nằm vào đi văng. Cô ôm chặt lấy chồng, hôn như mưa vào mặt anh nhưng hình như anh vẫn chưa thật tỉnh. Cô đắp mền ấm lên người anh rồi quay qua ông già Noel.

“Có chuyện gì xảy ra với anh ấy... mà không, trước hết làm sao ông tìm được anh ấy? Hượm đã... xin lỗi, tôi phải cảm ơn ông... cảm ơn thật nhiều vì đã đem Daniel về cho tôi.”

Ông già nháy mắt với Kathryn rồi mới nói:

“Trước khi nói câu cảm ơn tôi, cô cần phải biết rằng chính vì lỗi của tôi mà anh ấy có vấn đề với cái máy bay và đã rơi xuống đất. Tôi đánh xe phía sau, không chú ý lắm, và chẳng chắc những con tuần lộc cũng đã già mất rồi... suýt nữa chúng tôi đâm vào máy bay của chồng cô. Anh ấy là một người điều khiển tốt đấy... giỏi hơn tôi” ông cười, đỏ mặt lên ngượng ngùng. “Anh ấy tránh được một cú va chạm nhưng lại làm máy bay của mình tan tành. Có lẽ đầu anh ấy bị u một cục kha khá đấy. Tôi đã cho anh ấy uống rượu rum, giúp cho anh ấy không cảm thấy đau quá.”

Ông dừng lại nháy mắt một cái nữa với Kathryn. “Mục đích của loại điều trị này chỉ có cô mới thấy rõ.”

Kathryn mỉm cười. “Ông đã mang anh ấy về cho tôi và chỉ có điều đó là đáng kể thôi. Ông là một người tuyệt diệu, Santa ạ.”

Cô quay về phía Daniel đang nằm trên đi văng, nói tiếp. “Bây giờ thì tôi biết là có một Santa Claus. Tôi ghét phải thừa nhận điều đó, trước đây tôi không tin vào chuyện đó. Nhưng mà anh ấy thì bao giờ cũng tin, và tôi nghĩ ông biết rõ chuyện này.”

“Tôi biết.”

Kathryn quay sang Santa, ngạc nhiên khi thấy ông không còn đứng đó nữa. Cô chạy ra ngoài, cửa vẫn mở toang, Santa và cỗ xe trượt của ông không còn thấy đâu nữa. Khi cô mỉm cười, quay vào trong nhà, cô có thể nghe thấy tiếng chuông nhạc ngân lên lạnh lạnh trong bầu trời đêm tĩnh mịch ở vùng New Mexico.

Sau khi cho mấy khúc gỗ vào lò sưởi, Kathryn sửa tư thế nằm của Daniel cho thật thoải mái, đắp mền cho anh và dịu dàng vuốt tóc anh. Khi cô nhìn anh, niềm vui tràn ngập trong lòng cô. Trông anh thật bình an... thanh thản. Cô hôn lên cục u trên trán với đôi môi mềm dịu rồi từ từ đứng dậy đi vào phòng ngủ. Cô không muốn quấy rối giấc ngủ bình yên của anh. Cô muốn anh lấy lại được sức lực vào sáng mai, để cô có thể thể hiện tình yêu của mình.

*

* *

Con gà trống cồ đánh thức Kathryn dậy vào lúc tảng sáng. Mặt trời mùa đông muộn màng vừa nhô lên khỏi đường chân trời. Một vùng tuyết phủ mênh mông, những ngọn núi lửa, những đỉnh núi mặt bàn và thảo nguyên trải dài bên ngoài cửa sổ phòng cô nhuộm một màu hồng mờ sương bởi ánh phản chiếu của những ánh mây đỏ rực trên trời. Kathryn mở mắt nằm yên, chiêm ngưỡng cảnh tượng tuyệt đẹp này. Mỗi một buổi sáng đều là một phép màu mới mẻ và cô tận hưởng nó với tất cả rung động trong tim. Một lúc sau ý nghĩ của cô quay về với Daniel và cô chạy ra phòng khách để chúc anh một Giáng Sinh vui vẻ. Cô dừng lại khi thấy chiếc đi văng trống trơn, mền đã được xếp gọn gàng theo cái cách mà cô ưa thích. Không thấy Daniel đâu. Những nghi ngờ lại ập xuống ngay tức khắc.

“Tất cả chỉ là một giấc mơ? Cả Santa Claus nữa? Trí tưởng tượng...?”

Niềm vui bị dòng lũ cuốn trôi, thay vào đó là một nỗi sợ hãi rợn người. Nước mắt bắt đầu dâng lên trong đôi mắt to màu xanh da trời của cô.

“Ôi, đầu anh đau quá!” Một giọng rên rỉ vang lên sau lưng cô. Kathryn giật mình quay lại, Daniel khập khiễng đi từng bước từ phòng tắm ra phòng khách.

“Daniel!” cô kêu lên, lao vào cánh tay anh, ôm thật chặt và hôn tới tấp.

“Chào em yêu!” Daniel kêu lên, anh không giữ nổi thăng bằng nên ngã kênh ra sàn, Kathryn đè lên người anh, vẫn tiếp tục hôn tới tấp lên khắp mặt anh.

“Chúc Giáng Sinh, em yêu..” anh thì thầm.

Cô thôi không hôn anh mà nhìn sâu vào trong mắt anh, bao giờ cũng ngạc nhiên về cái màu xanh thẳm của nó và tình yêu khôn cùng trong đó.

“Chúc anh Giáng Sinh hạnh phúc, Daniel. Em thật vô cùng sung sướng khi thấy anh khỏe mạnh, an lành trong suốt những năm qua. Giáng Sinh này Santa Claus đã tặng em một món quà quý giá nhất trên đời... đó là anh. Em yêu anh Daniel.”

Đôi mắt có cái màu pha giữa xanh lá cây và xanh da trời của Daniel sáng lên long lanh khi anh mỉm cười.

“Anh cũng yêu em. Nhiều hơn là em có thể hình dung.”

Một nụ hôn dài, sau đó Daniel bật ra và nhìn cô thắc mắc.

“Có chuyện gì về Santa Claus?”

“Ông ấy cứu anh và mang anh về nhà,” cô nói giọng tỉnh queo. Vẫn về bối rối ấy, anh để bật ra một tiếng cười.

“Em nói gì vậy?”

Cô nhìn anh như thể bị méch lòng.

“Đừng có nhìn em cứ như em như là người điên ấy. Bộ anh không nhớ những gì xảy ra vào đêm hôm qua sao?”

“Không. Thực ra, điều cuối cùng mà anh nhớ là....”

Anh dừng lại, trầm ngâm một lúc lâu. Tim cô nhói lên lo lắng khi thấy mặt anh tái mét.

“Anh nhớ ra cái gì vậy, anh yêu?”

Daniel ngồi dựa lưng vào tường, kéo cô lại gần và ôm chặt lấy cô.

“Phải... anh đang bay, không gặp khó khăn nhiều với cơn bão và anh gần về đến nhà thì có một vật gì đó lao về phía anh. Thế là anh phải tăng tốc để tránh nó, đúng là anh không nhìn rõ lắm, nhưng anh thề đó là một bầy tuần lộc đang kéo một cỗ xe trượt. Anh nghĩ anh bị một con đập vào người. Điều tiếp theo mà anh nhớ là thức giắc trên chiếc sofa này, đầu đau như búa bổ.”

Kathryn nhìn anh cười ngây ngất.

“Ông ấy xin lỗi, anh ạ” và rồi cô cười khúc khích hồi lâu.

Đôi mắt Daniel mờ đi trong lúc nó dâng lên một niềm vui ào ạt mãnh liệt khi anh ngẩng nhìn người vợ xinh đẹp đoạn ôm ghì lấy nàng. Một lúc sau tiếng cười giòn tan đầy hạnh phúc của họ vang ra khỏi ngôi nhà vọng ra cả những bình nguyên tuyết phủ ở vùng New Mexico.

đêm thánh vô cùng

KIMBERLY RIPLEY

Đó là một đêm Giáng Sinh và giờ đây Susan chắc chắn rằng không một ai trong đại gia đình sẽ xuất hiện và ăn mừng Giáng Sinh với mẹ con cô. Trước đó mọi người đã hứa hẹn đủ điều nhưng lẽ ra cô phải biết rõ hơn là không nên tin vào những lời hứa hão của họ. Nhưng mà năm nay có khác. Đây là năm đầu tiên mà bất cứ ai trong gia đình nhỏ của cô cũng trải qua một kỳ Giáng Sinh mà không có Mark. Mà điều đó thì không dễ dàng chút nào.

Susan sống ở một thị trấn nhỏ bên ngoài Seattle với hai con trai là Liam và Alec và con gái là Kate. Cô và Mark yêu nhau được 7 năm trước khi họ bắt đầu có gia đình nhỏ của mình. Đó là gia đình mà cả hai cùng dồn vào đấy tất cả tâm huyết và hết lòng tự hào về nó. Từng bước, từng bước một họ làm đầy tất cả những phòng ngủ trong nhà. Ngôi nhà của họ là nơi Susan cảm thấy mình hoàn toàn thuộc về nó, bởi vì cô phải ở nhà với tư cách là mẹ, là cô giáo tại gia dạy bọn trẻ và là một người vợ hiền tựa cửa ngóng chồng mỗi khi anh đi làm về sau một ngày dài lao động cực nhọc.

Đó là khi Mark còn trở về nhà sau giờ làm việc. Đầu tiên Susan chấp nhận sự thật rằng anh phải làm nhiều hơn tám tiếng một ngày. Với lại, đó là cách họ phải xoay xở để cô có thể ở nhà lo việc nội trợ. Tuy vậy, những hiện tượng nho nhỏ bắt đầu xảy ra làm cho Susan cũng phải chú ý, như là những cuộc điện thoại đáng ngờ vào đêm khuya, tiếng thì thầm vội vã vào điện thoại khi cô đi vào phòng. Đó là một cái gì có ý nghĩa và cô không thể chỉ đơn giản nói bóng nói gió hay giả vờ là không biết cái gì đang xảy ra ngay trước mắt. Cuối cùng cô phải đối mặt với sự thật. “Anh đang có bồ à?” một ngày mùa thu đầy nắng ấm cô quyết định nói toạc ra tất cả.

Không hề lộ một vẻ bối rối hay có tội nào trên nét mặt, anh trả lời một cách cực kỳ đơn giản. “Phải.”

Hai ngày sau anh dọn đi, để Susan lại một mình với một công việc không được trả lương, một ngôi nhà và ba đứa con nheo nhóc. Cô chưa bao giờ hòa hợp thực sự với những người trong gia đình. Khi còn con gái, cô đã làm họ thất vọng sâu sắc vì không trở thành một bác sĩ hay một luật sư như nhiều thế hệ trong dòng họ Kendall đã nêu gương cho cô. Thay vì thế cô lại chỉ trở thành một người gõ đầu trẻ và trong khi cô thật sự yêu cái nghề mình đã chọn, cô lại hài lòng với việc nghỉ dạy ở trường tiểu học Berkshire, dành toàn bộ thời gian để nuôi dạy đàn con nhỏ nối tiếp nhau ra đời.

Khi Mark bỏ đi, cô đã cố tìm được một chỗ dạy thế cho một giáo viên trong trường. Cô không muốn gửi bọn trẻ vào trường công, nhưng cô chẳng còn sự chọn lựa nào khác. Những đứa con cô đâm ngơ ngác, chán nản. Được mẹ dạy dỗ chu đáo ở nhà, chúng bỏ xa những đứa bạn trong lớp mới đến hàng dặm đường.

Đồng tiền trở nên eo hẹp đến nỗi Susan đành phải dẹp lòng kiêu hãnh sang một bên mà chấp nhận những gói đồ ăn và quà cứu trợ mà các tổ chức xã hội trong vùng gửi đến. Cô không biết ai đã báo cho họ hoàn cảnh của cô, nhưng cô đoán có ai đó dạy cùng trường đã làm việc đó.

Và hôm nay là ngày 24 tháng 12, cô ngồi mở hộp quà họ gửi đến cho gia đình cô nhân ngày Giáng Sinh: một con búp bê đúng một mới nhất, một hộp phấn và cái gương nhỏ cũng giống như cái gương mà con búp bê cầm, dành cho Kate; bóng rổ và vợt dùng để chơi bóng rổ cho Liam; một bộ màu nước và một xấp giấy vẽ khổ lớn cho Alec. Rõ ràng dù ai đã chọn món quà này thì người ấy cũng biết một cái gì đó về gia đình nhỏ của họ. Liam chơi bóng rổ kể từ ngày nó chập chững biết đi và chỉ mới đây đã phải vá lại những lỗ thủng trên quả bóng cũ của nó để rồi đứng đấy nhìn quả bóng lại xẹp lép xuống trong vòng nửa tiếng đồng hồ. Alec thích vẽ và nó vẽ rất khá. Kate yêu những con búp bê của nó, nhưng vừa mới đây nó thông báo với mẹ về một loại búp bê mới.

“Con quá lớn để chơi những con búp bê con nít này rồi,” nó bảo mẹ về giận lẫy.

Susan chỉ biết mỉm cười khi chị nhớ lại chị đã chơi những con búp bê con nít cho đến lúc gần 12 tuổi. Nhưng mới lên 8 Kate đã có vẻ khôn trước tuổi. Susan cảm thấy đặng ngắt trong lòng khi nghĩ việc cha chúng bỏ đi đã làm cho tất cả bọn chúng vội vã trở thành người lớn.

Ít nhất thì đây cũng là một bữa tiệc Giáng Sinh ngon lành. Một con gà tây nặng đến 7, 8 ký đang rã đông trong lò. Một vài giờ nữa nó sẽ được nhồi đầy bụng. Rau tươi đủ để ăn suốt tuần.

Một ai đó còn gửi cả một ổ bánh nướng. Một cái thùng nữa đựng những món ăn đóng hộp. Susan ngạc nhiên khi lôi ra nào bơ đậu phộng, mứt quả, café, những hộp cá ngừ và súp, ngoài ra còn có đồ vệ sinh như xà bông tắm, dầu gội đầu, kem đánh răng. Có một ai đó hiểu rõ những khó khăn của họ và đã làm tất cả để cho kỳ Giáng Sinh của mẹ con chị không đến nỗi là một kỷ niệm buồn.

“Cầu Chúa phù hộ cho tấm lòng của họ” Susan thốt lên khi chị cất những món đồ tiếp tế đi. Buổi tối hôm nay sẽ là một khó khăn đây. Susan có thể cảm thấy điều đó rất rõ. Chị mở những bài hát Giáng Sinh, nhóm lên ngọn lửa trong cái lò sưởi nhỏ bằng gỗ. Tạ ơn Chúa là chị đã linh cảm trước mà cho sửa lại cái lò sưởi vào mùa đông năm ngoái. Chị sẽ tốn nhiều tiền hơn nếu phải dùng dầu để sưởi ấm cả căn nhà. Với lại một lò sưởi đốt bằng củi tạo nên không khí ấm cúng hơn. Không có cái gì làm sưởi một căn phòng và một trái tim hơn một bếp lửa ấm áp với tiếng ngọn lửa nổ tí tách. Và nó cũng làm cho không khí đêm nay có vẻ lễ hội hơn.

Tiếng ấm nước sôi làm Susan giật mình ra khỏi tâm trạng đắm chiêu. Chị phải đặt lên bếp món sôcôla nóng. Chị nghĩ chị sẽ cho mỗi đứa con một cây kẹo thật to và chúng có thể dùng để quây với sôcôla nóng. Susan nhớ là mình đã làm như thế ở nhà bà nội khi chị còn là một cô bé. Chị thích đến nhà bà, bà chính là người duy nhất trên đời yêu thương Susan bởi vì chị chỉ là một Susan. Chị không bao giờ giả vờ là một người khác, không cố làm cho mình tốt hơn, hoặc thông minh hơn bất cứ ai khác. Bà nội biết cách yêu một người chỉ vì người đó là chính mình. Nhưng bà đã qua đời vào lúc

Susan 17 tuổi và những đứa con của chị không bao giờ có được cái điểm phúc được gặp bà trong đời. Đặt những ly sôcôla nóng hổi lên bàn ăn trong bếp, Susan gọi con xuống bếp.

Chúng háo hức ngồi vào bàn, bắt đầu quây những cây kẹo vào trong ly sôcôla đậm và béo. Susan bày ra bàn bánh quy giòn với bơ đậu phộng đặt trong những cái đĩa gỗ có trang trí hoa văn lễ hội trước vốn là của bà nội. Susan vẫn ấp ủ mãi trong lòng mình những giá trị thuộc về người bà thân yêu. Và chị cố làm sao cho bà chị vẫn hiện diện trong cuộc đời những đứa con chị bằng cách thường xuyên kể cho chúng nghe những câu chuyện về bà và tiết lộ những công thức nấu nướng mà bà cháu chị cùng làm với nhau.

“Mẹ nghĩ mấy giờ thì Santa sẽ đến?” Alec hỏi.

“Không trước lúc ông biết rằng tất cả mọi người trong nhà đều đã ngon giấc.” Susan đáp.

“Dì Emily và cậu Jake có đến không ạ?”. Kate hỏi, giọng nói và khuôn mặt nó vẫn ánh lên niềm hy vọng.

“Mẹ không nghĩ thế, con yêu. Nếu họ đến thì chắc chắn là giờ này đã có mặt ở đây rồi.”

Cái vẻ thất vọng lồ lộ trên khuôn mặt của cả ba đứa con gần như làm cho chị cảm thấy khó lòng gượng hơn được nữa. Chị hết sức mệt mỏi và thất vọng, nhưng đã phải cố hết sức khoác một vẻ mặt tươi vui trước mặt lũ trẻ. Giờ đây cảm thấy nỗi thất vọng của con trẻ là một cái gì đó quá sức chịu đựng, chị cầm lấy ly đồ uống của mình bước vào phòng khách trong lúc bọn trẻ ăn nốt món bánh. Nhìn cây thông Noel nghèo nàn, xơ xác chỉ có vài món quà nhỏ bên dưới, chị ngả khuỷu người xuống tấm thảm, nước mắt dâng lên hàng mi. “Con cầu xin Chúa,” chị lặng lẽ cầu nguyện. “Xin Chúa hãy ban cho những đứa trẻ này một Giáng Sinh hạnh phúc. Con đã cố hết sức mình để đáp ứng lại mong ước của chúng. Nhưng con không nghĩ mình có thể làm nổi việc đó.”

Một mình đứng lên và ngồi phịch xuống ghế, Susan cầm lên tờ báo buổi sáng mà chị hiếm khi nào có thời gian liếc qua. Và ở đây, cứ như thể là câu trả lời trực tiếp cho lời cầu nguyện của chị, là cái điều mà chị đang tìm kiếm.

“Nhà thờ Good Shepherd tổ chức lễ mừng Giáng Sinh vào lúc 7 giờ và nửa đêm.”

Từ ngày còn bé, Susan đã thích những buổi đi lễ nhà thờ với bà nội. Đặc biệt là vào đêm Noel, thời khắc ấy bao giờ cũng là khoảng thời gian hạnh phúc nhất trong cả mùa Giáng Sinh! Tuy vậy, thật đáng buồn chị chưa bao giờ đưa con đi nhà thờ. Chúng cũng còn chưa dự lễ ban thánh thể nữa. Mark coi tất cả những chuyện đó là những trò vô nghĩa - thậm chí còn là ngu xuẩn nữa. Sao lại bắt người ta tuần nào cũng phải tụ tập ở nhà thờ và cho đi những đồng tiền khó khăn lắm mới kiếm ra được? Susan không nghĩ như anh nhưng cũng nhượng bộ để chiều theo ý chồng.

Bây giờ thì chị biết đó chính là việc họ cần phải làm vào đêm nay.

“Alec, Liam, Kate ơ”, chị gọi với vào trong bếp. “Dọn dẹp phòng các con đi. Mẹ đi tìm quần áo đẹp cho các con mặc. Chúng ta sẽ đi đến một nơi thật đặc biệt.”

“Đi đâu ạ?” Ba đứa trẻ đồng thanh kêu lên.

“Các con cứ chịu khó chờ đi rồi sẽ thấy”, chị nói với một vẻ gì khàng khác trong giọng nói và trên khuôn mặt.

“Nhưng mẹ ơ, bây giờ muộn rồi còn gì.” Liam kêu lên.

“Phải, đúng thế”, chị đáp. “Và đó là một phần của phép lạ đêm Giáng Sinh.”

Chẳng bao lâu sau Susan đã tìm ra những bộ quần áo cũng đủ tươi tắn để cho chúng mặc đến nhà thờ trong một ngày lễ trọng đại vui tươi.

Kate mặc một cái áo khoác liền quần bằng nhung đỏ thừa hưởng của một cô gái bên nhà hàng xóm. Một chiếc áo cao cổ màu trắng với cái nơ đỏ cài

trên tóc làm cho cô bé có vẻ sẵn sàng cho một bức ảnh chụp Giáng Sinh. Liam và Alec mặc những chiếc quần màu đen, áo sơ mi màu trắng và Susan phải mất 20 phút để cắt và sửa hai cái nơ cổ áo cũ của Mark cho vừa với chúng. Hai cậu con trai trông chừng chặc và người lớn hân hỉ lên trong bộ đồ mới và những chiếc nơ. Susan cảm thấy rất hạnh diện về con.

Thật đáng mừng là trong suốt thời gian nghỉ để ở nhà nuôi dạy con, Susan không lên cân mà cũng không giảm cân. Những chiếc váy mà chị mặc khi lên lớp vẫn vừa vặn như in. Susan chọn một cái váy nhung đen đi kèm với một cái áo len màu đỏ tươi. Cúi xem bức ảnh về gia đình nhỏ của chị sẽ như thế nào.

Chị giục đàn con chui ngay vào chiếc xe lạnh cóng. Bây giờ là 11 giờ 30 và từ nhà họ đến nhà thờ mất 15 phút. Vẫn háo hức như trẻ con bao giờ cũng thế, cả ba đứa thi nhau hỏi mẹ chúng hết câu này đến câu khác. Nhưng Susan đã quyết định giữ bí mật đến cùng. Khi xe họ chạy vào khu vực đậu xe của nhà thờ, ánh đèn sáng trưng và quang cảnh trang hoàng lộng lẫy lập tức thu hút sự chú ý của bọn trẻ.

“Trời đất,” Alec kêu lên. “Coi ánh điện kìa!”

“Họ là ai vậy mẹ? Sao họ lại đi cả ra ngoài trong lúc trời lạnh như thế?” Kate hỏi.

“Họ là những người rất đặc biệt,” Susan giải thích. “Chúng ta sẽ đi vào bên trong và con sẽ nghe những câu chuyện về họ.”

Lặng lẽ đi vào nhà thờ, họ chọn một hàng ghế ở gần ngay chính điện. Một người phụ nữ đưa cho Susan và bọn trẻ bản chương trình để họ tiện theo dõi những tiết mục chính và danh mục các bài thánh ca.

“Con biết những bài hát này” bọn trẻ kêu lên.

“Tất nhiên các con biết, dù vậy mẹ dám cá là các con không biết đó là những bài thánh ca.”

Họ cùng hát với ca đoàn bài “Đến với tất cả lòng trung thành.” Tiếng đàn organ và các giọng hát cao vút chạm lên đến cái trần cao cao trong nhà thờ. Những âm thanh thần tiên và Susan nhớ lại cái niềm vui thuần túy, trong trẻo mà chị thường cảm thấy trào dâng trong lòng mỗi khi cô bé Susan cùng bà nội đi lễ nhà thờ. Nó đã trở thành một phần quan trọng nhất trong một buổi lễ mừng Giáng Sinh đối với cả hai người. Cảm xúc nổi lên các trái tim và khi các giọng hát cất cao mừng Chúa Giáng Sinh, chị thấy trong lòng mình bùng lên một xúc cảm mãnh liệt lẫn át tất cả những cảm xúc khác và bao giờ nó cũng làm mắt chị mờ lệ.

Bọn trẻ ngồi như bị thôi miên khi vị linh mục bắt đầu đọc câu chuyện về Mary và Joseph từ trong kinh thánh. Và vị thiên sứ nói với bà: “Đừng sợ, Mary. Bởi vì người đã có được ân huệ của Chúa. Nghe đây, người sẽ mang trong lòng mình một bào thai và sẽ sinh ra một người con trai, người này sẽ được gọi là Jesus.”

Susan mỉm cười khi quan sát những bộ mặt háo hức chăm chú của đàn con.

“Và người mang đứa con mới đẻ đến, quấn nó vào trong một cái tã rộng rồi đặt vào máng cỏ bởi vì không có chỗ dành cho họ trong quán trọ. Rồi các vị thiên sứ của Đức Chúa Trời xuất hiện gặp những người đang chặn đàn cừu và truyền khẩu dụ: “Đừng sợ, bởi vì ta mang đến cho các người đợt sóng tốt lành của một niềm vui tối cao mai này sẽ đến với tất cả mọi người. Vì lợi ích của các người, ngày hôm nay ở thành phố của David, một đấng Cứu thế đã ra đời, đó chính là Đức Chúa Jesus.”

“Mẹ ơi, chuyện này có thật không?” Kate thì thầm hỏi. Susan lặng lẽ gật đầu và tiếp tục dõi theo câu chuyện mà cha linh mục đọc.

Khi câu chuyện kết thúc và dàn đồng ca cất cao lời hát “Niềm vui cao cả trên đời”, một lần nữa Susan lại cảm thấy cái niềm vui thực sự, đầu tiên có trong tâm hồn chị từ ngày còn thơ bé. Chị hết lòng mong mỗi những đứa con mình cũng biết đến chính cái niềm vui ấy - trạng thái sung sướng lâng

lâng mà chị biết rất rõ vào ngày bà nội chị còn sống và thường xuyên đi lễ nhà thờ với bà chứ không chỉ vào những ngày lễ lớn.

Khi các giáo dân bắt đầu rời nhà thờ, vị linh mục đi đến gần mẹ con chị. Cha linh mục còn rất trẻ, không giống như cha Martin thường giảng đạo khi Susan còn bé.

“Chúc Giáng Sinh vui vẻ,” cha mỉm cười chào họ. “Tôi chưa từng thấy những vị khách này ở đây bao giờ. Các vị mới đến giáo xứ này chăng?”

“Không, thưa cha. Thực ra con đã đến nhà thờ này từ khi con còn bé.” Susan đáp.

“Tôi là Don Marden, còn các con?”

“Con xin lỗi thưa cha, con đã quên hết cả cung cách rồi. Tên con là Susan Kendall và đây là con của con Alec, Liam và Kate. Chào cha đi các con.”

“Chúng con chào cha” cả bọn đồng thanh đáp.

Cha cố cảm thấy có một điều gì đó trong gia đình bé nhỏ này nhưng không thể gọi rõ tên nó ra được. Ông cúi đầu đưa ra một lời mời.

“Một số thành viên trong nhà thờ đang tập trung ở căn phòng phía dưới ăn mừng Giáng Sinh và cùng hát thánh ca. Tại sao mọi người lại không đến đấy nhỉ?”

“Các con nghĩ sao?” Susan hỏi bọn trẻ.

Những cái gập đầu đồng ý quyết định thay cho chị và họ đi theo linh mục xuống một cái cầu thang. Gian khánh tiết của nhà thờ được trang hoàng bằng những gam màu tươi vui. Cây thông ở giữa phòng cao gần đến 4 mét. Bọn trẻ con trong trường ngày Chủ Nhật đã trang trí cây thông bằng những vật tự làm lấy. Mùi của hoa tươi và bánh nướng làm thành một bầu không khí thật ấm cúng, thoải mái khác xa với căn nhà nhỏ mà họ mới rời cách đây chưa đầy hai tiếng đồng hồ.

Susan và bọn trẻ được rất nhiều thành viên trong nhà thờ đón chào nồng nhiệt. Họ sốt sắng mời khách an tọa. Một ai đó rót đầy những ly rượu táo âm ỉm để trước mặt họ và mang đến những đĩa bánh mới. Bánh rất ngon, những ly rượu táo hâm nóng làm cho họ ấm người lại. Cha linh mục giới thiệu mẹ con họ với rất nhiều người và những người này lại tự giới thiệu mình. Cuối cùng khi gia đình nhỏ nhận thấy chỉ còn hơn chục người ở lại, họ quyết định đã đến giờ đi về nhà.

Đi vào trong bếp, họ hỏi người phụ nữ đang đứng rửa bát xem vị linh mục đi đâu. Họ muốn chúc cha một Giáng Sinh vui vẻ và cảm ơn cha đã mời họ ở lại. Thật là một buổi tối tuyệt vời đối với bọn trẻ. Susan nhớ lại nhiều buổi tối như thế khi chị và bà nội cùng đi nhà thờ; sau buổi lễ họ cũng sung sướng tham dự vào buổi tiệc Giáng Sinh ở trong phòng khánh tiết của nhà thờ. Buổi tối hôm nay đã khẳng định với Susan là chị đã có những cảm nhận đúng đắn từ rất lâu rồi - rằng những đứa con chị cần và phải lớn lên trong tình yêu thương chăm sóc của đại gia đình trong nhà thờ. Chị biết đó là việc chị phải làm.

Thất vọng vì không tìm thấy cha Marden trước khi ra về, họ cảm ơn tất cả mọi người xung quanh về khoảng thời gian tuyệt diệu vừa qua rồi mặc áo khoác, đội mũ mang găng tay và đi về phía chiếc xe đang đợi.

Những bông hoa tuyết xộp nhẹ, bông bành rơi xuống phố, vàng trắng vắng vặc ngợ trên bầu trời trong sáng.

“Thật là một đêm tuyệt đẹp!” Susan kêu lên, không có ý nói với một người cụ thể nào.

“Ở trong ấy cũng rất đẹp,” Kate nói, chỉ tay về phía nhà thờ. “Thỉnh thoảng chúng ta có thể đi đến đây không mẹ?”

“Có chứ, thực ra mẹ nghĩ chúng ta có thể hình thành thói quen đi lễ nhà thờ.”

Cả bốn người im lặng trong khi cỗ xe phóng nhanh về nhà. Không khí tuyệt vời của đêm Giáng Sinh với ý nghĩa mới mẻ của nó đã tác động đến

bọn trẻ và tất cả đều chìm đắm trong những suy tư của riêng mình.

Ít phút sau khi về đến nhà, Susan phải bế Kate vào nhà. Nó lập tức ngủ thiếp đi sau khi xe lăn bánh được một lát. Alec mở cửa giúp mẹ còn Liam thì bật đèn lên. Chạy lên cầu thang trước Susan, hai đứa con trai mở cửa phòng ngủ của Kate.

“Ngủ ngon con yêu của mẹ,” Susan nói khi đặt một cái hôn lên trán Kate. Quay xuống dưới nhà, bọn con trai hỏi xin mẹ cho chúng ra ngoài sân trước xem tuyết rơi.

“Các con không mệt à? Các con cũng biết là Santa sẽ không xuất hiện khi chúng ta vẫn còn thức cơ mà.”

“Ôi, thôi đi mẹ. Bộ mẹ nghĩ chúng con vẫn còn tin vào những chuyện ấy sao? Chúng con chỉ giả vờ nghĩ như thế vì Kate thôi.”

Cảm động trước thái độ ân cần của con trai, Susan cho phép chúng ra ngoài sân đón không khí Giáng Sinh. Đặt một ấm nước lên bếp lò, chị quyết định làm một ly trà trước khi đi ngủ.

“Mẹ ơ ra ngoài này - nhanh lên mẹ!”

Hoảng sợ trước một cái gì như là báo động trong giọng nói của Alec, chị đánh rơi cái hộp đựng trà túi lọc xuống sàn và chạy vội ra ngoài sân.

Ở góc bên phải sân trước là một cái túi bằng nhung đỏ, có điểm những chiếc nơ bằng nhung màu xanh. Cái túi phồng lên rất to.

“Ở đâu đến vậy con?” Susan hỏi.

“Con thề với mẹ là chúng con không biết,” Liam trả lời thay cho anh. “Chúng con chỉ bước ra ngoài, đi ra đến đây để bắt một ít bông tuyết. Thế là chúng con tìm thấy cái túi này.”

“Hãy mang nó vào trong nhà” Alec kêu lên.

Hai đứa con trai kéo cái túi nặng vào trong nhà bếp, bắt đầu đổ các thứ trong túi ra bàn và lên sàn nhà. Có hàng chục gói quà lớn nhỏ, ngoài ra còn

táo, cam và những chiếc lọ lớn đựng hạt dẻ. Một chiếc kẹp quả hạnh rất đẹp bỏ trong một túi vải nhỏ có dây thắt.

“Giống hệt cái trong lớp học balê mà Kate rất thích” Liam kêu lên.

“Những món quà này đều có viết tên lên mẹ ời!” Alec reo lên.

Quả vậy. Có 12 gói quà - 3 gói đề “Già Santa tặng bé Kate”; ba gói đề, “Quà cho Liam của Santa”; ba gói viết, “Santa gửi cho Alec”, ba gói còn lại tặng cho chính Susan. Dưới đáy túi là một cuốn sách. To và nặng, phải hai đứa con trai mới đủ sức lôi nó ra đặt lên bàn.

“Cuốn kinh thánh” Susan kêu lên kinh ngạc.

“Kinh thánh là cái gì ạ?” bọn con trai hỏi.

“Đó là lời của Chúa,” Susan giải thích. “Nó có cả câu chuyện về Giáng Sinh mà chúng ta vừa nghe trong nhà thờ tối nay.”

Bất thần Susan nghĩ chị biết một điều gì đó. Cha linh mục ở nhà thờ hẳn đã đến đây chuyển những món quà này trong khi mẹ con chị đang chung vui cùng mọi người ở đại sảnh. Đó là lý do tại sao ông không có mặt ở nhà thờ để mẹ con chị có thể chào tạm biệt. Nhưng làm sao ông biết họ muốn gì? Dù vậy, không cần một câu trả lời. Susan nhớ lại một cái gì đó mà bà nội đã nói với chị rất nhiều năm về trước và chị nhớ lại lời cầu nguyện của chị chỉ mới cách đây mấy tiếng.

“Cứ cầu xin đi và con sẽ được nhận.”

Năm ấy niềm vui Giáng Sinh của họ còn lớn hơn những món quà bí mật nằm đợi ở sân trước rất nhiều - một niềm vui không gì có thể đo được.

Ông ngoại đâm phải bảy tuần lộc

DANIEL ‘CHIP’ CIAMMAICHELLA

Khi mặt trời lên khỏi những đỉnh núi tuyết phủ trắng xóa trong dãy núi Sangre De Cristo, ánh sáng bàng bạc của nó trải trên bức tranh cuộn của dải bình nguyên và những mỏm núi ở phía đông một ánh hào quang không có thật, hết sức kỳ ảo. Mặc dù đã sinh ra và lớn lên ở gần đây, chỉ cách Raton 30 dặm về phía Bắc, và sau khi đã đi theo con đường cao tốc I-25 suốt một chặng dài từ Denver đến đây, Jed Cooper vẫn hoàn toàn sững sờ trước vẻ đẹp hoang sơ đầy ấn tượng của vùng này.

Là một chuyên gia an ninh có tiếng trong phạm vi quốc gia, phần lớn thời gian trong đời Jed là cùng chiếc xe rong ruổi trên các chặng đường dọc ngang đất nước và điều này làm ông hoàn toàn hài lòng, kể cả trong một đêm vui Giáng Sinh như thế này. Ông chưa bao giờ lấy vợ, bố mẹ thì đã quy tiên từ lâu. Không có những cái rẽ cắm vững chắc, không có gia đình, vì thế mà không có những ràng buộc. Mặc cho công việc khiến ông phải đi lại như con thoi trong cuộc sống nay đây mai đó, ông ít khi di chuyển theo đường hàng không. Chắc chắn máy bay đi nhanh hơn, nhưng cái ý nghĩ có một người khác nắm trong tay số phận của ông là một điều ông không cảm thấy thoải mái chút nào. Hơn nữa, ông thích lái và lại không bao giờ từ chối cái thú chiêm ngưỡng tất cả những cảnh đẹp mà nước Mỹ cống hiến cho ông.

Jed liếc nhìn đồng hồ, “Mới gần 5 giờ, sẽ về đến nhà lúc 9 giờ gì đó, còn ồi thời gian, đủ để ghé qua Grizzly Rose và có một đêm ngon giấc.”

Ngày mai sẽ là ngày Noel và điều này thật sự không có gì chộn rộn đối với một người tứ cố vô thân như ông. Thiên hạ đua nhau mặc bộ đồ đỏ của ông già Noel phô trương lòng bác ái ở những trại dành cho người vô gia cư. Noel bao giờ cũng là một cái gì khác có ý nghĩa đặc biệt đối với ông.

Mỗi khi lái xe qua vùng này Jed lại thấy lòng nao nao buồn. Raton nhắc ông nhớ đến thời thơ ấu, cha mẹ và nhất là người yêu thuở học trò. Jenny là mối tình đầu và cũng là tình yêu duy nhất trong đời. Bao giờ đi qua đây ông cũng cảm thấy bồi hồi xao xuyến với những hình ảnh sống động về cô.

“Không biết lúc này nàng đang ở đâu, làm gì, có còn sống hay không”, ông thầm nghĩ. “Đã lập gia đình chưa? Một câu hỏi ngớ ngẩn, tất nhiên là nàng đã có một mái ấm không chừng còn có cả cháu ngoại. Không biết nàng còn ở lại Raton hay đã đến một thành phố lớn như ai trong chúng ta cũng nuôi mơ ước chúng ta sẽ...”

Suốt trong những năm trung học Jed Cooper và Jenny Valerio bao giờ cũng bên nhau, sóng bước bên nhau theo cách nói của họ. Và yêu nhau, chắc chắn sẽ lấy nhau vào một ngày không xa. Nhưng cuộc đời và số phận đôi khi tỏ ra khá tàn nhẫn với những cặp tình nhân trẻ tuổi. Chẳng bao lâu sau khi tốt nghiệp trung học, Jed bị gọi đi lính ở Việt Nam. Jenny năn nỉ, cầu xin anh đừng đi mà bỏ trốn cùng cô.

“Chẳng thà em sống như một kẻ tị nạn ở Canada cùng với anh còn hơn là để mất anh trong một cuộc chiến tranh quái gở mà chẳng có ai tin tưởng cả.” Jenny nước mắt tuôn lũ chã trên khuôn mặt non nớt. “Nếu anh đi, em sẽ không đợi anh đâu, em không thể chịu đựng nổi những đau thương.”

Jed bị giằng xé giữa tình yêu và bốn phận công dân, cuối cùng anh biết điều anh phải làm. “Anh phải đi Jen à. Anh sẽ không sống nổi với tư cách là một kẻ đào ngũ, cả em cũng không thể. Đừng lo mà, anh sẽ trở về nguyên vẹn với em.”

Nhưng điều đó không thuyết phục được Jenny. Còn rất trẻ, lại bị tổn thương, cô để cho cơn hờn dỗi nhấn chìm, cô bảo anh giọng ráo hoảnh: “Đó là vì anh không yêu em bằng mấy chuyện đánh đấm và những cuộc phiêu lưu ở một cánh đồng lúa nào đó cách đây nửa vòng trái đất. Anh cứ đi đi, làm những gì mà anh muốn, còn em không muốn gặp mặt anh, hoặc nghe nói gì về anh hết.”

Cô không muốn nói thế, nhưng cô không thể buộc mình nói một điều khác. Trong thâm tâm cô biết anh là người đàn ông duy nhất cô có thể yêu.

Jed không lo lắng lắm về Jenny, anh bảo bạn bè: “Rồi cô ấy sẽ vượt qua và sẽ yêu tôi thậm chí còn tha thiết hơn khi tôi về nhà với một ngực áo gấn đầy huân chương.”

Anh cũng không lo lắng khi ngay tối hôm sau anh gặp cô ở A&W, cặp kè với tiền vệ của đội bóng này. Jed và Brad Simmons là kỳ phùng địch thủ từ ngày còn ở nhà trẻ. Jed tắc lưỡi: “Cô ấy chỉ cố làm cho mình ghen.”

Khi Jenny rút cuộc cũng không xuất hiện trong ngày tiễn anh lên đường, lúc đó anh mới tự hỏi không biết anh có mất cô không. Cô không trả lời những lá thư của anh, không nhận điện thoại và anh biết rằng cô không còn quan tâm đến anh nữa. Thế là khi kết thúc khóa huấn luyện, anh bay thẳng sang Việt Nam với một con tim tan nát, không buồn quay lại thành phố quê hương nữa.

Ở Việt Nam, sống còn là ưu tiên hàng đầu, mặc dầu anh không nghĩ đến cô nhiều, nhưng hình ảnh Jenny vẫn hiện lên trong những khoảnh khắc bình yên và cô đơn hiem ỏi. Ở đây Jed mới biết chiến tranh chính là địa ngục trần gian, đặc biệt là cuộc chiến tranh vô nghĩa này. Anh chỉ làm mỗi một việc là làm sao giữ được mạng sống của mình và khóc thương những người bạn vĩnh viễn nằm lại. Trong một đêm, vừa oi bức vừa có mưa, trung đội anh đã bị một đoàn quân giải phóng tấn công, một mình sống sót, anh đã công một trung sĩ bị thương vượt qua một cánh rừng bị bao vây, an toàn trở về Đà Nẵng, nhờ việc làm này mà anh được tặng huy chương cao nhất. Cha mẹ Jed không có mặt trong ngày Tổng thống Mỹ quàng tấm huy chương quanh cổ anh. Tổng tư lệnh an ủi anh rằng cha mẹ anh rất tự hào về con nhưng đường đến thủ đô quá xa. Chỉ sau đó anh mới biết lý do vắng mặt của họ: trong khi lái xe đến phi trường Albuquerque, cha mẹ anh đã bị một tai nạn xe hơi, không có ai sống sót. Sau khi mất cha mẹ, quân đội trở thành gia đình anh. Jed không trở về Raton nữa, cả trong đám tang của cha mẹ. Anh biên chế vào lực lượng hải quân, sau đó bắt đầu công việc bảo an ở

Denver sau khi giải ngũ. Thậm chí anh không bao giờ dừng xe lại ở Raton dù chỉ để đổ xăng, nếu xe còn chạy tiếp được. Ký ức về cha mẹ và tình yêu đầu đời, anh đã để lại phía sau với quá nhiều đau thương không sao hàn gắn được.

Những dặm đường tiếp tục lao vun vút về phía sau, và khi nhận thấy càng lúc mình càng gần thành phố quê hương hơn, trong lòng ông dấy lên một ước ao mãnh liệt, phải chi có thể thay đổi được quá khứ. Cuộc sống sẽ khác đi biết nhường nào nếu ông còn có cha mẹ và Jenny, nàng Jenny để chia sẻ mỗi một khoảng khắc trong đời. Với ý nghĩ này lần đầu tiên trong đời ông hết lòng mong mỏi cha mẹ và Jenny đang đợi ông ở Raton trước mặt. “Họ đã xa rồi, người không bao giờ có thể thay đổi được quá khứ, ngốc ạ.”

Trong khi Jed tiếp tục điều khiển chiếc xe Corvette chạy về hướng bắc, trong ánh chiều chạng vạng đầu đông ở vùng New Mexico, ông nhìn thấy một đỉnh núi có tên gọi “Đuôi Đại bàng” ở về phía đông.

“Trước đây nó là địa điểm săn hươu lý tưởng,” ông nhớ lại, “lần đầu tiên mình săn được một con hươu đực tuyệt đẹp.” Khi nhìn lên trên đỉnh, bây giờ lơ nhố những cái tháp radio, ông thấy một vật bay là là trên đỉnh núi nhắm thẳng về phía ông.

“Một máy bay quân sự loại nhỏ”, ông nghĩ. Những chiếc máy bay quân sự xuất phát từ Cannon và Kirtland thường bay ở một độ cao rất thấp khi qua vùng.

Khi cái vật ấy đến gần hơn, ông nhận ra đó không phải là một chiếc máy bay quân sự, hoặc bất cứ một loại máy bay nào.

“Cái gì vậy...” ông thốt lên thành tiếng, khi vật thể đó tiến đến gần hơn. “Có lý nào?...”

Ông đưa tay dụi mắt rồi lại tập trung vào con đường trước mặt. Hình như đó là một cỗ xe có 9 con tuần lộc nhỏ kéo. Bộ quần áo màu đỏ và bộ râu

bạc trắng của người đánh xe đã nhìn rõ hơn, cũng như cái mũi đỏ như son của con tuần lộc đầu đàn.

“Mình bắt đầu tưởng tượng ra mọi chuyện rồi đấy”, Jed lẩm bẩm khi ông quay đầu nhìn đi chỗ khác. Cũng lúc đó bằng bản năng tự vệ, Jed đạp mạnh lên thắng xe khi chiếc xe trượt lao tới với một tốc độ vũ bão. Khi nó đến trước mũi xe Corvette, ông mất bình tĩnh lao chiếc xe qua một hàng rào kẽm gai màu trắng, chạy thêm vài mét nữa, cho đến khi cả chiếc xe lao xuống gầm cầu bắc qua sông Canada, rồi chìm xuống nước, đầu Jed đập vào vô lăng làm ông mê man lịm đi...

Tỉnh lại Jed phải mất vài phút mới nhớ chuyện gì đã xảy ra và định vị chỗ ông đang đứng. Mặt trời mùa đông đã khuất sau rặng núi phía tây, không khí mỗi lúc một buốt giá hơn. Làn nước băng giá của dòng sông Canada ngập đến tận cổ ông, làm cho tình thế trở nên khó khăn hơn. Jed không thể mở cửa xe nhưng ông có thể lách người qua cửa sổ.

Vừa rét vừa ướt sũng, thân nhiệt ông giảm nhanh, Jed lấy chiếc áo jacket ra khỏi chiếc xe bị chìm, trèo lên bờ sông, bắt đầu đi như chạy về phía bắc vượt qua đường ranh giới giữa hai bang, hướng về ánh đèn nhấp nháy của Raton. Cả người ông tê dại, lạnh cóng, nhưng việc vận động cũng từ từ làm ông ấm lên. Nhưng tình trạng khó chịu này cũng không làm ông chú ý lắm vì đầu óc ông đang bận rộn vật lộn với những câu hỏi: “Mình có bị loạn trí không? Ai cũng biết Santa Claus chỉ là một huyền thoại, nhưng trước mắt mình rõ ràng ông ấy điều khiển cỗ xe như thật. Hay chỉ là do mình tưởng tượng? Mình có bị ảo giác không? Có phải xe mình suýt đâm vào bầy tuần lộc?”

Trong khi Jed ráng sức lê bước lên đường cao tốc, tự hỏi về tình trạng tâm thần của mình và những biến cố dẫn đến tai nạn vừa rồi, ông không nhận thấy một chiếc xe giảm tốc độ rồi dừng lại bên vệ đường ngay sau lưng ông. Tiếng còi xe làm ông chú ý, ông giật mình quay lại.

“Có chuyện gì thế bác? Bác muốn quá giang về thành phố không?”

“Chuyện gì xảy ra à, thật là một câu hỏi rất hay.” Ông hỏi lại với giọng tự hào, nhưng trong bụng lại nghĩ, “Mình không thể kể cho họ nghe chuyện gì đã xảy ra hoặc mình nghĩ đã xảy ra. Người ta sẽ lập tức đưa mình vào bệnh viện tâm thần, dù bây giờ mà được ở trong một phòng bệnh ấm áp thì cũng tốt chán.”

Jed bước lại chỗ người lái xe. “Tôi lạng xe tránh một con hươu, cuối cùng lại kết thúc ở dưới lòng sông. Tôi sẽ cảm kích lắm nếu được quá giang về Raton.”

Lái xe là một chàng trẻ tuổi đẹp trai, anh tươi cười mở cửa xe dành cho khách. “Mời bác lên xe. Vợ cháu có mang theo café nóng, bác vui lòng dùng một ly cho ấm người.”

Chỉ khi Jed yên vị ở ghế sau, ông mới biết trong xe không chỉ có một mình chàng trai. Một cô gái trạc ngoài hai mươi tuổi, mái tóc đen tuyền, đôi mắt nâu trong veo như mắt nai, nước da rạng rỡ đang ngồi ở phía sau, ngồi ở ghế dành cho trẻ con là một cậu bé bụ bẫm gọn gàng trong bộ quần áo ấm. Có một cái gì đó quen quen trong cô gái khiến ông cảm thấy dường như đã gặp cô ở đâu đó nhưng ông chịu không nói rõ ra được.

“Cảm ơn cậu, anh bạn trẻ, vì đã cho quá giang, cảm ơn cô vì món café nóng. Lâu lắm rồi như thế từ kiếp trước, tôi từng uống café ở Raton. Các vị có thể thả tôi xuống trạm bưu điện gần nhất. Tôi là Jed.”

“Không có vấn đề gì đâu bác Jed. Cháu là Mike Johnson. Đây là vợ cháu Emily và anh bạn trẻ kia là con trai chúng cháu. Vợ chồng cháu sống ở Las Vegas, nhưng gia đình Emily lại ở Raton và thật may cho bác, ông cậu vợ cháu tên là Joe làm chủ một đội tàu kéo. Cậu Joe sẽ trực cái xe của bác lên sau bữa tiệc Giáng Sinh nhưng cháu không nghĩ bác sẽ lái xe sớm được. Chỉ sau ngày Giáng Sinh người ta mới có thể giải phóng xe bác. Hoặc có thể vợ bác sẽ lái xe xuống đón bác về.”

“Tôi không có vợ, cũng chẳng thuộc về một nơi nào hoặc có bất cứ ai lo lắng cho tôi. Tôi đã cô đơn một thời gian dài.”

“Vây là thỏa thuận xong. Bác sẽ mừng Giáng Sinh với chúng cháu.”

“Tôi không muốn làm phiền các bạn thêm nữa...”

“Không có gì phiền đâu ạ”, vợ Mike lên tiếng, “mẹ cháu sẽ rất thích có một người bạn lịch lãm như bác... một khi quần áo bác đã khô lại.”

Jed thích cặp vợ chồng trẻ này ngay lập tức. “Không còn gì phải tranh cãi nữa. Một bữa cơm nhà nấu và một cái giường ấm áp đã đánh bại bất cứ nhà trọ nào. Tôi chấp nhận lời mời của hai bạn và rất cảm kích trước lòng hiếu khách của các bạn. Giáng Sinh tốt lành cho cả hai người.”

Đôi mắt Emily sáng lên khi cô nói. “Đó là tất cả ý nghĩa về Giáng Sinh mà bác. Mọi người quan tâm đến nhau.”

Jed hấp háy mắt, cậu bé Josh hé mắt tò mò nhìn ông. Trong khi họ đi vào Raton, Jed nhận thấy tên của hầu hết các cửa hiệu đã thay đổi, nhưng khu trung tâm trông vẫn giống như ông đã biết 25 năm trước. Chiếc xe đi vào phố Chính, cổ họng Jed nghẹn lại khi thấy không khí hội hè ở nơi này. Một cây thông Noel khổng lồ trưng ở giữa phố Chính. Những tòa nhà, cây cối, vật trang hoàng kết hợp với cái phong cảnh xa là những đỉnh núi nhấp nhô phủ tuyết trắng làm cho trung tâm thành phố Raton tựa như cảnh Giáng Sinh trên thiên đường. Ông cảm thấy nuối tiếc là đã bỏ thành phố quê hương một khoảng thời gian dài như thế.

Trong khi chiếc xe tiếp tục đi trên đường phố Chính, qua con đường chui dưới đường sắt theo hướng đông đi về Sugarite, trong đầu ông sống lại những ký ức về bao nhiêu nơi đã đi qua. Nhiều chỗ trong thành phố đã thay đổi, nhưng nhiều nơi vẫn còn nguyên vẹn như xưa. Gia đình Jonhson cứ để mặc cho ông suy tư cho đến khi họ đi vào lối đi dẫn đến một căn nhà khá bề thế trên đường Garcia. Ánh điện nhấp nháy trên cây thông Noel, phát ra ngoài khe cửa sổ phía trước.

“Coi này bé Josh, chúng ta về đến nhà rồi. Đi vào nhà thôi, ôm hôn bà ngoại một cái thật kêu nghe”, Emily nựng con trong khi cô bế con lên khỏi ghế.

Mike quay sang Jed, “Cháu sẽ rất vui nếu có bác giúp một tay lấy đồ ở cốp xe ra.”

“Không hề gì Mike. Rất vui được giúp cậu.”

Khi Jed và gia đình trẻ đi vào nhà, Emily kêu lên giọng lạnh lạnh. “Mẹ ơi chúng con đã về, có mang theo một vị khách cho mẹ đây.”

Một giọng nữ vọng lên từ hành lang. “Mẹ sẽ ra ngay đây. Con mang theo ai vậy?”

Jed có cảm giác giọng nói này quen quen với đôi tai ông, có một cái gì đó thật thân thương. Khi người đàn bà bước vào phòng, những gói đồ trên tay Jed rơi hết xuống sàn, quai hàm ông trễ ra, thân hình cứng ngắt vì ngạc nhiên và xúc cảm dồn nén bấy lâu nay.

“Mẹ ơi, đây là...”

“Jed”, người đàn bà kêu lên, lệ trào tuôn từ trong đôi mắt to màu nâu.

“Mẹ, mẹ biết ông ấy?”

Một giây mà tưởng như là vô tận, Jed không thể thốt ra một lời nào. Cuối cùng ông cũng nghẹn ngào kêu lên được mấy tiếng. “Jenny. Lạy Chúa tôi!”

Jenny chạy đến ngả người vào vòng tay Jed và ông ôm bà vào lòng mà ngỡ như giữa họ không hề có những tháng năm chia cắt. Mike và Emily chỉ còn biết đứng nhìn, ngỡ ngàng khi hai người yêu nhau từ ngày còn bé ôm chặt nhau, khóc nức lên. Cậu bé Josh thấy mình chẳng được ai quan tâm bèn kêu lên: “Bà ngoại, con muốn ăn kẹo.”

Bên bàn ăn Jenny và Jed ôn lại những sự kiện chính trong đời họ suốt 25 năm qua. Mike và Emily cố giữ yên lặng một cách lịch sự nhưng cũng không thể không hỏi về những kỷ niệm trong chiến tranh của Jed. Tất nhiên Josh lại là một vấn đề khác. Cu cậu đòi hỏi một sự quan tâm thường trực như bao giờ trẻ con cũng thế cho đến khi Jenny thuyết phục nó là đã đến giờ đi ngủ.

“Cháu càng ngủ sớm bao nhiêu, ông già Noel càng sớm đưa quà cho cháu bấy nhiêu.”

Mike và Emily xin phép rút lui để đưa Josh đi ngủ và Jed có thể nghe thấy cái giọng thì thào đầy kích động của đôi trẻ khi họ nghĩ là đã ra khỏi tầm nghe của ông. Trong một lúc lâu, ông đắm đuối nhìn bà, ghi vào vầng trán tất cả những đường nét của khuôn mặt thân yêu, lấy làm ngạc nhiên là thời gian lại còn làm cho những đường nét ấy thêm nhuần nhị, mặn mà hơn. Jenny cũng ngắm nhìn ông, nhìn thẳng vào mắt ông, cảm ơn Chúa đã đem ông trả lại cho bà. Jed là người đầu tiên phá vỡ sự im lặng.

“Thế là em đã lấy chồng?”

Ông nhận thấy mắt bà mở to hơn, như thể bà quên mất điều gì, nhưng bà không trả lời ngay. Jed hình dung một người chồng đang nổi cơn thịnh nộ, sầm sập lao vào trong phòng. Nước mắt bắt đầu rưng rưng trên đôi mắt to làm ông nghĩ đến một điều còn xấu hơn nữa. Giọng Jenny khẽ khàng, tựa như một tiếng thì thầm.

“Em chưa bao giờ lấy chồng Jed ạ. Anh là người đàn ông duy nhất mà em yêu.”

Trái tim trong lồng ngực Jed bị nhận chìm bởi một cảm xúc ấm áp khó tả. “Anh cũng vậy, anh lúc nào cũng yêu em, Jenny...” Rồi bất thành linh một ý nghĩ vụt lóe lên trong đầu Jed. Giọng ông lạc đi, run rẩy: “... Vậy ai là cha của Emily?”

“Là anh, Jed thân yêu của em. Tha lỗi cho em vì không cho anh biết...”

Trước khi bà nói hết câu, cái ghế đã đổ sầm xuống sàn, lần đầu tiên trong đời, Jed ngất xỉu.

Ngày hôm sau, trong lúc Mike và Jed đi theo cái xe vớt của Jed Valerio ra đường cao tốc I-25 để trục cái xe của Jed lên, cả hai người đàn ông đều im lặng. Một già một trẻ chìm trong những suy tư về những khúc ngoặt và những vòng xoắn của số phận. Jed biết rằng ông sẽ không bao giờ rời xa

Jenny nữa. Ông muốn cưới bà như bao giờ ông cũng hết lòng mong ước điều đó từ ngày còn bé. Sau bao năm xa cách, mỗi phút gần nhau trong hiện tại đối với ông đều quý báu và mỗi một mùa Noel trong tương lai sẽ còn màu nhiệm hơn. Nhưng tất nhiên không có Giáng Sinh nào đặc biệt như dịp Giáng Sinh này.

Khi họ đến cây cầu bắc qua sông Canada, Jed ngạc nhiên thấy cái xe của ông đã được trục lên khỏi dòng sông, đang đậu bên vệ đường, sáng sủa sạch sẽ, ánh mặt trời lấp lánh trên những thanh sắt mạ kền sáng bóng.

“Cảnh sát liên bang đã đem xe trục đến đây ư?”

“Có thể lắm”, Mike đáp, “Có vẻ như bác nhận được một biên lai gài vào cái gạt nước.”

Jed ra khỏi xe Mike, đi về phía xe của ông. Không có dấu vết gì của tai nạn tối qua. Sự thực thì cỗ xe nom mới mẻ như vừa mới xuất xưởng. Jed cầm lấy mảnh giấy dưới cái gạt nước. Vừa đọc ông vừa cười khanh khách.

Mike bối rối hỏi, “Có gì vậy bác Jed?”

Mặc cho vẻ thắc mắc trên mặt Mike, Jed vẫn nhét tờ giấy vào túi áo. “Không có gì, chỉ là lá thư của một người bạn tốt.” Về đến nhà ông sẽ đọc cho Jenny nghe.

cuộc đời tuyệt đẹp

Peter McFadden

Đó là một ngày Giáng Sinh tồi tệ nhất trong đời tôi. Công ty phi lợi nhuận mà tôi thành lập ba năm trước đang đứng trước bờ vực phá sản. Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ phải sa thải tất cả nhân viên, nhiều người trong số đó là bạn tốt của tôi. Mà lại đúng vào dịp Giáng Sinh cơ chứ.

Rồi có một chuyện kỳ lạ đã xảy ra. Tôi gọi nó là “câu chuyện Giáng Sinh.”

Tôi đang đứng trên bờ vực không đáy. Sự thật thì tôi gần như sống trong một cơn ác mộng. Tôi không thể nhớ được lần cuối cùng tôi có một giấc ngủ ngon là vào lúc nào. Không chỉ là việc tôi phải đương đầu với một việc hết sức tàn nhẫn: đuổi việc những người dưới quyền mà còn có những chuyện khác nữa.

Cơ sở phi lợi nhuận nho nhỏ của chúng tôi, được biết đến dưới cái tên Central Europe Institute đã không còn nhỏ nữa. Chúng tôi có văn phòng ở Praha, ở thủ đô nước Cộng hòa Czech, ở Bratislava, Slovakia và ở Washington D.C. Mười hai thanh niên cần cù người Czech, người Slovakia và người Mỹ làm việc cho tôi đã trở thành người trong một nhà.

Cùng nhau chúng tôi đã làm được nhiều chuyện, giúp những nhà đầu tư bắt đầu những cuộc làm ăn nhỏ từ những thập kỷ mà việc làm ăn còn khó khăn trong cơ chế kinh tế xã hội chủ nghĩa và không hoàn toàn hợp thức đối với họ. Phải, chúng tôi đã giúp cho những nhà đầu tư ấy sống trong một không khí sáng tạo và bản thân chúng tôi cũng trải qua những kinh nghiệm thú vị: lần đầu tiên được là chính mình khi khám phá ra điều chúng tôi có thể làm cho bản thân.

Đó là một khoảng thời gian tuyệt diệu, cùng chia sẻ cái tinh thần đặc biệt khiến chúng tôi tự hào, hạnh phúc và gần gũi nhau. Nhưng tất cả đã đến hồi

chung cuộc. Cái việc tốt đẹp mà chúng tôi làm, những thành công và niềm vui cùng chia sẻ làm cho sự xuống dốc càng thêm đau lòng hơn. Tôi phải một mình đương đầu với những khó khăn về tài chính. Các bạn của tôi ở lại Praha và Bratislava. Tôi quay lại Washington, cố hết sức tìm một nguồn tiền nào đó để tiếp tục hoạt động của chúng tôi ở nước ngoài.

Áp lực về tài chính rất lớn. Năm tài chính đã gần kết thúc, sẽ không có ai sẵn lòng mạo hiểm đầu và với mùa Giáng Sinh đến gần, chắc chắn không ai muốn giúp chúng tôi. Không phải thời cơ thuận tiện để yêu cầu một sự giúp đỡ. Và lại tôi cũng không muốn quấy rầy ai với những tin buồn vào một thời điểm mà ai cũng muốn vui vẻ. Vì thế mà tôi giữ những lo lắng cho riêng bản thân mình.

Vấn đề của tôi không chỉ có thế. Cùng với việc cạn tiền, còn có một số giấy tờ cần phải được giải quyết thỏa đáng. Chính phủ muốn biết chúng tôi đã tiêu mất bao nhiêu tiền và nhận được bao nhiêu vào những năm trước.

Tôi sống trong một tâm trạng hoang mang và lo âu kinh khủng. Hạch toán kinh tế không phải là một phép toán đơn giản và những luật thuế của chính phủ bao giờ cũng rất bí hiểm. Chuyện gì sẽ xảy ra đây nếu tôi không tiến hành công việc một cách đúng luật? Tôi còn trẻ, ít có kinh nghiệm với sổ thuế Quốc nội và vào những giờ phút tuyệt vọng nhất tôi bao giờ cũng chỉ nhớ đến câu chuyện về những người phải ngồi sau song sắt vì đã không đi theo đúng những cái điều luật ấy.

Tôi thấy mình ngồi hàng giờ nhìn trân trân vào hàng trăm nếu không phải là hàng ngàn những mẫu giấy về thuế cần phải đọc. Khắp nơi chung quanh tôi là những chồng biên nhận viết bằng nhiều thứ ngôn ngữ làm cho tất cả mọi chuyện cứ rối tinh hết lên. Lợi qua đóng giấy tờ ấy quả là một cực hình.

Tiếp đó là vấn đề về văn phòng làm việc của tôi. Bởi vì tôi không có nhiều tiền để sống, nó cũng là nhà tôi. Có một cái bàn làm việc, một băng ghế dài tôi có thể dùng làm giường, một vài cái kệ đựng đồ, một phòng tắm nhỏ chỉ có một bồn cầu và một lavabo nhỏ tí. Không có bếp và tủ lạnh.

Cái khoảng không chật hẹp này không giúp được gì. Mỗi một buổi sáng mở mắt ra là tôi đã lập tức đối đầu với một núi công việc không sức nào giải quyết nổi. Cho đến tối khuya nó cũng vẫn ở đó, nằm chình ịch trước mũi tôi. Cả một ngày dài không giờ giải lao.

Tôi không thể chớp mắt. Tôi sống trong tâm trạng của một kẻ ngã ngựa, đi đến chỗ thất vọng về tất cả những thứ liên quan đến công việc. Lo lắng cho tương lai. Liệu có thể kiếm được một công việc khác khi tôi thất bại ê chề ngay từ đầu thế này? Lại đứng vào những ngày cả thiên hạ sống trong không khí lễ tết nữa chứ! Nó làm cho mọi việc trở nên trăm lần tồi tệ hơn. Nếu tôi ló mặt ra ngoài phố, tôi thấy gì nào? Những gương mặt hạnh phúc. Những bản nhạc náo nức, tươi vui vang ra sau những cánh cửa vừa mở ra. Ở đâu cũng được trang hoàng đèn hoa và những gam màu rực rỡ nhất. Người ta nườm nượp kéo nhau vào các cửa hàng mua sắm, rồi khệ nệ bưng ra từng chồng quà lớn nhỏ.

Niềm vui của thiên hạ chỉ khắc sâu thêm nỗi đau trong lòng tôi. Không có tiền để mua quà cho những người mà tôi yêu thương. Gia đình tôi đông anh em và tôi có cả một đàn cháu ngây thơ. Tôi nói gì với chúng đây khi về ăn mừng Giáng Sinh với đôi bàn tay trắng?

Chỉ còn 3 ngày nữa là đến Giáng Sinh mà tôi lại không có sự lựa chọn nào. Càng nghĩ càng thêm rầu rĩ. Tôi cố làm thật tốt công việc của mình khi bơi lội qua hàng đồng giấy tờ đó mặc cho bản thân đang ở trong một trạng thái tinh thần rất xấu. Thêm vào đó là bệnh mất ngủ. Thần kinh tôi rệu rã, nỗi sợ hãi hành hạ tôi đến kiệt sức với sức tàn phá ngày càng lớn lên của nó.

Thời gian trôi qua mỗi lúc một chậm hơn, tôi dần sâu vào trong một cơn hoảng loạn - càng lúc càng bị đẩy gần đến mép vực hơn. Tôi đã đánh mất cái sợi dây liên hệ với cuộc đời, như chúng ta đã biết là cái vốn có trong mỗi con người để biết đường nào đi lên, đường nào đi xuống. Bất thành linh, mỗi quan tâm chủ yếu của tôi chỉ còn là một ý thức về sự cân bằng, cứ như tôi không thể tìm ra một mặt phẳng tĩnh tại để giữ thăng bằng cho bản thân mình. Trong cơn tuyệt vọng cùng cực, tôi thôi không làm việc nữa chỉ

ngồi ngây độn trước mặt bàn ngồn ngộn giấy tờ. Tôi hoàn toàn không hiểu rồi chuyện gì sẽ xảy ra đây, liệu tôi có sống sót qua mùa Giáng Sinh này?

CUỘC ĐỜI TUYỆT ĐẸP

Chợt tôi thấy mình miên man nghĩ về bộ phim “Cuộc đời tuyệt đẹp” và nhớ lại lúc trước tôi đã xem nó trong một tâm trạng thanh bình như thế nào.

Nhân vật chính trong phim George Bailey do Jimmy Stewart đóng cũng phải đối phó với nghịch cảnh. Ngân hàng của anh vào dịp năm hết tết đến chuẩn bị phá sản. Anh sẽ phụ lòng tất cả những người đã tin cậy vào anh, phụ thuộc vào anh: nhân viên, khách hàng gửi tiền, những người tin cậy anh lắm lắm mới đem lưng vốn giao cho anh và cả những gia đình đã xây được nhà cho mình nhờ vào tiền anh cho vay. Anh cũng còn có vợ có con để lo lắng. Tất cả những người này sẽ mất hết nếu anh thất bại.

Đối mặt với khó khăn trên George đã mất phương hướng, anh chạy trốn. Anh tìm đến một cây cầu ở ngoại ô thành phố, định sẽ nhảy từ trên cầu xuống tìm cái chết. Dù vậy, ngay trước khi anh hành động, kế hoạch của anh đã bị chặn đứng bởi Clarence, một “thiên thần hạng hai”, một ông già tóc bạc đáng yêu được miêu tả như là một người có “hệ số IQ của một con thỏ” và một “niềm tin của trẻ thơ.” Clarence đã làm gì? Ông nhảy xuống sông, vì biết rằng George sẽ lập tức quên vấn đề của anh đi mà lao xuống cứu ông.

Sau hai giờ hong khô người, Clarence dẫn George đi một vòng trong thành phố, suốt dọc đường chỉ cho anh thấy cuộc sống của anh có giá trị như thế nào đối với những người sống quanh đây. George cũng thấy thành phố Bedford Falls sẽ như thế nào khi không có anh - một chỗ không thích đáng với nhiều người bạn bị xui xẻo.

Trong khi đó, các cư dân của thành phố cuối cùng cũng đã nhận ra vấn đề của George, họ quyên tiền lại cứu nhà băng của George.

Còn bản thân anh, sau vụ can thiệp của Clarence đã chạy về nhà với vợ con và chẳng bao lâu sau đã tìm thấy mình trong một bữa tiệc Giáng Sinh

lớn nhất trong đời anh: những người dân trong thành phố mang đến số tiền họ đã quyên góp được, anh trai của George từ xa trở về, con cái anh rất sung sướng và ở đâu cũng có một bầu không khí của tình yêu thương. Với George, cuộc đời tuyệt đẹp. Anh quay ra tìm Clarence, nhưng ông già đã đi mất. Với việc cứu sống George, ông đã nhận được một phần thưởng: có đôi cánh thiên thần, không còn là thiên thần hạng hai nữa.

Bao giờ tôi cũng thích phần nhạc trong bộ phim này, nó không bao giờ thất bại trong việc chấn chỉnh cái nhìn của tôi trong cuộc sống, thế là tôi nghĩ đến việc xem lại bộ phim này một lần nữa, những giữa bao nhiêu vấn đề tôi phải đối phó có một vấn đề nữa: tôi không có tivi cũng chẳng có đầu máy. Bộ phim có thể khích lệ tôi, mang tôi trở lại với cuộc sống, nhưng làm sao có thể xem lại bộ phim ấy? Tôi còn có thể làm gì đây?

Giống như George, tôi tháo chạy.

CUỘC DẠO CHƠI LÚC NỬA ĐÊM

Đã gần nửa đêm, ngoài trời gió rét căm căm. Từng đợt gió tàn nhẫn quét sạch mọi người trên các đường phố ở Washington. Tôi thích thời tiết như thế này khi tôi có chuyện cần suy nghĩ. Điều kiện khắc nghiệt cho phép tôi từ bỏ ý thức về một sự thoải mái và tôi gần như nhẹ nhõm trong khi lững thững một mình giữa phố phường vắng vẻ. Với quá nhiều vấn đề cần giải quyết tôi chuẩn bị cho mình một chuyến đi dạo thật lâu. Khác George tôi không đi ra bờ sông, mà tôi cũng không có ý định chấm dứt cuộc đời. Dù vậy trước sự ngạc nhiên của mình tôi đụng đầu phải một ông già thân thiện. Chỉ một lúc sau tôi mới phát hiện ra, sau khi đã có dịp nói chuyện với ông và nhìn thấy trên ve áo của ông có cài một vật kỷ niệm bằng vàng, rằng ông cũng giống như Clarence có chỉ số thông minh của con thỏ và niềm tin trong treó của một đứa trẻ.

Dù vậy, đầu tiên tôi đi lướt qua ông. Tôi cũng chỉ vừa đi được mấy bước và còn đang bận tâm vào những vấn đề đang choán chỗ trong đầu óc tôi. Nhưng chỉ đi qua ông được dăm bước tôi đã dừng lại. Ông già này, tôi tự

hỏi, làm cái giống gì mà lại vợ vẫn ngoài phố nào giữa đêm hôm khuya khoắt và lạnh cóng như thế này.

Tôi quay lại, đi về phía đông, hỏi với một vẻ lịch sự nhất mà tôi có được: “Xin lỗi bác nhưng có phải bác không có chỗ ở không?” Ông già gật đầu. “Bác có muốn lại chỗ cháu không?” Lại một cái gật đầu nữa.

Khi chúng tôi đi một đoạn ngắn quay lại phòng làm việc của tôi, ông thùng thảng: “Đúng là cậu đã làm được một điều tốt đẹp bởi vì tôi vừa quyết định sẽ kết liễu cuộc đời.”

Thời tiết này thật tai hại, ông đã chịu nhiều gian khổ trong những đêm như thế này, ông bảo tôi, và một người bạn vô gia cư như ông vừa mới tự tử vào đêm hôm trước.

Tôi đứng chết trân, trong giây lát quên hết tất cả mọi vấn đề lớn nhỏ của mình. Qua một cử chỉ tử tế nho nhỏ, tôi đã cứu sống một cuộc đời.

Chẳng bao lâu chúng tôi đã về đến văn phòng. Robert rất mệt. Tôi nhường cho ông cái ghế dài, gối của tôi kê dưới đầu ông, chăn của tôi ông đắp cho đỡ rét.

Bản thân tôi cũng đã đến lúc cần một giấc ngủ muốn chết, tôi cuộn mình trong chiếc áo khoác, gấp một chiếc khăn tắm dùng làm gối, rồi lăn xuống sàn nhà dơ bẩn làm một giấc.

Sáng hôm sau tôi thức dậy với một giấc ngộ quan trọng. Tôi chưa bao giờ ngủ ngon như thế, chưa bao giờ cảm thấy dễ chịu như thế. Robert vẫn nằm ngủ ngon lành trên chiếc ghế của tôi. “Peter, bây giờ thì mày biết làm thế nào để có một giấc ngủ ngon rồi đấy: tạo cho người khác một đêm ngon giấc.”

Sau khi ra phố làm một tách café và một chút gì lót dạ, tôi lại ngồi vào bàn làm việc, Robert vẫn ngủ khì sau lưng tôi.

Cơn hoảng loạn chụp lên đầu tôi vào mấy hôm trước đã qua. Những khó khăn của tôi vẫn còn đó nhưng tôi không còn lo lắng quá mức về nó nữa.

Tôi lặng lẽ bắt tay vào việc và dù chưa thấy có một tia hy vọng nào cuối đường hầm và chưa có được một giải pháp nào, tôi vẫn thấy lòng mình thanh thản. Tôi chỉ làm việc cho một điều duy nhất tôi có thể làm, với một hy vọng có một chuyện gì đó xảy ra theo chiều hướng tốt hơn. Robert vẫn ngủ ly bì cho đến tận 6 giờ tối. Ông đã ngủ một mạch 18 tiếng đồng hồ.

Ông đói, cả thân hình run lẩy bẩy, không có khả năng kiểm soát đôi tay và khi ông bước đi, tôi thầm lo ông mất thăng bằng mà ngã xuống lề đường.

Tôi đưa ông đến ăn tối ở một nhà hàng gần đây. Chúng tôi tìm đến một cái bàn ở giữa một căn phòng toàn những người trẻ tuổi ăn mặc thanh lịch. Và chúng tôi ngồi đấy, một thanh niên và một ông già nhem nhuốc, đã nhiều ngày không tắm rửa, không cạo râu.

Robert gọi món súp, nhưng ông không thể giữ được cái muỗng trong tay, thế là tôi giúp ông ăn hết tô súp. Tôi cảm thấy có chút gì tự hào về bản thân, nhưng chủ yếu tôi sợ hãi cái điều đang mở ra trước mắt tôi. Tôi không có ý định giúp đỡ ông già khốn khổ này, tôi cũng chẳng may mắn nghĩ về việc mình đang làm, tôi chỉ đơn giản làm cái điều thấy là cần làm vào lúc ấy. Và kết quả là ông có một bữa ăn nóng sốt, còn tôi có được một sự thanh thản trong lòng. Điều khó mà nắm bắt được vào ngày hôm qua bây giờ đã là của chúng tôi.

Trở về văn phòng, ông già lập tức lăn ra ngủ còn tôi quay lại với công việc. Sau đó, bản thân tôi cũng có một đêm yên giấc, tất nhiên là lại ở trên sàn nhà.

Sáng hôm sau cả hai chúng tôi đều dậy vào giờ bình thường. Trông ông già cực kỳ nhếch nhác bê bối. Bộ râu trắng nhôm nhoam mọc ra tua tủa, mái tóc bạc bù xù, rối bời. Đôi tay ông vẫn run rẩy không làm được việc gì, vì vậy mà tôi phải làm một vài điều mà tôi chưa bao giờ nghĩ đến là có những lúc tôi cũng phải làm điều đó. Tôi lấy một chiếc khăn mặt mới từ trong tủ, nhúng vào nước ấm trong lavabô rồi nhẹ nhàng rửa mặt cho ông, thấm ướt bộ râu, bôi kem cạo râu rồi dùng một lưỡi dao cạo nhẹ nhàng cạo mặt cho ông sau đó lại dùng khăn ẩm rửa sạch. Với một vài nhát lược và

một cái khăn khô, lúc này ông già Robert trông đã có phần tươi tắn. Chỉ có bấy nhiêu thôi mà cũng làm thay đổi diện mạo một con người và tôi bảo ông: “Robert à, trông bác giống như một ông bạc triệu”, mà trông ông giống như thế thật. Ông bật ra một tràng cười sáng khoái.

Bởi vì tôi còn phải làm việc mà Robert lại không muốn ngồi trong phòng cả ngày, tôi hỏi ông muốn dùng gì trong bữa trưa. Ông nói ông thích ăn ở Sharro, một nhà hàng ăn nhanh của Italy, thế là tôi đưa cho ông nhiều hơn số tiền 4 đô la mà ông cần, chúng tôi đồng ý là sẽ gặp nhau ở nhà hàng vào buổi chiều và chúng tôi sẽ cùng ăn tối với nhau.

ĐÊM GIÁNG SINH

Ngày mai là ngày Giáng Sinh và tôi phải đưa ra một quyết định có bay về nhà ở New York để ăn mừng Giáng Sinh cùng gia đình không. Tôi sẽ phải làm gì với Robert đây?

Tôi lấy làm xấu hổ vì không thể mua quà cho người thân, vả lại tôi cũng khó xoay xở ra tiền để mua vé bay về New York. Có quá nhiều việc phải làm. Vì thế mà tôi cũng chẳng nóng lòng muốn về nhà làm gì.

Tôi còn bận tâm đến Robert hơn. Sao tôi có thể để ông ở lại một mình? Nếu tôi có để chìa khóa lại cho ông và cho phép ông ở lại đây, ông có thể trượt té ở cầu thang, đập đầu vào một cái gì đó và không có ai tìm ra ông. Không thể để cho chuyện đó xảy ra vì thế mà tôi phải quyết định ở lại nhưng lại nảy ra một khó khăn. Tôi biết nói gì với cha mẹ mình?

Giáng Sinh là một ngày quan trọng trong gia đình chúng tôi, tôi là đứa con thứ 6 trong 7 anh chị em và cha mẹ tôi, đặc biệt là mẹ tôi muốn chúng tôi phải sum vầy bên nhau trong dịp này. Trước đây tôi chưa từng vắng mặt trong một dịp Noel nào.

Chúng tôi theo đạo Thiên Chúa, tôi hy vọng cha mẹ tôi sẽ tự hào với việc tôi quan tâm lo lắng cho một ông già. Nhưng không có mặt bên mọi người vào một ngày lễ quan trọng như vậy, lại ở bên cạnh một kẻ tứ cố vô thân,

không nhà không cửa như thế, liệu có thể làm cho mọi người hiểu được không?

Với một người ăn mừng Giáng Sinh ở xa nhà, thì lý do thích hợp hơn cả là chăm sóc cho một người vô gia cư? Suy cho cùng chẳng phải Chúa Jesus chẳng đã bước chân xuống trần vào ngày Giáng Sinh đầu tiên với tư cách là một người vô gia cư nổi tiếng nhất trong lịch sử - bởi vì không có “chỗ trong nhà trọ” dành cho Mary và Joseph - đó sao?

Vì thế, thật khó cho tôi khi gọi điện về gia đình. Mọi người tỏ ra lo lắng. Những người vô gia cư có thể rất hung tợn. Một số kẻ là tội phạm. Tôi có quá ngu ngốc không khi đặt mình vào trong một tình thế nguy hiểm? Tôi lại phải giải thích Robert là một ông già vô hại đã gần 60 tuổi, sinh ra ở Ailen nhưng quá đơn giản, ngây thơ trong cái thế giới mà chúng ta đang sống. Phải có một người quan tâm đến ông và người đó là tôi.

Những buổi sáng Giáng Sinh ở nhà tôi thường rất ồn ào. Tất cả mọi người quây quần bên nhau chuyện trò cười nói và bọn trẻ con chạy nhảy trong nhà miệng kêu vang “Merry Christmas!” “Merry Christmas!”. Ôi cái không khí mới ấm cúng làm sao!

Nhưng Giáng Sinh này thì khác. Ở văn phòng không có cây, không có quà, không có âm nhạc, không có trẻ con, chỉ có hai người, Robert và tôi. Suốt buổi sáng chúng tôi ngồi lặng lẽ bên nhau. Một sự im lặng đẹp đẽ. Căn phòng khổ hạnh của tôi tràn ngập tinh thần của một người quan tâm đến một người khác vào ngày Chúa ra đời. Chúng tôi cảm nhận được từng giây phút trôi qua với tầm quan trọng của nó. Tôi biếu Robert 4 đô la và một ít tiền lẻ mà ông cần cho bữa ăn, rồi ông đi ra ngoài phố. Tôi kỷ niệm ngày lễ bằng việc bắt tay vào việc và tôi làm khá hăng say, với vẻ hài lòng, thậm chí còn vui vẻ nữa.

NGÀY CUỐI CÙNG

Sáng ngày 26 tôi tỉnh giấc, cả thời gian lẫn tiền bạc đều cạn kiệt. Trong túi chỉ còn chưa đầy 10 đô. Tối hôm ấy tôi dự định sẽ bay đến Praha lần

cuối, cho tất cả các nhân viên của tôi nghỉ việc. Tôi tự an ủi mình với ý nghĩ, thế là ngày Noel đã trôi qua, ít nhất thì họ cũng đã được hưởng một ngày lễ không phải lo lắng gì.

Bởi vì tôi muốn quan tâm đến Robert thật nhiều, tôi chẳng còn lúc nào lo lắng cho bản thân. Thật may là tôi đã tìm được một nhà thờ ở Georgetown có một chỗ tạm trú dành cho Robert. Buổi chiều hôm ấy, sau khi ông từ quán ăn Sharro trở về tôi sẽ đưa ông đến đấy.

Khi tôi đưa cho ông 4 đô và một ít tiền lẻ cho bữa trưa, tôi cũng cảm thấy được an ủi phần nào khi biết ông sẽ có cái mà ăn ở chỗ trú chân mới.

Về phần mình khi nhìn 5 đô còn lại, tôi bụng bảo dạ, “Peter McFadden, nếu trưa nay mày ăn thì tối đành nhịn vậy.” Dù vậy, tôi không thấy hoảng hốt như trước nữa, mà hoàn toàn bình tĩnh chấp nhận hoàn cảnh khó khăn của mình, thậm chí còn nghĩ về nó với đôi chút tò mò. Tôi chưa hề bị đói và nay sẽ được nếm trải cái cảm giác kiến bò trong bụng. Tôi suy nghĩ về số phận của công ty chúng tôi, dù nó sụp đổ đến nơi rồi, tôi không có cảm giác như đất đang lở dưới chân nữa. Tôi đã làm tất cả những điều phải làm và cái ý nghĩ tôi đã cứu sống Robert là một liều thuốc giải độc tốt nhất cho bất cứ một cảm giác thất bại nào có tính chất cá nhân có thể dấy lên trong lòng tôi.

Hôm ấy tôi thích tản bộ đến Cafe Blanca ăn bữa cơm trưa. Tôi bỏ đồng đô la cuối cùng cho món sandwich gà mà tôi ăn hàng ngày và miếng bánh ấy ngon tuyệt bởi nó được chính bạn tôi - Jason - ông chủ quán ăn này tự tay làm cho tôi. Chúng tôi nói chuyện với nhau như thường lệ và về đề tài bóng đá.

Không có ai nhìn vào tôi, kể cả Jason nữa, lại có ý nghĩ đây có lẽ là “bữa ăn trưa cuối cùng” của tôi.

Trong lúc đi bộ về văn phòng với vài đồng xu lẻ trong túi tôi vẫn cảm thấy hài lòng. Không có gì phải bồn loạn về những điều có thể xảy ra, chỉ có một niềm kiêu hãnh ngấm ngấm là tôi đã làm một việc đúng đắn.

Tôi nhớ lại tất cả những năm học ở trường Đạo và nhận ra rằng đó không phải là một quãng thời gian uổng phí. Một kẻ gần như trắng tay tình cờ gặp một người còn ít hơn y nữa đã sẵn sàng, thậm chí còn vui vẻ cho đi cái chút xiu của mình.

Khi bước vào tòa nhà tôi thuê một phòng làm văn phòng, tôi thấy có mấy lá thư chắc là vừa được chuyển tới. Nhìn lướt qua các phong bì tôi thấy có địa chỉ của Tổ chức Andrew W. Mellon ở New York. Tôi đã đệ trình một tờ đơn xin tài trợ tới tổ chức này và không mong nhận được hồi âm của họ ít nhất là trong vài tháng tới.

Trong phong bì là một lá thư thông báo chúng tôi nhận được một khoản tài trợ 50.000 đô.

Thế là tôi không cần phải sa thải nhân viên của mình. Công việc tuyệt vời của chúng tôi có thể tiếp tục. Kinh nghiệm đầu tiên của tôi về cảm giác đói khát sẽ phải đợi đến một ngày khác.

Đồng đô la cuối cùng mà tôi vừa tiêu, rốt cuộc không phải là đồng đô la cuối cùng nữa. Chiều hôm ấy, Robert không quay lại chỗ tôi. Chắc là ông sợ cuộc sống trong một cái trại dành cho người vô gia cư rất nguy hiểm và ông không muốn tôi đưa ông đến một nơi như thế. Tôi đã tìm ông ở khắp nơi nhưng vô ích.

Tôi hy vọng một ngày nào đó sẽ gặp lại Robert, có thể là ở trên thiên đường với đôi cánh của ông. Lúc ấy tôi có thể cảm ơn ông. Còn bây giờ tôi cảm ơn Chúa vì cuộc đời tuyệt đẹp.

(Ghi chú: Những sự kiện trong câu chuyện xảy ra vào Giáng Sinh năm 1992 và hoàn toàn là sự thật. Peter McFadden tiếp tục làm chủ tịch của Central Europe Institute cho đến đầu năm 1998.)

Santa Claus ở quán rượu Simpson

Bret Harte

Trời làm mưa tầm tã ở thung lũng Sacramento. Con sông North Fork dâng nước lên tràn bờ, người ta không thể vượt qua con sông Rattlesnake được. Mấy tảng đá lớn vốn đánh dấu khúc sông cạn vào mùa hè giờ đã chìm ngấm trong màn nước mông mênh của vùng lòng chảo. Mọi hoạt động đi lại dừng lại ở Grangers, chuyến thư cuối cùng đã bị cuốn trôi, người đưa thư chỉ cứu được cuộc sống của mình. “Một vùng đất” như tờ Sierra Avalanche nhận xét với một giọng tự hào pha chút rầu rĩ, “rộng lớn như cả bang Massachusetts giờ đây đã bị nhận chìm trong biển nước.” Thời tiết cũng chẳng có vẻ khả quan trong cả vùng. Bùn đọng lại từng lớp dày trên con đường dẫn lên núi, cả sức mạnh của con người lẫn sự trách móc các thần linh cũng không đủ sức di chuyển những cỗ xe bị lật khỏi con đường dẫn đến quán rượu của Simpson, một con đường ngổn ngang chướng ngại vật mà người ta đã phái một đội quân ốm yếu đến dọn dẹp và họ chỉ còn biết chửi bới ầm lên. Xa xa ở phía trên - bị cắt đứt hoàn toàn với thế giới chung quanh, trên trời thì mưa tầm tã, dưới đất thì bùn đất nhão nhoét, lưng chừng ở giữa là những cơn gió xoáy và xa xa bốn chung quanh là những cột nước mỗi lúc một cao bao vây - là quán bar của Simpson vào ngày 24 tháng 12 năm 1862, trông mong manh như một cái tổ chim yến bám vào cột đá và những tảng đá vỡ từng mảnh của Table Mountain. Phải, ngỡ như lúc nào quán bar này cũng có thể bị một cơn lốc bứng đi.

Khi màn đêm bắt đầu buông xuống, một vài ánh đèn bắt đầu lập lòe từ những ô cửa sổ của một vài ngôi nhà rải rác hai bên đường qua làn mưa. Con đường bị cắt ngang cắt dọc bởi những dòng nước chảy vô tội vạ và bị quét đi từng mảng bởi những trận gió hung hãn. Thật đáng mừng là hầu hết cư dân trong vùng đều tập trung ở cửa hiệu Thompson, quây quần quanh một bếp lửa đỏ rực trong khi lặng lẽ cãi nhau về một vài ý nghĩa chấp nhận

được của giao tiếp xã hội, một điều có lẽ đã làm cho các cuộc trao đổi trở nên không cần thiết.

Thực vậy, hầu hết những biện pháp giải sầu ở quán bar Simpson đã tàn lụi từ lâu rồi, nước lũ đã ngăn cản việc đi lại, giao dịch cả bằng đường bộ lẫn đường thủy, kết quả là tiền hết, rượu cạn và cả niềm vui có được từ những hoạt động vui chơi bất hợp pháp. Thậm chí cả đến ông Hamlin cũng đành lòng rời quán bar với 50 đô la trong túi - chỉ là một món tiền nhỏ trong một khoản tiền dồi dào mà ông kiếm được bằng cái nghề khó khăn của ông. “Nếu người ta hỏi tôi”, sau đó ông nói, “nếu có ai hỏi tôi ở cái làng đìu hiu hút gió này có chỗ nào... có một chỗ nào để tiêu tiền cho thú vui một cách thường xuyên và thú vị, tôi sẽ bảo là có đấy... ở quán rượu của Simpson, nhưng đối với một chàng thanh niên có cả một gia đình trông chờ vào nỗ lực của anh ta, thì tôi khuyên là không nên.”

Đối với ông Hamlin, từ gia đình ngụ ý chỉ những người đàn bà trưởng thành và nhận xét này cho thấy tính hài hước của ông hơn là trách nhiệm đối với họ.

Tuy vậy, những đối tượng vô thức của lời chế nhạo này suốt buổi tối ngồi trong một trạng thái lãnh đạm, không quan tâm đến một điều gì trên đời, đó là kết quả của nhàn cư và một cuộc sống thiếu vắng niềm vui. Cả đến tiếng những bước chân ở đâu bất ngờ vang lên ngoài cửa cũng không khuấy động được sự tò mò ở những người này. Chỉ có Dick Bullen ngừng cạo vào cái tẩu thuốc và ngẩng đầu lên, ngoài ra không có ai trong nhóm có biểu hiện chú ý hoặc nhận ra người đàn ông vừa bước vào.

Đó là một khuôn mặt quen thuộc, chính là ông chủ quán rượu Simpson, biệt danh “Ông già.” Một người khoảng 50 tuổi, mái tóc hoa râm mỏng tang nhưng gương mặt còn trẻ trung, tươi tắn. Phải, đó là một khuôn mặt đầy nhiệt tình nhưng thiếu đi một sức mạnh cảm hóa, nó có một cái gì đó giống như một con tắc kè hoa, thay đổi hình dáng và màu sắc liên tục theo cảm xúc và tâm trạng. Rõ ràng là ông ta vừa chia tay với một nhóm bạn vui vẻ và đầu tiên còn chưa nhận định được tâm trạng của những người trong cửa

hàng. Tuy vậy, ông ta vẫn vỗ lên vai một người ngồi gần nhất với dáng điệu suồng sã vui vẻ, rồi quăng người xuống một cái ghế trống. “Các cậu có nghe được một tin tốt lành không? Có biết Smiley - Jim Smiley - người đàn ông vui tính nhất trong quán rượu không? À mà phải, Jim vừa kể cho tôi nghe một câu chuyện rất thú vị nhất về...”

“Smiley là một thằng.. ngốc”, một giọng nói buồn tẻ cắt ngang.

“Và thật là... là một kẻ phàm phu tục tử”, một kẻ khác thêm vào với giọng u uẩn.

Một sự im lặng kéo theo những đánh giá xác thực này. Ông già nhìn mọi người một cái thật nhanh. Khuôn mặt ông từ từ thay đổi. “Là thế đấy”, ông nói về cân nhắc, sau một hồi im lặng, “Chắc hẳn là một loại cặn bã và là một thằng xuẩn. Tất nhiên.” Ông lại im lặng hồi lâu trong một sự suy ngẫm đau đớn về tiếng xấu và sự ngu ngốc của anh chàng Smiley. “Thời tiết chó chết hả?” ông nói thêm, bây giờ thì hoàn toàn hòa hợp với tâm trạng chung của mọi người. “Có thể chỉ có giấy lộn cho các cậu bé, chứ chẳng còn tiền bạc gì vào cái thời tiết này. Mà mai đã là Giáng Sinh rồi.”

Có một phản ứng nào đó trong đám đàn ông khi nghe câu nói này, nhưng đó là một phản ứng thỏa mãn hay bất mãn thì không ai nói rõ được. “Phải”, ông già nói tiếp với giọng bi thảm mà ông có được một cách vô thức vào khoảnh khắc cuối cùng. “Phải ngày mai là Giáng Sinh, đêm nay là đêm Giáng Sinh. Nay, các cậu bé ạ, tôi vừa có một ý này, cũng không tệ - phải tôi nảy ra một ý, các cậu biết không... các cậu có thể đến nhà tôi tối nay, ta làm một cái gì đó... có thể quây một châu. Nhưng tôi cho rằng các cậu... không đồng ý hẳn? Đừng như thế, có được không?” ông nói thêm với một sự thông cảm đầy âu lo, mắt nhìn chăm chăm vào mặt mọi người.

“Ồ, tôi không biết”, Tom Flynn đáp, mặt vẫn buồn như châu cấn. “Có thể, chúng tôi cũng đến được. Nhưng còn bà xã ông thì sao, ông già? Bà ta sẽ nói gì?”

Khuôn mặt Ông già chuyển sang vẻ do dự. Kinh nghiệm trong cuộc sống hôn nhân của ông không có gì vui vẻ, điều này khắp vùng không có ai không biết. Bà vợ đầu của ông, một phụ nữ nhỏ bé, xinh đẹp và tể nhị đã phải âm thầm chịu đau khổ về tính ngờ vực ghen tuông của ông chồng cho đến một hôm ông mời tất cả mọi người ở quán rượu đến chứng kiến cảnh bà vợ ngoại tình. Đến nơi, mọi người chỉ thấy một người đàn bà bé nhỏ, rụt rè lặng lẽ làm việc nhà, mọi người tỏ ra bối rối và chững hờ. Nhưng người đàn bà nhạy cảm không để gì hồi phục lại sau cú sốc về vụ xì căng đan này. Với một chút cố gắng, bà lấy lại sự bình thản cố hữu đến giải thoát cho người tình đang nấp trong tủ rồi cùng trốn đi với hắn. Bà để lại một đứa con trai 3 tuổi để an ủi người chồng đau khổ đến mức mất trí. Người vợ hiện nay của ông già là người đầu bếp cũ của ông - một bà chằn có vóc dáng của một tay lực điền, xấu xí và dĩ nhiên bà ta rất chung thủy.

Trước khi ông có thể trả lời, Joe Dimmick đưa ra một gợi ý thẳng thừng rằng “đó là nhà của Ông già” cơ mà, và câu này viện cả đến Quyền lực Thần thánh, với một ngụ ý rõ ràng “nếu phải tay mình anh ta sẽ cứ mời người nào mình thích kể cả khi việc đó đẩy anh ta vào tình thế khó khăn nguy hiểm đi nữa. Những Quyền lực Tội ác, sau đó anh ta nói thêm, sẽ chiến đấu chống lại anh ta một cách vô vọng. Tất cả những điều này được nói ra một cách ngắn gọn và mạnh mẽ nên những lời diễn giải dông dài sẽ chỉ làm mất đi ý nghĩa của nó.

“Tất nhiên. Chắc chắn là như thế.” Ông già nói với một cái cau mày đầy biểu cảm. “Không có gì rắc rối trong chuyện này đâu. Đây là nhà tôi, tự tay tôi xây nên từng viên gạch. Đừng có sợ mụ ta, các cậu trai. Mụ ta có thể cắt ngang một câu chuyện vui một cách thô lỗ, nhưng mụ ấy cũng sẽ chịu rút thôi.” Ở đây cần nói nhỏ một điều, ông già tin tưởng vào nồng độ rượu và sức mạnh của cái ví dụ đầy sức khích lệ để chống đỡ trong trường hợp khẩn cấp.

Trong khi đó Dick Bullen, thủ lãnh và là người có uy tín nhất trong quán rượu suốt từ đầu đến giờ vẫn không mở miệng, đến lúc này mới lấy cái tẩu

thuốc ra khỏi đôi môi mím lại. “Ông già, cậu bé Johnny sao rồi? Có vẻ như nó không được khỏe lắm. Hôm mới rồi tôi có gặp nó ở chỗ bờ đá dựng ở cái chỗ mấy người Tàu ấy. Không có vẻ chú ý lắm đâu... Ngày hôm qua có cả một đám trẻ bị chết đuối đấy - tôi đã nghĩ đến Johnny, chắc là cu cậu nhớ lũ bạn lắm đấy. Có lẽ nên đi thôi hả, đến thăm cậu bé xem sao.”

Người cha rõ ràng bị xúc động không chỉ bởi hình ảnh cảm động về thằng cu Johnny bị tước đoạt mà còn bởi cái giọng tế nhị tử tế của người nói, nên đã sốt sắng cam đoan là Johnny đã khỏe hơn và “một cuộc vui sẽ làm cho nó tươi vui hơn.” Đến đấy thì Dick đứng lên, lắc đầu và nói: “Tôi đã sẵn sàng rồi, dẫn đường đi ông già, đi thôi.” Bản thân anh nhảy khỏi chỗ ngồi, hú lên một tiếng kêu đầy ấn tượng rồi dẫn thân vào trong bóng đêm. Khi đi ngang qua phòng ngoài anh ta đặt tay lên bệ lò sưởi bọc đồng. Cử chỉ ấy được cả bọn lặp lại, họ đi sát bên nhau, khuỷu tay người nọ chạm cả vào người kia. Trước khi ông chủ quán Thompson bày tỏ sự ngạc nhiên trước ý định bất chợt của thực khách thì cửa hàng của ông đã trống trơn.

Đêm tối đen như hắc ín. Vừa ra khỏi phòng một cơn gió đã ập đến thổi tắt ngọn đuốc, thế là chỉ còn đóm tàn đuốc đỏ nhảy múa và bay bay trong bóng đêm giống như những cành liễu say rũ rượi cho biết là họ đang đi đến đâu. Con đường dẫn họ đến hẻm núi Cây thông, ở ngay đầu hẻm núi có một ngôi nhà nhỏ làm bằng những thân cây ghép lại, thấp tè nhưng rộng bề ngang, bám vào một bên sườn núi. Đó là nhà của Ông già, lối đi vào là một đường hầm do chính tay ông đào khi ông còn làm việc được. Đến đây cả bọn dừng lại một lúc đợi khổ chủ của họ đang thở phì phò đi phía sau.

“Có lẽ các cậu nên đợi ở ngoài này một lúc để tôi vào trong coi xem mọi chuyện đã đâu vào đấy chưa”, Ông già nói với một vẻ thần nhiên khác xa với cái điều ông đang cảm thấy trong lòng. Lời đề nghị được tất cả chấp thuận. Cánh cửa mở ra rồi khép lại sau lưng chủ nhà, những người còn lại đứng tựa lưng vào tường, người co ro cúm rúm dưới mái hiên cho đỡ lạnh trong lúc vừa chờ đợi vừa nghe ngóng.

Thời gian trôi qua không thấy trong nhà có động tĩnh gì, chỉ nghe nước chảy xuống từ mái hiên và tiếng cành cây nghiêng ngả, đôi khi vụn rã rắc ngay trên đầu họ. Đến lúc này thì bọn đàn ông trở nên bồn chồn, họ thì thầm với nhau những lời phỏng đoán đầy hồ nghi. “Có lẽ mẹ ta đã chôn sống Ông già ngay từ cú đầu tiên.” “Nhử Ông già vào đường hầm rồi nhốt lại trong đó, dám thế lắm.” “Dúi ông ta xuống và cười lên người.” “Có thể mẹ sẽ ném một thứ gì đó lên cả bọn, này các cậu đứng tránh xa cánh cửa ra!” Nhưng đúng lúc đó có tiếng then cửa lạch cạch, rồi cánh cửa từ từ mở ra và một giọng nói vang lên. “Vào đi các chú, kéo không lại ứt hết người.”

Đó không phải là giọng Ông già, mà cũng không phải giọng mẹ vợ. Chính giọng của thằng bé con, một giọng kim yếu ớt, vỡ ra bởi một âm lượng khàn khàn khác thường mà chỉ có bọn du đãng và thói quen tự khẳng định mình quá vội vàng mới có. Cũng chính là khuôn mặt thằng bé đang nhìn cả bọn - một khuôn mặt có thể là rất đẹp, thậm chí còn thanh tao nữa là khác, nhưng lại tối sầm lại bởi một cái gì độc ác thoát thai từ những kinh nghiệm khó khăn, bẩn thỉu. Nó quàng một tấm khăn lên vai và rõ ràng là vừa chồm dậy khỏi giường. “Mời vào”, nó lặp lại, “mà xin mọi người đừng làm ồn. Ông già đang nói chuyện với mẹ già”, nó nói, chỉ tay vào phòng kế bên có vẻ như là nhà bếp, từ đó cái giọng van nài của Ông già vang lên. “Để cho tôi yên”, Johnny nói với Dick Bullen giọng cầu nhàu bởi vì Dick nâng bổng nó lên cùng cả cái chân và nhẹ nhàng tung nó lên trong khi đi về phía lò sưởi, “cho tôi xuống, rõ cái ông này, có nghe tôi nói gì không?”

Trước lời van nài ấy, Dick Bullen đặt Johnny xuống đất với một tiếng cười gượng gạo trong khi những người khác lặng lẽ vào nhà, tự động ngồi quanh một cái bàn dài ghép bằng những miếng ván thô chiếm gần hết gian phòng. Johnny nghiêm trang đến gần một cái tủ ly mang ra vài thứ đặt lên bàn. “Đây là rượu uytxki, bánh quy mứt Diệc đỏ và pho mát.” Nó nhón một miếng pho mát trong lúc bày ra bàn. “Còn đây là đường.” Vừa nói nó vừa nhét miếng pho mát vào miệng với những ngón tay nhỏ bé, dơ hầy. “Có cả bánh nướng nữa. Trên kệ còn có táo sấy nữa cơ. Nhưng cháu không thích.

Nó phồng tướng lên. Nào bây giờ mọi người cứ việc xơi thật tình, đừng sợ gì hết. Cháu hồng thềm quan tâm đến mụ già. Bà ta không thuộc về cháu. Quá lâu rồi.”

Nói xong nó bước vào một căn phòng nhỏ, không lớn hơn một cái tủ, vốn là một phần tách ra từ phòng chính. Dưới ánh sáng mờ mờ có thể thấy một cái giường nhỏ xíu. Nó đứng đấy một lúc nhìn mọi người, đôi chân trần lộ ra khỏi cái mền, đầu gật gật.

“Chào Johnny! Cháu không quay ra với chúng tôi nữa à?”

Dick hỏi.

“Không đâu” Johnny đáp, giọng quả quyết.

“Tại sao thế, có gì không ổn à anh bạn?”

“Cháu mệt.”

“Mệt là thế nào?”

“Cháu bị sốt, bị đau chân. Và thấp khớp.” Johnny ló đầu ra rồi lại biến mất. Sau một hồi im lặng, nó cất giọng từ trong bóng tối, rõ ràng là dưới tấm mền. “Và cái bản.”

Trong phòng, một không khí im lặng sừng sùng ngự trị. Mấy người đàn ông nhìn nhau rồi nhìn ngọn lửa. Mặc cho bữa tiệc hấp dẫn trên bàn, họ vẫn có cảm tưởng họ lại rơi vào tình thế đáng nản ở cửa hàng rau của Thompson. Chợt giọng nói của Ông già vang lên một cách khinh suất từ nhà bếp, sau đó là giọng chanh chua của mụ vợ:

“Chắc chắn rồi. Là thế đấy. Tất nhiên chúng là thế. Một lũ bọm nhậu, lười biếng, mà cái thằng Dick Bullen là đầu sỏ. Bọn chúng có chút trí khôn nào không mà lại kéo đến đây trong khi nhà có người ốm không hề báo trước. Nếu là tôi thì tôi nói: “Bullen, mày là một thằng nát rượu nông cuồng nhất hoặc là một thằng xuẩn không nghĩ ra được một điều gì hay ho hết.” “Staples,” tôi sẽ nói, “hãy là một con người chứ, phải tôn trọng người chủ dưới mái nhà này và người ốm đang nằm trong kia chứ?” Thế mà bọn

chúng vẫn dẫn xác đến đây, đó là bởi vì ông đú đờn với những bọn rác rưởi ngồi lay lắt trong quán rượu ấy mà.”

Bọn đàn ông cười phá lên ngay sau sự bùng nổ dữ dội này. Không biết là lời nói trên nghe được từ trong bếp, hay là vì mụ vợ Ông già đã kiệt sức sau cơn tam bành, tôi không thể nói chính xác, cửa sau bất thành linh mở ra đến sầm một cái. Một giây sau Ông già xuất hiện, không nhận ra nguyên nhân của tràng cười vui vẻ nọ đã mỉm cười hiền lành.

“Mụ vợ tôi nghĩ nó cần phải đến dự một buổi gặp mặt xã giao ở đảng nhà bà McFadden”, ông già giải thích với một vẻ cố làm ra vui nhộn rồi ngồi xuống một cái ghế.

Thật lạ lùng, dường như mọi người cần cái sự cố không may này để giải tỏa bầu không khí căng thẳng, sừng sùng suốt từ đầu đến giờ và nhất là khi tính tảo tợn đã trở về với chủ nhà. Tôi không có ý định miêu tả lại việc chèn chén trong buổi tối hôm ấy. Độc giả tò mò sẽ chấp nhận một lời nhận xét là câu chuyện bên bàn nhậu đã được cùng một sự đề cao rất trí thức ấy, sự kính trọng có cân nhắc ấy, sự tế nhị chán ngắt, sự chính xác hoa mỹ, cái dòng chuyện súc tích và logic ấy quy định, một cái gì thật khác với những chuyện tương tự trong cánh đàn ông sống ở những vùng văn minh hơn và dưới những điều kiện thuận lợi hơn. Không có một chiếc ly nào bị vỡ vì sự đãng trí của bất cứ ai, không một giọt rượu nào sánh ra bàn hoặc xuống sàn vào một thời điểm thiếu thốn như thế.

Đến gần nửa đêm thì tiệc vui bị phá đám. “Nghe kìa”, Dick Bullen nói, giơ một tay lên. Đó là giọng rền rĩ của Johnny vang lên từ cái tủ kê đấy. “Ba ời!”

Ông già vội vã đứng lên biến vào trong tủ. Một lát sau ông lại hiện ra. “Bệnh thấp khớp của thằng bé lại quay lại hành thẳng bé, nó muốn tôi xoa bóp cho nó.” Ông già nhắc chai rượu lên lắc lắc, không còn một giọt. Dick Bullen đặt cái ly thiếc xuống với một tiếng cười nhạt ngượng ngùng. Cả những người khác cũng làm thế. Ông già thăm dò mức độ hài lòng của họ

và nói với giọng khấp khởi hy vọng: “Tôi cho rằng thế là đủ, thằng bé không cần nhiều. Các anh cứ đợi ở đây một chút, tôi sẽ trở ra ngay.”

Nói xong ông già lại chui vào trong cái tủ cùng với cái áo pha len cũ mềm và chai rượu cạn. Cánh cửa khép hờ và những giọng nói từ đó vang lên nghe rất rõ.

“Nào con trai, đau lắm phải không?”

“Thỉnh thoảng còn chịu nổi, có lúc chịu hết nổi, nhưng đau nhất là ở chỗ này. Ba xoa bóp cho con đi.”

Im lặng, nghe rõ cả tiếng bóp chân. Rồi giọng Johnny:

“Nãy giờ có vui không ba?”

“Có, con trai ạ.”

“Ngày mai là ngày Noel phải không?”

“Ừ, con trai. Bây giờ đã đỡ hơn chưa?”

“Ba bóp xuống dưới một chút. Dù sao cũng là ngày Giáng Sinh phải không? Nó là như thế nào?”

“Ồ, đó là một ngày.”

Định nghĩa thấu đáo đó xem ra có vẻ thỏa mãn bởi vì trong căn phòng nhỏ như cái tủ im lặng lại ngự trị, chỉ nghe tiếng xoa bóp.

Rồi giọng Johnny lại vang lên.

“Bà già nói ở đâu người ta cũng tặng quà cho nhau... trong ngày Giáng Sinh, sau đó bà ấy lại công kích cha. Bà nói có một người đàn ông kêu là Santa Claus, không phải là người da trắng mà là một loại người Tàu gì đó vào đêm trước Giáng Sinh leo vào nhà qua ống khói, để cho bọn trẻ con - giống như con ấy, rất nhiều quà. Để quà vào trong những cái vớ. Đó là điều mà bà ấy cố lừa con. Nhẹ tay thôi ba, mà ba đang bóp chỗ nào vậy, còn cách chỗ đau cả dặm. Bà ấy chỉ bịa ra phải không, chỉ là để trêu chọc con và ba phải không? Đừng bóp chỗ ấy... Mà tại sao bà ấy lại làm thế?”

Một sự im lặng tuyệt đối lại trùm lên căn nhà, nghe được cả tiếng thở dài của rừng thông xa xa và tiếng tí tách của những giọt nước nhỏ xuống từ những cành cây. Cả giọng Johnny cũng trầm hẳn xuống khi nó tiếp tục. “Bây giờ thì ba ngưng lại một chút, bởi vì con thấy đỡ rồi. Mấy người ở bên ngoài làm gì vậy ba?”

Ông già mở cửa ghé mắt nhìn ra ngoài. Khách của ông vẫn ngồi ở đấy vẻ hiền lành, có một vài đồng bạc và một cái ví da hoẵng nhẵn nhụi để trên bàn. “Chơi cá độ, hoặc đánh bài hay làm một cái gì đó. Tất cả bọn họ đều ổn.” Ông già đáp, rồi quay lại bóp chân cho con trai.

“Con cũng muốn tham gia một tay và thắng một ít tiền”, Johnny nói vẻ ngấm ngấm sau một lúc im lặng. Ông già liền thoảng nói một câu nghe rất sáo đại loại nếu Johnny kiên nhẫn chờ đợi, đến một lúc nào đó nó sẽ trở nên giàu có, trong đường hầm nhà nó sẽ đầy nhóc những tiền... vân vân và vân vân.

“Phải”, Johnny nói, “nhưng ba thì không giàu. Và dù ba có cố gắng hay con có thắng thì cũng vậy cả. Tất cả chỉ là may mắn. Nhưng điều đó có thể là vì ngày Giáng Sinh, có phải không? Tại sao người ta lại gọi là ngày Giáng Sinh vậy ba?”

Có lẽ vì một cái gì đó nghe được từ đám khách, hoặc giả có một cái gì đó không phù hợp dù rất mơ hồ, Ông già hạ thấp giọng nói, nhỏ đến nỗi ngồi ở ngoài không nghe ông nói gì.

“Phải”, Johnny nói, giọng dịu đi với một niềm háo hức, “con có nghe nói về ông ấy rồi. Phải, đúng đấy ba ạ. Con không còn đau nhiều như trước nữa. Bây giờ đắp mền cho con thật kín đi, thế”, rồi nó nói thêm, gần như thì thầm, “ba ngồi bên con cho đến lúc con ngủ nhé.” Để chắc chắn là Ông già nghe theo yêu cầu của mình, nó thò một tay ra khỏi mền túm lấy tay áo Ông già kéo lại gần người mình hơn. Người cha kiên nhẫn ngồi đợi một lúc. Rồi sự yên lặng bất thường trong nhà đã làm ông tò mò, không rời khỏi giường ông đưa cánh tay còn lại mở hé cánh cửa, nhìn ra phòng khách. Trước sự ngạc nhiên của ông, căn phòng tối om và vắng vẻ. Chợt có tiếng còi nổ lốp

bộp trong lò sưởi và với ánh mắt ngỡ ngàng ông nhìn thấy cái bóng đơn độc của Dick Bullen đang ngồi bên bếp lửa tàn dần.

“Này anh bạn.”

Dick giật mình, đứng dậy, loạng choạng đi về phía ông già.

“Mấy cậu kia đâu rồi?” Ông già thì thầm hỏi.

“Đi khỏi hẻm núi này được một lúc rồi. Họ sẽ quay lại đây ngay thôi. Tôi đang đợi họ mà. Ông nhìn cái gì vậy, Ông già?” Dick hỏi với một tiếng cười miễn cưỡng, “bộ ông nghĩ tôi xin rồi sao?”

Hắn Ông già đã xua khỏi đầu giả định đó khi thấy đôi mắt Dick hơi ươn ướt và mặt ông đỏ bừng lên. Dick thơ thẩn đi lại chỗ ống khói, ngáp ngắn ngáp dài, vặn vẹo thân hình, cài nút chiếc áo khoác và cười. “Cái món cay cay ấy đâu có nhiều gì cho cam hả ông già. Không, đừng đứng lên làm gì,” anh nói và ra hiệu khi ông già làm một cử chỉ định gỡ tay áo mình ra khỏi tay đứa bé. “Đừng bận tâm, cứ ngồi nguyên ở chỗ đó. Tôi sẽ đi ngay thôi. À mà họ quay về đây rồi.”

Có một tiếng gõ lên cánh cửa. Dick nhanh nhẹn mở cửa, gật đầu chúc chủ nhà ngủ ngon rồi biến mất. Ông già cũng muốn đi theo tiễn khách nhưng một tay vẫn còn bị giữ lại. Không dễ gì gỡ bàn tay ấy ra được: nó bé bỏng, yếu ớt và nhợt nhạt. Có lẽ chính bởi vì nó bé bỏng, yếu ớt và nhợt nhạt mà ông bố đối ý, kéo cái ghế lại gần giường con hơn và gục đầu lên đấy. Trong tâm trạng ấy hiệu quả của lượng rượu uống vào lúc trước bắt đầu phát huy tác dụng. Căn phòng chao đảo và mờ dần trước mắt ông, rồi lại hiện lên và lại mờ dần và ông chìm vào giấc ngủ.

Trong khi đó, Dick Bullen khép cánh cửa lại sau lưng, đứng trước mặt các bạn nhậu. “Cậu sẵn sàng chưa?” mọi người hỏi. “Rồi”, Dick đáp, “mấy giờ rồi?”. “Quá 12 giờ rồi, anh làm được không? Quá nửa đêm rồi, với lại đoạn đường dài đến 50 dặm đấy. Đường xa mà khó đi.” “Tôi biết rồi”, Dick đáp giọng cụt lủn. “Ngựa đâu rồi?” “Bill và Jack giữ ngựa ở chỗ rẽ”. “Bảo họ chờ thêm một chút”, Dick ra lệnh.

Anh quay lại nhẹ nhàng bước vào nhà. Dưới ánh sáng của một ngọn nến đã cháy hết và bếp lửa gần tàn, anh thấy cánh cửa căn phòng nhỏ xíu để ngỏ. Anh nhón chân bước vào nhìn quanh. Ông già ngã kènkh khỏi cái ghế, ngáy như sấm, đôi chân buông thõng giang rộng cùng hàng với đôi vai rũ xuống, cái mũ sụp xuống tận mắt. Bên cạnh ông, trên chiếc giường gỗ hẹp là Johnny nằm thẳng đơ, trùm kín mền đến tận đầu chỉ chừa vầng trán và một vài lọn tóc quăn dâm dấp mồ hôi. Dick bước lên một bước, ngập ngừng rồi lại liếc qua vai nhìn ra căn phòng trống trải bên ngoài. Tất cả đều yên ắng. Với một quyết định bất chợt, anh vén bộ râu mọc tua tủa sang hai bên, cúi mặt xuống thẳng bé đang ngủ. Nhưng khi anh làm thế, một ngọn gió tinh nghịch như chỉ đợi cho đến lúc đó thổi xuống ống khói làm ngọn lửa bùng lên trong lò sưởi và căn phòng chợt sáng lên một luồng sáng đáng xấu hổ làm Dick sợ hết hồn.

Bạn bè của anh đang đợi ở chỗ rẽ vào nhà. Hai người trong bọn đang vật lộn trong bóng đêm với một đồng lù lù quái lạ trông chẳng ra cái hình thù gì cả. Khi Dick lại gần hơn, anh mới nhận ra đó là một con ngựa lớn lông màu hung.

Một con ngựa cái không tạo ra được một ấn tượng gì đẹp đẽ. Từ cái mũi La Mã của nó đến cái mông cong lớn lên, từ hai bên sườn đeo một bộ yên cương cứng ngắc của người Mexico đến bốn vó xương xẩu, thẳng đơ, dày chịch, chẳng có một nét nào duyên dáng, dễ coi. Trong đôi mắt trắng dã nham hiểm của nó hiện ra qua tấm chắn, trong cái hàm dưới trề ra, và trong cái màu lông kỳ quái chẳng có một cái gì khác ngoài vẻ xấu xí và độc ác.

“Nào bây giờ thì”, Staples nói, “giữ bốn vó nó lại các cậu, còn Dick, đầu tiên hãy nắm lấy bờm nó, mạnh dạn nhảy lên, đừng ngại, nhanh nhanh lên. Sẵn sàng chưa?”

Một cú nhảy, một sự vật lộn, cả bọn nảy người lên, lùi lại, con ngựa tung nửa thân, đá ra xung quanh, hai chân trước của nó tung lên sau khi đập vào mặt đất với một vũ điệu loang loáng của những chiếc móng sắt, một cú tung

người và giọng Dick vang lên từ một nơi nào đó trong bóng đêm. “Được rồi.”

“Đừng đi con đường thấp trừ khi cậu muốn mua việc vào thân. Đừng để nó dưới chân đồi. Chúng tôi sẽ có mặt ở khúc suối cạn vào lúc 5 giờ. Glang! Hoopa! Mula! Chạy!”

Vụt một cái như một tia chớp từ mép đường, với tiếng cộp vào một tảng đá, Dick phóng ngựa đi.

Bài hát, Ôi Nàng Thơ, kị sĩ Richard Bullen đơn độc! Ôi! Nàng Thơ của những người đàn ông nghĩa hiệp! Cuộc tìm kiếm thiêng liêng, những chiến tích dũng cảm, đội quân của bọn hạ đẳng, chuyển đi hải hùng, và hoàn cảnh hiểm nghèo ở vườn hoa của quán Bar Simpson! Ái chà! Nàng đồng đánh quá, cái Nàng Thơ ấy! Nàng ta không có cảm hứng gì với người kị sĩ rách rưới, hênh hoang và thô lỗ ấy đâu, tối đến lại phải theo bước chân của chàng ta bằng chính đôi chân trần của mình thôi.

Đã một giờ sáng nhưng người kị sĩ vẫn chưa lên được đến đỉnh Rattlesnake. Trong khi đó thì nàng ngựa cái Jovita phô ra với chàng kị sĩ tất cả những thói xấu của nó và thực hành tất cả những ngón hiểm mà nó có được. Ba lần nó chồm lên. Hai lần nó bứt cái mõm La Mã của nó ra khỏi dây cương và vùng vằng, giãy giụa như điên trên con đường núi gập ghềnh. Hai lần nó nhảy lên đá hậu, lùi lại phía sau, ngã ra sau và hai lần Dick nhanh nhẹn nhảy lên yên mà không hề hấn gì, trước lúc con ngựa chứng lại đứng lên trên bộ vó độc địa của nó.

Chỉ còn một dặm đường nữa là đến chân một ngọn đồi cao, đó chính là con sông tràn bờ Rattlesnake. Dick biết rằng nơi đây sẽ là một thử thách quan trọng đối với khả năng hoàn thành nhiệm vụ đề ra. Anh nghiêng chặt hai hàm răng lại, đầu gối thúc mạnh vào hai bên sườn con ngựa và thay đổi chiến thuật để đối phó với con ngựa bất kham này. Hung hăng và phát điên lên, con Jovita bắt đầu đi xuống dốc. Đến đây Richard khéo léo giả vờ kiềm giữ nó với một sự khe khẽ phô trương và những tiếng kêu sợ hãi. Không cần phải nói thêm, con Jovita lập tức phi nước đại. Tôi cũng không cần nói

rõ là lúc này người và ngựa đang lao xuống, điều đó đã được ghi rõ trong biên niên sử của quán rượu Simpson. Đối với Dick dường như không đủ thời gian cho anh nhận ra là anh cùng với con ngựa đã bay trên dải nước trắng xóa, mênh mông của con suối Rattlesnake tràn bờ. Như Dick đã biết trước, với cái đà mạnh nhất mà nó phóng lên để mang cả thân hình nó và người kỵ sĩ vượt qua chướng ngại vật thì cũng chỉ ra được đến giữa dòng. Sau một hồi vùng vẫy, bơi lội bì bõm người và ngựa cũng sang được bờ bên kia. Con đường dẫn từ dòng sông Rattlesnake đến núi Đỏ khá bằng phẳng. Có lẽ cả cú rơi tòm xuống dòng nước lạnh căm căm làm giảm bớt phần nào ngọn lửa sùng sục trong con ngựa cái lẫn tài nghệ của người kỵ sĩ đã làm cho Jovita thuần lại vì nó thôi không còn phí sức vào những trò chơi xấu nữa. Một lần nó nhảy dựng lên nhưng đó chỉ là thói quen, một lần nó nhảy sang một bên nhưng đó là vì ngôi nhà hội họp mới được sơn phết lại ở gần một chỗ rẽ. Những vũng nước, ổ gà, hào nước, tảng đá và bãi cỏ lươn lướt vụt qua dưới vó ngựa. Nó đánh hơi thấy một cái gì khó chịu, một hoặc hai lần nó hí lên khe khẽ nhưng điều đó không làm cho nó thay đổi tốc độ hay sức lực. Vào lúc 2 giờ sáng người kỵ sĩ đã đi qua núi Đỏ và bắt đầu đi xuống một thung sâu. Mười phút sau đó người và ngựa đã phóng qua bờ Pioneer, rồi bị qua mặt bởi “một người ở Pinto” một sự cố đặc biệt đáng được ghi nhận. Hai giờ rưỡi, Dick đứng lên trên bàn đạp cất tiếng la lớn. Những vì sao lấp lánh hiện lên sau những đám mây bị gió đánh cho tan tác và trước mặt Dick, xa xa trên thảo nguyên, sừng sững hai cái tháp nhọn hoắt, một cái cột cờ và đường nét phức tạp của một khối đen. Dick khua đỉnh thúc ngựa, vung roi ngựa, Jovita tể thẳng về phía trước, một phút sau họ đã vào trong thị trấn, đứng trước mái hiên bằng gỗ của “Chỗ dừng chân của tất cả các quốc gia.”

Chuyện gì diễn ra ở thị trấn Tuttleville đêm ấy không phải là một phần trong câu chuyện này. Tuy vậy tôi có thể nói một cách ngắn gọn là sau khi Jovita được giao cho một người coi ngựa mắt nhắm mắt mở, nó đã giở trò bằng cách đá lén cho anh ta một cú, còn Dick thì cùng với ông chủ quán bar quây một vòng quanh thị trấn. Ánh đèn vẫn còn hắt ra từ một vài quán rượu

và những chỗ vui chơi, nhưng họ tránh những chỗ ấy mà dừng lại trước vài cửa hiệu tạp hóa. Bằng việc kiên nhẫn gõ lên cánh cửa và gọi cửa một cách khôn khéo họ đã đánh thức được chủ nhân đang ngon giấc trên giường, làm họ phải mở cửa hàng và đưa ra những món hàng. Thỉnh thoảng những kẻ phá rối này cũng nhận được những câu chửi rủa nhưng thường thì người ta cũng quan tâm đến nhu cầu của khách hàng và chuyển viếng thăm vào lúc 2 giờ rưỡi sáng lại còn kết thúc bằng việc chủ tiệm mời khách hàng một ly rượu cho ấm người. Quá ba giờ thì cuộc mua bán, trao đổi kết thúc và với một cái túi nhỏ không thấm nước có quai đeo sau lưng, Dick quay lại nhà trọ. Ở đây anh rơi vào trận mai phục của Người Đẹp. Người Đẹp viên mãn trong sự duyên dáng, giàu có trong trang phục, đầy sức thuyết phục trong lời ăn tiếng nói và là một giọng của người Tây Ban Nha. Người Đẹp lặp đi lặp lại lời mời “quý ông” nhưng vô vọng. Người Đẹp còn bị người khách vui vẻ chọc quê bởi câu hỏi thăm về cái thời còn trèo lên dây Anpơ và cái thuở nào còn đi câu cá Sierras, một loại cá chỉ ở Tây Ban Nha mới có. Sự từ chối nhẹ đi rất nhiều bởi tiếng cười hồn hậu và đồng vàng cuối cùng của người khách. Sau đó Dick nhảy lên yên ngựa, phóng đi trên đường phố vắng vẻ, ra ngoài thung lũng còn vắng lặng hơn. Đường viền đen của các ngôi nhà, hai cái tháp nhọn, cột cờ... tất cả bị bỏ lại sau lưng chàng kị sĩ và chẳng bao lâu đã chìm mất trong khoảng không bao la.

Bão đã tan, không khí trong lành, mát lạnh, cảnh vật bên đường đã hiện lên rõ nét hơn, nhưng khi Dick phi ngựa đến nhà hội họp và chỗ rẽ trên con đường quê thì đã 4 giờ rưỡi sáng. Để tránh đoạn đường dốc, Dick cho ngựa đi đường vòng thúng dãi hơn, đầy bùn nhão. Bùn ngập đến nửa ống chân con Jovita. Còn tệ hơn là đoạn đường lên dốc dài 5 dặm, nhưng con Jovita tập trung hết sức lực vào bốn vó và với cả một cơn giận mù quáng vô lý nên chỉ mất nửa giờ để đến được đoạn đường dẫn ra sông Rattlesnake. Mất một nửa giờ để mang Dick đến bờ sông. Anh để dây cương quấn hờ lên cổ con ngựa cái, tặc tặc lưỡi thúc ngựa và cất tiếng hát.

Đột nhiên con ngựa nhảy chồm sang một bên, một người thiếu kinh nghiệm hơn hẳn đã bị nó cho đo ván trên mặt đất nhão. Sau một hồi vật lộn

vất vả, người và ngựa cũng đứng trước con suối rộng. Dick cũng người không còn nhận ra được mọi vật chung quanh nữa. Anh đã đi lạc đường hay đây chính là con suối Rattlesnake? Chính nó, không chệch vào đâu được. Nhưng con suối phẳng lặng vài tiếng trước đây bây giờ đã rộng gấp đôi và có cả một dòng nước hung hãn chảy băng băng ngăn cách anh với đồi Rattlesnake. Lần đầu tiên trái tim của Rickard thắt lại trong lồng ngực. Dòng sông, ngọn núi, phương đông đang hừng dần lên, tất cả nhòa vào nhau trước mắt anh.

Dick nhắm mắt lại, định thần. Trong phút giây ngắn ngủi ấy bằng một năng lượng tinh thần kỳ lạ, anh thấy hiện lên trong đầu căn phòng nhỏ như cái tủ ở nhà Simpson, hình dáng người cha ngủ gật và đứa con trai ốm yếu. Anh mở choàng mắt, vứt bém cái áo khoác, khẩu súng lục, đôi ủng, bộ yên cương, chỉ còn giữ lại cái túi nhỏ quý giá mà anh quấn chặt quanh vai. Hai đầu gối anh quắp chặt lấy sườn con vật rồi với một tiếng hét chói tai, cùng ngựa lao vào dòng nước màu vàng. Một tiếng hét nữa cất lên từ bờ bên kia khi đầu của người kỵ sĩ rồi con ngựa ngoi lên, bị nhận chìm, rồi lại ngoi lên lần nữa trong dòng nước hung hãn, và rồi cả người lẫn ngựa vùng đứng dậy khỏi đám cây tróc hết cả rễ và những khúc gỗ quay tròn trong dòng nước.

Ông già giật mình thức giấc. Lửa trong lò sưởi đã tắt ngấm từ bao giờ, ngọn nến ở phòng ngoài chỉ còn leo lét trong đế cắm, có ai đang gõ lên cánh cửa. Ông đứng dậy mở cửa, giật bắn ra sau với một tiếng kêu hốt hoảng khi thấy một người ướt như chuột gần như là trần truồng lao vào khung cửa.

“Dick hả?”

“Suyt! Cậu bé đã dậy chưa?”

“Chưa, nhưng Dick... cậu làm...?”

“Đưa cái gì cho tôi lau người được không? Đưa cho tôi một ít rượu, nhanh lên!”

Ông già vọt vào trong nhà rất nhanh và quay lại với cái chai không! Dick muốn chửi một câu thật tục cho bõ tức, nhưng anh không còn đủ sức làm việc đó. Anh loạng choạng suýt té, phải bám vội lấy cánh cửa rồi ra hiệu cho ông già.

“Trong túi tôi có vài thứ cho Johnny. Lấy ra đi, tôi không tự lấy được.”

Ông già cởi cái túi trên vai Dick ra và đặt trước mặt người đàn ông đã kiệt sức.

“Mở ra đi nhanh lên!”

Ông mở túi ra với đôi tay run lấy bầy. Trong đó có vài món đồ chơi - rẻ tiền, thô sơ nhưng cũng hay hay với nước sơn sáng màu và kim tuyến óng ánh. Một món đã bị bể, một món khác tôi cho là đã bị dòng nước phá hủy không thể phục hồi được và trên món đồ chơi thứ ba có một vết bẩn tội lỗi.

“Trông không được đẹp lắm, thật thế”, Dick nói giọng yếu ớt “... nhưng đó là những thứ tốt nhất có thể có, cho chúng vào vớ của thằng nhỏ và bảo nó... bảo nó... không biết đấy... giữ lấy tôi, Ông già...” ông già đỡ lấy thân hình đang rũ xuống. “Bảo nó”, Dick gắng gượng nói với một tiếng cười ngắn ngủi, gượng gạo, “bảo nó Santa Claus có đến...”

Và với câu nói đó Santa Claus râu ria xồm xoàm, mặt mũi chưa cạo, áo quần tả tơi, toàn thân ướt sũng, một tay buông thõng, cố bước thêm một bước nữa vào quán rượu Simpson nhưng đã ngã xuống, xụi lơ ngay trên ngưỡng cửa.

Bình minh rạng dần cho một ngày Giáng Sinh. Mặt trời trù lên những đỉnh núi xa xôi nhất tất cả hơi ấm nồng nàn của một tình yêu không có cách nào diễn tả nổi. Và nó lướt đi thật dịu dàng trên quán rượu Simpson khi các dãy núi chung quanh nhuộm một màu hồng rực rỡ của hừng đông.

có một năm bảy tuần lộc không bay

Daniel “Chip” Ciammaichella

Một cơn bão bất thần nổ ra và đổ bộ từ phương Bắc vào đúng ngày 24 biến vùng đồng cỏ trập trùng ở phía Nam Raton trở thành một tấm mền trắng xóa trải dài ra vô tận. Băng và tuyết đã hóa phép biến những cây tuyết tùng, trắc bá và sồi thành những bức tượng điêu khắc bằng pha lê và những đỉnh núi hùng vĩ của dãy Sangre de Cristos bị che khỏi tầm nhìn bởi vô vàn những bông tuyết vùn vụt trong không trung bởi ngọn gió bắc dữ tợn trong ánh chiều mờ nhạt. Trong khi Elizabeth Porter điều khiển chiếc Ford tách ra khỏi đường cao tốc rẽ về phía đường xa lộ số 64, cô vừa mê mẩn trước vẻ đẹp của lớp tuyết rắc trên vùng đất đông bắc New Mexico lại vừa khó chịu về tình trạng đường xá kinh khủng ở đây. Còn có một con đường khác đi về nhà cô ở Cimarron, cách 40 dặm về phía tây nhưng nó xa quá, và lại đường sá ở đây có thể còn tệ hơn cả ở đây.

Thật là một ngày vất vả và Elizabeth không muốn gì hơn là về được đến nhà với hai cô con gái nhỏ Jessie và Megan. Đôi chân cô đã mỏi nhừ ở những bàn chờ đợi tại nhà hàng El Matador, đôi mắt cô đỏ kè vì thiếu ngủ và lo lắng. Trận đau đầu kinh khủng đã hành hạ, làm cô nhọc cả người suốt cả ngày giờ đây vẫn còn vương vất. Nhưng tất cả những chuyện đó không là gì so với nỗi nhớ chồng quay quắt. Bobby là lý do cô không chợp mắt được đêm đêm, anh ở cách xa cô một nửa vòng trái đất, trên một đất nước nhỏ xíu có tên là Kuwait để chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh. Dầu có ngủ đi được chăng nữa cô cũng chỉ có những cơn ác mộng về những điều tệ hại nhất. Trong khi lái chiếc xe trên con đường xa lộ tuyết phủ từng lớp dày, Elizabeth nuôi một hy vọng mong manh là có thể Bobby được phép gọi điện thoại về nhà nhân dịp Giáng Sinh. Anh chỉ có thể gọi điện thoại về nhà một tháng 2 lần bởi vì đơn vị Bảo vệ của anh đóng quân ở ngoài khơi vịnh Trung Đông. Cô nhớ giọng nói trầm trầm, âu yếm có sức động viên của anh - bao giờ nó cũng làm cô dịu lại dù cô có mệt mỏi đến

thể nào sau 12 giờ lao động hay lo sợ về hàng chồng hóa đơn xem ra khó có thể thanh toán hết.

Elizabeth đi rất chậm nhưng dù sao thì mỗi lúc nó một tiến đến gần Cimarron hơn, cái mà cô cần hết sức là một chiếc bồn đầy nước ấm. Những bông tuyết nhảy múa như những ngôi sao sa trong ánh sáng ngọn đèn pha trong lúc ánh sáng ban ngày mờ nhạt nhường chỗ cho đêm đen. Cô lái xe ngang qua quán bar Colfax bây giờ đang đóng cửa vì mùa đông và chỉ có một tòa nhà có người ở được biết đến như trụ sở của Colfax. Cô lại tiếp tục đi qua con đường dẫn đến thành phố ma Dawson, từng là một thành phố mở thịnh vượng một thời, ngang qua con sông Vermejo rồi rẽ vào con đường tàu Santa Fe dành cho những con tàu chở than vào ra vùng mỏ ở York Canyon. Ngôi nhà trắng bỏ hoang trên con đường nổi thung lũng Van Bremmer với dãy núi Vermejo Park điệp trùng là ngôi nhà cuối cùng mà cô nhìn thấy cho đến khi cô đi ngang cây cầu bắc qua sông Ponil để đi vào Cimarron. Cô biết cô đã gần đến nhà nhưng vẫn cố gắng giữ cho đôi mắt mỗi một mở to và tập trung vào con đường trước mặt; loài hươu, linh dương nai sừng tấm thường lang thang trên mặt đường gây ra nhiều tai nạn. Ted Turner cũng có một con bò mộng ở dãy Vermejo này... Cô sợ dummies lại với cái ý nghĩ xe mình cán phải một trong những con vật ưa lang thang ấy.

Trong khi cô căng mắt ra để tìm một dấu hiệu của những con vật chạy ra mặt đường, cái cảnh một người đàn ông mặc quần áo của Santa Claus đứng ở giữa đường vẫy tay loạn lên về phía xe của cô làm cho cô hoàn toàn bất ngờ. Vào đúng lúc cô nhận ra điều đó có ý nghĩa gì cô đã phải đạp vào thắng xe thật gấp và nó dừng lại trước cái bụng tônô của người đàn ông chỉ trong đường tơ kẽ tóc. Người đàn ông vẫn đứng như trời trồng trước mũi xe cô một lúc, đôi mắt mở to như mắt nai bắt gặp ánh đèn pha, còn chưa dám chắc là mình vẫn còn là một khối nguyên vẹn. Đầu tiên Elizabeth nổi giận, nhưng cái cô nhìn thấy dưới ánh đèn xe nhanh chóng chuyển cơn giận dữ thành ra một trận cười không sao kiềm chế nổi. Dường như cuối cùng người đàn ông cũng lấy lại được bình tĩnh phần nào và ông đi đến bên cửa sổ của

Elizabeth hai đầu gối như muốn khuỵu xuống. Nước mắt vẫn lăn trên má cô và trong khi vẫn còn cười khúc khích cô hạ cửa kính xe xuống.

“Trong tất cả những người mà tôi có thể đem niềm vui đến, a ha ha tôi lại tìm thấy một người dường như lại có được niềm vui từ việc suýt cán chết một ông già Noel”. Đôi mắt người đàn ông có cái sắc biếc nhất mà cô từng thấy, tỏa ra một thứ ánh sáng long lanh tinh nghịch, tương phản với cái giọng khàn khàn, quê kệch. Cô lau nước mắt, cố nín cười trước khi trả lời.

“Xin lỗi ông, tôi không cười ông đâu... Thật thế, tôi không dám chắc là tôi cười hay khóc nữa, nhưng ông làm cho tôi một phen khiếp vía. Sau đó khi tôi nhìn ông, trong bộ đồ của một ông già Noel... Ông đứng đó dưới ánh đèn pha như một người trông thấy ma...” Cô lại bắt đầu cười như không sao nén nổi.

Người đàn ông râu bạc cười khùng khục trong cổ, chỉ một lát sau lại có vẻ rất mực nghiêm trang.

“Không có hại gì cô bạn trẻ ạ, nhưng tôi cần cô giúp đỡ, tôi đang ở trong tình trạng cực kỳ khó khăn. Tôi cần đến một bác sĩ thú y càng nhanh càng tốt.”

Elizabeth có thể thấy sự quan tâm và lo lắng đã làm mất đi cái ánh long lanh trong mắt ông, cô lập tức với tay xuống mở cửa xe dành cho khách.

“Ông lên xe để tránh gió rét đi và hãy cho tôi biết vấn đề của ông là gì. Tạ ơn Chúa là tôi đã không làm tan nát cái xe của tôi... hoặc ông.”

Người đàn ông phấp phấp trong bộ quần áo của ông già Noel nhanh chóng rời cửa sổ xe lù lù đi qua vùng ánh đèn pha chiếu sáng rực, một lần nữa ông lại làm cho Elizabeth phải cắn chặt môi nín một cơn cười không sao kiềm chế nổi. Cô cố không nhìn ông, sợ rằng chỉ thoáng lướt mắt qua ông thôi cô sẽ lại phá lên cười. Cuối cùng ông cũng yên vị trên xe, phủi phủi những bông tuyết trên chiếc áo đỏ rực.

“Ông có sao không? Tuyết rơi rất dày ở đây...” cô nuốt một cơn cười nữa vào bụng.

“Tôi không sao”, ông già đáp, đôi má ông đỏ lên vì ngượng ngùng, “có thể đưa tôi đến gặp một bác sĩ thú y không, nếu không sẽ gay go to. Bọn con trai của tôi bị ốm.”

“Con trai? Con trai ông lại cần bác sĩ thú y?”

“Không, tất nhiên đây là những con tuần lộc. Tôi gọi chúng là con trai.” Ông già đáp với vẻ mặt tỉnh khô.

Elizabeth mỉm cười. “Tôi cho rằng ông sẽ bảo tôi rằng mình chính là Santa Claus và đêm nay ông không thể đi tặng quà vì bây tuần lộc của ông ngã bệnh.” Cô nghĩ ông là một người làm nghề chăn nuôi có lẽ ở vùng Vermejo. Những người ở đây thường nuôi bò, còn xuôi xuống phía dưới mạn Logan có những người nuôi đà điểu, mà tại sao không phải là tuần lộc chứ?

“Chính xác. Chúng rất khỏe khi chúng tôi rời Bắc Cực. Tôi để cho chúng ngoảnh đầu ra sau một chút khi đến gần Valle Vidal, tôi nghĩ chúng đã ăn phải một cái gì độc hay một chuyện gì đại loại như vậy.”

Elizabeth đạp lên chân ga gần như hết cỡ, cô muốn đến Cimarron nhanh như khả năng chiếc xe có thể đưa cô đi. Cô đang tự hỏi mình không biết cô có nên cho người đàn ông này lên xe không. Ông ta rõ ràng không say mà cũng không điên. Cô hít hít một cách thăm dò xem có nghe mùi rượu không và thầm hy vọng là ông ta không phải hạng người nguy hiểm. Với những ý nghĩ này cô không muốn trò chuyện gì chỉ nhìn thẳng vào con đường trước mặt.

“Này cô, tôi không tin là ở Cimarron có một bác sĩ thú y theo những gì tôi còn nhớ được, mà tôi thì thật sự cần một người như vậy.”

Elizabeth cố tỏ ra lịch thiệp. “Không, chúng tôi không có bác sĩ thú y và nơi gần nhất có một người như vậy là ở cách đây 30 dặm, ở Raton. Tôi

không thể lộn lại quãng đường ấy, nhưng tôi sẽ vui lòng thả ông xuống một trạm cảnh sát và yêu cầu ông đồn trưởng Allen đưa ông đến đây.”

“Những đứa con của tôi rất yếu, chúng sẽ chết nếu chúng ta không nhanh lên một chút. Tôi chắc cô có thể phóng nhanh hơn. Làm ơn đi, tôi sẽ cho cô bất cứ thứ gì cô muốn, chỉ cần đưa tôi đến chỗ một bác sĩ thú y.”

Elizabeth có thể cảm thấy sự quan tâm và tuyệt vọng trong giọng nói của ông già. Cô quay xuống nhìn ông già, đôi mắt họ bắt gặp nhau trong một giây ngắn ngủi trước khi cô quay nhanh đi nhìn về phía trước.

“Cô có vẻ e ngại tôi... cô không tin rằng tôi chính là ông già Noel, phải không?”

Elizabeth không muốn làm một người không quen đang đóng vai Santa phải giận dữ. Cô làm thinh, tập trung vào việc lái xe.

“Không sao đâu cô gái trẻ, tôi hiểu mà. Ngày nay không còn nhiều người tin vào tôi nữa vì vậy tôi không thể trách cô đã nghi ngờ tôi. Một phụ nữ trẻ đi trong đêm tối có những lý do chính đáng để sợ những người lạ mặt, nhất là trong thời buổi hiện nay. Chắc chắn là thế giới này đã thay đổi mà không phải với chiều hướng tốt lên. Xin lỗi đã làm cô phải bận tâm. Tôi lo sợ cho những người bạn cũ bởi lẽ có thể tôi đã quên mất phong cách của mình. Phải, cô có thể thả tôi xuống một đồn cảnh sát. Tôi nghĩ ông đồn trưởng sẽ tin tôi và làm tất cả những điều cần thiết để cứu những con thú của tôi.” Ông già lún sâu trong ghế và lo lắng nhìn con đường trước mặt.

Elizabeth vẫn không mở miệng, sự lo lắng của ông già làm phiền cô. Có thể ông già này không nguy hiểm... chỉ hơi điên một chút. Cô nhớ Bobby thường hay nói: “Em yêu, thỉnh thoảng em hơi khùng khi cố giữ cho mình tỉnh táo.”

Cô đã chứng kiến nhiều con thú bị bệnh hay chết ở vùng đất này, nhưng sẽ không bao giờ quen với những cảnh ấy. Bây giờ cô bó tay, để cho những con vật đáng thương chết trong tiết trời lạnh căm căm chỉ bởi vì cô sợ một ông già tự nhận mình là ông già Noel.

“Chết tiệt!” Elizabeth kêu lên khi cô nhấn vào thắng xe làm cho bánh xe nghiêng cháy cả mặt đường và chiếc xe Bronco lạng lách sang một bên trước khi cô dừng lại rồi tiếp tục hướng đi ngược lại, hướng về phía Raton. “Ông đồn trưởng Allen sẽ nhốt ông lại rồi ném chìa khóa đi. Coi đây, tôi không biết ông là ai nhưng dù ông có đúng là cái người ông nói hay chỉ là một lão già dở hơi thì tôi cũng không thể chịu đựng được ý nghĩ có những con vật đáng thương đang chết trong tuyết lạnh. Tôi không thể để ông bị nhốt vào ngày Noel chỉ vì tôi không thể trễ giờ tắm nước nóng đã định”.

Ông già nhìn cô, giật mình vì trò đùa nhào lộn bất thần của chiếc xe và lời lẽ của cô. Sau đó cái ánh lấp lánh ban nãy lại trở về đôi mắt ông và ông bắt đầu nói những câu chuyện vui khi chiếc xe vòng lại con đường phủ đầy tuyết quay về hướng Raton.

*

* *

Tuyết bắt đầu rơi thưa dần, chỉ thỉnh thoảng mới có những bông tuyết lững lờ rơi xuống khi chiếc xe đi vào con đường dẫn đến nhà bác sĩ thú y, Dr. Ashley. Chiếc xe này chồm chồm trên con đường gồ ghề, Elizabeth phát hiện ra là ông già là một người hay chuyện và là một bạn đồng hành thú vị. Ông kể cho cô nghe những câu chuyện đến là ngộ nghĩnh, có thật hay không thì không biết nhưng nó làm cô phấn chấn và cười luôn miệng. Thế là cô kể cho ông nghe về cuộc sống và gia đình nhỏ của mình, rằng cô tự hào về hai cô con gái và rất nhớ chồng. Ông chăm chú lắng nghe, không nói gì ngoài một vài lời khích lệ tốt đẹp. Elizabeth phải thừa nhận cô cảm thấy thích ông già này... và có thể ông không điên chút nào. Elizabeth quen bác sĩ thú y nên cô dẫn người tự cho mình là ông già Noel vào sân, đợi cho đến khi đèn bật sáng.

“Chào Ron”, cô vui vẻ lên tiếng khi một người đàn ông trung niên có vẻ mặt phúc hậu ra mở cửa, “xin lỗi đã quấy rầy anh, nhưng bác đây có mấy con thú bị bệnh cần đến sự giúp đỡ của anh.”

Bác sĩ Ashley tò mò nhìn người đàn ông có bộ râu bạc như cước trong bộ đồ màu đỏ khi ông già giải thích chuyện gì đã xảy ra với những con tuần lộc của ông. Elizabeth nhận thấy vẻ nghi ngờ và thú vị trong đôi mắt của bác sĩ trong khi ông già Noel nói. Có một quãng im lặng ngại ngùng trước khi bác sĩ lên tiếng.

“Elizabeth, cô nói gì về chuyện này? Có phải là một trò đùa không? Cô có nghĩ ông ấy đang nói sự thật? Cô nghĩ ông ấy là Santa Claus à?”

Elizabeth không trả lời câu hỏi ngay. Cô nhìn ông già mấy giây, bắt gặp đôi mắt long lanh của ông và ánh mắt ấy làm cho cô có can đảm trả lời.

“Ron à, tôi biết điều này nghe có vẻ rất khủng, nhưng tôi đã đánh xe một đoạn đường 35 dặm đến đây, và trong khi tôi không thể nói là tôi biết rõ về ông ấy tôi đã đi đến chỗ tin tưởng ông ấy. Tôi không thể nói chắc chắn có phải ông là Santa Claus hay không nhưng tôi có thể khẳng định điều này...” cô dừng lại một chút, hít một hơi thật sâu, “nếu thật sự có một Santa Claus, thì tôi tin rằng ông chính là con người này.”

Nhưng lời cô nói dường như không thuyết phục được ông bác sĩ thú y.

“Cô bạn trẻ, tôi nghĩ tối nay cô uống quá nhiều cái món eegnog nhưng không hề gì. Nếu có những con thú ốm thì tôi cần phải chăm sóc chúng. Không có gì đặc biệt bởi vì tôi vẫn thường phải ra khỏi nhà vào lúc nửa đêm, kể cả một đêm đông rét mướt như thế này, để đến một nơi nào đó chăm sóc cho một con ngựa đau hay một con bò cái tơ trở bệnh. Đó là công việc của tôi mà, và tôi sẽ phục vụ quý ông này như bất cứ một người chăn nuôi nào trong vùng, bởi vì cô đã dẫn ông ấy đến đây. Để tôi đi lấy áo khoác và túi cứu thương...”

Khi bác sĩ đi vào trong nhà, ông già quay qua Elizabeth.

“Cảm ơn cô bé. Tôi biết cô không thật sự tin tôi, nhưng tôi đánh giá cao sự giúp đỡ của cô.”

Ông hôn nhẹ lên trán cô, râu ông cọ vào mũi cô. Elizabeth nhìn ông với một vẻ băn khoăn hiện rõ trên nét mặt.

“Cháu không bao giờ nói một cái gì như thế. Cháu thừa nhận, cháu không tin tưởng lắm vào sự tồn tại của ông già Noel nhưng cháu hiểu rõ điều mình nói. Nếu Santa Claus có tồn tại thì người ấy là bác. Cháu hy vọng bác gặp may và mọi chuyện đều ổn thỏa. Bác đang ở trong đôi tay khéo léo của bác sĩ Ashley còn cháu thì có 2 đứa con gái phải đón từ tay cô giữ trẻ... đó là chưa kể đến lịch tắm nước nóng. Tạm biệt... ông già Noel, hy vọng bảy tuần lộc của ông mau khỏe lại.”

Cô bắt đầu đi về phía chiếc Bronco của mình, nhưng ông già đã lật đật chạy theo, bắt kịp cô lúc cô mở cửa xe. “Hượm đã, ta hứa với cháu là sẽ cho cháu bất cứ thứ gì cháu muốn nếu cháu giúp ta tối nay, mà cháu thì đã giúp ta được nhiều lắm. Nói cho ta nghe, cháu mong muốn điều gì trong ngày Giáng Sinh?”

Nhưng căng thẳng mệt mỏi biến mất trước sự quan tâm trìu mến của ông, nhưng cô chỉ nói.

“Điều duy nhất cháu quan tâm trong ngày Giáng Sinh này là Bobby nhưng cháu cho là cả đến Santa Claus cũng không thể đem anh ấy về nhà với cháu được. Một cú điện thoại của anh ấy cũng là quý giá lắm rồi... nhưng không, tối nay cháu chẳng muốn bác làm cho cháu điều gì. Chẳng phải ý nghĩa của ngày Noel là thế sao... người giúp người? Một bản nhạc đồng quê mà cháu ưa thích đang trở lại trong đầu cháu. Nếu bác thực sự là một Santa Claus, hãy làm điều mà bác vẫn làm... niềm vui và hạnh phúc bác mang lại xứng đáng với bất cứ một phiền phức vật vãnh nào, nhưng nếu bác không phải là như vậy, hãy làm một cái gì đó cho một ai đó đang cần một sự giúp đỡ. Đừng để sợi dây của tình yêu trở thành một sợi dây xích.”

Trước khi ông già có thể nói điều gì, cô đã nhảy vào trong xe, khởi động và phóng ra đường xa lộ bắt đầu chặng đường dài về với các cô con gái.

*

* *

Elizabeth đặt ly trà xuống và lau những giọt nước mắt khi xem Jimmy Stewart và Donna Reed tham gia vào dàn đồng ca “Auld Lang Syne” trên tivi đen trắng, tất nhiên rồi. Cô nhòm người khỏi chiếc ghế xích đu cũ kỹ nhưng thoải mái, miễn cưỡng đặt cái điện thoại lên bàn. Chiếc điện thoại chưa ra khỏi tầm nhìn của cô từ lúc cô rời Raton về nhà vào đêm hôm trước. Điện thoại chỉ cách cô một sải tay khi cô nấu ăn cho hai đứa con gái, khi họ ăn bắp rang và coi tivi, khi cô đọc “Vào đêm trước Giáng Sinh” cho con nghe lúc chúng lên giường đi ngủ. Điện thoại không dây bỏ trong túi áo khi cô lấy các gói quà ra khỏi chỗ giấu và đặt dưới cây thông Noel, cô còn đặt cả điện thoại lên giường khi đi ngủ nữa. Điện thoại lại ở trong túi cái váy mặc trong nhà khi Jessie và Megan đánh thức mẹ dậy vào lúc 6 giờ sáng với những tiếng kêu la đầy kích động rằng Santa Claus đã đến thăm. Lúc bọn con gái mở quà cô cũng cầm điện thoại trong tay.

Cô không rời khỏi nhà vào ngày Giáng Sinh, không chỉ bởi vì cô không muốn bỏ lỡ một cú điện thoại của Bobby mà còn bởi vì cô cảm thấy không muốn gặp gỡ bất cứ ai vào ngày hôm nay. Cô nhận được nhiều lời mời đến ăn tiệc Giáng Sinh nhưng Elizabeth không muốn phải chứng kiến sự thương hại và cảm thông mà gia đình và bạn bè dành cho mình ngay cả khi họ không muốn bộc lộ điều đó. Cứ vài phút cô lại liếc trộm về phía điện thoại trong khi vẫn đưa mắt nhìn con gái đang vui vẻ ăn bữa tiệc Giáng Sinh, cố làm cho điện thoại reo vang với ý muốn thuần túy của cô. Elizabeth đã để ngọn nến cháy sáng suốt ngày cho đến lúc đỡ các cô con gái đã mệt mỏi với những món đồ chơi, đi ngủ.

Cô cố giữ bộ mặt vui vẻ với con gái nhưng bây giờ khi chương trình ca nhạc kết thúc với bài “Cuộc đời tuyệt đẹp” thì nước mắt lại chảy dàn dụa trên mặt cô. Bao giờ Elizabeth cũng khóc ở đoạn cuối nhưng lần này những giọt nước mắt có ý nghĩa khác. Đó là những giọt lệ của những cảm xúc lẫn lộn: nỗi buồn nhớ da diết vì Bobby không có mặt bên cô, sự lo lắng không biết anh có được an toàn không, một hy vọng mong manh rằng người đàn

ông cô gặp đêm hôm trước chính là ông già Noel và bằng một cách nào đó không rõ có thể làm Bobby gọi điện thoại về nhà. Trong cái đêm kỳ quặc ấy lúc phóng xe từ Raton về nhà cô đã cố thuyết phục mình rằng đó chính là Santa và niềm tin của cô vào điều này đã làm cho cô sống trong tâm trạng tươi vui suốt ngày Noel. Bây giờ cô bắt đầu tự hỏi về niềm tin đó nhưng lại không muốn làm như thế.

Ý nghĩ của cô bị ngắt quãng vì một tiếng gõ cửa. Cô choàng thêm một chiếc áo khoác khi đi ra mở cửa và thấy Bill, anh trai của cô trong chiếc áo khoác ngoài đẹp nhất cùng với Kim cô con gái 16 tuổi của anh.

“Giáng Sinh vui vẻ em gái! Không có em trong bữa tiệc Giáng Sinh, thế là anh nghĩ đến chuyện đến đây đưa em đi khiêu vũ... họ có tổ chức một dạ hội ở đẳng Kit Carson. Anh chưa đi nhảy với cô em gái đến hàng thế kỷ rồi, em nghĩ sao? Kim sẽ vui lòng ở lại trông bọn con gái cho em.”

Elizabeth mỉm cười, bước lại gần ôm hôn cả hai người. “Chúc hai cha con anh Giáng Sinh vui vẻ. Em rất mừng khi được gặp lại hai người. Xin lỗi em không đi đến tiệc Giáng Sinh được, em cảm thấy không được khỏe. Vào nhà đi, trước khi cả hai người đóng thành băng.”

“Vậy em sẽ đi chứ?”

Elizabeth nở một nụ cười ngọt ngào nhất: “Không đâu anh Bill, không phải tối hôm nay. Em sợ trời hơi lạnh đấy, vào nhà đi sẽ có sôcôla nóng.”

Bill cưỡng lại: “Thôi mà Lizzie, em cần đi ra ngoài một tối. Nhớ lần cuối cùng chúng ta đến Kit vào dịp Giáng Sinh không? Anh và Jen, em và Bob...” Bất chợt anh dừng lại như thể anh tự nguyện rửa mình.

“Không đâu Bill, em xin lỗi. Em đang đợi Bobby gọi điện về. Em hy vọng anh hiểu.”

“Chắc chắn rồi cô em gái, anh hiểu chứ. Họ nhốt các chàng trai lại, cấm trại mà. Hồi anh còn ở trong lực lượng cảnh sát, bọn anh không bao giờ được gọi điện thoại về nhà đâu. Nhưng thời gian đã thay đổi. Thôi được bọn

anh để em yên vậy, anh biết em nhớ cậu ấy như thế nào và... anh cho là mình cũng biết được là Bob sẽ nhớ em ra sao...”

Elizabeth ôm ghì lấy anh trai và hôn nhẹ lên trán: “Cảm ơn anh trai. Em hứa sẽ đến dự tiệc với anh vào năm mới. Gửi đến Jen tình yêu của em và lời chúc Giáng Sinh vui vẻ.”

Cô thả tay ra và quay sang ôm cháu gái. Cô từ từ đóng cửa khi họ vẫy tay chào tạm biệt và quay gót đi ra ngoài đường. Sau khi đóng cửa cô định quay vào bếp đặt một ấm nước lên bếp lò để pha thêm một ly trà nữa. Trước khi đi được một nửa đường cô lại nghe có tiếng gõ cửa. Hơi bực bội, cô đi vội ra cửa và chỉ với một động tác, mở toang cánh cửa. Thân hình đồ sộ của Bill chặn hết khung cửa.

“Em có chắc là anh không thể làm em đổi ý không, cô em gái?”

Elizabeth thở dài thật to: “Không Bill, em rất mệt...”

“Thế, nếu chúng ta cho phép anh chàng này đi với chúng ta thì sao?”

Bill bước sang một bên để lộ một chàng quân nhân cao lớn, đẹp trai, nụ cười quyến rũ của chàng cao bồi làm cho tim cô gần như ngừng đập.

“Bobby!!!”

Cô lao ra ngoài cửa, ngả người vào vòng tay anh, suýt nữa thì xô anh trai ngã dúi dụi vào một bụi cây. Chồng cô đưa hai tay ra đỡ cô và gần như bế cô vào nhà, đáp trả lại những cái hôn nồng nàn như lửa mà cô tới tấp tưởi lên mặt anh. Bill đã định đi theo, nhưng rồi lại đứng lại một giây, tùm tùm cười, trước khi nghĩ ra một điều gì đó rồi một mình đi ra đường.

“Anh không nghĩ các em cần có thêm người nào vào tối hôm nay.” Anh nói to lời bình phẩm của mình rồi đi khuất.

*

* *

Một lúc sau Elizabeth thôi không hôn như mưa lên mặt chồng nữa mà đứng lùi ra một bước nhìn anh, vẫn chưa tin được là không phải cô đang nằm mơ. Sau đó cô lại hôn anh lần nữa để khẳng định tất cả là thật trước khi dẫn anh vào bếp làm món gì đó cho anh ăn.

“Làm thế nào mà anh lại về nhà được? Bộ quân Irắc đầu hàng sao? Em còn chưa xem bản tin ngày hôm nay... em không thể.”

“Phải, em yêu, mọi việc mới dễ dàng làm sao, anh ngồi lên rất nhiều chiếc máy bay, đó là lý do tại sao anh thật không dám chắc về chuyện này.”

Cô sững người nhìn anh nghi hoặc.

“Sao? Anh muốn nói việc anh về nhà thăm con và em trong ngày Giáng Sinh không phải là lý do chính đáng?”

Bobby cười. “Không, em yêu, anh không thể nghĩ ra một lý do nào thuyết phục hơn. Anh sẵn sàng đào ngũ để có mặt ở đây với con và em. Anh chỉ muốn nói anh không hiểu tại sao người ta lại để cho anh về nhà.”

“Có thể cuối cùng họ hiểu ra được là em cần anh ở bên em hơn là họ cần anh ở đây, dưới bất cứ góc độ nào.”

“Không hẳn thế đâu em yêu”, anh cười sung sướng, “dù vậy đó là một điều lạ lùng nhất. Vừa mới sáng nay anh còn đang dàn xếp trả 50 đô cho một gã để đổi lấy phiên gọi điện thoại đường dài của hắn thì viên đội trưởng nắm lấy tay anh bảo anh phải có mặt ở đài chỉ huy ngay lập tức.

Thế là anh được dẫn đến đây và anh sẽ chịu kỷ luật nếu tướng Swartzkopf không có mặt ở đây... và ông đang tìm anh. Thật buồn cười, vị tướng này ở trên muôn người chỉ ở dưới một người... coi nào chỉ có tướng Powell, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và chính Tổng thống... Dù sao thì điều kế tiếp mà anh biết là anh nhanh chóng được mang lên một chiếc Boing 727 và sau nhiều lần chuyển máy bay anh đến Albuquerque ở đó có một chiếc máy bay lên thẳng đang đợi sẵn để đưa anh đến sân bay Crews. Ông cảnh

sát trưởng Allen đích thân đợi anh và đưa anh về nhà. Ông ta nói chính Thống đốc đã gọi điện thoại riêng cho ông ta về chuyện này.”

“Vậy không có ai nói rõ lý do cho anh biết?”

“À, anh có hỏi ông tướng lý do tại sao. Ông ấy nói tất cả những điều mà ông ta có thể nói chỉ là “Lời chúc Giáng Sinh vui vẻ từ ông già Noel”. Anh đoán họ không muốn cho anh biết. Thế mà anh đã lo rằng có một chuyện gì đó xảy ra với em và con, nhưng vị tướng đoán chắc là tất cả đều khỏe.

Elizabeth im lặng một lúc, rồi một nụ cười làm sáng cả khuôn mặt cô.

“Em đoán sau cùng ông ấy đúng là ông già Noel thật...”

“Có chuyện gì vậy? Xin lỗi tai anh vẫn còn ù sau một chuyến đi dài.”

“Không có gì đâu anh yêu, chỉ là em thật sung sướng khi anh được về nhà. Ta hãy lên giường ngay bây giờ.”

Hai người mỉm cười, soi vào mắt nhau trước khi tay trong tay đi về phía phòng ngủ. Khi họ rời phòng khách họ đã không nghe được một thông báo của một phát thanh viên ở Albuquerque trong chương trình bản tin giờ chót:

“Tiếp theo, vào lúc 11 giờ đêm chúng tôi sẽ phục vụ các bạn câu chuyện của một bác sĩ thú y ở Raton, tuyên bố ông đã cứu mùa Giáng Sinh bằng việc chữa bệnh cho những con tuần lộc của Santa Claus vào ngay đêm Noel.”

câu chuyện Giáng sinh

Jamie Cameron

Lễ Noel năm nay đơn giản hơn mọi năm, tôi cảm thấy một sự thỏa mãn nào đó khi nghĩ nó là kỳ Giáng Sinh cuối cùng. Từ tháng Chín, Joe và tôi đã không còn học chung, ít nhất thì cũng trong giai đoạn hiện nay kể từ khi với tất cả sự tự tin Joe từ giã ngôi trường trong đời để dẫn thân vào một thế giới rộng lớn hơn.

Bạn có thể trông thấy trường Mẫu giáo ở đường Ancrum nếu bạn đứng phía ngoài bức tường nhà thờ St. Mary nơi đại lộ High trở thành đường Lochee. Tôi cũng chẳng biết Alcatraz là cái gì nữa, nhưng nếu biết, chắc chắn tôi sẽ đặt tên cho cái trung tâm giáo dục bậc thấp này là “Alcatraz trên đời.”

Mũ lễ hội tự làm, bánh quy giòn tự làm, nước quả đông tự làm, tiếng huýt sáo, tiếng lục lạc, tiếng lon thiếc, tiếng mộc cầm và cả những cố gắng vô tích sự trong việc hát mừng Giáng Sinh cùng với tiếng đàn piano lạc điệu... Tất cả những thứ đó tạo nên một cảnh huyền ảo, điên rồ trong giảng đường chính. Tuyết từ những chiếc áo khoác rơi xuống sàn gỗ vốn đã ẩm ướt và trơn nhầy vì thấm nước tiểu của những đứa con gái tè ra quần khi bị kích động. Cây thông Noel treo đầy quà không giống cái hình tam giác cho lắm, các bóng đèn bị cháy với tốc độ cứ 5 phút một cái, một thanh sôcôla khổng lồ dựng trong phòng, một bà tiên mặc chiếc áo dài quét sát đất, trong khi các cô bảo mẫu phải sẵn sàng chiến đấu để đặt tất cả trong vòng kiểm soát của họ. Tất cả các cánh cửa đều bị khóa chặt, kể cả phòng Im lặng, thật là một sự xúc phạm vì đó là nơi mà tôi có thể tìm thấy một sự an ủi lớn trong những quyển truyện tranh Wizard hay Hotspur hoặc về những hoàn cảnh tuyệt vọng của các nhân vật Dandy hoặc Beano mặc cho sự coi thường của tôi dành cho Dennis Tai họa và Dan Tuyệt vọng trong truyền thuyết. Chẳng có gì ngạc nhiên lắm khi vai trò của tôi trong vở Hokey Cokey kết

thức sau ba lần tôi phải mang ủng hoặc sẵn đan cho ba đứa nhóc cả gan xua đuổi tôi. Trong khi chạy qua chạy lại trong phòng, tôi đã phịch mông vào cây thông Noel và lãnh được phần thưởng là tiếng nổ đôm đốp của ba bóng đèn cháy một lúc còn bà tiên thì ngã kèn vào người tôi. Có thể thấy kệ tất cả, nhưng những món quà thì không bỏ được.

“Ô! hô hô hô!”

Nếu các giọng nói không dịu xuống, thì những bộ ria dán keo và những hơi thở nồng nặc mùi rượu gin lại làm được điều đó. Bà hiệu trưởng đóng vai ông già Noel. Bao giờ ông già Noel cũng là bà hiệu trưởng, tôi không cần Joe bảo cho biết điều đó. Nhưng tôi là người duy nhất nhận ra bà phải không? Những đứa khác, kể cả những đứa nhóc 5 tuổi la hét ồm ồm vì sung sướng cũng bị chặn lại không được quấy phá Santa. Cả một đội quân các cô bảo mẫu đứng liền thành một hàng bảo vệ con đường dẫn đến cây thông Noel, nơi ông già Noel, như là một Chúa trời trong con mắt của tôi, đã đá tôi ra khỏi con đường ấy.

Cái ghế bành của Santa được lôi vào chỗ. Santa ném cái túi đựng quà và thả phịch cả thân hình xuống ghế, làm cho nó võng xuống không chỉ vì sức nặng của bà mà còn vì nó được làm bằng những chiếc gối.

“Xếp thành hàng. Chim sẻ trước rồi tới hải âu. Bây giờ đến lũ sẻ ngô.” Các cô bảo mẫu mỉm cười, la hét, xếp chúng tôi theo thứ tự. Tôi 4 tuổi và như vậy thuộc vào nhóm sẻ ngô. Lúc ấy tôi không hiểu tại sao mẹ cười khi tôi kể lại chuyện đó.

Thế là cả một bầy trẻ lớn bé xếp hàng đi đến chỗ bà hiệu trưởng ghé tai bà thì thầm và nhận từ tay bà món quà Giáng Sinh. Bọn trẻ tranh nhau chí chóe, thế là bị các cô bảo mẫu đưa đi, lấy lại những món quà, chất lên một cái bàn gần cửa. Theo thông lệ, chúng tôi không được phép mở quà cho đến lúc về nhà; kinh nghiệm trước đó cho biết để cho bọn trẻ mở quà sẽ chỉ dẫn đến chỗ bọn trẻ ganh tỵ, giành giật, cãi nhau, đánh nhau và còn có những chuyện tệ hơn nữa. Tất cả bọn trẻ bé, hầu hết trẻ nhỡ và một vài đứa lớn

hơn bật khóc, nhưng không có ai cố gắng dỗ dành chúng, chỉ có cây đàn piano lạc điệu nện xuống mạnh hơn mà thôi.

Đến lượt tôi. Tôi nhìn lên đôi mắt Santa. Những trái nho đen gắn vào một cái bánh pudding màu tím. Tôi muốn dí một que diêm đang cháy vào bà. Rượu gin có cháy giống như rượu brandy không? Không quan trọng. Cái con gấu gắt gỏng ấy sẽ làm điều đó.

“Đi lên đây, Paul.”

“Mẹ cháu bảo là bà phải gọi cháu bằng Jean-Paul.”

“Đi lên đây Jean-Paul.” Tôi có thể cảm thấy một sự hân học, chắc rượu gin đã nhạt ít nhiều rồi.

“Ta không trả lời Jean-Paul.”

“Đi lên đây, nhóc con.”

Một vật bất động gặp một lực hấp dẫn không cưỡng lại được.

“Đây, cầm lấy.” Bà ném một gói nhỏ vào giữa ngực tôi.

“Thế còn điều ước Giáng Sinh của cháu thì sao?”

Bà khịt khịt mũi như một con msóc trong một bộ phim về thế giới tự nhiên mà chúng tôi xem ngày hôm trước rồi dí cái mũi bự vào mặt tôi. Thế là tôi thì thào nói ra mong muốn của mình.

“Không.”

“Bà nói “không” là có ý gì?”

“Có nghĩa “không”. Bây giờ thì đi chỗ khác chơi.”

Tôi cứ đứng im tại chỗ, cho đến khi một cô bảo mẫu nhắc bồng tôi lên mang đi chỗ khác. Tôi khó mà nhìn ra là món quà đã trượt khỏi tay tôi. Vẫn còn trong tâm trạng sững sờ nên tôi không làm gì cho đến lúc tôi phát hiện thấy mình trong một đội hình nhảy điệu conga; xoay người, đổi chỗ và đi thành hàng dọc quanh phòng; trẻ con trượt, lạng và ngã xuống miếng vải

sơn lót sàn trơn tuột không đáng tin cậy. Tôi tách ra khỏi trò chơi này quay về bên cây thông Noel. Santa đã đi khỏi. Tôi trèo lên chiếc ghế bành, đặt hai chân lên tay vịn, ngược mặt lên nhìn những cành cây tã tơi. Tôi có một vài ý định nào đó. Phía trên đầu tôi, một ngọn đèn nữa lại nổ bốp một cái.

Vào lúc 5 giờ, tôi đứng ở ngoài cổng trường mẫu giáo đợi bà ngoại đến đón về nhà. Những bông tuyết nhẹ rơi xuống. Chúng quay tròn, bay bay trong ánh đèn đường. Mặc dù không lạnh, tôi vẫn run rẩy và áp cái túi bằng vải bạt có chứa đựng lịch sử ba năm học mẫu giáo vào sát người.

Bà ngoại đi theo đường chữ chi xuống Flight's Lane với một vẻ lơ đãng kỳ lạ, chứng tỏ đầu óc bà đang để ở đâu chứ không phải ở trên đôi vai. Bà bắt đầu bắt chuyện với một vài người trước khi gặp được một người hạp chuyện để tiếp tục nói lâu đến mức đủ gây ra một chuyện gì đó. Tôi ném một đầu sợi dây quai túi về phía bà, giữ đầu kia thật chặt để kéo bà lại.

“Cháu không muốn nói lời chúc Giáng Sinh vui vẻ với các cô bảo mẫu à?”

“Không, đi thôi.”

“Cháu có một bữa tiệc vui không?”

“Không.”

Một nỗi thất vọng làm nhật đôi má hồng hào của bà, nhưng bà sẽ không bao giờ buồn quá một giây. Là một cô giáo, bà sinh ra là để phục vụ và làm hài lòng người khác, đặc biệt là bọn con trai. Nỗi buồn của bà tan mau như cây kem ở bến phà vào tháng Tám.

“Bà cháu ta phải về nhà ngay. Hôm nay là đêm Noel, chắc là mẹ cháu còn đi mua sắm vào phút cuối. Chúng ta không nên về trễ.” Mẹ tôi không làm việc ở trường học vì thế mà bà ngoại rất sợ mẹ. Bà cầm lấy cái túi vải bạt và gần như lôi tôi xềnh xệch qua một cái xe điện. Tôi ngờ là bà không nhìn thấy nó. Chúng tôi đi qua một trong những dãy nhà công cộng của ông

ngoại. Cái mùi của nó thật kinh khủng. Bà rùng mình, lôi tôi đi qua những cánh cửa xoay, hai lần mời gọi.

Joe đã ở nhà được một tiếng rồi. Căn phòng ấm cúng và thoải mái. Bà tôi nói chuyện nhát gừng. Không có người nghe chuyện, thế là bà bỏ đi với lời hứa sẽ đến đây chơi vào ngày Giáng Sinh. Chúng tôi không nhúc nhích và bà cũng không hôn chúng tôi khi tạm biệt. Đó là một qui ước trong gia đình mà chúng tôi không hiểu, nhưng ai cũng tôn trọng. Tôi lấy sách ra xem còn Joe thì tiếp tục ráp hình cho một cái bầy chuột đẹp hơn. Chúng tôi đã có quà cho mẹ, anh em tôi mang ra gói lại và giấu trong một cái xô. Việc chuẩn bị cho đêm Noel đã hoàn tất.

Sau sáu giờ mẹ về nhà, ngã người xụi lơ xuống ghế như một con mèo mắc bệnh lao. Mẹ tôi bị bệnh viêm màng phổi. Cả Joe và tôi chẳng hiểu bệnh viêm màng phổi là cái gì hết nhưng chúng tôi nhận ra những triệu chứng đau đớn của nó và ghét nó. Mẹ ngồi trong ghế, gập người lại thở một cách khó nhọc. Joe ngồi lên một bên tay ghế, cúi xuống mẹ tôi, bà tự xoa lưng mình, trong khi Joe ấn mạnh hai ngón tay lên lưng mẹ. Khi Joe đã mỏi tay, tôi thay thế anh, không được việc như anh Joe, nhưng tôi sẽ học hỏi thêm.

Đôi khi tôi nắm chặt vai mẹ, dụi mặt mình vào lưng bà. Điều này chẳng giúp gì được cho mẹ nhưng lại giúp được cho tôi. Sau đó mẹ sẽ làm một bài thuốc đắp, cao lạnh trộn với đất sét nóng phết vào một tấm gạc dày. Anh em tôi sẽ nhẹ nhàng đặt cái hộp chất nóng nóng đó lên tấm lưng trần, đôi vai lấm tấm tàn nhang của mẹ và trao đổi với nhau những câu chuyện trong ngày.

Phần lớn câu chuyện của tôi được thêu dệt, phóng đại lên hoặc thuần túy là tưởng tượng. Tôi thích làm cho mẹ cười dù tiếng cười ấy phải trả giá bằng một tràng ho không dứt và sự đau đớn. Một cái bầm của ông anh đứng đắn của tôi cho tôi biết khi nào tôi đã đi quá đà. Đêm ấy tiếng cười tập trung vào tôi.

Một loạt tiếng gõ cửa chát chúa vang lên. Joe đáp lại, giọng Joe vốn đã chưa nhưng cái giọng nói ở phía ngoài vang lên trong loa thậm chí còn gay gắt hơn, choe chóa hơn, nghe như tiếng sấm rền ở Balgay Hill. Joe quay vào phòng nói với mẹ tôi, khuôn mặt nhỏ hơi giống người Pháp của Joe có một cái vẻ gì đó rất tức cười.

“Cảnh sát đang đứng ngoài cửa. Con nghĩ ông ta tìm Paul.” Tôi giật thót mình như một kẻ có tội. Mẹ tôi ghim tôi vào tường chỉ với một cái nhìn. Không biết tóc tôi có dựng đứng lên không? Tôi cưỡng lại cái ý muốn quay đầu lại nhìn vào gương tủ áo. Lucky đến sau lưng bà rút lên vẻ thông cảm.

“Các con đứng ở đây,” bà ra lệnh rồi nói thêm một câu không cần thiết, “đừng nhúc nhích.”

Tiếng sấm lại rền lên sau cánh cửa. Lời lẽ chẳng có ý nghĩa gì. Mẹ tôi nói một câu làm cả đầu óc lẫn cơ thể tôi đông cứng lại. Các từ rời rạc vọng đến chỗ tôi.

“Tốt hơn là không nên vào... làm bọn nhóc phát hoảng... la lối làm bay đầu thẳng nhỏ... bao giờ cũng thế, như bác sĩ đã nói...”

Tôi đánh liều liếc về phía Joe. Anh vẫn đang tập trung vào cái bẫy chuột. Joe mỉm cười nhưng mà là một nụ cười mà tôi không thích, đó là nụ cười lướt trên môi anh khi anh tóm được một con chuột ở một trong những cái bẫy chuột của anh. Tôi đã có lần nhìn thấy một con chuột nhắt trong bẫy; cái thân hình bé nhỏ, hàm răng cửa ngấp trong miếng mồi đã nhử nó vào số phận thảm hại. Tôi thích nhìn cái đầu nó... Không, không được nghĩ như thế. Đức Chúa lắng nghe đấy, Chúa quan sát và Chúa nhìn thấy tất cả. Phải chăng Chúa không có thời gian làm những chuyện ấy hay là Người quá bận rộn đến việc để tâm vào cái bẫy chuột mà cuộc đời đã giương ra cho tất cả chúng ta?

“Jean-Paul Bosquet.”

Tôi giật mình khi nghe người ta gọi cả tên họ mình lên. Có thể mẹ tôi đã trùm một tấm vải đen lên đầu để giữ cho tóc có nếp trong ngày Giáng Sinh.

“Jean-Paul Bosquet! Đưa chúng ra đây.”

Chỉ một tích tắc trong tôi tràn ngập một cảm dỗ cứ chơi trò cam điếc, hoặc tự sát ngay lập tức. Tôi cưỡng lại được cảm dỗ này và đã sống sót.

Bò xuống gầm giường, tôi lôi ra cái túi vải bạt phòng tướng rồi kéo nó ra chỗ chân mẹ tôi. Quỳ xuống lôi ra từng gói quà một đưa cho mẹ, mẹ tôi lại đặt từng gói quà lên bàn. “4... 5... 6...” Những cái gói tẩm thuốc độc này không bao giờ hết chẳng? “8... 9... 10.” Gói quà cuối cùng làm tôi đau nhói trong lòng. Tôi nhìn mẹ cái nhìn có thể làm tan cả một tảng băng. Bà không hề xao động, cầm gói quà của tôi giữa ngón trỏ và ngón cái - món quà gói trong một tờ giấy in hình cây ô rô xanh biếc, những trái dâu đỏ thắm, những người tuyết tươi cười - bà thả món quà cứ như một cục cứt chó xuống bàn.

Một ông cảnh sát bước vào phòng. Tim tôi hoặc là một bộ phận nào đó bên trong nhảy lên chặn họng. Tôi không thể thốt ra một lời nào. Cả người đông cứng. Tôi có thể cảm thấy cả cái hòn dái nhỏ của tôi cũng bị bóp chặt. Tôi cố cắn chặt xuống bàn. Nhưng đôi mắt đã phản bội tôi. Nó ngược nhìn lên. Đó là một người đàn ông, chao ời mới to lớn làm sao, một hàm răng to tướng vàng ệch, bộ ria rậm hơn cả bộ ria của bà hiệu trưởng, một cái mũ cảnh sát chụp lên đầu được hai cái tai đỡ lại. Đôi mắt tôi mở to, ngực bắt đầu dềnh lên. Một tiếng nức nở này giờ bị chặn lại đã được một sức mạnh nào đó làm cho bật ra khỏi cổ họng đang co thắt lại.

Một cơn gió buốt lạnh thổi qua cánh cửa mở hủy diệt một mùa Giáng Sinh.

Người đàn ông ôm tất cả những gói quà trong đôi tay to lớn, gật đầu chúc Giáng Sinh vui vẻ với mẹ tôi rồi tan biến trong bóng đêm. Tôi có thể nhìn thấy ông ta rảo bước qua mảnh đất hoang trên đường Lochee đi về phía cầu dành cho đường sắt ở Muirton. Trí tưởng tượng của tôi mở những cánh cửa chớp. Tôi biết con đường Lochee dẫn đến Dundee, một thành phố lớn. Tôi chưa đến đó bao giờ, nhưng nó hiện lên trong đầu tôi rất rõ ràng. Thành phố lớn là nơi những người to lớn sống mà tôi thì chẳng biết làm gì với thành phố ấy và những con người ấy.

“Hít ba hơi thật sâu. Nhớ làm như bác sĩ Heinrich đã dạy con.”

Tôi hít vào, sâu và hết sức, như tôi có thể làm được. Suýt nữa thì chúng làm cho đầu tôi bay ra khỏi cổ.

“Lại đây.”

Tôi bước đến gần. Mẹ ngồi trong ghế bành. Tôi đứng trước mặt bà. Joe ngồi trên tấm thảm trước lò sưởi. Lucky nằm dài ra giường.

“Tại sao con lấy những món quà ấy?”

Lại một hơi thở sâu nữa.

“Đó là lỗi của bà hiệu trưởng.”

“Tại sao con lấy?”

“Đáng lẽ bà ấy phải đưa cho con một gói quà cho Joe.”

“Tiếp tục đi.”

“Mẹ chẳng bảo con và Joe cũng như nhau sao.”

“Tiếp tục.”

Bây giờ thì tôi thấy bức mình. Tôi có thể cảm thấy cổ mình đỏ lên. Đâu phải lỗi tại tôi.

“Con đã hỏi bà hiệu trưởng... xin một món quà... cho Joe. Mẹ à, con hỏi xin, thật dễ thương, thật trung thực. Bà ấy từ chối, chẳng có vẻ gì tử tế hết. Thế là con cho các món quà vào túi khi mọi người thay đồ. Bà ngoại mang giúp con. Nặng lắm và một cái xe điện gần đấy...”

“Làm như vậy là sai rồi. Những món quà này không thuộc về con, vì vậy con không có quyền lấy. Điều con làm là sai.”

Cả phòng lặng như tờ. Joe ngồi im không động đậy. Ngọn lửa thôi không thè ra cái lưỡi dài. Con Lucky không kêu gừ gừ nữa. Tôi bị nhấn chìm trong sự im lặng, một chất gì nặng nặng, đặc đặc bít lấy hai lỗ mũi, đông lại trong não, chảy xuống lưng, tuôn xuống chân, vào đôi vớ đi mẫu giáo màu

xám. Mẹ đã nói một từ mà không bao giờ chúng tôi muốn nghe: *sai trái* . Nó vang lên như tiếng cồng, đình tai, nhức óc, thật tàn nhẫn trong bóng đêm yên lặng. Bất cứ cái gì cũng được nhưng đừng bao giờ là cái từ này. Cái từ ấy tạo ra khoảng cách giữa chúng tôi và người phụ nữ này, cái từ ấy cắt đứt sợi dây nuôi dưỡng chúng tôi, cái từ ấy làm bà ngoảnh mặt đi, cái từ ấy tước của chúng tôi tình mẫu tử mà thiếu nó chúng tôi không thể sống còn.

“Con đã làm một việc sai trái vì một lý do chính đáng. Nào bây giờ con sẽ làm gì nào?”

Đừng bao giờ hỏi một đứa trẻ 4 tuổi cái câu ấy. Nó không công bằng. Nó quá tàn nhẫn. Bởi vì một đứa trẻ 4 tuổi bao giờ cũng đưa ra một câu trả lời đúng, và câu trả lời ấy sẽ chỉ gây nên chuyện đau lòng.

Tôi cày xới trong óc tìm một lối thoát. Tôi nhìn Joe.

Anh ra dấu bằng đôi môi. Anh cũng có một câu trả lời. Và anh biết không có đường thoát.

“Lên giường.”

“Bao giờ?”

“Bây giờ.”

“Bao lâu?”

“Đến sáng mai.”

“Còn kịch vui?”

“Không kịch vui.”

“Chúc ngủ ngon, con trai.”

Đầu óc tôi chạy nháo lên, một cái đuôi nhỏ lọt trong nhiều vòng vây. Bao giờ cũng có một lối thoát chứ. Có đấy. Nhưng phải chơi đúng điệu. Tôi ngẩng mặt nhìn mẹ.

“Vậy mẹ có trà không?”

“Cái gì?”

“Mẹ có trà không? Con đói.”

Cả đến con Lucky cũng nín thở. Ngọn lửa nhảy múa trong mắt mẹ.

“Đêm nay là đêm Noel, mẹ chắc có tiệc trà chứ.”

Một cái gì gần như sự giễu cợt lướt qua nụ cười của mẹ.

“Được, các cậu bé. Chúng ta muốn ăn món gì cho bữa tiệc trà tối nay đây?”

“Mì ống và bánh mì nướng.”

“Không, tối qua chúng ta ăn món đó rồi.”

“Trứng chiên và bánh mì nướng.”

“Không, món đó dành cho bữa điểm tâm.”

“Hôm nay là thứ mấy hả mẹ?”

“Thứ Năm.”

“Vậy thì bánh mì và khoai tây chiên. Phải không ạ?”

“Đúng.”

Paul nhận ra sự nản lòng trong giọng nói của Joe. Nó không hiểu tại sao anh nó lại không thể thưởng thức cái vị ngon lành của bánh mì và khoai tây chiên, rằng ngập vào những miếng khoai tây chiên giòn tươi mới, một lớp margarin béo ngậy trôi xuống họng, đôi môi mấp máy theo một nhịp điệu vui tươi và cái thứ nước trà vừa ấm vừa ngọt sẽ cuốn trôi tất cả.

Vào những buổi tối tốt lành bạn muốn ăn bao nhiêu bánh mì cũng được kể cả vỏ của những lát bánh mì trắng, cái món này bao giờ cũng dành cho Paul bởi vì chẳng có ai muốn ăn cả. Bạn có thể nằm cuộn tròn trên chiếc giường đôi rộng thênh thang choán gần hết căn phòng, nhai rau rầu vỏ bánh

mì và lạc vào Rover, cùng với tên Liễu mạng và Thầy phù thủy hết giờ này đến giờ khác.

Làm sao mà Joe lại có thất vọng trước một viễn cảnh như thế vào mỗi tối thứ Năm nhỉ? Kể cả Kathleen, em bé mới sinh, cũng nằm trong nôi, miệng phát ra những âm thanh vui tai, nhưng mà bé Kathleen bao giờ cũng chớp chớp miệng một cách vui tươi như vậy, bé đập đập chân vào cạnh cái bồn tắm bằng thiếc để cạnh nôi của nó.

“Ai muốn đặt ấm nước lên bếp nào?”

“Ó làm í.”

“Joseph, con ăn nói cho đàng hoàng trong lúc ở nhà nghe chưa. Con đặt ấm nước lên bếp đi. Jean-Paul sẽ đi mua khoai tây chiên. Con mặc áo khoác và mang ủng vào. Con không được đi ra ngoài với đôi giày đi trên cát trong một đêm như thế này. Đi đến nơi về đến chốn, không được lang thang nghe chưa.”

Paul chui vào trong chiếc áo khoác nặng nề, màu xanh cổ chai, thắt chặt thắt lưng ngang bụng, cái khóa quá rộng đối với nó. Rồi nó miễn cưỡng lôi đôi ủng nặng chịch ra mang vào và đứng bên cạnh chiếc ghế của mẹ. Bà đang bị thu hút vào tờ báo Evening Telegraph, khói cuộn lên từ điều thuốc lá của bà. Paul kiên nhẫn đứng chờ. Bà mẹ quay đầu về phía nó, hai đôi mắt xanh xám gặp nhau. Bà có một cái nhìn xa vắng. Paul biết mẹ nó không đọc báo mà chỉ nhìn vào những dòng chữ.

“Tiền mẹ ời. Để mua khoai tây chiên. Con sẵn sàng rồi.”

Bà giơ tay lấy cái ví, móc ra một đồng 6 penny, đặt tiền vào lòng bàn tay bé nhỏ, ấm áp, ngón tay bà đặt lên đồng tiền phía trên tay thẳng bé. Nó phồng cả người lên vì tự hào. Nó là một hiệp sĩ giang hồ chuẩn bị lên đường thực hiện một nhiệm vụ hiểm nghèo. Nó biết nó có thể gặp rồng, quỷ, thầy phù thủy hoặc những người lùn, nhưng nó sẽ vượt qua tất cả, nó sẽ phải vượt qua một cánh đồng máu, nơi lòng, ruột và xác người ngập ngựa đến tận đầu gối nhưng nó sẽ đến nơi, sẽ trở về với cái giũa thiêng, đặt túi

khoai tây nóng hôi chiên giòn xuống dưới chân mẹ hoặc ít nhất là trên bếp lò khi bánh mì đã nướng vàng.

Bên ngoài trời vừa tối đen, vừa rét căm căm còn thằng bé thì không lấy gì làm chắc chắn cho lắm. Không có gió cũng chẳng có mây. Những ngôi sao mùa đông nhấp nháy trên đầu. Sương mù và sương muối long lanh dưới chân nó. Những ngọn đèn chạy bằng gas rít lên và thổi phù phù. Những cái bóng đông lại đen sì. Paul nhớ là nó mới chỉ có 4 tuổi, gần bước sang tuổi thứ năm nhưng theo lịch thì mới 4 tuổi thôi.

Nó sẽ chạy và hát suốt dọc đường cho đến Delanzo. Cũng chẳng xa, chỉ nửa dặm đường thôi mà. Thằng bé chẳng may may có ý niệm một nửa dặm có nghĩa là gì, nhưng nghe có vẻ không xa. Và nó sẽ vừa hát vừa chạy qua Greenie. Hát bài gì? Cái bài hát mới học được ở trường về Giáng Sinh? Nó chỉ có những ý nghĩ mơ hồ nhất về ý nghĩa của các từ. Một cái gì đó về việc lần cuối cùng ông vua tốt lành Wenees tìm kiếm Stephen hoặc một ai đó và Stephen đến, chỉ là một đứa trẻ không hơn, nhưng vua vẫn quyết định đưa nó đi. Thì cứ hát về chuyện đó đi.

Cái giọng kim trẻ con của nó vút lên trong không khí ban đêm giá lạnh. “Nhà vua Wenees tốt lành cuối cùng cũng đi tìm, ngài đi tìm Stephen, khi tuyết phủ khắp nơi, dày lên, kêu lạo xạo và phẳng lặng.” Nó thích những từ này, dày, kêu lạo xạo và phẳng lặng trong khi nó lướt và trượt trên cái chất sền sệt, nhao nhào và trơn tuột của bãi đất hoang. Bây giờ thì nó có thể phi được rồi đây. Nó có thể nhảy qua hàng rào Cally. Cũng không xa lắm đâu.

Khí quản thằng bé thít chặt lại. Giọng nó không lên cao được nữa. Cổ họng nó đau rát. Nó ngã dúi ra đằng sau, hai cánh tay giang ra như một thằng bé bị đóng đinh vào cây thập tự. Nó ngã ngửa người ra, thậm chí cả tuyết cũng không hề êm ái. Nó nằm đó, tay chân buông thõng, quá sững sờ để có thể cử động, suy nghĩ hay khóc lóc. Nó đợi một cú đâm nữa. Nhưng cú đâm không đến. Bây giờ thì nó cảm thấy đau, một cái đau rất nóng bỏng ở khí quản.

Đau lắm ấy nhưng nó lấy làm mừng là lại có thể đau nữa. Cái đau cho phép nó cử động, suy nghĩ và gào khóc. Nhưng nó không khóc. Nó lăn người nằm sấp. Nếu một cú đâm nữa giáng xuống thì nó không muốn bị đánh vào mặt hoặc vào bụng. Nó có thể nhận cú đánh vào lưng hoặc vào hông nhưng đừng vào phía trước. Thế là phải làm quen với nó. Nếu như còn có những nỗi đau ghê gớm hơn, hãy làm quen với nó.

Chẳng có gì. Chỉ có một cái đau rất nóng bỏng nơi khí quản. Nó đứng dậy, lảo đảo bước đi, lạng và trượt trên lớp bùn sền sệt, thở khò khè, cố hết sức để hít một hơi. Bảng nhân 6 có thể giúp nó. Thậm chí nó có thể thử bảng 7 nhưng nó gặp trục trặc ở phép tính bảy lần sáu. Nó quay mặt về phía cái kẻ tấn công nó.

Chẳng có gì. Chẳng có gì ở đây cả, trừ một dây phơi quần áo thấp là là, đu đưa nhẹ nhẹ. Nếu bảng 7 có gì trục trặc, câu trả lời hai nhân hai sẽ có ngay tức khắc. Nó nhảy qua dây phơi, sợi dây vướng vào cổ nó, ném nó xuống đồng bùn lầy. Má Paul bị cứa, nóng rát, không chỉ vì cái rét căm căm. Nó lấy làm xấu hổ và sự xấu hổ làm nó cảm thấy tệ hại hơn là sợi dây xiết quanh cổ. Cuối cùng nước mắt cũng trào ra. Không sao, sẽ quen thôi. Dù sao cũng đã muộn mất rồi. Nó gạt lớp bùn nhầy nhụa ở hai bàn tay. Đôi tay bị xước vì lớp sỏi nằm dưới tuyết. Chiếc áo khoác đã cứu hai đầu gối. Các ngón tay nóng ran nhưng nó không thể nói là nó nóng hay là tê lạnh. Nó mở lòng bàn tay trái, rồi đến bàn tay phải. Nó thọc bàn tay phải vào túi áo bên phải và tay trái vào túi áo bên trái. Sờ soạng túi quần soọc nhưng kè, nó cố gắng hít thở lần nữa, lồng ngực dâng lên. Rồi nó khuỵu người xuống, bùn đất bắn tung lên bốn phương chung quanh. Nó cào bởi lớp tuyết xung quanh như điên, tiếp đến lớp bùn phía dưới, không để ý đến chiếc quần nhung. Các ngón tay tê buốt như kim châm, nó không cảm thấy gì ở nơi đầu gối, tuyết tan ra thành nước đá trong đôi ủng của nó. “Lạy Cha, chúng ta ở trên trời cao, tiền của mẹ con đâu rồi?” Nó có thể hứa hẹn gì với vị Chúa lúc này vẫn im lặng một cách bướng bỉnh? Con sẽ không bao giờ lấy cắp các món quà nữa, chỉ xin cho con tìm thấy tiền. Mai đã là ngày Giáng Sinh rồi, có thể Đức Chúa sẽ lắng tai nghe, phải không?”

Nước mắt chảy trên má, nước mũi chảy ròng ròng trên miệng, nước đá lỏng bông trong đôi ủng. Càng lúc nó càng sờ soạng, cào bới như điên. Diện tích kiếm của nó rộng hơn. Cái đồng xu bạc ấy có thể lẫn trên tuyết bao xa? Nó có phải lẫn ngược về nhà để tìm đồng xu ấy không? Những người khôn ngoan đã mang Chúa hài đồng đến bằng gì nhỉ - vàng, mùi trầm hương thơm ngát và niềm vui vẻ? Mà vui cái nỗi gì kia chứ. Phải hỏi lại mẹ xem sao. Lạy Chúa, con sẽ làm bất cứ cái gì mà.

“Mày đang làm cái gì ở đây thế, ỉa à?”

Paul ngược mắt nhìn lên. Nước mắt nước mũi chảy cả vào miệng. Nó ngậm lại trong lưỡi, nháy mắt để nhìn cho rõ hơn. Đó là Joe. Chúa trời không thể tự mình xuất hiện, thế là Người gửi đại diện của mình ở mặt đất đến đây. Câu trả lời của Lochee đối với Herod.

“Em đánh rơi đồng xu rồi Joe. Em hông muốn thế. Nói thật đấy. Em chạy, vướng vào dây phơi. Ai đó mắc dây rất thấp. Giúp em Joe, giúp em tiếp tục tìm đi.”

“Thôi không tìm nữa. Đưa tay mày đây. Chúng ta sẽ không tìm trong đêm nay.”

Joe chộp lấy tay Paul kéo nó đứng dậy. Dùng lưng bàn tay, nó gạt nước mắt nước mũi ra khỏi khuôn mặt em trai, rồi chùi tay vào tuyết. Nó quần chặt áo khoác quanh người thẳng em, rồi vắn nắm tay em, dắt nó quay về nhà. Ở cầu thang dẫn lên tầng áp mái, Joe nhẹ nhàng cởi áo khoác cho em rồi treo nó lên một cái bọc gỗ. Sau đó nó giúp em cởi đôi ủng và đôi vớ ướt sũng, rồi ném phịch những thứ đó xuống bậc thang.

“Đợi ở đây”, nó ra lệnh cho thẳng em.

Joe lên vào gian phòng áp mái. Paul đứng đợi, hai má nóng bừng bừng, răng đánh vào nhau lập cập, cái quần nhung ướt dính lép nhép, những giọt nước mắt chạy thành vệt lem nhem trên mặt. Cánh cửa mở ra.

“Vào đi.”

Paul bước vào phòng. Mẹ nó đang đứng trước lò sưởi đỏ rực. Nó khó có thể ngẩng đầu lên nhìn mẹ, nhưng khi nhìn lên nó thấy cặp mắt xanh xám quen thuộc. Mẹ nó mỉm cười, rồi cười phá lên. “Lại đây nào con trai.”

Nó chạy đến bên mẹ, ngả người vào đôi cánh tay mạnh mẽ, thân thương. Nó lại bật khóc, thốn thức và thở hỗn hển trong khi áp đầu vào bụng mẹ, đắm mình trong cái hơi ấm quen thuộc, cái mùi thơm quen thuộc. “Con biết điều đó có nghĩa gì không,” nó nghe mẹ nói. “Có nghĩa là bánh mì nướng và thân hình ướt đẫm. Lâu lắm rồi chúng ta chưa có cái món này. Nào lại đây, cởi quần áo ra, con ướt sũng rồi còn gì. Trông giống như tắm hơi vào ngày thứ Bảy.”

“Trà đã sẵn sàng rồi đấy mẹ. Con bắt đầu nướng bánh nhé?”

“Để mẹ hong cái lưng cho cu cậu này ấm lên đã. Rồi chúng ta sẽ cùng nướng bánh. Dành vỏ bánh lại cho Jean-Paul.”

Trên vỉ lò, ngọn lửa reo vui, phát ra những lưỡi lửa. Ấm nước sôi reo ù ù, ngọn đèn nhấp nháy, người đàn bà hát nho nhỏ, cầm khăn tắm sát mạnh lên người thẳng bé. Trong cái bồn tắm bằng thiếc, đứa bé gái nằm, miệng chóp chép vui vẻ trong khi nó nhìn những cái bóng nhảy múa trên trần.

bài ca Giáng sinh

Kate Douglas Wiggin

I. CON CHIM TUYẾT CHÀO ĐỜI

Đó là một sớm Giáng Sinh, trong buổi bình minh tĩnh lặng với tiếng tuyết rơi nhẹ nhẹ trên các mái nhà, một đứa trẻ ra đời trong gia đình Bird.

Họ định đặt cho nó là Lucy nếu là con gái, nhưng họ lại không nghĩ nó lại ra đời đúng vào ngày Giáng Sinh và đâu có thể đặt tên cho một đứa bé sinh vào ngày này một cách khinh suất được - cả gia đình đều đồng ý như vậy.

Họ thảo luận về chuyện này ngay trong phòng trẻ. Ông Bird nói rằng ông đã đặt tên cho ba cậu quý tử, việc đặt tên cô bé này ông hoàn toàn trông cậy vào bà vợ; cậu cả Donald muốn gọi em bé là “Maud” giống cái tên cô bé xinh đẹp tóc quăn ngồi cạnh cậu trong lớp học; Paul chọn cái tên “Luella” bởi vì đó là tên cô bảo mẫu đã chăm sóc cậu từ lúc cậu còn ẵm ngửa cho đến lúc đã bận quần dài, và cái tên ấy gợi lên tất cả những gì êm ái, dễ chịu. Chú Jack nói rằng đứa con gái đầu bao giờ cũng phải đặt theo tên mẹ, dù cái tên ấy có đem lại những điều bất như ý chẳng nữa.

Bà nội không muốn tham gia vào cuộc bàn luận và chột mọi người nhớ ra là người mẹ đã dự định đặt tên cho con là Lucy theo tên của bà nội; vì thế khi cái tên ấy không còn phù hợp nữa thì bà cũng không muốn gợi ý một cái tên khác, một việc làm xem ra không phải phép cho lắm.

Hugh, chỉ mới ít phút trước còn là “út cứng” thì ngồi trong một xó chẳng nói năng gì, nhưng với một cách thức bí ẩn nào đó cậu cảm thấy như bị đá đít ra ngoài bàn tiệc. Giờ đây có một đứa bé tranh địa vị “út cứng” của cậu, sẽ chẳng còn ai chú ý đến cậu nữa, mà đứa bé này lại là “con gái” nữa chứ, cứ như là một cuộc đảo chính vậy, làm cho cậu thực sự uất ức vì ganh tỵ.

Đây là một vấn đề quá tế nhị và khó khăn để có thể có một giải pháp tức thì, với lại người ta vẫn chưa hỏi ý kiến sản phụ, nên sau một hồi bàn cãi mọi người đều cảm thấy vấn đề chẳng đi đến đâu, nhất là không thể nói trước một điều gì là tuyệt đối khôn ngoan, đúng đắn và hoàn hảo.

Sở dĩ việc này được đưa ra thảo luận sớm như vậy là bởi vì người mẹ không bao giờ cho phép những đứa con của bà trải qua cái đêm đầu tiên mà không có tên. Bà là một phụ nữ quyết đoán với những việc tương đối quan trọng, theo ý bà để cho những đứa trẻ có điểm phúc chào đời lang thang đây đó mà không có tên trong vài năm cũng đủ để hủy hoại cuộc đời chúng. Bà cũng cho rằng nếu một người không thể đưa ra một quyết định trong vòng 24 tiếng thì cũng là một dấu hiệu yếu kém - nhưng mà thôi, tôi không lặp lại tất cả những điều bà mẹ nói, sợ rằng bạn lại có định kiến xấu về người phụ nữ duyên dáng nhất trên đời này.

Thế là Donald lấy chiếc xe ba bánh mới ra đạp lên đạp xuống trên con đường lát đá, cán cả vào chân những người vô tội đi qua đường, trong lúc Paul lôi nhạc cụ ưa thích của cậu ra ngồi chơi ở bậc thềm cao nhất.

Nhưng Hugh từ chối rút lui khỏi cuộc hội bàn. Nó ngồi ở bậc thang cao nhất ngoài tiền sảnh tựa đầu vào tay vịn bằng sắt một lúc chỉ là để xả bớt nổi tức giận trong lòng và chẳng bao lâu đã chìm trong một sự im lặng rầu rĩ, chờ cái phút tuyên bố chiến tranh nếu có nhiều hơn “những đứa con gái đầu” chui vào một gia đình đã có quá nhiều những chuyện không cần thiết này.

Trong khi đó bà Bird thân yêu của chúng ta đang nằm trong phòng mình, mệt mỏi nhưng lành lặn và hạnh phúc với đứa con gái mới đẻ nằm bên cạnh và thiên đường của người mẹ như mở ra trước mắt bà. Cô bảo mẫu đang nấu cháo cho sản phụ trong bếp, căn phòng sáng dịu dịu và yên tĩnh. Ngọn lửa reo vù vù trong lò sưởi, nhưng bên ngoài tấm màn cửa, cánh cửa sổ trông ra nhà thờ Chúa Cứu thế vẫn mở rộng.

Bất thành linh tiếng hát từ bên ngoài không gian tươi sáng vọng cả vào phòng. Đó là dàn đồng ca nam ấu đang hát thánh ca mừng Giáng Sinh.

Những giọng hát tròn vành rõ chữ, trong vắt tràn đầy hy vọng và niềm vui, như giọng trẻ con bao giờ cũng thế ở những nốt nhạc cao hơn, cao hơn. Và tròn hơn, tròn hơn cho đến khi trở thành một giai điệu mà ai đã một lần nghe cũng cảm thấy lòng mình như mở ra với một niềm vui rất đổi ngọt ngào.

“ Hát mừng, anh em ơi, ta hát mừng

Hát mừng niềm vui

Mừng tin tức tốt lành

Một Giáng Sinh vui tươi

Cho tất cả mọi người

Hát mừng, anh em ơi,

Ngày Giáng Sinh đến rồi .”

Sau mỗi một khổ nhạc lại réo rắt vang lên cái đoạn điệp khúc ấy.

“ Một Giáng Sinh vui tươi

Cho tất cả mọi người

Hát mừng anh em ơi

Ngày Giáng Sinh đến rồi.”

Bà Bird mơ màng nghĩ, trong lúc tiếng hát trong lành ru bà vào giấc ngủ ngọt ngào, là mình đang bay bổng lên thiên đường với cô bé mới sinh trên tay, các thiên thần ra tận bên ngoài chào đón mẹ con bà. Chợt cô bé nằm bên cạnh cựa mình, không mạnh hơn tiếng một cộng lông chim vỗ theo gió sớm nhưng bà vẫn thức giấc bởi vì đôi tai người mẹ kề bên trái tim, có thể nghe tiếng thì thầm yếu ớt nhất của một đứa trẻ. Bà mở mắt, bế bé lại gần. Nom bé xinh xắn như một nụ hồng nhúng trong ly sữa, bà nghĩ, cái nụ hoa trắng phớt hồng này của một bé gái, hay chính bé là một tiểu thiên sứ với mái tóc vàng như tỏa ánh hào quang, còn mịn màng hơn cả thứ lụa trơn nhất.

“ Hát mừng, anh em ơi, hát mừng

Giáng Sinh vui từng bừng

Mừng tin tức tốt lành

Hát cho niềm vui khắp nơi nơi .”

Cái giọng ca chứa chất bao nhiêu niềm vui.

“Tại sao thế, con bé bỏng của mẹ”, bà thì thầm trong một sự ngạc nhiên thích thú, “sao mẹ lại quên hôm nay là ngày gì nhỉ. Con là cô bé Noel của mẹ và chúng ta sẽ gọi con là “Carol” - Bài hát mừng Giáng Sinh bé bỏng của mẹ!”

“Cái gì vậy?” Ông Bird hỏi, êm ái bước vào phòng, khép cánh cửa lại sau lưng.

“Anh Donald, anh có nghĩ “Carol” là một cái tên rất hợp với một đứa bé chào đời vào ngày Giáng Sinh không? Nó chỉ vang lên trong em qua bản thánh ca mà em nghe được trong giấc ngủ mơ màng thôi.”

“Anh nghĩ đó là một cái tên rất đẹp, con tim yêu thương của anh ạ, nó cũng ngọt ngào như em và anh hy vọng, con bé này cũng có điều kiện để trở nên đáng yêu như mẹ nó.” Lời lẽ âu yếm, dịu dàng từ cha đứa bé làm bà mẹ mệt và lả đi sau lần vượt cạn cũng nở nang cả người vì sung sướng.

Thế là cô bé được đặt tên là Carol.

Tất nhiên, nhiều người nghĩ cái tên rất ngớ ngẩn, dù chú Jack vừa cười vừa tuyên bố rằng thật lạ lùng, cứ sao cả nhà Bird lại quá ưu tiên một Carol như thế. Còn bà nội, yêu cháu gái ngay từ đầu thì cho rằng cái tên ấy thích hợp hơn tên Lucy, bà cảm thấy sung sướng khi nghĩ rằng Carol là cái tên rút gọn của Caroline.

Có lẽ bởi sinh ra vào ngày lễ, Carol là một đứa trẻ của niềm vui và hạnh phúc. Tất nhiên cô còn bé tí đã hiểu thế nào là niềm vui của ngày Giáng Sinh kia chứ, nhưng ai cũng nói đó là một khởi đầu tốt đẹp và cô bé đã hít

thở ngay từ hơi thở đầu tiên làn hương của cây thông xanh mãi muôn đời, mùi thơm của bữa tiệc Noel, trong khi đó tiếng chuông réo rắt ngân nga và tiếng cười rộn rã của bầy trẻ vang vọng đến tận đôi tai non nớt của cô bé, đánh thức sự tò mò náo nức về cái thế giới tươi vui mà cô vừa bước chân vào.

Đôi môi và đôi má bé ửng hồng như trái ô rô hồng thắm, mái tóc bông bênh vàng óng như ánh sáng của tất cả những ngọn nến trên đời này, đôi mắt sáng cái ánh sáng long lanh của các vì sao, tiếng cười trong ngần như tiếng chuông ngân trong ngày Noel và đôi tay bé bao giờ cũng chìa ra để trao tặng cho mọi người.

Một tạo vật bé bỏng đáng yêu đến thế liệu rằng bạn đã gặp chưa? Bao giờ cũng phải ép, bé mới chịu ăn một muống bánh mì dầm sữa từ tay mẹ hoặc cô bảo mẫu, và một khi mẫu bánh hay một cái kẹo nhỏ đã vào tay Carol thì bao giờ bé cũng tìm cách bẻ ra từng miếng nhỏ chia cho này Donald, Paul hoặc Hugh, và khi thấy họ nhấm nháp mẫu bánh ấy với vẻ khoan khoái ngon lành, cô bé lập tức vỗ hai tay vào nhau và cười sung sướng. “Tại sao nó lại làm thế?” Donald hỏi về căn nhắc, “Chẳng đứa nào trong bọn con trai chúng con như thế cả.” “Mẹ khó mà hiểu nổi”, người mẹ nói, ôm đứa con thân yêu vào lòng, “trừ khi con bé là một đứa trẻ Noel và thế là nó có được cái tinh thần chia sẻ với người khác của cái ngày này.”

II. CHIM NON GẦY CÁNH

Mười năm sau, cũng vào tháng 12, Carol đã chứng kiến 9 lần cây thông Noel thấp sáng lên trong ngày sinh nhật của mình, 9 lần cô tham gia vào ngày hội cùng gia đình, mặc dù trong suốt tuổi thơ ấu sự chia sẻ niềm vui của cô có phần nào hạn chế.

Chắc chắn là trong 5 năm gần đây cô đã giấu những món quà dành cho mẹ cha trong bàn làm việc của họ. Nuôi dưỡng một số điều bí mật như thế đủ để làm đầu óc của một đứa bé bốc cháy, nếu nó không được giải thoát bằng lời thì thầm với mẹ vào ban đêm khi bà cúi xuống bên chiếc giường

nhỏ của nó. Đó là một cách thức không hề làm giảm giá trị của điều bí mật trong trí óc ngây thơ của cô bé.

Suốt năm năm cô đã nghe bài thơ “Đêm vọng Giáng Sinh”, treo lên một cái vớ màu đỏ to hơn chân cô bé gấp mấy lần và đính một nhánh ô rô tươi lên chiếc áo ngủ màu trắng để báo cho Santa Claus biết cô là một đứa trẻ Noel “thật sự” rồi nằm mơ về vị thánh mặc áo choàng lông vác một túi đồ chơi với bảy tuần lộc. Cô bé chúc mọi người “Merry Christmas” vào lúc sáng sớm, cho bọn trẻ hàng xóm mượn tất cả các món đồ chơi mới của mình cho đến trưa, rồi ăn món gà tây và bánh pudding nhân mận, cuối cùng lên giường đi ngủ với một tâm hồn lâng lâng hạnh phúc trong một ngày có toàn niềm vui.

Bây giờ Donald đã là sinh viên đại học, ở xa nhà. Paul và Hugh đã trở thành các chàng trai thật sự, cao lớn hơn cả mẹ họ. Papa đã có một vài sợi bạc trong bộ ria của ông còn bà nội, cầu xin Chúa ban phước cho bà, đã hưởng bốn mùa Giáng Sinh trên thiên đường. Nhưng Giáng Sinh trong tổ ấm nhà họ Bird bây giờ không còn tràn trề niềm vui như nó bao giờ cũng thế trong những năm đầu, bởi vì cô bé đã từng được mang đến như một sự ban phước của Chúa trời bây giờ đã nằm liệt giường hàng tháng trời trong chính căn phòng mà cô đã chào đời.

Cô bé chưa bao giờ thật sự khỏe mạnh và với một nỗi kinh hoàng cha mẹ cô đã nhận ra điều đó ngay sau khi cô bé được 5 tuổi. Cô bé bắt đầu trở nên mỏng mảnh hơn và nhẹ như một sợi lông chim, cô lại thường xuyên kêu mệt mỏi và hay nép sát vào bên mẹ mà nũng nịu nói rằng “tốt nhất là không nên ra bên ngoài chơi đùa.” Đầu tiên căn bệnh không có vẻ gì nghiêm trọng và hy vọng vẫn dấy lên trong lòng người mẹ. “Carol sẽ mạnh hơn vào mùa hè”, hoặc, “Nó sẽ khỏe lại nếu sống một năm ở vùng thôn quê”, hoặc, “Nó sẽ qua cái sốt này”, hoặc, “Người ta sẽ thử dùng một biện pháp điều trị mới.” Nhưng dần dần mọi chuyện đã đi đến chỗ chắc chắn là không có một phương thuốc nào khiến Carol khỏe lại, không có “mùa hè” hay “không khí

nông thôn” nào tốt cho cô bé. Có lẽ chỉ có một mùa hè vĩnh viễn trên thiên đường mới có thể làm cho cô bé trở lại như xưa.

Đôi má và đôi môi từng hồng thắm như trái ô rô giờ đây chỉ còn tái tái; đôi mắt như sao trời đã bớt ánh long lanh và thường mờ lệ, tiếng cười lạnh lẽo vui như tiếng chuông ngân ngày Giáng Sinh đã nhường chỗ cho nụ cười thật đăm thắm, thật dịu dàng, thật kiên nhẫn làm xúc động lòng người và nụ cười ấy chiếu sáng mỗi góc ngách trong nhà bằng cái ánh sáng dịu dịu chỉ có thể tỏa ra từ gương mặt của Chúa hài đồng.

Tình yêu cũng không làm được gì và khi chúng ta đã nói hết tất cả những điều cần nói thì chúng ta chỉ còn biết trông chờ và hy vọng vào một đấng toàn năng. Ông bà Bird đã thức trắng đêm để nói về chuyện đó sau khi lũ trẻ đã đi ngủ. Ngày hôm ấy một bác sĩ nổi tiếng đã đến thăm bệnh, cho họ biết rằng có thể chỉ trong vòng một năm, Carol sẽ lặng lẽ bay về trời là nơi mà cô bé đã từ đó ra đi.

“Em thân yêu”, ông Bird nói trong lúc đi đi lại lại trong thư phòng, “chẳng có ích gì khi cứ nhắm tịt mắt lại trước sự thực đó, Carol sẽ không bao giờ khỏe lại. Đó là điều anh gần như không thể chịu đựng nổi. Có làm sao một đứa trẻ sống động là thế buộc phải trôi vào cái giường hết ngày này sang ngày khác, mà đâu chỉ có thế nó còn phải chịu đựng những cơn đau mà kẻ làm cha làm mẹ như chúng ta chẳng còn biết làm gì ngoài việc khoanh tay đứng nhìn. Giáng Sinh vui vẻ à, không có đâu, nó là ngày đáng nguyền rủa nhất trong năm đối với anh!” Nói đến đây ông Bird ngã người xuống một chiếc ghế cạnh bàn, vùi mặt vào hai bàn tay, giấu không cho vợ ông nhìn thấy những giọt nước mắt mà ông đã cố hết sức cũng không giữ lại được. “Nhưng anh Donald”, bà Bird dịu dàng nói với giọng run run, “ngày Giáng Sinh có thể không vui đối với chúng ta như trước kia, nhưng nó vẫn là một ngày hạnh phúc, một ngày được ban phước và một ngày tốt lành. Nỗi đau của em chủ yếu là vì lo lắng cho Carol, và gần như em đã thôi không còn đau buồn cho bản thân nữa. Em thật hạnh phúc khi có con bé và

em hiểu rõ tất cả những gì con bé đã mang lại cho vợ chồng mình và bọn con trai.”

“Đúng thế, cầu Chúa ban phước lành cho trái tim ngọt ngào của con bé”, ông Bird nói “có một cái gì còn tốt lành hơn một bài giáo lý thường ngày trong nhà kể từ khi con bé ra đời, đặc biệt là từ khi con bé bị bệnh.”

“Phải, Donald, Paul và Hugh nhà ta là những chàng trai khỏe khoắn, mạnh mẽ và hiếu động, hiếm khi nào anh thấy chúng dịu dàng, ân cần, tận tình biết nghĩ đến người khác và có ý thức tu dưỡng bản thân như thế trong suốt những năm qua. Không có một cuộc cãi vã hay một lời nói nóng nảy nào trong nhà. Vì sao vậy? Carol có thể nghe thấy, điều đó có thể làm con bé buồn phiền, nó tràn trề tình yêu thương và hy vọng như thế kia mà. Bọn con trai học hành chăm chỉ và có ý thức hơn. Sao lại có chuyện đó? Ít nhất thì cũng một phần vì chúng muốn dạy Carol, lấy làm vui sướng khi có thể kể cho con bé nghe những điều chúng đọc được. Khi cô thợ may đến, cô ta thích may vá trong phòng Carol, bởi vì chỉ ở đây cô ta mới có thể quên đi những rắc rối của mình, một điều mà chỉ có Chúa mới biết như thế nào là đủ. Còn về phần em, anh Donald ạ, mỗi ngày em lại là một người phụ nữ tốt đẹp hơn nhân danh Carol, em phải là đôi mắt, đôi tai, đôi chân, đôi tay của con bé - là sức mạnh và niềm hy vọng của nó. Phải, con bé là đứa con máu thịt của em, là chính bản thân em.”

“Anh sai mất rồi em thân yêu ạ”, ông Bird nói, giọng phấn chấn hơn, “chúng ta sẽ cố không bất mãn nữa mà hãy lấy làm vui mừng là chúng ta có một thiên thần trong nhà như Carol.”

“Còn về tương lai của con bé”, bà Bird tiếp tục, “em nghĩ chúng ta cũng không nên quá lo lắng. Em có cảm giác như con bé chưa bao giờ hoàn toàn thuộc về chúng ta mà chỉ làm cái điều mà Chúa đã vì thế mà gửi nó đến cho chúng ta rồi Người sẽ đón nó trở về với mình - và có thể điều đó sẽ không kéo dài!” Nói đến đây, bà Bird tội nghiệp không sao cầm lòng được nữa, thế là ông Bird lại phải quay sang an ủi vợ.

III. TỔ CHIM

Trong lúc đó thì Carol chẳng hề biết gì về những giọt nước mắt đau buồn của mẹ và sự lo lắng của cha, cô bé sống trong bầu không khí thanh bình trong căn phòng mà cô đã chào đời.

Bạn còn chưa biết về căn phòng ấy, bởi vì ông Bird có nhiều tiền và đôi lúc ông cảm thấy một thôi thúc muốn ném tất cả tiền xuống biển chỉ vì dù nó có thể mua được hầu hết mọi thứ, nhưng lại không thể mua cho con gái ông một cơ thể khỏe mạnh, tuy vậy ông đã cố gắng làm tốt một việc mà ông và tiền của ông có thể làm được, đó là biến căn phòng của cô thành một nơi đẹp nhất.

Căn phòng vốn được làm thêm vào tòa nhà cũ, nhìn thẳng xuống khu vườn phía dưới, bốn bề đều có những ô cửa sổ lớn đến nỗi nó có thể là một nhà kính thật sự. Một mặt nó hướng về nhà thờ Chúa cứu thế ở gần đấy, một mặt nó nhìn ra một hải cảng xinh đẹp, mặt còn lại chẳng có gì đặc biệt vì nó nhìn xuống một lối đi nhỏ - tuy vậy tất cả đều đáng yêu đối với Carol bởi vì gia đình Ruggles sống trong lối đi này và chín đứa con của họ, cả lớn cả bé cả nhỡ là một nguồn vui không bao giờ biết đến mệt mỏi.

Khi tất cả các cánh cửa sổ mở tung Carol có thể tắm trong ánh mặt trời rực rỡ trong căn nhà kính của cô bé, các cánh cửa khép lại khi cái đầu thân yêu bị đau hay đôi mắt thân thương bị mệt. Thảm trải sàn có màu xám nhạt vẽ hình một vịnh biển xanh biếc và những cành cây ô rô. Đồ đạc trong phòng làm bằng gỗ trắng, trên đó một họa sĩ đã vẽ cảnh tuyết rơi, những cây thông Noel và một đám trẻ từng bừng rung chuông và hát những bài ca Giáng Sinh.

Donald đã làm một cái kệ sơn màu rất đẹp, gắn vào một bên tủ có chân. Các chàng trai để những chậu hoa nở rực rỡ ở đây và họ thay đổi liên tục các loại hoa; hai bên nóc tủ có những giá đỡ treo các cây dương xỉ có lá nom như mái tóc của một người con gái. Những con chim dễ thương và chim hoàng yến trong những ngôi nhà vàng lộng lẫy của chúng treo bên cửa sổ, và những con chim trong những chiếc lồng giam cầm ấy nhảy lên mừng

rờ trên những cái thang gỗ khi Carol ra khỏi cái giường trắng của cô bé đến bên chúng.

Ở một bên phòng là một kệ sách chất đầy hàng trăm cuốn sách đủ loại; những cuốn sách có hình minh họa rực rỡ, vui tươi, những cuốn sách không có hình chỉ có những dòng mực đen chạy trên giấy trắng, những cuốn sách có tóm tắt cốt truyện, những cuốn thơ, những cuốn truyện cổ tích, những cuốn làm cho trẻ con bật cười, một số cuốn làm cho chúng phải rơi lệ; những cuốn sách học vần dành cho những cô bé cậu bé mới cắp sách đến trường, có cả những cuốn sách có nhiều chữ đến nỗi đủ để cho những người thông thái phải e ngại.

Đó là “thư viện lưu động” của Carol. Mỗi ngày thứ 7, cô bé chọn 10 cuốn sách, viết tên sách vào một cuốn nhật ký, và ghi vào một tấm card nhỏ dòng chữ: “Xin vui lòng giữ cuốn sách này hai tuần để đọc. Yêu thương, Carol Bird.”

Sau đó, bà Bird bước lên cỗ xe của mình mang 10 cuốn sách trên đến bệnh viện Nhi đồng, rồi lại mang về nhà 10 cuốn sách khác mà bà đã đưa đến lần trước.

Đó là một niềm vui lớn bởi vì một số trẻ ở bệnh viện Nhi đồng đủ lớn để đọc những cuốn sách đó và đủ sức để hiểu ý nghĩa của nó rồi viết lại cho Carol những lá thư hóm hỉnh về những cảm tưởng của mình. Carol viết thư hồi âm và như thế họ trở thành bạn bè. (Nghe ra có vẻ hơi buồn cười, nhưng không phải bao giờ bạn cũng thấy là người ta rất thích những việc làm này. Bạn cứ suy nghĩ về nó đi xem có phải như thế không.)

Cao cao trên những bức tường ốp gỗ là những khung gỗ lớn thiếp vàng treo những bức tranh sinh động minh họa cho các truyện thần tiên, với gam màu chủ đạo là các màu xanh lá cây, màu xanh da trời, màu vàng, màu đỏ, phốt bạc và những màu sắc đẹp khác. Từ cửa đến tủ là các bức tranh minh họa cho truyện “Những chiếc chìa khóa vàng”, từ tủ đến kệ sách là câu chuyện “Những đôi giày ống”, từ kệ sách đến lò sưởi là chuyện “Jack -

người tiêu diệt những tên khổng lồ.” Ở bức tường đối diện là tranh minh họa cho chuyện “Người đẹp ngủ trong rừng” và “Cô bé lọ lem.”

Cuối cùng là một chiếc tủ lớn đựng những bộ đồ đẹp; những chiếc váy, khăn san và giày dép; các ngăn kéo chứa đầy đồ chơi, nhưng chỉ là những món bạn có thể chơi trên lòng mình, không có những chai gỗ trong trò chơi lăn bóng gỗ, không có bóng, cung tên hay kiếm kích hoặc bao đựng đậu, vợt tennis... Nhưng suy cho cùng đó là những món mà những đứa trẻ khác thích chơi chứ không phải Carol, cô bao giờ cũng lấy thế làm đủ và hài lòng với tất cả những gì cô có và cả những gì mà cô không có. Thực ra căn phòng này quá đẹp đối với Carol, và cho đến Giáng Sinh lần thứ 8, cô bao giờ cũng tự gọi mình một cách vui vẻ là “Con chim thiên đường.”

Vào những ngày trong tháng 12 này Carol cảm thấy vui sướng hơn thường ngày, bởi vì chú Jack đang trên đường từ châu Âu trở về nhà nghỉ lễ. Thân thương, vui vẻ, hay đùa giỡn, đáng yêu và khôn ngoan - chú Jack là như thế đấy, nhưng cứ 2, 3 năm chú mới đến chơi một lần và mỗi lần từ già lại mang nhiều niềm vui đi theo chú đến nỗi cả thế giới trở nên u ám như một bầu trời đầy mây đen đến mấy ngày sau khi chú đã ra đi.

Chú gởi một lá thư như thế này:

“London, 28.11.1889

Chúc các cháu một Giáng Sinh vui vẻ, bầy chim non ở Mỹ của chú! Hãy rĩa lông rĩa cánh các cháu nhé và nới rộng cái tổ chim của các cháu ra một chút để đón nhận ông chú Jack này vào ngày lễ. Chú sẽ đến mang theo một rương đầy của quý đến nỗi các cháu phải mượn vớ của cặp vợ chồng khổng lồ Barnum mới chứa hết. Chú sẽ đến để bắt con chim thiên đường bé bỏng cho đến khi nó phải chiêm chiếp kêu lên xin thả; chú sẽ đến để coi có thể tìm ra một cu cậu trông coi giùm con ngựa đen tuyền mà chú mới mua không. Thật là một việc lạ đời chưa từng thấy, nhưng chú đã săn lùng khắp Âu châu mà vẫn không tìm được một thằng bé thích hợp! Để chú nói cho các cháu nghe lý do nhé. Chú đã có một dự tính từ trước trong đầu, phải tìm một cậu bé có cái cảm chẻ bởi vì con ngựa non này đặc biệt khoái những

cậu bé cầm chẻ! (“Hoan hô!” đọc đến đây anh chàng Hugh kêu lên, “Chúa phù hộ cho cái cầm chẻ của mình, mình sẽ không bao giờ cảm thấy xấu hổ về nó nữa.”) Hãy viết cho chú một lá thư thông báo về tình hình thời tiết các cháu nhé. Dự đoán xem có bão tuyết không - coi nào vào khoảng ngày 22 ấy. Mà không phải là loại mưa tuyết hiền lành, êm đềm, nửa nạc nửa mỡ vô nghĩa lý đâu nhé; cũng không phải là những bông tuyết lười nhác bay trong không khí chẳng thêm quan tâm là chúng sẽ bay đi đâu nữa. Chú muốn nói đến một trận bão tuyết thật sự ấy, những bông tuyết đổ xuống trần, chúng lồng lộn, xoáy tròn che mờ cả trời đất, những đồng tuyết chất cao làm người ta đóng băng tại chỗ.

Chú sẽ thích có một cây thông thật bụi, nếu có thể được - không phải là một cành thông cao khoảng một mét rưỡi như chúng ta vẫn có 3, 4 năm về trước khi bầy chim các cháu còn chưa đủ lông đủ cánh - chúng ta cần một cây thông thật sự cơ. Nếu cần thiết chúng ta sẽ để nó trên gác xép, như vậy ta có thể khoét một lỗ trên mái nhà nếu như cây thông cao quá trần nhà. Bảo Bridget bắt đầu vỗ béo một con gà tây đi là vừa. Bảo bà ta là vào ngày 20 tháng 12 con gà tây phải không đứng lên nổi vì quá mập để rồi 3 ngày sau bà ta mới cho phép nó nằm nghiêng sang một bên mà nhồi thức ăn vào bụng nó cho đến mức nứt tung ra. (Một auxơ vật liệu trước khi nhồi ngang bằng với một pao sau khi hấp chín.)

Bánh pudding cũng phải cỡ đại tướng với một màu đen đậm thẫm, bóng lưỡng và gợi cảm. Nó cũng phải được nhồi đầy những trái mận chín mọng nhiều đến nỗi không thể lấy ra khỏi nồi và không thể mang ra bàn ăn. Chú hy vọng sẽ có mặt ở nhà vào ngày 20 để có thể giải quyết một số việc linh tinh - nhớ rằng các con chim non của chúng ta bắt sâu bọ sớm như thế nào - sẽ để lại cho các cháu lời hướng dẫn trong trường hợp chú về trễ.

Chính Carol là người quyết định tầm vóc của cây thông nhé - cô bé biết rõ nhất vì chính là cô bé Noel mà, chắc cô bé sẽ cầu trời làm bão tuyết quá à - người dự báo thời tiết chắc phải chú tâm đến cô bé thôi, và Carol cũng phải tìm một cậu bé cầm chẻ cho chú đấy - cháu giỏi hơn chú trong chuyện

này và chỉ mất tổng cộng một phút. Cô bé cũng phải góp ý về chuyện gà tây. Bà bếp Bridget phải mang bánh pudding đến bên giường cô bé để cô tự tay thả vào vài trái mận và khuấy vào nồi một cái lấy hên nếu không thì chú sẽ không ăn bánh dù chỉ là một mẫu nhỏ - bởi vì đối với chú Jack, Carol là một cái gì làm cho Noel có một ý nghĩa đặc biệt và chú sẽ không ăn mừng Giáng Sinh nếu không có cô bé. Carol tốt đẹp hơn tất cả những món gà tây, bánh pudding, những trái táo, món sườn nướng, lẵng hoa, vòng hoa, cành tầm gửi, vớ, ống khói và tiếng lục lạc của cỗ xe trượt trong đêm Noel. Cô bé là bài hát mừng Giáng Sinh ngọt ngào nhất từng được viết ra trên đời, được nói đến, được hát lên hay ngâm ngợi và chú sẽ đến, nhanh như những con tàu thủy và tàu hỏa có thể mang chú đi được để bảo với cô bé điều đó.”

Niềm vui sướng của Carol không biết đến giới hạn. Ông bà Bird cười sung sướng như đã biến thành con trẻ, ôm hôn nhau vì một niềm vui thuần túy, và khi bọn con trai đọc thư chúng rú lên như những người da đỏ hoang dã cho đến khi gia đình Ruggles ở sân sau nổi với khu vườn của nhà họ Bird kéo hết ra ngoài cửa, ngơ ngác hỏi nhau không biết có chuyện gì ở nhà lớn.

IV. CHIM THEO BẦY

Chú Jack đến đúng vào ngày 20. Chú không bị ngăn trở bởi công việc, hoặc bị lỡ tàu lỡ xe hay kẹt trong bão tuyết, một việc thường xảy ra trong các câu chuyện, và cả trong đời thường nữa, tôi e là thế. Nhưng bão tuyết cũng đổ xuống, còn con gà tây thì thiếu chút nữa đã chết một cách tự nhiên và trước kỳ hạn vì bội thực. Donald cũng về nhà; một Donald với một nếp nhăn mờ mờ trên môi trên, tiếng Hy Lạp và Latin trên môi, một kho kiến thức uyên bác trong mái đầu đẹp đẽ và những câu chuyện - trời ơi, bạn không thể đưa một miếng khoai tây rán mà không nhắc Donald nhớ đến một điều gì đó đã xảy ra ở “trường đại học.” Hai người bọn họ thay phiên nhau ngồi bên giường Carol, bởi vì họ thấy nước da tái xanh của Carol lại đáng yêu hơn nước da hồng hào ngày xưa. Dù vậy chỉ có chú Jack là ngồi lại bên cô bé trong ráng chiều ảm đạm, chạng vạng của mùa đông. Căn

phòng lặng lẽ, gần như chìm trong bóng tối, các cánh cửa đóng kín vì bên ngoài tuyết đang rơi, ngọn lửa bập bùng trong lò sưởi, nhảy nhót trên các khuôn mặt trong bức tranh “Người đẹp ngủ trong rừng”, nhuộm một ráng hồng rực rỡ lên bức vẽ về “Chiếc chìa khóa vàng.” Một tay của Carol (mỏng mảnh và trong suốt vào những ngày này) nằm trong bàn tay to lớn của chú Jack trong lúc họ lặng lẽ trò chuyện với nhau về đủ thứ trên đời.

“Cháu muốn nói với chú về tất cả những dự định của cháu trong mùa Giáng Sinh này”, Carol nói vào buổi tối đầu tiên chú có mặt ở nhà, “bởi vì Noel là một cái gì đáng yêu nhất mà cháu có. Các anh ấy cứ cười cháu vì quá quan tâm đến ngày này. Nhưng mà không chỉ vì đó là ngày Noel hay là ngày sinh nhật cháu đâu, từ lâu lắm rồi, lúc cháu mới bị bệnh cháu đã nghĩ, cái ý nghĩ đầu tiên, khi cháu thức dậy vào sáng Noel, “Hôm nay là ngày sinh nhật của Chúa và - cũng là ngày sinh nhật của mình nữa!”Ồ cháu không đặt hai sự kiện đó gần nhau đâu, bởi vì như thế là quá ngạo mạn. Chỉ là ý nghĩ ấy hiện lên như thế này, “Ngày sinh của Chúa Jesus” và sau đó chừng một phút sau cháu thầm nhủ - “và của mình nữa.” Và như thế cháu có những cảm xúc về ngày Giáng Sinh không giống như những đứa con gái khác. Mẹ cháu nghĩ là có thể trên đời này cũng có nhiều đứa trẻ khác sinh vào ngày này. Cháu thường tự hỏi họ ở đâu và cháu có những ý nghĩ thân thiết về họ có lẽ bởi vì cháu phải nằm trên giường, thường rất cô đơn và ý nghĩ này rất quan trọng đối với cháu. Cháu hy vọng không có ai nghèo khổ hoặc đói rét, và cháu ước tất cả bọn họ đều hạnh phúc cũng như cháu vậy, bởi vì họ cũng giống như anh chị em của cháu mà. Bây giờ chú thân yêu, cháu sẽ cố gắng làm cho một người nào đó hạnh phúc vào mỗi một ngày Giáng Sinh cháu còn sống. Năm nay sẽ là gia đình Ruggles ở đằng sau.”

“Cái bọn lau nhau tình nghịch trong ngôi nhà nhỏ đằng sau vườn ư?”

“Vâng, thật đáng buồn khi nhìn thấy quá nhiều người sống chen chúc phải không ạ? Chúng ta nên gọi họ là trẻ nhà Ruggles; nhưng anh Donald đã gọi họ là “bọn Ruggles nhà sau” mà bố mẹ cháu cũng quen gọi như vậy và bây giờ khó sửa lại lắm. Căn nhà ấy vốn xây cho người đánh xe của ông

Carter, nhưng ông Carter lại sống ở Châu Âu và quý ông thuê chỗ ấy không quan tâm đến chuyện gì diễn ra trong căn nhà đó, thế nên cái gia đình Ailen nghèo khổ ấy mới dọn đến sống ở đây. Khi các bạn ấy mới đến đây, cháu thường ngồi bên cửa sổ, quan sát họ vui đùa ở sân sau; các bạn ấy khỏe mạnh, vui tính và tốt bụng. Rồi có một hôm cháu bị đau đầu kinh khủng, anh Donald đã yêu cầu bọn họ không được làm ồn và họ đã giải thích là họ đang chơi trò làm xiếc rồi họ sẵn sàng đổi sang chơi trò “trường học cầm điếu” suốt buổi chiều hôm ấy.

“A ha ha ha!”, chú Jack cười ha hả, “một lũ trẻ sống biết điều hả?”

“Vâng, cháu nghĩ họ rất nhộn; cháu mỉm cười chào họ từ bên cửa sổ vào lúc cháu đủ sức đứng dậy, đi lại. Thường vào giờ này chị Sarah Maud đi ra cửa đón các em đi học về và nếu mẹ cháu gật đầu, có nghĩa là “Carol khỏe” thì chú có thể nghe bọn họ la hét vui vẻ - cháu tin là bọn họ cố xem có thể la lớn đến đâu. Nhưng nếu mẹ cháu lắc đầu thì họ bao giờ cũng chơi những trò lặng lẽ. Có một hôm con hoàng yến tên là Cary của cháu xổng lồng bay ra ngoài, bạn Peter Ruggles đã bắt được mang nó trả cho cháu và cháu đã mời bạn ấy đến phòng này để cảm ơn.”

“Peter là đứa lớn nhất à?”

“Không ạ, chị Sarah mới là người lớn nhất - chị ấy giúp mẹ giặt giũ, lau dọn; sau đó là Peter. Bạn ấy phụ may quần áo.”

“Thế cái cô bé tóc đỏ xinh xắn ấy là ai?”

“Đó là Kitty ạ.”

“Còn đứa bé béo phịch phịch?”

“Là bé Larry ạ.”

“Còn cô bé bị tàn nhang?”

“Chú đừng cười nhé - đó là Peoria.”

“Carol, cháu đang đùa ư?”

“Không đâu chú Jack thân yêu. Cô bé sinh ở Peoria, là thế đấy ạ.”

“Chắc thằng bé tiếp theo sẽ là Oshkosh?”

“Dạ không ạ,” Carol bật cười, “những người còn lại là Susan, Clement, Eily và Cornelius.”

“Làm sao cháu có thể nhớ được ngần ấy cái tên vậy?”

“À, cháu có một thứ mà cháu gọi là “trường học cửa sổ”. Bây giờ thì trời rất lạnh, nhưng khi trời ấm hơn, cháu đẩy xe ra ngồi ngoài ban công nhỏ của cháu, các bạn bên nhà Ruggles trèo lên, đi trên hàng rào giữa hai nhà và ngồi trên mái nhà để xe. Như vậy họ gần cháu hơn và cháu có thể đọc sách hoặc kể chuyện cho họ nghe. Vào ngày lễ Tạ ơn họ đến đây ít phút vào giờ trưa lúc trời còn rất ấm, chúng cháu cho nhau biết chúng cháu muốn tạ ơn điều gì. Họ trả lời nhiều câu kỳ lạ đến nỗi Papa phải chạy đi chỗ khác vì ông sợ sẽ phá lên cười mất. Mà cháu cũng chẳng hiểu rõ lắm đâu. Susan cảm ơn “những cái rương” và tất cả mọi chuyện trên đời; Lorne Lius cảm ơn “những cái xe ngựa”, Kitty thì vì món “thịt heo nướng” trong khi Clem ngồi im không nói gì nhưng khuôn mặt cậu ta sáng lên và cậu ấy cảm ơn “con cún què chân của mình.” Cái đấy thì có gì phải cảm ơn chú nhỉ?”

“Có thể nó dạy cho một số người trong chúng ta một bài học phải không cô bé?”

“Mẹ cháu cũng nói y như thế. Bây giờ cháu sẽ chuẩn bị quà Giáng Sinh cho các bạn Ruggles. Chú biết không, cháu cũng có tiền đấy.”

“Cháu ư, con chim non của chú, có thể nào?”

“Vâng, chú cũng biết đấy, cứ đến ngày Noel là cháu được Papa và Mama cho cháu rất nhiều thứ. Nhưng cháu muốn làm một điều gì đó cho mình cơ, là vì ngày Noel cũng là ngày sinh nhật của cháu mà.

Rồi cháu nảy ra một ý và thế là cháu nói chuyện với Mama. Tất nhiên mẹ nghĩ điều đó thật tuyệt, mẹ cháu bao giờ cũng như vậy mà. Trong đầu Mama chỉ có những điều tốt lành, thông thái và tất cả những điều cháu cần

làm chỉ là hỏi mẹ và nói ra đúng cái điều mà cháu muốn. Vậy thì cái ý nghĩ đó là hãy để cho một cô gái nhỏ phải sống ba năm không bước ra khỏi phòng mình kể về mình và viết ra cái điều làm mình quan tâm. Thế là mẹ con cháu đã gửi bài đó đến một tờ báo và nhận được 25 đô. Chỉ là một ý tưởng!”

“Ồi vậy hả”, chú Jack kêu lên đầy vẻ kích động, “ôi cháu gái bé bỏng của chú là một nhà văn thực sự rồi. Cháu định làm gì với số tiền tự mình kiếm được đó?”

“Cháu sẽ đãi 9 chị em nhà Ruggles một bữa tiệc Giáng Sinh ra trò, chú Jack ạ, ở ngay trong căn phòng này - phần ẩm thực do Papa cháu lo, những món quà thật dễ thương chất dưới cây thông Noel đẹp như chú đã tả trong thư - phải phần này do cháu chi, bởi vì cháu có một cách khác để nhân lên số tiền 25 đô của cháu chú ạ, thế là cháu có thể mua tất cả những gì mà cháu muốn. Cháu sẽ thích lắm nếu có chú ngồi ở ghế chủ tọa, chú Jack ạ, sẽ không có ai e ngại hay sợ chú bởi chú là người thân yêu nhất, đáng yêu nhất, dễ mến nhất trên đời. Mama sẽ giúp chúng ta còn Papa và các anh cháu sẽ ngồi ăn ở dưới nhà vì sợ sẽ làm các bạn kia ngượng. Thế là tất cả chúng ta đều vui đùa dưới cây thông, chúng ta có thể mở cửa sổ và tất cả có thể đón nghe những bản thánh ca trong giáo đường trước khi các bạn ấy ra về. À mà, cháu có viết một lá thư gửi người chơi đàn organ trong nhà thờ, hỏi xem ông có thể cho cháu nghe 2 bài hát mà cháu rất thích không. Chú thử đọc xem viết có ổn không nhé.”

“Tổ chim, ngày 21.12.1989.

Thưa ông Wilkie

Cháu là một đứa trẻ đau ốm, sống trong ngôi nhà bên cạnh nhà thờ. Cháu ít khi ra khỏi phòng và những bản đàn dạo lên vào những ngày Chủ nhật và ngày lễ là niềm vui lớn nhất của cháu.

Cháu muốn biết một điều, liệu ông có thể để cho đội đồng ca nam ấu hát bài “Hát mừng, anh em ơi, ta hát mừng” không ạ? Nếu có ai đó hát bài

“Quê hương tôi” thật tình cảm thì cũng là một cái gì rất tuyệt. Cháu nghĩ đó là bài hát hay nhất trên đời, nhưng bao giờ nó cũng làm cho lệ dâng lên khóe mắt cháu; ông có thể giúp cháu không ạ?

Nếu không có gì phiền, cháu hy vọng ca đoàn hát cả hai bài trên sớm một chút bởi vì sau 10 giờ cháu có thể đã ngủ mất rồi.

Gửi lời chào kính trọng,

Cháu Carol Bird.

Tái bút: Lý do cháu thích bài “Hát mừng” là vì dàn đồng ca đã hát bài này 11 năm về trước vào cái buổi sáng cháu cất tiếng khóc chào đời và nó đã khiến mẹ cháu đặt tên cháu là Carol. Lúc ấy mẹ cháu đã không nhớ ra là họ của cháu là Bird, bởi vì bà đang trong giấc ngủ mơ màng và không thể nghĩ nhiều việc cùng một lúc [1]. Anh cả cháu là Donald có nói nếu cháu sinh vào ngày 4 tháng 7 hẳn họ sẽ đặt tên cháu là “Độc lập”, hoặc nếu vào ngày 22 tháng 2 tên cháu sẽ là “Georgina” hoặc có thể là “Cherry” như “Cherry ở Martin Chuzzlewit”... Dù sao thì cháu cũng thích tên cháu và cái ngày cháu ra đời nhất.

Cháu Carol Bird”

Chú Jack nghĩ lá thư viết rất hay và chú không hề mỉm cười khi Carol kể trong thư khá nhiều chuyện về gia đình.

Ngày giờ vùn vụt trôi qua như nó bao giờ cũng bay rất nhanh vào những ngày lễ và ngày 24 vụt đến trước khi mọi người kịp nhận ra. Bữa tiệc gia đình diễn ra tương đối lặng lẽ và thoải mái bởi vì ai cũng ở trong tâm trạng chuẩn bị cho bữa tiệc trọng đại ngày hôm sau. Carol và cô bảo mẫu dễ thương người Đức tên là Elfrida đã phải lục lọi trong đám sách vở, lên chương trình và tìm nhiều trò chơi, phong tục và những trò vui của người Đức, người Hà Lan, người Anh và hàng chục nơi khác mà bạn khó lòng biết được cách thức và địa điểm diễn ra các phong tục ăn mừng Giáng Sinh ấy. Cả chó và mèo cũng có bữa tiệc của chúng dưới sự hướng dẫn của Carol. Mỗi con có một cái bàn nhỏ có đặt một ngọn nến nhỏ ở giữa, một đĩa nước

sốt đặt ở gần ngọn nến. Ai nấy cười cho đến khi nước mắt chảy giàn giụa trên má khi nhìn con chó Villikins và con mèo Dinah tranh nhau nếm nấp món nước sốt trong lúc ngọn nến cháy gần hết. Villikins sủa ngấu lên, khịt khịt mũi rồi lại tru lên trong lúc tức tối, sau nhiều cố gắng vô vọng cuối cùng nó cũng giành được phần thưởng mặc dù cái giá mà nó phải trả là cái mũi bị bỏng.

Trong khi ấy thì con mèo Dinah điềm tĩnh quan sát đối thủ, lỗ mũi nhạy bén của nó run rẩy chờ đợi và sau khi sự kích động đã giảm xuống, nó đứng đĩnh đi đến bên bàn, cái đuôi màu xám tuyệt đẹp, bóng mượt như sa tanh ve vẩy phía sau, rồi nó bình tĩnh giơ vuốt trước lên, nhẹ nhàng kéo đĩa nước sốt đến gần, rồi lại đứng đĩnh ra khỏi phòng không “dựng lên một sợi lông” nào. Elfrida tung hàng năm ngũ cốc xuống lớp tuyết trong vườn để bày chim trời có một bữa điểm tâm ngon lành vào sáng hôm sau, cô lại còn trải một lớp cỏ khô gần lò sưởi để bày tuần lộc của Santa Claus có cái mà ăn cho hồi sức sau một chuyến đi dài. Những việc này không chỉ rất vui mà còn làm Carol cảm động.

Sau bữa tiệc cả gia đình đi nhà thờ dự lễ. Carol dù mệt nhọc với bao xúc cảm vẫn nhảy lò cò với cái nạng và với sự giúp đỡ của Elfrida sắp lại tất cả những đôi giày của mọi người trong gia đình thành một dãy ở tiền sảnh. Điều này tránh cho mọi người trong gia đình không cãi nhau. Đây là đôi boots vững vàng của Papa, đôi giày xinh đẹp có khuy cài của Mama đặt bên cạnh rồi tiếp đến là của chú Jack, anh cả Donald và anh Paul, anh Hugh, xếp cuối hàng là đôi dép nhỏ màu trắng của bé út. Cuối cùng và là một việc làm có ý nghĩa nhất, Carol bắt chước những em bé ở Áo, thả một cây nến đặt trên bệ cửa sổ để soi đường cho Chúa hài đồng, có thể Chúa sẽ bị vấp té trong bóng đêm khi Người đi ngang qua những con đường vắng vẻ. Làm xong mọi việc, cô ngã người xuống giường, mệt mỏi nhưng hết sức hạnh phúc.

V. NHỮNG CHÚ CHIM NON HỌC BAY

Trước khi một đứa trẻ nào trong nhà Ruggles thức dậy, thối vào cái còi bằng thiếc trị giá 5 xu thì bà Ruggles đã bật dậy, khua động cả nhà bởi vì

đây là ngày có một không hai. Ngày hội! Chẳng phải là đàn con 9 đứa của bà được mời sang ăn tiệc Giáng Sinh ở ngôi nhà lớn kia sao? Chẳng phải họ được mời như những vị thượng khách để ngồi ngang hàng với những người giàu có và hùng mạnh nhất xứ này sao? Bà đã toàn tâm toàn ý chuẩn bị cho sự kiện trọng đại này kể từ lúc nhận được giấy mời, và thư mời đó giờ đây được lồng vào một khung ảnh cũ, ngay ở chỗ nổi bật nhất trong bếp, nơi nó đập ngay vào mắt khách đến nhà và làm cho anh ta tái người đi vì ghen tị.

“TỔ CHIM, ngày 17.12.1889

Kính gửi: Bác Ruggles.

Cháu có tổ chức một bữa tiệc vào ngày Giáng Sinh, cháu sẽ rất vui nếu bác cho phép tất cả các con bác được tham gia, từ chị Sarah Maud đến em bé Larry. Mẹ cháu cho biết bữa tiệc sẽ bắt đầu vào lúc 5 rưỡi và vui chơi bên cây thông Noel vào lúc 7 giờ; vì thế các bạn ấy sẽ quay về nhà vào lúc 9 giờ. Chúc gia đình bác một Giáng Sinh vui vẻ và một năm mới hạnh phúc.

Kính thư,

Cháu Carol Bird.”

Bữa ăn sáng được bày ra trên bàn vào lúc 7 giờ mà cũng chẳng nhiều nhận gì ngay cả trong một ngày đặc biệt có thể cho phép bọn trẻ ăn uống thoải mái một chút, dù vậy bà Ruggles vẫn để thoát ra một tiếng thở dài buồn bã khi bà nghĩ đến những cậu con trai với những cái bao tử bằng cao su giống như người da đỏ, tiêu hóa ngay sau khi vừa buông muống xuống, lại đói meo như thể chưa có cái gì vào trong bụng.

Sau khi bữa ăn đơn giản bị đánh hết veo, người mẹ phân công nhiệm vụ. “Susan và Kitty rửa bát đĩa, Peter con có thể xếp gọn chăn nệm không để mẹ có thời gian sửa cái áo mới cho Larry? Mẹ không hài lòng với bộ quần áo của nó. Và mẹ nghĩ sau một đêm bộ quần áo của nó nom nhàu nhò như thể được may bằng cái khăn choàng sọc cũ kỹ của mẹ - các con biết đấy nom giống cái váy của đàn ông Scotlen. Các cậu trai khác quét dọn phòng

nghe chưa! Clem và Lon, hai đứa nhảy lên giường ngồi chơi với em Larry trong lúc mẹ giặt cho các con bộ đồ mặc ấm bằng vải pha len, sẽ không mất nhiều thời gian hong cho khô đâu. Sarah Maud, mẹ nghĩ nếu con cắt hàng cúc bằng đồng trên bộ đồ cảnh sát của cậu con đánh một hàng trước ngực cái váy xanh của con thì sẽ đẹp lắm đấy. Susan con phải ủi đồ cho con và em Kitty đấy, lại còn thế nữa, suýt chút nữa thì mẹ quên đôi vớ của Peory. Tối qua khi giặt vớ mẹ đếm thấy thiếu đâu một chiếc, chà chà mẹ không thể để các con mẹ đi ăn tiệc trong một đôi vớ cũ, rách được. Nay Eily con có thể chạy sang bên cô Cullen mượn đỡ một đôi vớ cho Peory được không, bảo với cô ấy là Peory sẽ chia cho Jim nửa số kẹo mà nó có sau bữa tiệc. Thế có được không Peory?”

Peoria còn bé và rất háu ăn, nghĩ rằng giải pháp này còn tệ hơn là cái trò lấu cá giả câm giả điếc của nó, bèn la hét ồm ồm để phản đối - tiếng la hét của nó bất trị và ngỗ ngược đến nỗi bà mẹ giặt mình quay về phía nó, đôi mắt lóe lên giận dữ, bàn tay giơ lên cao. Nhưng bất thành linh bà thả tay xuống, nói: “Thôi được, mẹ không muốn đánh con vào ngày Noel, dù con có làm cho mẹ phát điên lên. Nhưng bây giờ thì ăn nói cho đàng hoàng và có cân nhắc nghe chưa, coi nào con muốn chia một nửa số kẹo bánh của con cho thằng Jim Cullen hay là đi chân không đến dự tiệc?” Vấn đề hết sức đơn giản thế là Peory vận dụng tất cả sự khôn ngoan của nó quyết định chọn cái ít có hại hơn. Chính Clem đã thúc đẩy nó bằng một cái nháy mắt ngụ ý rằng nếu ở địa vị ấy nó sẽ chọn việc thà chỉ còn một nửa số bánh kẹo còn hơn là đi chân không đến nhà Carol.

“Cái cô bé này!”, người mẹ la lên, “bây giờ tất cả các con không cần phải làm gì cả và được tha hồ chơi đùa cho đến bữa trưa. Sau đó vào lúc 12 giờ mẹ và Sarah Maud sẽ tắm rửa, chải tóc và mặc quần áo đẹp cho các con làm sao cho các con khác hẳn ngày thường, sau đó mẹ sẽ dành ra hẳn 2 tiếng dạy các con phép lịch sự, học cách ăn, cách nói để không ai có thể cười chê mẹ không biết dạy các con.”

“Dào ôi, tất cả chúng con chỉ đến đây để ăn thôi mà!” Peter làu bàu.

“Chà, nói thế mà được à, ăn cũng có nhiều cách ăn. Để mẹ nói cho con biết, con còn phải học chán mới trở thành một người đàn ông lịch sự đấy Peter Ruggles ạ. Nhân danh Chúa, ước gì các con được chứng kiến cung cách của mẹ ngày xưa - không bao giờ ăn uống xuềnh xoàng trong nhà bếp trước khi mẹ cưới ba con nhé; nhưng thật khó mà giữ được phong cách ấy với một bầy con 9 đứa trong khi cha các con biến biệt ngoài biển khơi.”

Những đứa trẻ lớn trong gia đình Ruggles sống khá quy củ nên những đứa nhỏ cứ theo gương anh chị mà làm theo. Vào lúc 1 giờ trưa thì nhà cửa đã gọn gàng, cả chín đứa đã sẵn sàng để được “sát xà bông” cho đến khi sáng bóng lên. Tôi nói “sáng bóng” mà không hiểu điều đó có phù hợp với chuẩn mực của một giới cao cấp trong xã hội hay không. Ở đây quy luật bù trừ được mang ra áp dụng. A có ca vát nhưng lại không mặng sét, B có khăn quàng cổ nhưng lại không có khăn mùi xoa và ngược lại; nhưng tất cả đều có giày và có những bộ quần áo mặc ngoài khá thơm, trong tất cả mọi trường hợp thì cái gì lộ ra bên ngoài mới là quan trọng và ở đây không được phép có sơ suất.

“Bây giờ thì Sarah Maud con”, bà Ruggles nói, khuôn mặt sáng lên vì thích thú, “mọi cái đã đâu vào đấy và chúng ta có thể bắt đầu. Mẹ đã đun sôi 2 nồi nước rồi đấy. Peter, con đi ra phòng ngủ phía sau đi. Mẹ sẽ tắm cho Susan, Kitty, Peory và Cornelius; còn Sarah Maud, con phụ trách Clem, Eily và Larry... phân chia như thế thì trong lúc mẹ tắm cho đứa còn lại, con có thời gian dành cho mình.”

Sarah Maud không thể kỳ cọ một cách quả quyết và mạnh tay như khi chị cọ sàn nhà, nhưng cũng khá mạnh và bọn trẻ nhà Ruggles chịu đựng một cách can đảm, không phải bởi tính dũng cảm tự nhiên mà bởi niềm vui với viễn cảnh sắp tới. Sau trận cọ rửa đó bọn nhỏ đỏ nhừ hết cả người khi bị “luộc” một trận ra trò. Khi chuông đánh 3 tiếng, tất cả đã quần áo chỉnh tề, hầu hết ở trong tâm trạng lâng lâng vui sướng, sẵn sàng cho sự chỉnh trang cuối cùng trước cái giờ trọng đại. Mái tóc đỏ của Kitty thì được cuốn lại thành 34 lọn tóc nhỏ, Sarah Maud tết tóc đuôi ngựa, Susan và Eily tết thành

2 bím, trong khi Peory xúc dầu lên tóc và để xõa ngang vai như cái kiểu của các cô gái Circass trong rạp xiếc - như Clem bình luận nhưng cậu cũng bị đưa vào phòng ngủ. Rồi đến khoảnh khắc đầy phấn khích khi người ta lôi ra cổ áo bằng len, cà vạt và nơ con bướm cho cánh con trai và Eureka! Cả đàn trẻ nhà Ruggles đã ăn mặc sửa soạn trông sáng choang như đồng xu mới, cả Solomon trong những ngày oanh liệt của mình trông cũng không oách bằng chúng. Một hàng ghế được sắp dài cho đến giữa giàn bếp. Thực ra thì không có đủ ghế cho 10 người, bởi vì gia đình hiếm khi có dịp ngồi cả lại với nhau, bao giờ cũng có một ai đó đi ra ngoài, hay đang nằm ngủ nhưng thùng gỗ hoặc xô đựng than có thể úp ngược lại làm ghế và như thế cũng thu xếp được. Bọn trẻ ngồi vào ghế theo thứ tự lớn bé, Sarah Maud ngồi đầu bàn, bé Larry ngồi cuối trên cái xô đựng than còn bà Ruggles thì ngồi phía trước, nhìn bầy con với vẻ tự hào không che giấu trong khi lau mồ hôi khỏi trán sau một ngày vất vả.

“Trời đất, chưa bao giờ mẹ trông thấy một đám trẻ sạch sẽ hơn, có phong cách hơn trong cả đời mình! Ước gì cha các con có thể nhìn thấy các con vào lúc này! Chẳng phải mẹ đã thường xuyên nói với các con về cung cách của gia đình McGrill là gì. Mẹ cũng có lý do để tự hào về gia đình mình đấy; cậu các con làm cảnh sát ở New York, các con có thể thấy tên cậu ấy ở các tờ báo - James McGrill... Nào bây giờ mẹ muốn tất cả các con xử sự phải phép vào tối hôm nay. Nào, chúng ta có thể tập dượt từ đầu... từ cách đi đứng, thưa gửi đến phong thái bên bàn ăn... đừng quên là mẹ của các con là một người mang họ McGrill nhé!... [2]

VI. KHI BÁNH ĐƯỢC MANG RA VÀ BẦY CHIM CẤT TIẾNG HÓT

Bọn trẻ xếp thành hàng đi ra từ cửa sau, Sarah bước hụt một bước trong lúc cô lẩm bẩm như người cầu kinh ôn lại những điều mà cô đã tập nói hồi chiều, “Đây - là - một - buổi - tối - đặc - biệt - và - chỉ - có - một - quãng - đường - ngắn - chúng - cháu - nghĩ - không - cần - đội - mũ.”

Peter bấm chuông, ngay lập tức có một người giúp việc ra chào đón họ, thì thầm một cái gì đó vào tai Sarah rồi đưa cô đi vào bếp. Những đứa khác

đứng lại thành một nhóm kinh hãi khi cánh cổng đóng lại trước mắt chúng, nhưng chúng không có thời gian để nghĩ ngợi, bởi vì một giọng nói từ bên trên đã cất lên: “Mời vào, mời lên cầu thang!”

Bọn trẻ lú lú đi vào, bước lên cầu thang và Elfrida đẩy chúng vào một căn phòng lộng lẫy hơn bất cứ thứ gì mà chúng nhìn thấy trong đời. Nhưng mà trời ạ, thủ lĩnh Sarah Maud đâu rồi? Định mệnh lại biến thành bà Bird khi bà hỏi: “Các cháu để mũ ở ngoài tiền sảnh ư?” Peter cảm thấy mình phải thay thế vai trò của người thủ lĩnh, và nhận được cái nhìn nhắc nhở của Susan đứng bên cạnh liền hấp tấp nói: “Thật là một... buổi tối... thú vị... và... và...” ...“Và chúng cháu không có đủ những chiếc mũ đẹp để đội ạ,” cô bé Susan mau mồm mau miệng đỡ lời anh, nhưng vừa nói xong nó đã sững người vì sợ, nhận ra nó đã để cho những lời “khí không phải” buột ra khỏi miệng.

Nhưng bà Bird đã nói về ân cần: “Tất nhiên các cháu không cần phải đội mũ với một quãng đường ngắn như vậy, tôi quên mất điều đó. Bây giờ các cháu sẽ lên ngay phòng Carol chứ, cô bé nóng lòng muốn gặp các cháu ngay.”

Vừa lúc đó thì Sarah bước vào theo lối cầu thang sau, khuôn mặt rạng rỡ niềm vui sau cuộc trao đổi bí mật với người đầu bếp, Peter có thể ghim chị vào tường với cái nhìn bức bối, nhưng Carol đã vui vẻ chào đón họ. “Nhưng bé Larry đâu?” cô kêu lên, nhìn tất cả với đôi mắt tìm kiếm.

“Cậu bé không đến à?”

“Larry! Larry!” Lạy Chúa, Larry đâu rồi? Họ chắc chắn là Larry có đi chung với họ bởi vì Susan còn nhớ là đã mắng em vì trượt chân trên tấm thảm chùi chân trước cửa. Chú Jack bước vào với tiếng cười vui vẻ. “Các cháu chắc là có đủ cả 9 chứ?”

“Cháu nghĩ thế thưa ngài”, Peoria rụt rè nói, “nhưng... không biết Larry đi đâu mất rồi?” vẻ mặt của nó cho biết nó sắp khóc đến nơi rồi.

“Ồ không sao, cứ việc vui lên. Chú đoán cậu bé không biến mất đâu, chỉ đi lạc thôi. Chú sẽ đi tìm Larry về trước khi các cháu nói Jack Robinson!”

“Cháu cũng muốn đi nữa nếu chú cho phép”, Sarah Maud nói, “bởi vì cháu có trách nhiệm trông coi em nó và nếu nó bị lạc thì cháu không thể làm tròn nhiệm vụ được.”

Những đứa trẻ khác nhà Ruggles đứng ngây người. Đây là một bữa tiệc thịnh soạn, không còn nghi ngờ gì nữa mà nếu như vậy thì cần phải nói gì trong trường hợp này đây? Sarah Maud đi dọc tiền sảnh, miệng gọi “Larry! Larry! Em ở đâu?” mà không nghe thấy một giọng trẻ con yếu ớt đầy lo sợ “Em ở đây.” Sự thật là Larry sau khi bị tách khỏi người bảo hộ tự nhiên của nó đã tụt lại phía sau, lẩn vào một cái cây treo mũ để đợi chị cả, không hề biết là nó phải đi theo các anh chị khác. Đợi một lúc không thấy chị đi đến nó bèn chui ra khỏi chỗ nấp và gọi một ai đó nhưng nó thấy mình lạc trong một rừng ô và gậy, không có chỗ len chân. Sợ quá nó hoảng hốt gào lên, nhưng giọng thảm thương của Sarah Maud đã vọng lại chỗ nó và vài giây sau nghe như có tiếng nhạc của thiên thần văng bên tai nó. Chú Jack lau khô nước mắt cho nó, bế nó lên cầu thang, chẳng bao lâu đã làm cho nó không thở nổi vì cơn cười trong lúc Carol khiến cho những đứa trẻ khác quên đi không khí long trọng của bữa tiệc.

Giường của Carol đã được dời vào một góc xa nhất, cô bé nằm trên một chiếc ghế dài được trải một tấm ra trắng mềm mại, tuyệt đẹp. Mái tóc vàng óng loăn xoăn rủ từng lọn xuống vầng trán và chiếc cổ mảnh dẻ trắng xanh, đôi má phớt nhẹ một màu hồng phấn kích, đôi mắt long lanh niềm vui và bọn trẻ sau này tả lại với mẹ là nom cô bé đẹp như bức tranh vẽ Đức mẹ Đồng trinh. Một bức bình phong lớn ngăn căn phòng như chốn thần tiên ra làm hai và ngồi ở bên này cũng có thể thấy không khí chuẩn bị hồi hả ở ngăn bên kia. Đúng 5 rưỡi, bức bình phong được mang đi, để lộ bàn tiệc trước mắt thực khách. Bàn tiệc là một cái gì vượt ra ngoài sức tưởng tượng của bọn trẻ nhà nghèo, xưa nay chúng chỉ quen với những bữa ăn đạm bạc, ít ỏi ngay trong nhà bếp. Dưới những ngọn nến lung linh đủ màu, bàn ăn

sáng rực lên với đồ bạc và pha lê, rực rỡ với những bình hoa tươi và hấp dẫn với những món ăn chỉ nhìn thôi cũng đủ làm cho ngay cả người giàu có cũng phải thèm rõ dãi. Chẳng có gì lạ khi trẻ nhà Ruggles quên phắt mất chuyện mẹ chúng là một người thuộc họ McGrill, đồng thanh phát ra những tiếng kêu thán phục của những chiếc dạ dày háu đói. Hành động của Larry mới là khiếm nhã nhất, bởi vì nó tách ra khỏi đội hình, chạy đến bên một chiếc ghế cao không phải là chỗ dành cho nó, leo tót lên như một con sóc, chăm chăm nhìn vào con gà tây, vỗ hai tay vào nhau một cách hoan hỉ rồi tì cả hai cánh tay mập mập lên bàn, kêu lên giọng phấn khởi: “Em sẽ ăn hết con gà này cơ!” Carol cười sung sướng rồi cô bé lên tiếng: “Chú Jack thân yêu, xin chú ngồi ở đầu bàn, chị Sarah Maud ngồi ở cuối bàn, mỗi bên ngồi bốn người. Mẹ cháu sẽ giúp Elfrida, thế là không có bạn nào phải tiếp thức ăn cho người bên cạnh, xin mời mọi người ăn uống tự nhiên.”

Một nhánh ô rô đặt bên cạnh mỗi một đĩa ăn, chẳng có gì phải làm ngoài việc mỗi vị khách mời lần lượt rời chỗ ngồi mang nhánh ô rô đến chỗ Carol để cô bé tự tay gài nhánh cây lên ngực áo các bạn và mỗi khi một món ăn mới được dọn lên bọn trẻ lại yêu cầu mang đến một chút cho Carol. Không khí rộn ràng, hối hả bởi vì khó mà phục vụ một bữa tiệc Giáng Sinh ở lâu ba một tòa nhà lớn; nhưng các món ăn được mang từ nhà bếp lên bằng thang dây và bọn đầy tớ vui lòng làm việc đó. Ngoài gà tây và gà hầm còn có hàng chục món ăn khác mà bọn trẻ nhà Ruggles không biết tên còn hương vị của những món đó thì bọn trẻ sẽ không bao giờ có thể quên được.

Peter hích vào người Kitty ngồi cạnh cậu, nói nhỏ: “Nhìn coi, em đã bao giờ thấy một cái gì như thế này chưa, anh cá rằng em có thể xơi nó cho đến lúc không thể ních thêm được thứ gì nữa. Trời đất, coi miếng thịt heo ngon lành mà con bé Peory đang nhét đầy vào miệng kìa!”

“Vâng”, Kitty thì thầm lại, “những chiếc khăn ăn thêu những con chữ màu đỏ này đẹp quá. Không biết có ai nữ đưa lên miệng lau không. Này Peter, anh nhìn bức tranh vẽ trên đĩa ăn này coi. Đã bao giờ anh tưởng tượng ra chưa?”

“Ài chà, em ăn cái này cơ!” Larry hí lên, bắt chắp cái cau mày của Sarah Maud. Chị đã viện ra một cái cớ đổi chỗ cho nó và để nó ngồi ngay bên cạnh mình, để lâu lâu phải giật dây cu cậu bằng cách đá nhẹ vào chân nó ở dưới gầm bàn mỗi khi cu cậu ra ngoài “nề nếp của dòng họ McGrill.”

“Tôi dám thề”, Susan thì thầm từ phía bàn ăn bên kia, “có nhiều món mà tôi chỉ dám nhìn chứ không nỡ ăn!”

“Đố em làm được điều đó đấy!” Peter nói, cậu ta có hẳn một người hầu bận rộn phục vụ bên cạnh kể từ lúc cậu ngồi xuống bàn ăn. May sao chú Jack không cần ai phải phục dịch mình và các món ăn được tiêu thụ rất lẹ dưới mũi lũ trẻ Ruggles, không một đứa trẻ nào có can đảm từ chối một món nào dọn ra cho chúng dù đến lần thứ 7. Khi Carol và chú Jack nhận ra là một con gà tây nữa sẽ khiến cho cả bọn bị bội thực thì những món chính được dọn đi và chỉ trong nháy mắt các món tráng miệng được bày ra. Khiếp, nhìn chúng thì cả một lực sĩ cũng phải lắc đầu từ chối sau một bữa ăn no nê như vậy - nhưng không phải những đứa trẻ Ruggles - bởi vì một lực sĩ không có gì giống với một đứa trẻ nghèo hấu đói. Chúng rào rào tấn công các món tráng miệng cứ như thể con gà tây vừa rồi chỉ có trong mơ và những món ăn chính ngon lành vừa nãy chỉ là ảo ảnh của một khách bộ hành đi trên sa mạc nhìn thấy một dòng suối trong veo. Nào bánh pudding nhân mận, bánh nướng nhân thịt băm, kem, hạnh nhân, nho khô và cam. Kitty chọn món kem, giải thích là nó mới chỉ nhìn thấy chứ chưa từng được ăn, và tất cả đều say sưa ních thêm không màng đến hậu quả.

“Cháu thân yêu”, chú Jack ghé tai Carol thì thầm khi đưa cho cô bé một trái cam, “chú không may may đặt câu hỏi về tính cần thiết của bữa tiệc này. Sau lần này chú thấy cháu nên tổ chức một năm hai lần hoặc bốn lần nếu cứ nhìn cái cách bọn chúng thanh toán các món ăn với một nhiệt tình đến thế. Chú tin là cháu run bắn cả người khi nhìn con bé Peoria ăn uống. Chú sẽ chạy thi với nó sau bữa ăn này.”

“Không sao ạ,” Carol cất tiếng cười, “cứ để cho họ ăn thật tình, nhìn họ ăn như vậy cháu vui lắm lắm ấy và họ sẽ đến đây thường xuyên hơn.”

Sau khi bữa tiệc tàn, lũ trẻ nhà Ruggles ngồi phưỡn bụng trên ghế, thờ ơ nặng nề. Bàn ăn lập tức được dọn đi. Một cánh cửa mở sang phòng bên cạnh và ở vị trí trung tâm là một cây thông Noel cao sừng sững sáng lấp lánh những trái hồ đào mạ vàng, những quả bóng nhỏ mạ bạc và những dải kim tuyến lấp lánh. Các món quà chủ yếu được mua bằng tiền nhuận bút của Carol và được lựa chọn rất kỹ sau một cuộc thảo luận dài giữa hai mẹ con Carol. Mỗi cô gái được tặng một cái mũ len màu xanh da trời, mỗi chàng trai có một cái khăn len móc bằng tay màu đỏ đều là những món tự tay bà Bird, Carol và Elfrida đan hoặc móc (“bởi vì nếu chỉ mua quà tặng sẽ không thể hiện tình cảm trong đó”, Carol nói). Mỗi cô gái lại được tặng một chiếc váy sọc thật đẹp một người một màu và mỗi cậu trai có một chiếc áo khoác vừa y. Đó là những món quà hữu dụng và họ cảm thấy quá thỏa mãn, nhưng Carol còn muốn tặng một cái gì đó “vì niềm vui.” “Con biết họ cần quần áo,” cô nói khi họ thảo luận về vấn đề này sau ngày lễ Tạ ơn, “nhưng trẻ con không quan tâm nhiều đến chuyện đó. Papa, cha có vui lòng tặng con một món quà lớn vào Noel năm nay không ạ? Con muốn có một món tiền để mua một vài thứ mà các bạn ấy thích, thế có được không ạ?”

“Con có thể có cả hai”, ông Bird đáp ngay tức thì, “nếu có bất cứ một điều gì mà con gái cưng của ba cần trong ngày Giáng Sinh thì ba muốn biết ngay lập tức. Hãy mua bất cứ thứ gì mà con muốn.”

“Nhưng không phải như vậy”, Carol nũng nịu, nép vào người cha, “số tiền đó không phải là của con. Như thế thì không được. Chẳng phải con đã có đủ mọi thứ rồi sao? Con không phải là đứa trẻ hạnh phúc nhất khi có chú Jack và anh Donald về chơi sao? Papa, ba là người rõ hơn ai hết rằng người ta có được hạnh phúc khi cho đi hơn là nhận mà, vậy tại sao ba không để cho con làm thế? Khi ba nhận quà trông ba không bao giờ vui, dù chỉ bằng một nửa như khi ba cho quà chúng con. Bây giờ ba phải thừa nhận đi, không thì con sẽ rất kiên quyết và không đồng ý với ba đâu.”

“Thôi được, lạy Chúa lòng lành, ba đầu hàng.”

“Vậy thì ba thân yêu, ba định cho con cái gì vào Giáng Sinh đây?”

“Một tượng Santa Claus bằng đồng; cái bụng to bự của ông ấy đúng đưa khi cười giống như một tô nước quả nấu đông và đó cũng là cái đồng hồ kỳ diệu.Ồ nếu con được nhìn thấy con sẽ không bao giờ chán đâu.”

“Ồi thật buồn cười,” Carol cười khúc khích, “Ba làm như con cần đồng hồ để thức dậy ăn sáng, hoặc đi ngủ hoặc chạy ra ga tàu hỏa ấy. Con nghĩ cái đồng hồ cũ của con cũng chạy rất tốt. Mama, mẹ cho con cái gì cơ?”

“Mẹ còn chưa quyết định. Có thể là mấy cuốn sách, một cái đê tay bằng vàng, một lọ nước hoa và một hộp nhạc.”

“Carol đáng thương,” cô bé kêu lên giọng hân hoan, “có thể không có những thứ này vì sẽ còn có nhiều quà từ chú Jack, anh Donald, anh Hugh, anh Paul, cậu Rob, cô Elsie và hàng chục người khác.”

Thế là Carol làm theo cách của cô bé, như bao giờ cũng vậy, với một cung cách thật dễ thương. Kết quả: Sarah Maud có một tuyển tập sách của Miss Alcott, Peter có một chiếc đồng hồ bằng bạc rất tốt, Cornelius một hộp đồ nghề, Clement là một con cún dễ thương thay cho con chó què, còn với Larry là con thuyền màu nhiệm của Noah. Mỗi cô gái nhỏ có một con búp bê xinh tuyệt. Bạn có thể tin là tất cả mọi người đều sướng như điên với những món quà đó và tiếng cảm ơn cất lên nhao nhao. Cả gia đình từ ông Bird đến người nấu bếp đều nói họ chưa từng thấy nhiều niềm vui như vậy trong vòng 3 giờ qua, nhưng tiệc vui nào rồi cũng có lúc tàn. Cả những ngọn nến cũng lui dần chỉ còn những đốm sáng yếu ớt và cây thông Noel bị bỏ lại chỉ còn những đồ trang trí mạ vàng. Bà Bird đưa bày trẻ xuống cầu thang sau 8 giờ rưỡi, vì bà cảm thấy Carol đã mệt. “Bây giờ thì con yêu, con cần nghỉ, con đã làm bao nhiêu việc tốt rồi”, bà mẹ nói khi mặc cho Carol chiếc áo ngủ, “mẹ sợ là ngày mai con sẽ rất mệt và sẽ là một kết thúc tồi cho một chuyện tốt đẹp đến như vậy.”

“Ồ không, thật là tuyệt phải không mẹ?” Carol thở dài nhẹ nhõm. “Từ đầu đến cuối, mọi việc đều diễn ra rất hoàn hảo. Con sẽ không bao giờ quên vẻ mặt của Larry khi bé nhìn con gà tây; hay Peter khi cậu ấy ngắm nghía cái đồng hồ, hoặc nụ cười đến là dễ thương của Kitty khi cô bé hôn lên con búp

bê, hoặc những giọt nước mắt của chị Sarah đáng thương khi chị cảm ơn con vì những quyển sách; hoặc...”

“Thôi, thôi, chúng ta sẽ không nói thêm điều gì nữa, con nhé”, bà Bird tỏ ra lo lắng, “con mệt rồi đấy Carol.”

“Con không mệt mà. Con cảm thấy thật khỏe, suốt cả ngày hôm nay, không đau một chút nào. Có lẽ tất cả những điều này đều rất tốt đối với con.”

“Có thể, mẹ hy vọng là thế. Không ồn ào, không kích động, toàn niềm vui. Bây giờ mẹ khép cửa lại và để con lại một mình nhé? Mẹ sẽ chỉ liếc vào phòng con một chút vào sáng mai coi xem con có ổn không, nhưng mẹ nghĩ con cần yên tĩnh.”

“Vâng, con vui lòng ở một mình nhưng con chưa ngủ ngay đâu. Con còn muốn nghe nhạc nữa mà.”

“Được rồi, mẹ sẽ mở cửa sổ một chút nhưng sẽ kéo màn cửa lại để con không bị lạnh.”

“Mẹ cứ để cửa chớp mở, Mama và đừng quay lại chỗ con ngay nhé. Sáng nay con thức dậy sớm, nhìn thấy một ngôi sao thật đẹp ở cửa sổ phía đông. Con chưa trông thấy ngôi sao đó bao giờ và con nghĩ đến ngôi sao phương Đông đã chỉ đường cho ba người khôn ngoan đến với Chúa Jesus. Chúc mẹ ngủ ngon, Mama. Ngày hôm nay vui quá!”

“Chúc con ngủ ngon, Bài hát mừng Giáng Sinh quý báu của mẹ - đứa trẻ Noel của Đức mẹ linh thiêng.”

“Mẹ quay đầu lại đây một chút”, Carol thì thầm gọi mẹ quay lại, “mẹ thân yêu, con nghĩ chúng ta đã kỷ niệm ngày sinh của Chúa bằng cái cách mà Người rất thích. Mẹ có nghĩ thế không?”

“Mẹ chắc chắn là như vậy”, bà mẹ âu yếm nói.

VII. CHIM NON TUNG CÁNH VỀ TRỜI

Trẻ nhà Ruggles kết thúc cuộc vui cuối cùng của chúng ở thư phòng với Paul và Hugh rồi chú Jack đưa chúng về tận nhà; chú ở lại trò chuyện với bà Ruggles một lúc, bà đã đứng chờ sẵn ngoài cửa, khuôn mặt sáng bừng lên niềm vui và hạnh phúc. Khi Kitty và Clem đưa cho mẹ cam và hạt dẻ chúng đã lấy phần về cho bà, bà đã làm chúng ngạc nhiên khi nói vào lúc 6 giờ bà Bird đã cho người mang sang biếu một bữa ăn tối ngon nhất mà bà từng được nếm, mà đâu chỉ có thế, còn có cả một miếng vải đẹp rất đắt tiền. Khi chú Jack bước ra khoảng sân nhỏ, chú quay đầu nhìn lại khung cửa sổ, ghi nhận hình ảnh cuối cùng về một gia đình hạnh phúc, bây con quây quần quanh mẹ, tranh nhau khoe với bà những món quà đẹp chưa từng thấy, rồi cùng ngược nhìn qua cửa sổ về phía tòa nhà lớn trước mặt. “Cô bé Carol sẽ dẫn đường cho chúng”, chú nghĩ, “phải... nếu như có bất cứ chuyện gì xảy ra cho Carol, mình sẽ thay bé ấp ủ bọn trẻ này dưới đôi cánh của mình.”

“Khẽ thôi chú Jack”, mấy anh em nhà Bird thì thầm khi chú Jack quay lại thư phòng. “Chúng cháu đang nghe thánh ca từ bên nhà thờ. Họ đã hát bài “Hát mừng” được một lúc rồi và bây giờ chúng cháu nghĩ người đánh đàn organ sẽ bắt đầu chơi bài “Quê hương tôi” cho Carol.”

“Tôi cũng hy vọng con bé nghe được”, “nhưng họ bắt đầu hơi trễ, tôi không dám nói với nó, chắc giờ nó đã ngủ rồi. Quá 10 giờ rồi còn gì.”

Một chú bé hát giọng nữ cao bận một chiếc áo tể màu trắng đứng trước cây đàn organ. Ánh nến chiếu sáng nước da trắng như màu men sứ, mái tóc bông lên như một vương miện, đôi mắt xanh biếc nghiêm trang và khuôn mặt non nớt của chú có vẻ xanh xao hơn ngày thường. Có một cái gì thật đặc biệt trong chất giọng có sức lay động lòng người hoặc trong những ca từ đầy xúc cảm làm lệ dâng lên trong đôi mắt bao người, cả ở nhà thờ cũng như trong ngôi nhà lớn bên cạnh.

“ Bao năm xa cách quê hương

Đời tôi mệt mỏi nắng sương dài dẫu

Sông quê người chảy về đâu

Đưa ta về chốn chôn rau một lần

Nhớ sao lời mẹ ân cần

Tiếng cười ấm áp rung ngân cha già

Tiếng chim buổi sớm ngân nga

Đàn ai thánh thót vang xa trên đường

Ngọt ngào hai tiếng quê hương

Lòng người xa xứ bốn phương không nhà ...”

Những giọt lệ đọng trong mắt mọi người nhưng không ứa ra trong mắt Carol. Trái tim thân yêu đã ngừng đập và “con chim non” trong ngôi nhà lớn đã tung cánh bay về quê hương nó. Carol đã ngủ một giấc một ngàn năm và tôi nghĩ có lẽ cuối cùng cô bé cũng nghe được lời của bài hát ấy.

*

* *

Một kết cuộc buồn cho một ngày vui! Có lẽ là đối với những người còn lại, nhưng ngay cả mẹ Carol trong nỗi đau thương mất mát cũng thấy có một niềm an ủi là đứa con gái yêu thương của bà đã ra đi trong một ngày hạnh phúc nhất trong cuộc đời ngắn ngủi của nó, thoát ra khỏi sự hãi lòng đi vào cõi bình yên vĩnh hằng. Bà lấy làm mừng khi cô bé ra đi cũng trên đôi cánh của những lời ca bay bổng làm cho thế gian này rộn rã niềm vui, cũng theo cái cách cô đã đến với cuộc đời. Carol ra đi mang theo hình ảnh những nụ cười rạng rỡ, tiếng cười hân hoan, những ý nghĩ và lời nói tốt lành trong ngày cuối cùng.

Nỗi buồn ngự trị trong ngôi nhà nhỏ ở sau vườn và một hôm Sarah Maud khốn khổ không thể chịu đựng hơn được nữa đã đội mũ và quần khăn chạy một mạch quãng đường chừng một dặm, lao lên bậc thềm lát đá hoa cương để chạy vào phòng khám của bác sĩ Bartol. Cô sụp xuống chân ông, nức nở: “Thưa ngài, chính là con và đàn em đã đến ăn bữa tiệc cuối cùng ở nhà tiểu

thư Carol... Nếu... nếu chúng con làm cho tình trạng sức khỏe của cô ấy xấu đi, thì... chúng con không bao giờ còn biết đến niềm vui nữa!” Ông bác sĩ già tốt bụng cầm lấy tay cô gái trong bàn tay thô ráp của mình và bảo cô hãy lau nước mắt. Sự thực là, ông nói, không có mảy may hy vọng là sẽ làm cho trái tim mệt mỏi của cô bé ấy hồi sinh, cô sẽ không bao giờ có thể sống đủ lâu để giữ mãi kỷ ức cuối cùng về ngày Giáng Sinh hạnh phúc với những người thân yêu.

Và thế là những năm tháng đã qua đầy những kỷ niệm và cái chết, hết người này đến người kia, rồi những năm mới đến mang hy vọng tươi sáng thay thế những đau thương mất mát; còn Carol thì bao giờ cũng sống lại cùng với tiếng chuông ngày Giáng Sinh ngân lên khơi mào cho những niềm vui trong sáng và trong mỗi bản nhạc Giáng Sinh được bày trẻ hát lên.

[1] Carol có nghĩa là bài hát mừng Giáng sinh cũng có nghĩa là tiếng chim hót véo von. Họ cô bé là Birl có nghĩa là chim

[2] Chúng tôi lược bớt một đoạn cho đỡ dài.

cây thông Noel cho ông già Noel

Daniel “Chip” Ciammaichella

Trong suốt mùa Giáng Sinh cái hành lang rộng và thường có vẻ ảm đạm của Ngân hàng Đệ Nhất Raton đã biến thành một địa điểm tuyệt vời của Giáng Sinh và ngày 24 tháng 12 này cũng không có gì khác. Những lẵng hoa và vòng hoa tết duyên dáng treo trên tường, những vật trang trí ở khu vực trung tâm được làm từ chóp thông thì đặt ở những cái bục cao. Các cô thủ quỹ và nhân viên nhà băng ai nấy đều mặc những bộ quần áo tinh nghịch của chú lùn [1], dù đàn ông vẫn bận bộ đồ vét thường ngày và thắt cà vạt. Chỉ những người trẻ tuổi mới đủ ngang tàng để thắt một chiếc nơ Giáng Sinh sắc sỡ.

Ở cuối hành lang có một cái bàn cao khoảng hơn một mét chất đầy kẹo, bánh snack, món đồ uống eggnog [2] và rượu pân đựng trong một bình pha lê khổng lồ. Một cây thông Noel cao ba thước trên mình đầy những vật trang trí rực rỡ, hoa, đèn nhấp nháy, những dải kim tuyến... đặt ở chính giữa hành lang. Dưới chân nó là hàng đống những gói quà lớn nhỏ đủ màu, đa số là những hộp rỗng, nhưng có còn là cây thông Noel nữa không nếu không có những gói quà chất ở dưới?

Ngồi trên chiếc ghế đệm lớn bên cạnh cây thông là Santa Claus... là... Charlie Wagner. Charlie cảm thấy gò bó trong bộ quần áo nóng nực của ông già Noel và bộ râu giả màu trắng cứng ngắc, nhưng anh thích đóng vai Santa Claus. Anh chưa bao giờ làm điều này trong các mùa Giáng Sinh nhưng bạn anh, Shannon, phụ trách bộ phận Giao lưu công cộng trong ngân hàng đã yêu cầu anh làm việc này... mà Shannon Smith là một người đàn bà mà anh *không bao giờ* có thể từ chối điều gì.

Đơn giản là anh tôn thờ Shannon. Đối với anh, cô chính là người đàn bà ngọt ngào nhất, xinh đẹp nhất trên đời, dù anh chưa bao giờ có can đảm để cho cô biết điều anh nghĩ. Charlie không cho là mình xứng đáng với một

người phụ nữ xuất chúng như Shannon, nên chỉ âm thầm nuôi mối tình câm. Một phụ nữ xinh đẹp, thông minh, đã leo lên những nấc thang thành đạt mà phần đẹp nhất của cuộc đời lại còn đang chờ ở phía trước, trong khi đó Charlie đánh giá mình là một kẻ thua cuộc từ lâu đã ngã khỏi cái thang trơn tuột ấy. Anh đã từng đứng trong топ dẫn đầu và là một doanh nghiệp giàu tham vọng, đạt được những thành công nhất định. Rồi người vợ đòi ly dị, nhà mất, công việc cũng xuống dốc theo, anh không còn tin vào mình nữa... anh đã trắng tay.

Trong khi ngồi yên vị trong chiếc ghế của mình với tư cách là Santa Claus, anh dõi mắt theo Shannon đang đi lại trong hành lang thực hiện nhiệm vụ của mình bởi cô thay mặt ngân hàng đứng ra tổ chức sự kiện vui vẻ này. Anh không bao giờ hết ngạc nhiên trước sự duyên dáng, vẻ đẹp và đặc biệt là nụ cười của cô, dường như nó không chỉ làm sáng cả không gian nơi cô đứng mà còn thắp sáng cả tâm hồn u buồn của anh. Charlie nhớ lại cô đề nghị trả công cho anh khi mời anh đóng vai ông già Noel cho nhà băng và đã tỏ vẻ thất vọng như thế nào khi anh từ chối. Là một con ngựa bị loại khỏi trường đua, anh không thể chấp nhận bất cứ món tiền nào, nhất là tiền từ một nhà băng. Anh biết cô chỉ muốn giúp đỡ anh, như nhiều người bạn tốt của anh đã làm khi anh rơi vào những hoàn cảnh khó khăn, nhưng nhận tiền để đóng vai ông già Noel trong ngày lễ Giáng Sinh là một cái gì có vẻ không đúng đắn.

Charlie cẩn thận sửa lại chiếc gối mà anh nhét vào bụng trước khi đứa trẻ kế tiếp nhảy vào lòng. Anh cao hơn một mét tám nhưng lại rất gầy so với ông già Noel. Mọi người đi lại quanh hành lang của ngân hàng, trò chuyện, cười đùa, ăn kẹo bánh từ chiếc bàn chốc chốc thức ăn lại được chất đầy lên.

Một vài đứa bé chạy quanh chơi đùa, còn phần lớn thì kiên nhẫn chờ đợi đến lượt mình được gặp Santa Claus và chia sẻ những mong muốn Giáng Sinh của chúng. Charlie nồng nhiệt chào từng đứa với tiếng kêu hồ hởi: “Ha, ha, ha” thỉnh thoảng làm cho những đứa trẻ nhút nhát trào nước mắt và la oai oái. Dù vậy, anh có duyên với trẻ và chỉ một lát sau cả những đứa khó

làm quen nhất cũng vui vẻ ngồi trong lòng anh, cười nói khúc khích. Lũ trẻ tươi vui vây quanh chung quanh thu hút sự quan tâm của anh, vì thế anh khẽ nhảy lên, suýt nữa làm cho một thằng bé ngã khỏi đầu gối khi Shannon đến gần anh. Cô cúi xuống, thì thầm vào tai anh:

“Santa Claus cũng cần nghỉ một chút hoặc uống một ít rượu pân chứ?”

Charlie quay lại gặp ánh mắt tuyệt đẹp của Shannon dường như đang tìm kiếm một cái gì như là cội vĩnh hằng. Anh nhìn tránh đi chỗ khác, hy vọng bộ râu xồm xoàm màu trắng che một phần khuôn mặt đỏ bừng của anh.

“Không, Shannon, tôi cảm thấy rất tuyệt”, anh nói giọng khàn khàn.

Nụ cười của Shannon làm trái tim anh đập lỗi nhịp, còn hai đầu gối thì mềm nhũn.

“Tôi muốn đến cảm ơn anh đã làm việc này cho tôi... cho chúng tôi, Charlie ạ. Tôi thật sự cảm kích. Tôi chịu không nghĩ ra được bất cứ ai phù hợp với Santa Claus hơn anh.”

Charlie lại đỏ mặt, không biết phải nói gì. Tự anh đã thấy mọi việc thật tức cười, trong khi nàng dễ dàng nói chuyện thì lưỡi của anh như dính vào vòm miệng, không sao phát ra được tiếng nào.

“Bất cứ lúc nào cô cần đến một Santa Claus, cô có thể tính đến tôi”, cuối cùng anh cũng thốt lên thành lời.

Suýt nữa thì anh té xỉu khi cô hôn nhẹ lên mũi của ông già Noel và bỏ đi. Anh cúi xuống đặt thằng bé trên lòng xuống đất làm nó kêu lên ngạc nhiên, rồi nhảy lên hờn dỗi và trách anh: “Này Santa, ông cần phải tập trung vào bọn trẻ và công việc chứ... Cháu nghĩ ông đã cưới một bà già nào đó ở Bắc Cực, phải vậy không?”

Màu đỏ trên mặt Charlie đậm đến nỗi cả người lớn lẫn trẻ con đều phì cười. Anh cũng không chắc là họ cười anh hay cười câu nhận xét không được mong đợi từ miệng một thằng nhóc con như vậy. Dù sao, anh cũng nhanh chóng lấy lại bình tĩnh, một câu trả lời hóm hỉnh chực bật ra ngay tức

thì nhưng anh kịp kìm lại khi nghĩ rằng một Santa Claus không nên nói một điều như thế.

Charlie không hề biết rằng Shannon đã quay lại đứng cách đây không xa, lặng lẽ quan sát anh với ánh mắt đắm chiêu. Cô biết anh rất si mê cô. Đó là một điều mà anh không giấu được. Ý nghĩ đó vừa làm cô cảm thấy khó chịu vừa khiến cô tự hào. Họ chưa bao giờ là những người bạn gần gũi và hiếm khi đi ra ngoài làm những công việc mà cả hai cùng có liên quan. Shannon biết rằng bao giờ cô cũng có thể trông cậy vào sự giúp đỡ của anh khi có một công việc nào đó cần đến năng lực và kinh nghiệm của anh; và cô bao giờ cũng đền đáp lại bằng cách đem đến cho anh một vài công việc thời vụ. Những khi anh làm việc cho nhà băng, anh không bao giờ không ghé qua văn phòng cô, chỉ để trò chuyện một chút, bao giờ cũng là những cuộc nói chuyện tươi vui, hóm hỉnh bao gồm đủ loại đề tài từ bông lơn đến nghiêm túc, chúng làm cho anh thoát khỏi tâm trạng ủ ê, chán nản của một kẻ ngã ngựa.

Tuy vậy đối với cô, bao giờ anh cũng tỏ thái độ kính trọng, ân cần và bằng một cách nào đó cô biết rằng đây mới là một Charlie thật sự.

Shannon chưa bao giờ nghĩ đến chuyện có một mối quan hệ với một người đàn ông khác từ khi cô ly dị và có một mối quan hệ chẳng ra gì ngay sau đó. Con cái và sự nghiệp là những điều quan trọng nhất đối với cô, và trong khi cô vẫn cảm thấy thiếu một người đàn ông chia sẻ cuộc đời mình, cô lại không muốn dính vào những hệ lụy đau khổ bao giờ cũng đi kèm. Cô cảm thấy thoải mái khi ở bên cạnh Charlie... thậm chí còn an toàn nữa, nhưng bao giờ cũng cẩn thận không đưa ra bất cứ một dấu hiệu nào có thể khuyến khích anh đi xa hơn. Còn anh chỉ có những nỗ lực, tự kiềm chế cho biết anh có quan tâm tới cô, bằng những lãng hoa và thiệp thỉnh thoảng gửi đến cho cô. Bao giờ Shannon cũng cảm ơn anh, nhưng cố không lộ cho anh biết những món quà ấy đã làm cô sung sướng và tự hào.

Giờ đây trong khi quan sát anh đã mang niềm vui đến trong đôi mắt mỗi đứa trẻ con như thế nào, Shannon không khỏi cảm thấy tự hào. Trong mấy

năm qua, cuộc đời đã giáng xuống đầu anh nhiều đòn chí mạng, một người đàn ông yếu đuối hơn hẳn đã chìm mình trong chai rượu... nhưng Charlie thì không. Mặc cho bao nhiêu những khó khăn, trở ngại anh không bao giờ thôi chiến đấu để lại đứng lên chống trả với nghịch cảnh và điều quan trọng hơn, không bao giờ thôi giúp đỡ người khác như anh đang làm vào lúc này. Cô nhớ lại cái nhìn kiêu hãnh trong đôi mắt anh, lẫn át cả nỗi đau và nỗi buồn cô vẫn thường thấy phảng phất trong đó, khi anh từ chối món tiền công cho việc đóng vai ông già Noel tối nay. Dù rất muốn giúp đỡ anh, cô cũng chẳng làm được gì nhiều ngoài việc tôn trọng ý muốn của anh. Ước gì cô có thể thường xuyên nhìn thấy ngọn lửa ấy trong mắt anh.

Nhưng khi Charlie liếc nhìn cô, nhận thấy cô đang quan sát anh và quay đi thật nhanh thì màu đỏ trên mặt anh đậm hơn dưới bộ râu giả bạc trắng. Shannon không thể không khúc khích cười thầm khi quay lại nhiệm vụ của mình, “vào những lúc như thế này, nom anh ấy dễ thương lạ.”

*

* *

Trời tối dần và đám trẻ vây quanh Charlie cũng thưa dần. Một lúc sau chỉ còn lại một mình anh. Một vài đứa trẻ vẫn còn ở lại hành lang đã gặp anh rồi, giờ đây chúng đang khoan khoái ăn bánh kẹo, thưởng thức rượu pân ở bàn Giáng Sinh. Charlie đứng lên, duỗi dài chân tay, giữ bộ râu thật cẩn thận trong khi ngáp. Anh quay ra quan sát những người còn lại, tìm kiếm Shannon. Anh thích ngắm nhìn cô trong khi cô làm việc. Cô bao giờ cũng thân thiện và gần gũi, tặng mọi người nụ cười rạng rỡ của mình và làm cho họ có cảm giác họ được chào đón nồng nhiệt. Một nụ cười như tỏa nắng như vậy thì ngay cả một hoa hậu thế giới cũng không có được. Và quả thật cứ theo cách đánh giá của anh thì đó là nụ cười đẹp nhất trên đời.

Charlie để đầu óc mình mơ mộng mất một lúc trong khi quan sát Shannon, chợt có ai kéo nhẹ vào tay áo anh kéo anh về với mặt đất. Cúi xuống, anh thấy một cô bé với đôi mắt nâu to nhất mà anh từng thấy đang ngược nhìn anh, ngáp ngừng, nhưng không có vẻ gì là sợ hãi.

“Ông có thực sự là ông già Noel không?” Cô bé thì thầm hỏi, khắp khởi hy vọng.

Charlie cười lớn, tiếng cười ấm áp của ông già Noel và quỳ một gối xuống đất.

“Thật đấy... ông... ông đoán tên cháu là... Mary?”

“Không ạ.”

“VẬY Jennifer?”

“Hồng phải.”

“Crystal?”

“Sai nữa rồi ông già Santa.”

Charlie vuốt râu suy nghĩ.

“Oscar?”

Cô bé cười ngật nghẻo và lắc đầu quầy quậy.

“Thôi được rồi cháu yêu, ông già Noel đã già quá mất rồi... hãy giúp ông ấy đi.”

Cô bé lại cười như nắc nẻ, rồi ghé tai thì thầm. “Wendy Garcia.”

“Wendy! Ông biết rồi.”

Cô bé Wendy lại cười một hồi lâu, đoạn đôi mắt to trở nên nghiêm trang: “Cháu có thể ngồi lên lòng ông không?”

Charlie cười vui vẻ, ngồi xuống ghế của mình và vỗ vỗ lên đầu gối “Xin mời hãy trèo lên đây thưa tiểu thư Wendy Garcia!” Anh giúp cô bé ngồi lên đầu gối mình và đợi cho cô bé ngồi một cách thoải mái mới hỏi: “Santa có thể làm gì cho cháu đây, Wendy?”

“Vâng, cháu sẽ hỏi xin ông một thứ.”

“Cứ nói đi. Santa có thể làm gì cho cháu nào?”

“Một cây thông Noel”, cô bé nói với vẻ giản dị nhất trần đời.

“Cây thông Noel à?”

“Vâng, một cây thông Noel nhưng không lớn như cây này.”

Charlie im lặng một lát, vuốt râu suy nghĩ.

“Vậy năm nay cha mẹ cháu không làm cho cháu một cây thông ư?”

“Cháu không có cha, mẹ thì đang ở Hollywood để mẹ có thể trở thành ngôi sao nên không về nhà vào ngày Giáng Sinh. Cháu sống với ông bà ngoại.” Cô bé chỉ tay qua hành lang.

Charlie nhìn theo ngón tay cô bé, thấy một cặp vợ chồng già ngồi ở bàn đối diện với văn phòng cho vay. Ông già bận một cái áo vải pha len cũ kỹ, bạc màu, một cái quần jean xanh và một cái nón rơm dùm dó. Một khuôn mặt héo úa đầy những dấu vết của những năm dài thất vọng chồng lên thất vọng. Vợ ông là một bà già phốp pháp có vẻ hiền từ, mặc một cái váy đơn giản trong nhà và quàng một cái khăn đan bằng tay cũ kỹ. Ông già bồn chồn bặt bặt ngón tay trong khi một nhân viên ở phòng cho vay đang nói chuyện điện thoại.

Charlie quay lại nhìn cô bé.

“Ông bà cháu có vẻ là những người rất tốt bụng Wendy à, và ông chắc mẹ cháu nhớ cháu nhiều lắm. Cứ nghĩ coi, một ngày nào đó mẹ cháu sẽ là một minh tinh điện ảnh nổi tiếng, hai người sống trong một tòa nhà lớn ở Beverly Hills... ngay bên cạnh nhà Harrison Ford!”

Đôi mắt Wendy sáng lên một chút.

“Phải, như thế không tuyệt sao?”

Nhưng cô bé lại nhìn anh vẻ bối rối.

“Nhưng cháu không nghĩ cháu muốn sống bên cạnh một bãi đậu xe.” [3]

Cô bé nháy nháy mắt nhìn Charlie khi họ nhìn nhau rồi nó ôm choàng lấy Charlie.

“Không phải đâu cháu yêu”, anh cười. “Thôi được, bây giờ ta nói chuyện về cây thông Noel nhé? Năm nay ông bà cháu không mua cho cháu một cây ư?”

Wendy thở dài.

“Chúng cháu không bao giờ có cây thông Noel, ông ngoại bảo không có chỗ trưng bày. Đó là lý do tại sao cháu chỉ thích một cây thật nhỏ để trong phòng riêng của cháu.”

Nó im lặng một lúc rồi thì thầm: “Ông có thể giữ bí mật không?”

Khuôn mặt Charlie trở nên nghiêm trang, anh trở một ngón tay vào ngực.

“Santa không bao giờ mách lẻo bé cưng à. Bí mật của cháu sẽ an toàn ở đây.”

Wendy nhìn anh một lúc, rồi với một vẻ yên tâm thoải mái nó thì thầm.

“Ông bà ngoại cháu không có nhiều tiền. Họ không biết là cháu đã nghe lỏm được chuyện này đâu. Họ đến đây vay tiền để có thể mua quà Giáng Sinh cho cháu đấy. Cháu không cần cái gì hết nhưng cháu không muốn làm ông bà buồn. Cơ mà dù sao thì Giáng Sinh cũng không phải là chuyện quà cáp, đó là về Chúa Jesus đấy chứ, phải thế không Santa?”

Charlie nhìn vào đôi mắt nâu to tròn của bé Wendy một lúc. Anh chỉ muốn ôm cô bé này vào ngực mình. Sau khi nghe bao nhiêu đứa trẻ khác chỉ đòi hỏi những món quà đắt tiền, trái tim anh ấm áp trở lại khi nghe thiên thần bé nhỏ này nói về ý nghĩa đích thực của ngày Giáng Sinh.

“Phải Wendy ạ, cháu đúng 100%. Cháu quá thông minh đối với một cô bé. Vậy là cháu chưa bao giờ có một cây thông Noel?”

“Chưa ạ.”

Charlie vuốt râu một lần nữa, chìm đắm trong những suy nghĩ gay go.

“Vậy là mình lại để cho mình vướng vào những chuyện chẳng có liên quan gì đến mình. Nhưng mà hôm nay là Giáng Sinh. Họ sẽ làm gì mình

đây, gọt đầu mình và gửi mình đi Bosnia ư?”

Một cái giạt nhẹ vào bộ râu giả làm cho Charlie quay lại với Wendy.

“Cháu không muốn tỏ ra tham lam Santa à, nhưng hình như ông ngoại có vẻ sắp về nhà rồi. Ông có nghĩ là ông có thể ném một cây thông nhỏ lên cổ xe trượt của ông để mang đến cho cháu tối nay không? Cháu không đòi hỏi bất cứ một thứ gì khác, cháu bao giờ cũng chỉ mơ có một cây thông Noel như những người khác thôi.”

Charlie mỉm cười, nhưng trước khi anh có thể nói được điều gì anh nhận thấy đôi vợ chồng già đã rời khỏi bàn của nhân viên vay tiền và đi ra, vẻ đau buồn và thất vọng không thể giấu đi đâu được. Anh bế cô bé Wendy lên rồi đặt xuống sàn.

“Được rồi Wendy, cháu sẽ có cây thông của cháu. Ông xin hứa. Thật ra thì nếu cháu cho phép, ông sẽ thực hiện điều ước của cháu ngay bây giờ.”

Wendy đứng nhìn theo trong khi Charlie nhanh nhẹn đi qua hàng lang bước vào phòng vay tiền. Một nhân viên là Bob ngẩng đầu lên, có phần nào ngạc nhiên khi thấy Santa Claus cúi xuống bàn làm việc của mình, bộ râu giả chạm vào cả màn hình vi tính.

“Tôi có thể làm gì cho anh, Charlie... hay tôi có thể gọi là ông già Noel không?”

Charlie bỏ qua cái giọng xác xược đó.

“Này Bob, hãy cho tôi biết, cặp vợ chồng già kia có được vay tiền không?”

Bob lắc đầu: “Không. Thu nhập duy nhất của họ là từ Sở An sinh xã hội, mà họ còn nợ tiền quá nhiều.”

“Họ muốn vay bao nhiêu?”

Bob cười khẩy: “100 đô. Chúng tôi không cho vay một món tiền nhỏ như vậy.”

Máu sôi lên trong người Charlie, anh cúi xuống bàn thấp đến nỗi mắt anh và mắt người nhân viên nằm trên một đường thẳng. Bob không thích cái nhìn trong đôi mắt ấy, anh ta còn không thích cái giọng gầm gừ của Charlie hơn nữa.

“Anh muốn bảo cho tôi biết là anh đã từ chối cho vay một món tiền nhỏ mọn như thế vào ngày hôm nay?” Charlie để cho Bob chín như dưới cái lườm của anh rồi tiếp tục. “Này nghe đây, anh bao giờ cũng là một thằng ngu, nhưng tôi không bao giờ lại có thể nghĩ anh là một kẻ tàn nhẫn như thế. Một ông lớn như anh lại không thể bỏ tiền túi của mình ra cho những người đáng thương ấy vay hay sao? Anh ném ra bao nhiêu tiền qua cửa sổ cho một giờ vui vẻ vậy?”

Khi Charlie đứng thẳng người lên và quay mặt đi vì khinh bỉ, Bob đã lấy lại can đảm, rít lên: “Có thể đó là lý do tại sao tao có tiền còn mày thì không, đồ thất bại thảm hại.”

Charlie quay qua nhìn Bob, đôi mắt long lên dữ dội. Anh phải đấu tranh với cái thôi thúc muốn xông đến, thộp cổ Bob bóp cho đến chết. Charlie vẫn biết là việc Santa đánh một ai đó dù cho đó là một đồ cặn bã cũng là một điều không chấp nhận được. Charlie thay đổi chiến thuật, đôi mắt anh dịu lại.

“Được thôi, Bob, anh đang làm việc của anh, tôi hiểu. Ông già kia chắc đã làm rộn anh khi muốn vay món tiền đó. Chúng ta hãy giết con mèo này theo cách khác. Thế nào, anh có thể đưa cho họ 100 đô mà anh nợ tôi khi đóng vai Santa không? Tôi biết tôi còn phải làm thêm một tiếng nữa, nhưng có sao, có thể trả cho tôi ngay bây giờ không?”

Charlie nhìn Bob với cái vẻ của một nhân viên tiếp thị bán xe cũ khéo léo nhất. Bob bắt đầu xiêu lòng... rồi ghìim lại và cười vào mặt Charlie.

“Này anh bạn, anh đã đồng ý làm miễn phí. Tôi đâu có mới được sinh ra ngày hôm qua đâu. Không được, thỏa thuận là thỏa thuận, chúng tôi không nợ anh một xu.”

Charlie lau bầu một tiếng trong cổ, rồi nhăn răng cười với Bob, vẻ ngây thơ nhất trên đời.

“Phải, anh không hề phạm lỗi trong khi cố gắng làm một anh chàng Bob. Tôi đoán anh quá thông minh đối với tôi. Thế, anh có thể cho tôi vay 100 đô không?”

Bob bật cười. “Xin lỗi Charlie, chắc chắn là anh còn gặp nhiều khó khăn hơn những cụ khố đấy. Tôi đoán anh không có hơn 1 đô trong túi, phải không?”

Charlie nhìn Bob vẻ tự tin.

“Anh sai rồi Bob: Có thể tôi không có lấy 100 đô nhưng tôi có nhiều hơn 1 đô.” Đúng ra trong người anh có 1 đô và 12 xen.

Charlie nhìn cặp vợ chồng già đi ra cửa, ra dấu cho Wendy đi theo. Đầu óc anh tính toán rất nhanh, rồi một dự tính khả thi xuất hiện trong đầu. Anh quay lại, nhìn Bob một cái nhìn thân thiện nhất.

“Tôi sẽ thỏa thuận với anh sau, cứ đợi đấy.” Charlie quay người chạy ngang qua hành lang. Không chỉ Shannon là người duy nhất lộ vẻ ngạc nhiên khi thấy Santa bất thành linh muốn chạy đua với OJ Simpson khi Charlie nhảy qua một cái ghế lao bổ về phía cô.

“Charlie, anh đang làm gì vậy?” Cô hỏi khi anh đứng trước mặt cô thở hổn hển.

“Shannon, tôi không thể giải thích ngay lúc này được. Không có thời gian. Cô có thể giúp tôi không?”

Shannon nhìn anh từ đầu đến chân trước khi gật đầu.

“Tất nhiên nếu việc ấy trong tầm tay.”

“Cô có nhìn thấy ông bà già và cô bé xinh xắn đang đi ra cửa không? Tôi muốn cô chặn họ lại, giữ chân họ cho đến khi tôi quay lại.”

“Quay lại? Mà anh đi đâu vậy?”

“Tôi cần chạy gấp về nhà lấy một món. Tôi hứa sẽ giải thích sau. Tôi muốn cô làm ơn cho tôi một lần nữa... cho tôi mượn 100 đô, được không?”

Trước khi Shannon có thể nói được điều gì anh đã quay đi, chạy về phía cánh cửa trước khi cặp vợ chồng già đi đến nơi.

“Ông bà chờ một chút. Hai người chưa thể rời khỏi đây. Ông bà có thấy người phụ nữ xinh đẹp đứng đằng kia không? Cô ấy muốn nói chuyện với ông bà. Tôi nghĩ ông bà thắng được một cái giải gì đó.”

Không để cho họ kịp nói gì, anh nháy mắt với Wendy và chạy ra ngoài, để lại hai người già ngơ ngác nhìn theo anh, bối rối trong khi Shannon bước lại gần chào hỏi họ, cũng bối rối không kém.

*

* *

Từ một điểm nhìn thuận lợi trong căn phòng có những ô cửa sổ rộng, giám đốc ngân hàng Frank Talbot nhìn thấy Santa Claus chạy như điên ra khỏi tòa nhà.

“Mẹ kiếp, đó là Charlie”, ông thốt lên suy nghĩ của mình. “Biết ngay mà, lẽ ra không nên để cho cái gã hãm tài đó đóng vai Santa Claus. Thằng ngốc này chẳng làm được cái quái gì ngoài việc làm cho mình đau ở nơi cổ từ ngày mình biết hãm. Có lẽ phải xuống dưới nhà xem có chuyện gì xảy ra trước khi gọi cho cảnh sát. Tốt nhất là cứ lặng lẽ mà tìm hiểu. Mình bỏ tiền ra cho cái màn chó - và - ngựa non này là để tạo một ấn tượng tốt chứ không phải để gây ra một vụ ầm ĩ. Hy vọng thằng khùng này không quay lại với một khẩu Uzi và phá hỏng ngày Giáng Sinh của mình.”

Nhưng trong lúc đi xuống cầu thang rải thảm dành riêng cho mình, ông ta nghĩ: “Có lẽ tốt hơn là cứ gọi cho cảnh sát?”

*

* *

Charlie thở cả ra đằng tai sau khi chạy qua ba khối nhà về căn nhà nhỏ của anh, - cả một đoạn đường dốc. Bộ râu chỉ còn dính một nửa trên mặt và bộ quần áo màu đỏ ướt đầm mồ hôi. Anh mở tung cánh cửa và dừng lại, nhìn thấy ngay cái vật cần tìm. Anh bước nhanh đến một cái tủ cầm lên một cây thông giả cao chừng 30 phân, cẩn thận để không làm rơi những vật trang trí mà anh đã mắc lên đó. Thậm chí anh còn không kịp khóa cửa mà ba chân bốn cẳng chạy trong ánh chiều chạng vạng, cẩn thận nâng niu cây thông giả trong lúc rời ngọn đồi bay về phía ngân hàng.

*

* *

Shannon biết sắp của cô chắc chắn đã quan sát tất cả mọi thứ từ căn cứ của mình. Không bao giờ ông ta bỏ qua điều gì, cũng như một con diều hâu nhìn mồi.

Cô cố tỏ vẻ bình thản khi ông đi ngang qua hàng lang về phía cô với vẻ lạnh như tiền của một ông lớn. Cô thầm hy vọng Charlie sẽ quay lại ngay với một câu chuyện vui nhộn nào đó.

“Cô Smith, cái tay Michael ấy chạy biến đi đâu vậy?”

Shannon ghét cái giọng bề trên của một người cha ưa mắng mỏ mà ông ta bao giờ cũng dùng để nói với cô. Cô biết ông chỉ coi cô là một con bé xinh đẹp ngốc nghếch và thuê cô làm việc chỉ vì cái mã bên ngoài của cô. Shannon không để tâm. Cô làm việc tốt và ai cũng biết điều đó. Cô không cần sự đánh giá của ông, chỉ cần những tấm séc ông ký trả lương cho cô, vì thế cô cố làm công việc của mình thật tốt và cứ để ông muốn nghĩ gì thì nghĩ.

“Thưa ông Talbot, có việc gấp nên Charlie phải chạy đi nhưng tôi chắc anh ấy sẽ mau chóng quay lại.”

Nhưng đúng lúc đó, Bob đã ghé vào tai ông ta thì thầm điều gì đó. Đôi mắt Talbot mở to khi ông ta nghe lời thì thào này.

“Gọi 911 ngay”, ông giám đốc chỉ thị trước khi quay về phía Shannon.

“Cô Smith, Bob nói Charlie đã cố gắng moi tiền trong ngân hàng và đã nổi điên lên khi Bob gọi anh ta là đồ bịp bợm.”

“Thưa ông Talbot, tôi không nghĩ Charlie...”

“Không có thời gian thảo luận về chuyện này đâu. Tôi nghĩ Charlie quay về nhà lấy súng và đến đây cướp nhà băng của chúng ta. Cô cũng biết rõ như tôi là những người rơi vào cảnh cùng quẫn như Charlie dễ dàng ở vào trạng thái tuyệt vọng, tự tử hoặc bạo loạn vào dịp Giáng Sinh. Tôi muốn cô bắt đầu sơ tán ngay tất cả khách hàng ra khỏi khu vực này. Bob sẽ gọi cảnh sát ngay bây giờ. Với một chút may mắn họ sẽ tóm cổ hắn trước khi hắn kịp giờ trò.”

Shannon toan mở miệng phản đối, nhưng Talbot đã quay đi, chột mắt ông ta bắt gặp hình ảnh Wendy và ông bà nó đang ngồi đợi trên ghế.

“Xin lỗi quý khách, bây giờ đã đến giờ đóng cửa. Hôm nay là ngày 24, chúng tôi muốn nhân viên được về sớm, vui Noel cùng gia đình. Cảm ơn quý vị đã đến với chúng tôi. Chúc Giáng Sinh vui vẻ.”

Shannon không biết phải làm gì khi Talbot xua gia đình Garcia ra cửa. Chợt cánh cửa bật mở, cô thầm hy vọng rồi lại thất vọng khi thấy không phải là Charlie mà là cảnh sát trưởng Stan Sandoval và hai thành viên của đội đặc nhiệm chạy ào qua cửa. Mặc dù đang rất lo lắng, cô không khỏi bật cười khi thấy vẻ mặt nghiêm trọng của họ. Tiếng cười nhỏ biến thành một tràng cười khi ngay sau đó, Charlie thản nhiên đi vào, không được ai nhận ra trừ cô, đang cầm trên tay một cây thông nhỏ. Anh đi thẳng đến chỗ cảnh sát trưởng, vẫn không phát hiện ra điều gì trong khi những người trong cuộc trao đổi với nhau những cái nhìn đầy ẩn ý. Anh vỗ lên vai ông cảnh sát trưởng.

“Có gì vậy, Stan? Có ai đến cướp nhà băng à?”

“Còn chưa Charlie... Charlie!”

Mọi cặp mắt đổ dồn về phía Charlie. Mặt Talbot trắng bệch và ông ta suýt té xỉu khi một người trong đội đặc nhiệm chĩa khẩu súng M16 vào Charlie và hét lên:

“Đứng im, bỏ cái đồ rác rưởi kia xuống.”

Charlie liếc nhìn anh ta rồi quay qua cảnh sát trưởng.

“Ông nghĩ ông có thể cho lính của ông truy lùng cướp ở đây à, Stan? Bộ anh ta nghĩ tôi giấu súng trong cây thông Noel này hay là anh ta có chuyện gì với ông già Noel vậy?”

Cảnh sát trưởng có một cái vẻ vừa khôì hài vừa bi thiết khi quay qua viên cảnh sát trẻ.

“Carl, bỏ khẩu súng chết tiệt của anh xuống. Anh không đủ thông minh để hiểu rằng tôi chưa bao giờ cho anh bất cứ viên đạn nào để nạp vào súng.”

Ông quay qua Charlie, hấp háy mắt: “Bọn trẻ thật là...”

Charlie chỉ cười, mặt anh tươi hơn hớn:

“Có chuyện gì ở đây vậy? Tại sao tất cả lại trang bị súng ống ghê thế?”

Sandoval nhìn Charlie nghiêm giọng:

“Ông Talbot báo rằng ông giận điên người, bỏ chạy khỏi đây, đe dọa rằng sẽ mang súng đến giết tất cả mọi người.”

Charlie nở ra một trận cười sáng khoái, hồn nhiên đúng cái tiếng cười của một ông già Noel, đoạn nhìn vào Talbot, ông này vẫn khoác một vẻ mặt kinh hoàng.

“Chào Frank! Buồn cười thật, tôi không nhớ ra là ông đã ở đây với bầy bồ câu chúng tôi suốt ngày đấy. Để tôi nói chuyện riêng với ông. Mà ông moi đâu ra cái ý nghĩ ngu xuẩn ấy? Tôi chỉ chạy về nhà để lấy cây thông Noel này. Tôi xin hứa nó không làm hại gì ông đâu, trừ phi ông bị dị ứng

với những cây giả bằng nhựa! Có ai đó pha rượu mạnh vào món eggnog chẳng? Trông ông không được khỏe.”

Talbot liếc nhìn Charlie:

“Tôi không nghĩ ra chuyện đó đâu. Chả là tôi có được những thông tin sai lạc từ một nhân viên không xứng đáng từng làm việc với tôi... Bob!”

Bob xẹp như quả bóng xì hơi khi mọi cặp mắt quay lại nhìn anh ta. Talbot đã lấy lại được tự chủ:

“Anh bị đuổi việc.”

Bob đổ sụp người xuống một cái ghế, hoàn toàn điếng người trước tai họa bất thần đổ xuống đầu. Charlie nhìn anh ta, nháy mắt.

“Chúc Giáng Sinh vui vẻ, Bob. Thật may là anh đã không cho tôi mượn tiền, có vẻ như anh cần đến số tiền đó.”

Bob tảng lờ lời nhận xét đó vì anh ta vẫn choáng váng trước sự kiện này. Cảnh sát trưởng nhìn quanh phòng, ra hiệu cho quân của ông.

“À phải rồi, xem ra không có việc gì cho chúng tôi ở đây nữa. Carl và Kevin, các cậu có thể về nhà, hãy giơ súng lên cao quá đầu để chúng không thể làm hại ai. Tôi xin hứa là các cậu sẽ được chơi trò commando ngay thôi. À mà này, số kẹo bánh đằng kia nom có vẻ giống hàng lậu quá... Dù sao tôi cũng muốn ném thử xem sao.”

“Tôi nghĩ tôi sẽ đi cùng ông, cảnh sát trưởng ạ.” Talbot lên tiếng, cầm tay cảnh sát trưởng dẫn ông ta đến bàn tiệc, nói chuyện với ông ta một cách hào hứng như một đứa con lưu lạc lâu ngày bây giờ mới trở về nhà.

“... Tôi đã nói với ông là công việc ở chỗ các ông suôn sẻ...”

Shannon bước đến gần Charlie, đôi mắt đẹp của cô long lanh những giọt nước mắt vì trận cười trước những sự cố khôi hài trên. Anh tránh không nhìn cô trong lúc cô đứng trước mặt anh với nụ cười bất tuyệt trên môi. Cô nâng cằm anh lên, nhìn anh với ánh mắt vui cười.

“Sao thế anh chàng cao bồi, anh vẫn chưa nói cho tôi biết về tất cả mọi chuyện. Nhưng anh chạy về nhà lấy cây thông xinh xắn rẻ tiền này làm gì vậy?”

Charlie cười một cách ngượng ngùng, nhưng trước khi anh tìm ra lời để nói thì đã có một giọng trong trẻo vang lên.

“Để cho cháu đấy.”

Hai người nhìn xuống, trông thấy cô bé Wendy, đang say sưa nhìn cây thông trên tay Charlie, đôi mắt mở to vì thích thú.

Lúc này Charlie mới dám nhìn vào mắt Shannon, và cô có thể thấy đôi mắt anh cũng mờ lệ, đó là chưa kể đến nụ cười - con - mèo - ăn - con - chim - bạch - yến của anh.

“Con bé chưa bao giờ có một cây thông Noel, nó chỉ mong có một cây thôi. Tôi nghĩ rằng cái này là thích hợp với nó. Ông bà nó không có tiền mua quà Giáng Sinh cho nó, còn nhà băng của cô lại không cho họ vay tiền dù là chỉ 100 đô. Tôi không chắc mình có đủ 100 đô, nhưng tôi có cái cây này. Tôi không thể để cho cô bé này về nhà tay trắng.”

“Và anh muốn vay tôi 100 đô... để cho họ?”

“Phải”, Charlie nói, mặt đỏ lên vì xấu hổ, “Tôi sẽ trả lại cho cô, cô cũng biết là tôi sẽ trả mà.”

Shannon im lặng một lúc, rồi nhìn anh một cách nghiêm nghị.

“Không được đâu, Charlie ạ.”

“Không ư?”

“Không, tôi không cho anh vay tiền đâu.” cái vẻ nghiêm trang của cô biến thành một nụ cười nghịch ngợm nhất trên đời, “Tôi sẽ tặng họ như một món quà Giáng Sinh của tôi.”

Charlie đứng im như phỗng. Trước khi anh có thể thốt lên một lời, Shannon đã kiễng chân lên, hôn nhẹ lên má anh, rồi bước đến chỗ ông bà

Garcia. Hai người già nhìn nhau, vẫn chưa hết thắc mắc về cái cảnh điên rồ diễn ra trong ngân hàng này.

Charlie thở dài, quỳ xuống bên cạnh Wendy.

“Cháu yêu, cây thông Noel này... có được không?”

“Ôi, Santa, đó là cái cây đẹp nhất mà cháu từng thấy đấy. Đẹp hết chỗ chê.”

Charlie mỉm cười:

“Cháu yêu quý, ta phải nói cho cháu biết, ta không phải là ông già Noel đâu.”

Wendy mỉm cười vui vẻ rồi nó ôm Charlie thật chặt, hôn lên bộ râu rối bời, xộc xệch của anh rồi thì thầm. “Không: ông đúng là ông già Noel thật.”

Trái tim Charlie tràn ngập một xúc cảm ấm áp. Anh ôm cô bé vào lòng và chúc cô bé một Giáng Sinh vui vẻ.

“Bây giờ thì Santa phải đi làm nhiệm vụ của mình. Cháu không muốn ta đến trễ phải không?”

Wendy nhìn anh vẻ buồn bã nhưng vẫn mỉm cười.

“Ông không cần phải đến nhà cháu nữa. Ông đã cho cháu món quà Giáng Sinh đẹp nhất mà cháu từng có. Cháu yêu ông lắm, Santa.”

Charlie mỉm cười, cố hết sức để ghìm lại những giọt lệ mọng lên trong mắt anh, rồi quay lưng đi ra cửa.

Shannon đang bận rộn thuyết phục ông bà Garcia chấp nhận tờ giấy bạc 100 đô, không nhận ra là anh đã ra khỏi cửa lững thững bước vào bóng đêm mát lạnh ở Raton.

*

* *

Khi Charlie về đến nhà, anh nhận ra anh đã để cửa mở toang. “Với một ngôi sao “may mắn” đang chiếu, chắc mình sẽ bị trấn lột bây giờ quá.”

Anh nhanh chóng xua đuổi ý nghĩ ngớ ngẩn này đi. Không có nhiều kẻ trộm trong một thành phố như Raton và nhiều nhà không thêm khóa cửa. Anh cũng nhận ra là con chó của anh, Jake, vẫn nằm yên lặng ở sân sau. Nó sẽ sủa kịch liệt như bắn súng nếu có ai ở trong nhà.

Charlie bước vào dò dẫm tìm công tắc bật đèn. Khi đèn sáng lên anh vừa dợm bước ra cửa sau để cho con Jake vào nhà thì anh đã đứng chôn chân tại chỗ. Sau đó anh lùi lại, tắt đèn đi, xoa mắt trong bóng tối một lúc trước khi bật đèn lên lần nữa. Anh nghĩ có thể lần trước do mình hoa mắt, nhưng không phải.

Ở góc phòng khách sừng sững một cây thông cao gần 2 mét trang hoàng rất đẹp với đầy đủ lệ bộ, trên ngọn có một thiên thần mặc áo lụa. Charlie bước lại gần, chẳng hiểu ra làm sao cả. Anh nhìn thấy một lá thư gài trên một cành cây. Anh gỡ lá thư ra và đọc.

“Mọi người thường hỏi tôi, sao tôi có thể có mặt ở khắp mọi nơi cùng một lúc vào đêm Giáng Sinh. Tôi chỉ cười với họ và nháy mắt, nhưng sự thật thì chính là có những người như anh. Charlie, anh là một Santa Claus “thật sự” đấy. Giáng Sinh vui vẻ! Kris Kringle.”

Charlie đọc lại mẫu giấy hàng chục lần, lắc đầu với một tiếng cười kìm nén, rồi ra mở cửa sau cho con chó vào.

“Cảm ơn ông, Santa.” Anh thì thầm.

*

* *

Jake, một con chó giống Labrador to lớn, lông đen nhánh nằm cuộn tròn dưới chân Charlie, bây giờ thì nó hài lòng chìm trong giấc ngủ khi ông chủ duy nhất trong đời nó đang ở nhà. Charlie ngồi trên ghế bành, nhìn đắm đắm vào những tấm ảnh chụp những đứa con anh treo trên tường.

Điều làm anh hối tiếc nhất trong đời là anh không được có mặt bên con để chứng kiến chúng lớn lên, trở thành những thanh niên ưu tú. Anh đặc biệt nhớ con vào những ngày như thế này. Anh nhớ đôi mắt các con đã sáng lên như thế nào khi chúng thức giấc vào sáng Noel tìm thấy món quà của ông già Noel trong vớ.

Charlie thở dài, quay lại nhìn vào màn hình T.V đen trắng. Anh thường xem các chương trình Noel cổ điển như “Cuộc đời tuyệt đẹp” hoặc “Phép lạ trên đường 34”, anh không dám nghĩ đến cái thú được xem truyền hình cáp. Anh có một đầu máy video nhưng lại không còn đủ tiền để thuê một cuốn băng. Charlie đã định bán cả T.V lẫn đầu máy đi nhưng biết rằng may mắn lắm thì anh cũng chỉ kiếm được 20 đô mỗi món.

Charlie đã bắt đầu thiêu thiêu ngủ thì mơ màng nghe có tiếng gõ cửa và tiếng sửa đánh gọn của con Jake đánh thức anh dậy. Anh đứng lên, ngáp ngắn ngáp dài, thoát đầu còn không nhận ra mọi vật chung quanh nữa. Trong lúc đi ra cửa anh cố gắng xua đi cái mạng nhện chằng trong đầu. Khi Charlie mở cửa anh đứng ngây người ra, lấy tay dụi dụi mắt. Một cây thông khổng lồ che hết lối đi, và rồi nó dịch sang một bên để lộ khuôn mặt rạng ngời, xinh đẹp của Shannon Smith.

“Anh để cho mẹ con tôi đứng đây giữ cây thông này hay là giúp chúng tôi mang vào nhà đây?”

Khi đã hoàn toàn tỉnh táo, Charlie nhắc bổng cây thông lên mang vào nhà, theo sau là cậu con trai và cô con gái của Shannon, mỗi đứa ôm một gói quà thật to trong khi mẹ chúng quay lại xe mang thêm nhiều đồ nữa. Hai đứa trẻ nhìn Charlie với vẻ mặt thích thú khi thấy một cây thông trang hoàng đẹp đẽ nữa ở trong một góc phòng, nhưng Charlie ra hiệu cho chúng giữ im lặng. Anh để cây thông vào một góc, rồi chạy chân đất ra chỗ Shannon.

“Cô làm gì ở đây vậy Shannon?” anh hỏi, nghĩ rằng câu hỏi của mình vang lên vô cùng bất nhã.

Shannon dừng lại nhìn anh một lúc, vẫn nụ cười bất tuyệt, ánh mắt hào hứng rất mực tươi trẻ, cô dúm những gói quà vào tay anh.

“Phải, vì anh đã mang cho cây thông Noel của mình, tôi nghĩ anh cần một cây khác. Tất nhiên, tôi không nghĩ anh có thể tự tay trang hoàng được thế là tôi mang theo đồ trang trí, dây kim tuyến. Anh đã có cả một ngày mệt nhọc rồi, tôi không muốn làm anh mệt thêm với việc phải tự tay trang hoàng, thế nên mẹ con tôi quyết định giúp anh. Và bởi vì chắc anh cũng chẳng ăn gì nên tôi mang đến một ít thức ăn, thậm chí cả mấy bộ phim cũ rất hay về Giáng Sinh nữa.”

Shannon dừng lại, quay ra xe. Ngọn núi toàn túi và hộp cô chất vào tay anh che lấp cả mặt anh.

“Tất nhiên cả tôi cũng có một ngày nhọc đứt hơi, thế là tôi mang theo cái này để lấy lại tinh thần!”

Cô vẫn cười rất tươi, giơ một chai rượu lên để anh có thể nhìn thấy.

“Shannon, tôi phải nói với cô chuyện này...”

“Suyt Charlie, không phải lúc anh đang ôm một đồng hồ thế kia. Mang vào nhà đã rồi quay lại giúp tôi mang một món nữa.”

Charlie ngoan ngoãn mang đồ vào trong nhà, đặt tất cả xuống đất rồi quay ra ngoài. Shannon đứng ở giữa lối đi, hai tay giấu sau lưng.

“Đến đây nào chàng cao bồi, tôi có một thứ cho anh.”

Charlie đi đến gần, vẫn chưa hết ngỡ ngàng, bối rối. Về bối rối chẳng bao lâu đã biến thành một nụ cười khoe cả 36 cái răng khi Shannon đưa một tay ra trước với một cành tầm gửi. Cô quần nó lên đầu mình rồi mỉm cười nhìn anh, tình nghịch.

“Bây giờ anh phải hôn tôi Charlie... theo tục lệ. Anh không muốn tôi phải gọi đội cảnh sát đặc nhiệm đến chứ?”

Charlie trùi mển ôm Shannon, khuôn mặt vẫn có cái vẻ bối rối ấy. Khi môi họ gặp nhau tất cả đều tan biến.

Họ đứng, soi vào mắt nhau một lúc, nhưng lại bị phá đám bởi câu hỏi rụt rè của cậu bé con trai Shannon, lúc này đang đứng ở ngưỡng cửa.

“Mẹ ơi! Tại sao chúng ta lại mang cây thông Noel đến khi bác ấy đã có một cây rồi?”

Bây giờ thì đến lượt Shannon bối rối, cô quay nhìn anh.

“Tôi không có mà.” Anh cười ngượng ngập.

“Có ai đó đã mang đến một cây trước em ư?”

Charlie bắt đầu cười khanh khách, Shannon không nhin được cũng cười theo, cô nhận thấy đôi mắt anh cũng biết cười.

“Phải đấy chứ, có một ai đó đã mang đến trước em.”

“Ai vậy?”

“Ờ giấy nói là của Kris.”

“Chris? Chrissy Morgan ở ngân hàng ư? Em biết là cô ta thích anh lắm mà.”

Charlie bắt đầu khoái trò chơi này.

“Không, không phải Chrissy Morgan.”

“Vậy thì nói cho em biết là ai nào?”

Charlie tiếp tục lảng tránh một cách vờ vịt, trong khi cô tới tập hỏi anh, rồi họ đi vào trong nhà, tay trong tay, mắt không rời nhau. Nghe xa xa có tiếng chuông leng keng của một cỗ xe trượt vang trong đêm giá lạnh khi Charlie khép cửa lại sau lưng.

[1].Theo truyền thuyết ông già Noel sống ở Bắc Cực có các yêu tinh nhỏ bé (elf) đến giúp ông làm ra đồ chơi cho trẻ em.

[2].Một loại đồ uống được pha chế đặc biệt trong dịp Giáng sinh thường trộn thêm với rượu

[3].Harrison Ford là một diễn viên điện ảnh nổi tiếng người Mỹ, cô bé nhâm với một loại xe cũng tên là Ford.

ông già Noel không mặc đồ màu đỏ

Patty Hansen

Tôi hạ thấp chiếc ghế ngồi trên chiếc xe Pontiac cũ của chúng tôi xuống bởi vì thời tiết khá lạnh khi người ta mới chỉ học lớp 4. Bố tôi đánh xe vào trung tâm để mua sắm và tôi đi cùng. Tôi có một vấn đề nghiêm trọng từ mấy tuần nay và đây là lần đầu tiên tôi có thể vượt qua sự e ngại của mình để hỏi ông.

“Bố ơi”, tôi ngập ngừng.

“Gì thế?”

“Một số bạn trong trường nói một điều mà con không biết có đúng không nữa.” Tôi cảm thấy môi dưới đang run rẩy bởi nỗ lực giữ lại những giọt nước mắt chỉ chực tràn ra khỏi khóe mắt bên phải - bao giờ nó cũng là con mắt khóc trước.

“Có chuyện gì vậy Pumpkin?” Thế là tôi biết bố đang vui bởi vì ông gọi tôi bằng cái tên âu yếm này.

“Các bạn ấy bảo không có ông già Noel.” Một tiếng nức nở bật lên. Một giọt nước mắt lăn ra ngoài. “Chúng nói con là con ngốc mới tin vào ông già Noel... chỉ có bọn con nít mới thế.” Và đến đây mắt bên trái lại để trào ra một giọt nữa. “Nhưng con tin vào điều bố đã nói với con. Rằng ông già Noel là có thật. Có phải thế không bố?”

Lúc ấy chúng tôi đang rẽ vào đại lộ Newell có hai làn xe chạy, hai bên đường trồng hai hàng cây sồi vạm vỡ, sum suê. Nghe câu hỏi, bố liếc nhìn khuôn mặt và dáng ngồi của tôi. Ông lái xe vào sát lề đường và dừng lại, tắt máy rồi nghiêng người về phía tôi, đưa con gái nhỏ của ông này giờ vẫn ngồi nép vào một góc.

“Các bạn ở trường con sai rồi Patty à. Santa Claus là có thật đấy chứ.”

“Con biết là thế mà.” Tôi nói với một tiếng thở phào nhẹ nhõm.

“Nhưng có một số điều bố muốn con biết về Santa. Bố nghĩ con đủ lớn để hiểu điều bố sẽ chia sẻ với con. Con đã sẵn sàng chưa?” Có một tia nhìn ấm áp trong mắt bố và một vẻ thật dịu trên nét mặt ông. Tôi biết nó là cái gì và tôi sẵn lòng bởi vì tôi tuyệt đối tin tưởng bố, người sẽ không bao giờ nói dối tôi.

“Ngày xưa ngày xưa, có một người đàn ông bằng xương bằng thịt như chúng ta, ông ấy chu du khắp thế giới và tặng quà cho những đứa trẻ ngoan ở những nơi ông đi qua. Con có thể tìm thấy ông ở nhiều vùng đất khác nhau dưới nhiều cái tên khác nhau. Ở Mỹ, mình gọi ông là Santa Claus. Tâm hồn ông chứa đựng một tình yêu vô điều kiện và một khát khao muốn chia sẻ tình yêu ấy bằng cách phân phát những món quà xuất phát từ một tấm lòng. Khi con lớn đến một mức độ nào đó con sẽ nhận ra là Santa Claus thật sự không phải là người chui vào nhà con từ ống khói vào đêm Giáng Sinh. Cuộc sống và linh hồn của ông già phù thủy tuyệt vời này sẽ sống mãi trong trái tim con, trái tim cha và mẹ con và trong tâm trí của tất cả những người tin rằng có thể đem niềm vui đến cho người khác. Tinh thần của Santa Claus sẽ trở thành của con khi con biết cho nhiều hơn nhận. Một khi con đã hiểu điều này nó sẽ trở thành một phần trong con, và mỗi Giáng Sinh sẽ trở nên thú vị hơn, huyền diệu hơn bởi vì con nhận ra sự màu nhiệm của nó và từ đây Santa sẽ sống trong trái tim con. Con có hiểu những điều bố nói không?”

Tôi nhìn trân trân về phía trước, tất cả sức chú ý của tôi tập trung vào cái cây sồi trước mặt. Tôi sợ phải nhìn bố, người từ hồi nào đến giờ đã khẳng định với tôi ông già Noel là có thật. Tôi muốn tin vào cái điều tôi đã từng tin - rằng ông già Noel là một phù thủy to béo trong bộ đồ màu đỏ. Tôi không muốn nuốt trôi viên thuốc của người lớn và nhìn mọi việc khác đi.

“Patty, hãy nhìn bố đi nào.” Bố tôi chờ đợi. Tôi từ từ quay đầu lại và nhìn vào mắt ông.

Cũng có những giọt lệ trong mắt ông - những giọt nước mắt vui mừng. Khuôn mặt ông sáng lên cái ánh sáng của hàng ngàn dải Ngân Hà và tôi thấy trong mắt ông ánh mắt của ông già Santa Claus. Một Santa Claus thực sự. Người đã bỏ thời gian chọn lựa những món quà đặc biệt mà tôi mong muốn trong những dịp Giáng Sinh từ khi tôi có mặt trên trái đất này. Ông già Noel đã ăn những cái bánh do chính tay tôi trang trí và uống sữa nóng do tôi rót. Ông già Noel chắc chắn đã ăn củ cà rốt mà tôi dành cho con thỏ Rudolph. Ông già Noel mặc dù chẳng được khéo tay lắm vẫn có thể lắp ráp xe đạp, đồ chơi và trang trí những vật linh tinh khác lên cây thông Noel.

Tôi có được điều đó. Tôi có được niềm vui, sự chia sẻ và tình thương. Bố kéo tôi vào lòng một cách trù mến, ôm tôi một lúc lâu. Cả hai bố con tôi đều khóc.

“Bây giờ thì con thuộc về một nhóm người đặc biệt. Con sẽ chia sẻ tinh thần của ngày Giáng Sinh cho tất cả mọi ngày trong năm, không chỉ những ngày đặc biệt. Kể từ bây giờ, Santa Claus sẽ sống trong tim con cũng như ông đã sống trong tim bố. Con có trách nhiệm thực hiện tinh thần sống vì người khác của ông già Noel, Patty nhé. Đây là một trong những điều quan trọng nhất xảy ra trong đời con bởi vì bây giờ thì con biết là Santa Claus không thể tồn tại nếu thiếu những người như con và như cha để giữ cho ông sống mãi. Con có nghĩ là con có khả năng làm việc này?”

Trái tim tôi lâng lâng tự hào, tôi chắc là đôi mắt mình sáng lên đầy hứng khởi. “Tất nhiên rồi bố. Con muốn ông già Noel sống trong con, cũng giống như ông đang sống trong bố. Con yêu bố. Bố là ông già Noel tốt nhất trên đời.”

Khi đến lượt tôi giải thích Santa Claus có thật hay không đối với các con, tôi cầu nguyện để cho tinh thần ngày lễ Giáng Sinh trong tôi cũng tương ứng như tinh thần ấy trong cha tôi vào cái ngày tôi nhận ra là ông già Noel không mặc bộ đồ màu đỏ. Và tôi hy vọng các con tôi cũng dễ chấp nhận sự thật ấy như tôi. Tôi hoàn toàn tin tưởng ở con mình và tôi nghĩ chúng sẽ như thế.

cây thông trên thiên đường

Fyodor Dostoyevsky

Tôi là một người viết những truyện hư cấu và tôi cho rằng mình đã tưởng tượng ra câu chuyện này. Tôi viết “Tôi cho rằng” bởi lẽ dù tôi biết rõ sự thực là tôi đã dựng lên chuyện này nhưng tôi vẫn hằng mong muốn rằng nó đã xảy ra vào một đêm Giáng Sinh ở một thành phố lớn vào một thời điểm rét buốt nhất trong năm.

Tôi thấy một chú bé, một chú bé chừng sáu tuổi hoặc thậm chí còn nhỏ hơn nữa. Chú bé ấy thức dậy trong một cái hầm chứa ẩm ướt và lạnh cóng. Chú mặc một cái gì nom như là một cái áo ngủ mỏng manh và chú run lẩy bẩy vì lạnh. Mỗi lần chú thở ra lại có một đám hơi nước màu trắng và ngồi trên một cái thùng để trong xó, chú thối ra từng luồng hơi, trong nỗi buồn chán của mình cố tìm thấy niềm vui khi nhìn đám hơi nước bay đi. Bụng chú đói cồn cào. Sáng nay đã mấy lần chú đến bên cái giường gỗ ván nơi người mẹ đau ốm của chú nằm liệt giường, người mỏng lét như một cái bánh kẹp, một tay nải quần áo kê dưới đầu thay cho gối. Làm sao bà lại ở đây? Lẽ ra bà cùng con trai đến một thành phố khác nhưng giữa đường lại ngã bệnh. Bà chủ nhà cho mẹ con họ mượn cái xó này vì hai ngày trước những người thuê nhà đã rời khỏi đây, chỉ còn một người, trong vòng 24 giờ qua say như chết, không đợi được đến lúc ăn mừng Giáng Sinh. Ở một xó khác là một bà già khốn khổ đã 80 tuổi, một người trước kia đã từng làm nghề giữ trẻ bây giờ bị bỏ lại cho đến lúc chết không người thân thuộc. Bà già kêu ca, rên rĩ vì bệnh thấp khớp. Nhiều lúc bà đổ quạu la lối chửi bới ồn ào đến nỗi chú bé sợ không dám đến gần cái góc của bà. Chú đã uống no nước ở phòng ngoài, nhưng không thể tìm được một mẫu thức ăn để đánh lừa cái bụng. Hàng chục lần chú đến bên giường toan đánh thức mẹ dậy. Cuối cùng chú còn sợ bóng tối, cái hầm chứa sâu hun hút cả vào ban ngày cũng không có một tia sáng. Quờ quạng sờ lên mặt mẹ, chú ngạc nhiên nhận thấy bà không hề nhúc nhích, toàn thân lạnh toát như bức tường.

“Ở đây lạnh thật”, chú nghĩ, đứng yên một lúc, không nhận biết được là bàn tay của chú đang đặt lên vai người chết. Sau đó chú đưa tay lên miệng, hà hơi làm cho nó ấm lên, rồi sờ soạng tìm cái mũ trên giường và đi ra khỏi gian hầm. Đáng lẽ chú ra ngoài sớm hơn nhưng chú lại sợ con chó to tướng nhà bên cạnh cứ đứng sủa oang oang cả ngày ở ngay đầu cầu thang. Lúc này không thấy con chó và chú len lét đi ra phố.

Chúa phù hộ cho chúng con, đây mới gọi là một thành phố chứ! Chú chưa bao giờ nhìn thấy một cái gì giống như thế này. Trong thành phố mà mẹ con chú vừa bỏ đi bao giờ cũng chỉ có bóng đen dày đặc vào ban đêm. Ở đây, mỗi đường phố có một ngọn đèn, những ngôi nhà nhỏ xíu thấp lè tè làm bằng gỗ thì đóng cửa kín mít, không có ai lộ mặt ra ngoài phố sau khi trời tối, tất cả mọi người nhốt mình trong nhà của họ. Chả có gì ngoài tiếng tru thê thảm của bầy chó, hàng trăm, hàng ngàn con sủa nhặng lên hoặc tru từng hồi dài suốt đêm. Nhưng ở đây cậu bé thấy ấm áp và còn có cái để ăn. Còn ở đây, trời đất ạ, nếu như chú có một cái gì để cho vào miệng! Xung quanh chú là tiếng động và những âm thanh do di chuyển gây nên cùng ánh sáng, khách bộ hành, ngựa, xe và một màn sương muối! Hơi nước ngưng thành những đám mây trước mõm những con ngựa, ngay phía cái mõm ấm áp của chúng, trong lúc gõ lên con đường lát đá có phủ một lớp tuyết dày. Mọi người xô đẩy nhau đi trên đường và, lạ trời sao mà chú thèm có một cái gì để ăn đến thế, và bất thành lình chú cảm thấy mình khốn khổ vì đói. Một cảnh sát đi qua nhưng lại ngoảnh mặt đi tránh nhìn chú.

Chú đang ở một đường phố khác - rộng hơn, ở đây, chú có thể chạy nhảy. Người ta cười nói, đuổi nhau, chạy vù vù trên những cỗ xe song mã. Và ánh sáng, ánh sáng cứ rực lên thôi. Cái gì thế kia? Chú đi qua một khung cửa sổ rộng lấp lánh trong suốt, nhìn vào thấy một thân cây cao đến chạm trần nhà. Đó là một cây linh sam và trên mình nó lấp lánh bao nhiêu tia sáng, những mảnh giấy nhũ vàng, tảo, và những con ngựa và búp bê. Trong phòng có những đứa trẻ sạch sẽ, xinh xắn mặc những bộ quần áo đẹp nhất chạy qua chạy lại, cười, đùa giỡn hoặc ăn và uống hết sức tự nhiên. Rồi một bé gái bắt đầu nhảy múa với một cậu trai, sao mà cô bé ấy xinh đến thế! Chú bé có

thể nghe thấy tiếng đàn vọng ra tận chỗ mình đứng. Chú mở to mắt ngắm nhìn, ngạc nhiên và cười thành tiếng, dù các ngón chân tê buốt như kim châm, các ngón tay đỏ lựng, cứng đờ làm chú đau buốt mỗi khi cử động. Bất thành lình chú nhớ ra cái đau ở ngón chân và ngón tay, thế là chú bật khóc và chạy đi. Nhưng khi đi qua một khuôn cửa sổ khác chú lại thấy một cây thông Noel khác, bánh trên bàn ư, thôi thì đủ loại, - bánh kem nhân hạnh nhân, bánh màu đỏ, màu vàng và có ba cô gái đẹp đứng bên cây thông Noel, đưa bánh cho bất cứ ai đến gần. Cánh cửa mở ra và bao nhiêu nam thanh nữ tú dập dìu đi từ ngoài đường phố vào. Chú bé lén lút bước đến gần mở cửa và lén vào. Thế là người ta la hét om sòm và xua đuổi chú đi ngay. Một cô gái đi đến, vội vã thả vào tay chú một đồng kôpêc, rồi với cả hai tay giữ cánh cửa bảo chú ra ngoài. Chú sợ quá, đồng kôpêc tuột khỏi tay lăn tròn xuống bậc thềm, chú không thể co ngón tay lại để giữ chặt đồng xu đó. Chú bỏ chạy về phía trước không còn biết là mình đi đâu nữa. Chú muốn khóc lắm rồi, nhưng lại sợ và cứ thế vừa chạy vừa hà hơi vào hai bàn tay tê buốt. Chú cảm thấy khốn khổ quá chừng vì bất chợt chú nhận ra mình chẳng có ai bên cạnh và đang sợ hãi như thế nào.

Nhưng dường như ông trời dành những bất ngờ cho tất cả chúng ta! Cái gì thế này? Một đám người đứng vòng trong vòng ngoài mê mải ngắm nhìn một cái gì đó. Sau một cửa sổ là ba con búp bê nhỏ mặc váy đỏ và xanh lá cây, trông chúng giống thật đến nỗi ngỡ như chúng có một cuộc sống vậy. Một ông già nhỏ bé ngồi kéo một cây đàn violon thật to, hai người khác đứng bên cạnh chơi hai cây đàn violon nhỏ, họ gật đầu, người nọ nhìn người kia, đôi môi mấp máy, họ đang nói chuyện, nói chuyện thật sự chỉ có điều không ai nghe được họ nói gì qua lớp cửa kính. Đầu tiên chú bé nghĩ họ là người sống hẳn hoi, và khi chú biết đó chỉ là những con búp bê chú bật cười. Chú chưa bao giờ thấy búp bê và chẳng hề biết nó là cái gì. Rồi chú muốn khóc, nhưng chú lại cười, muốn cười vì những con búp bê. Bất thành lình chú nhận thấy có ai kéo áo chú từ đằng sau: một thằng bé bự con, độc ác đứng cạnh chú, bất ngờ đánh vào đầu chú, giật cái mũ chú đang đội và ngáng chân chú, làm chú ngã nhào xuống đất. Sau một tiếng hét thất

thanh, chú cứng cả người vì sợ, rồi chú đứng dậy, bỏ chạy. Cứ chạy miết, không biết là chạy đi đâu, cho đến khi chú thấy mình chạy thẳng qua một cái cổng vào sân của một nhà ai đó. Chú ngồi lom khom sau một đồng củi, bụng bảo dạ: “Họ sẽ không tìm thấy mình đâu, trong đêm tối như thế này.”

Chú ngồi co người lại, thở không ra hơi vì sợ, và đột nhiên thật bất ngờ chú cảm thấy vui quá, tay và chân không còn cảm giác đau đớn, mà thật ấm, ấm ran lên như thể chú đang ngồi trước lò sưởi. Chỉ được một phút chú lại run rẩy khắp người, giật bắn lên, có thể chú đã ngủ thiếp đi. Thật dễ chịu khi ngủ ở đây.

“Mình cứ ngồi ở đây một lúc rồi sẽ đi xem mấy con búp bê kia”, chú nghĩ thầm, mỉm cười khi nghĩ đến những con búp bê. “Thật, cứ như thể chúng đang sống!...” Và rồi chú nghe mẹ chú hát. “Mẹ ơi, con buồn ngủ, thật dễ chịu khi được ngủ ở đây!”

“Nào đến đây xem cây thông Noel của ta, cưng!” một giọng nói ngọt ngào, ghé vào tai chú.

Chú cứ ngỡ đây vẫn là mẹ, nhưng mà không phải. Chú không nhìn thấy người đang gọi chú, nhưng có ai đó cúi xuống, bế chú vào lòng, trong đêm tối, và chú dang rộng vòng tay cho người ấy... và bất thành linh tất cả sáng lòa. Một cây thông Noel nhưng không phải là cây linh sam, chú chưa bao giờ thấy một cây như thế. Chú đang ở đâu vậy? Tất cả mọi thứ đều sáng lòa, lung linh và bao quanh chúng là những con búp bê, mà không, không phải là búp bê mà là các cô bé, cậu bé cũng sáng trưng và lấp lánh. Tất cả mọi người bay quanh chú, lần lượt thơm lên má chú, nâng chú lên cùng bay với họ. Ai kia? Ai đang dang hai tay nhìn chú, nụ cười hạnh phúc làm sáng bừng cả khuôn mặt. “Mẹ, mẹ ơi, thật vui khi được ở đây!” Một lần nữa, chú hôn các bạn, chỉ muốn kể ngay cho họ nghe về những con búp bê trong cửa hiệu.

“Các bạn là ai vậy? Các bạn là ai vậy?” Chú hỏi, cười khúc khích và tròn mắt ngăm ngía họ.

“Đây là cây thông Giáng Sinh của Chúa Hài đồng”, các bạn chú đáp. “Chúa bao giờ cũng có một cây thông vào ngày hôm nay cho những đứa trẻ không có cây thông Noel...” Và chú phát hiện ra là tất cả các cô bé, cậu bé này cũng đều giống như chú, một số đứa chết cồng trong những cái giỏ mà người ta đặt chúng vào như những hài nhi rồi để trước cửa những gia đình giàu có ở Petersburg, những đứa khác ăn cơm thánh với những người đàn bà Phần Lan, vì bị bỏ rơi và hất hủi, một số đứa chết ngay trên bộ ngực người mẹ đói khát của chúng (trong trận đói Samara), một số đứa chết trên toa xe lửa hạng ba vì khí độc. Nhưng giờ đây tất cả bọn chúng có mặt ở đây, chính là những tiên đồng vây quanh Chúa và Người đứng lẫn vào giữa, chìa tay ra cho chúng, ban phước lành cho chúng và cho những người mẹ có tội của chúng... Những bà mẹ đứng sang một bên, rơi lệ, ai cũng nhận ra con trai hay con gái của mình. Bọn trẻ bay đến bên họ, ôm hôn họ, lau nước mắt cho họ bằng những bàn tay nhỏ bé, nài xin họ đừng khóc vì chúng đang quá hạnh phúc.

Và sáng hôm sau dưới trần gian một người phu tìm thấy một cậu bé chết cồng cạnh đồng củi, người ta đi tìm mẹ chú... Bà đã chết trước con. Hai mẹ con họ gặp nhau trên thiên đường trước mặt Chúa.

Tại sao tôi lại bịa ra câu chuyện này, một chuyện đi ra ngoài một cuốn nhật ký thông thường, và điều nói về nhà văn ở đoạn trên? Tôi cam đoan hai câu chuyện đề cập đến những sự kiện có thật. Đó là vì tôi luôn nghĩ rằng, tất cả những điều này có thể đã xảy ra, ở trong gian nhà hầm và bên đồng củi, còn như về cây thông Noel của Chúa thì bạn ạ, tôi không thể nói với bạn là nó có xảy ra hay không.

những ngọn nến trên cửa sổ

CHUCK FAGER

Abram Woodhouse về nhà muộn mất rồi và cậu biết rõ điều đó. Nhưng khi cậu bước lên con đường dẫn lên đồi Castebery ở phía bắc Settle thì hoàng hôn mới bắt đầu buông xuống. Vào những ngày nắng đẹp, từ trên đỉnh đồi cậu có thể nhìn bao quát từ mạn tây nam Settle đến Pendle Hill nơi George Hill từng đứng hiên ngang trước một biển người. Cậu cũng có thể nhìn về phía tây nơi những ngọn núi đá vôi xù xì của rặng Pen-y-Ghent nổi lên với một màu trắng phau như vừa mới được dội rửa. Cậu thích đứng ở đây chứng kiến cảnh tất cả các ngôi nhà trong thị trấn cùng lên đèn một lượt.

Nhưng mặt trời đã khuất sau dãy núi và làn sương mù tê tái của mùa đông đã phủ một tấm màn đen thẫm và thấp xuống tận những đường dốc uốn lượn mềm mại của thung lũng Yorkshire. Vào lúc Abram leo được lên đỉnh, chân mỏi nhừ, miệng thở hổn hển, thì tuyết bắt đầu rơi xuống. Tất cả những gì mà cậu thấy chỉ là những ngọn cây khẳng khiu trơ trụi lá và hơi thở gấp gáp của cậu tạo thành cả một đám sương mù.

Cậu dừng lại nghỉ một chút để lấy lại nhịp thở. Nhìn về hướng bắc, cậu không thể trông thấy đàn cừu, nhưng cậu biết rõ là vẫn được thả ở đây, trên những sườn đồi rải rác những tảng đá lớn và hản chúng đang cúi đầu vào những bộ lông dày và mượt của nhau để tránh cái rét. Đứng cheo leo ở những mỏm đá trông xuống làng quê, cậu nghĩ mình có thể bắt được những đốm sáng lập lờ ở chỗ này, chỗ kia, nhưng điều đó chỉ có trong tưởng tượng mà thôi.

Thật tệ, cậu nghĩ. Cậu đã thầm hy vọng được chiêm ngưỡng Settle lấp lánh trong đêm tối như vòng cổ của nữ hoàng sáng lên trên lớp nhung đen nhánh. Settle với những ngọn nến lung linh ở mỗi bệ cửa sổ. Các ô cửa sổ

vẫn còn đó nhưng là cửa sổ của lò bánh mì và tiệm bánh ngọt của gia đình Woodhouse và nhà của họ trên đường Lancaster.

Lò bánh mì! Ý nghĩ này nhắc Abram nhớ là cậu đã về trễ. Cậu cầm cái giỏ đựng bánh lên, quày quả đi xuống dốc, trở về nhà với viễn cảnh một buổi tối dài miệt mài làm bánh. Đêm Noel, như cả thế giới này gọi thế, bao giờ cũng là một thời điểm bận rộn nhất ở lò bánh. Trong khi ở gia đình Woodhouse vốn theo đạo Quaker không coi ngày Noel là một ngày đặc biệt thì gần như tất cả khách hàng của họ đều nghĩ thế. Điều đó có nghĩa là người ta sẽ đặt thêm hàng chục ổ bánh nướng lớn, hàng trăm bánh nhân hoa quả, bánh gừng và rất nhiều ổ bánh mì dày và béo.

Suốt cả tuần lễ trước đó, cả gia đình Woodhouse đều tập trung ở cửa hàng gần như suốt ngày để nhào bột, trộn đường với bột quế và giữ ngọn lửa cháy rực trong những bếp lò lớn bằng gạch.

Abram tham gia vào tất cả các công đoạn làm bánh, ngoài ra cậu còn đảm nhiệm vai trò mang những giỏ bánh lớn đến giao tận nhà những khách hàng quan trọng: bánh nhân quả với thịt băm và thịt bò cho già Tilbury ở quán rượu Sư tử vàng gần quảng trường, hoặc xuôi xuống con đường Nam lớn nhón sỏi đá, rồi đi vào một ngõ hẻm đến nhà Ginnett, qua cả tòa nhà Meetinghouse cổ kính bề thế với những ổ bánh nướng giao cho nhà Blackburns và bánh bao nhân nho cho bà góa Kilburn. Thỉnh thoảng cậu đi ngang qua sông Ribble đến Giggleswick nơi có ông mục sư rất mê cái món bánh gừng của mẹ cậu. Buổi chiều hôm ấy cậu đến quán rượu nơi mà Tilbury muốn có thêm ba ổ bánh nướng nữa cho lần giao bánh cuối cùng và từ đấy cậu không về nhà mà leo thẳng lên đỉnh đồi.

Abram không hiểu tại sao người ta lại đặt hai ngọn nến trên mỗi cửa sổ trong các ngôi nhà và cửa hiệu, đặc biệt là vào một đêm đông giá rét như đêm nay.

“Thắp nến vào lúc này để làm gì vậy ba?”, cậu hỏi cha.

“Ánh sáng của nó có một ý nghĩa kép”, cha cậu đáp, “cho những chiến thắng đã qua và cầu mong cho những chiến thắng vang dội con ạ. Đội quân của George Cockburn đã đốt cháy Washington DC là một chiến thắng trong quá khứ còn việc Wellington đánh bại Napoleon trước khi kết thúc năm 1815 là cái được người ta cầu nguyện.”

“Đó là điều tốt lành mà người ta cầu nguyện, trong cái gọi là một đất nước của những tín đồ Thiên Chúa giáo!” bà nội cậu cấm cử góp lời. Đặt cái ống cuốn xuống, bà lau mồ hôi rịn trên trán. “Tất cả chỉ có nghĩa là thêm nhiều người lính tử trận, những góa phụ không có một đồng xu dính túi và những đứa trẻ mồ côi đói khát suốt từ Paris đến New York. Và yêu kẻ thù nữa, thật thế. Một sự lãng phí tội lỗi và đáng tởm.”

Bà nội thở dài, cầm ống cuốn bột lên. Với những động tác dứt khoát, điều luyện bà cán lớp bột dày thành những chiếc vỏ bánh nhân trái cây mỏng tang.

“Ở Philadelphia”, bà tiếp tục nói, trong khi miết mạnh cái ống cuốn xuống, “có hàng chục những kẻ ăn mày đáng thương, một chân hoặc một mắt của họ đã mất đi trong những cuộc cách mạng vẻ vang, 25 năm nữa rồi sẽ sao đây. Cứ nhìn họ với con mắt của mình đi, rồi các người sẽ thấy. Không cần chiến tranh, ta nói thế đấy. Chiến tranh chính là tội ác. Mà không chỉ có ta, còn cả...”

Tiếng chuông cửa vang lên, một bà tên là Lamb bước vào muốn mua thêm bánh mì. Bà nội đã ngừng câu nói ngay khi nghe tiếng chuông. Đó là kiểu chuyện trò giữa những người Quaker với nhau, không phải để cho khách hàng nghe, đặc biệt là vào dịp Noel. Những câu chuyện như thế này rất thú vị đối với Abram và cậu không bao giờ chán nghe những chuyện phiêu lưu của nội trong thời kỳ thành lập nước Mỹ. Có vẻ như bà nội đã chứng kiến tất cả mọi chuyện xảy ra, từ William Penn, thành phố lớn của người Quaker đến những chợ buôn bán nô lệ tàn bạo ở Baltimore và Richmond. Thân gái dặm trường bà đã đến đây từ những năm 1805. Hẳn rồi, một thiếu nữ bốn ba đây đó mà không có ai đi kèm là một cái gì bất

thường kể cả đối với “Hội những người bạn”. Nhưng khi Sarah Haygarth, người dự định đi cùng với bà đã ngã xuống vì bệnh đậu mùa một tuần trước khi con tàu nhỏ neo thì bà nội đã mạnh dạn nói với những người lớn là bà vẫn cảm thấy có một tiếng nói vẫy gọi bà ra đi. Họ đã cho bà giấy phép đi lại và bà rất tự tin khi nói rằng bà sẽ không trả lại tờ chứng nhận này cho đến khi nó có được chữ ký của “Hội những người bạn” ở Mỹ.

Bà nội là như vậy đấy, một người không ai dám coi thường. Ngày xưa cũng thế mà bây giờ cũng vậy.

Sự thật thì bản lãnh của bà nội đã di truyền cho Abram. Trong lúc vội vã đi ở ngoài quảng trường, cậu đã đâm sầm phải một thằng bé to xác đi ở hướng ngược lại, nó đang nhìn ra phía sau khi cậu lại gần.

Abram cùng với cái mũ rộng vành và giỏ bánh lăn kèn ra đường. Thằng bé to xác kia nhảy lùi lại, sau đó dường như nhận ra Abram. “Đồ Quaker bẩn thỉu!” nó hét lên, đá vào người cậu trong khi cậu cố đứng lên. “Quân hèn nhất, tất cả bọn chúng mày! Cá là mày thích chứng kiến cảnh Napoleon và Andy Jackson diệt quân Anh lắm phải không?”

Abram lại nhận một cú đá nữa trong khi cố đứng lên.

“Mày là ai?” Cậu hỏi, quay mặt đi, “Mày muốn gì?”

“Tao muốn tất cả quân phản bội và lũ Quaker chúng mày cút xéo về Anh!” thằng kia thét lên như hóa rồng. Nó ném một hòn đá về phía Abram nhưng trượt mục tiêu. “Cút đến Philadelphia hoặc một nơi nào đó mà lũ chúng mày được đón tiếp. Chúng tao ghét lũ hèn nhất và phản bội, chúng tao căm ghét chúng mày.”

Thằng nhóc giờ hai năm dấm lên, hần học bước về phía Abram, lúc này đã đứng tựa vào một bức tường của một ngôi nhà gần đấy. Không có đường tháo chạy, cậu quyết định sẽ chiến đấu với thằng du côn kia. “Mày bảo ai là kẻ hèn nhất?” cậu hỏi và cũng giờ hai năm dấm lên. Nhưng đúng lúc đó có một cái bóng đội mũ trùm, cầm một cây gậy dài lù lù hiện ra ở góc đường. “À, có chuyện gì thế?”

Abram nhận ra cái giọng khàn khàn đầy quyền lực của bà nội. Còn thằng nhóc kia thì nhìn cây gậy của bà với một vẻ cảnh giác, trong ba sáu chước thấy chước chuồn là hơn nên đã chạy ngay dưới một ô cửa sổ có hai ngọn nến đang cháy sáng. Dưới ánh sáng ngọn nến, Abram nhìn nó khá rõ. Mái tóc quần đỏ râu ngô, khuôn mặt đầy tàn nhang với một chiếc răng cửa bị sút, cằm nó lút trong một chiếc khăn quàng cổ màu xám. Chiếc áo khoác của nó thì thật thảm hại với những miếng đắp vá dùm dỏ.

“Đi đi,” bà nội ra lệnh cho thằng bé, động cái gậy xuống con đường lát đá với một vẻ oai vệ.

Thằng bé quay đầu chạy, vừa chạy vừa chửi “Đồ Quaker chó chết!” nó còn ngoái đầu ra đằng sau nói thêm một câu nữa. “Tất cả cửa sổ nhà chúng mày sẽ bị vỡ tối nay. Cứ đợi đấy mà coi.”

Bà nội đứng nhìn theo cho đến khi thằng lỏi chạy khuất sau chỗ rẽ, đoạn bà nói với Abram giọng nhẹ nhàng hơn. “Có đau không nhỏ?” Cậu lắc đầu, nhặt cái giỏ bánh và mũ lên. Cậu hơi xấu hổ về nỗi bị bà phát hiện ra trong tư thế đang chuẩn bị đánh nhau. Cái chân vừa bị đá vẫn còn đau, nhưng cũng nhúc nhắc được.

“Vậy thì về cửa hàng ngay đi. Ba mày đang lo cho mày đó.”

Abram hơi tập tễnh một chút khi hai bà cháu đi qua quảng trường và cậu giải thích về chuyến đi lên đồi. Bà nội hiểu, Castlebery cũng là một trong những nơi ưa thích của bà. Nhưng Abram đang nghĩ đến lời thằng bé kia nói. “Bà ơi”, cậu nói giọng lo lắng, “chúng ta nên nói cho ba cháu biết để ông đóng tất cả các cánh cửa sổ lại không? Chẳng có ai muốn cửa sổ bị bể thêm một lần nữa.”

“Được, chúng ta sẽ nói. Nhưng bà có cảm giác là có thể chúng ta đã chậm mất rồi.”

Đúng thế. Ở cửa tiệm, người cha đang quét những miếng kính sắc nhọn ở lối đi đằng trước. Phía sau ông, trong cửa hiệu, mẹ và chị đang lau những cái kệ bày hàng. Không ai tỏ vẻ giận dữ, cả Abram cũng không quá ngạc

nhiên, sau cùng bằng một cách nào đó họ đã quen với chuyện này. Đêm với những ngọn nến lung linh chiếu sáng được coi là để kỷ niệm chiến thắng quân Anh. Nếu cửa sổ nhà bạn không có những ngọn nến cháy sáng trên bề cửa sổ vào những đêm như thế, bạn có nguy cơ bị bọn đầu đường xó chợ ném vỡ kính cửa sổ.

Vì thế mà các bậc trưởng lão Settle Meeting đã quyết định vì sự bình yên của người Quaker, cấm tham gia vào việc treo đèn hoặc bất cứ hình thức tổ chức kỷ niệm những cuộc chiến trần tục nào khi nó có thể xảy ra. Và gia đình Woodhouse đã làm tất cả để thực hiện điều luật này.

“Ba có nhìn thấy đứa nào làm chuyện này không?”

“Chỉ thoáng thấy lúc nó chạy”, cha cậu đáp. “Một thằng tóc đỏ. Quần áo như xơ mướp. Ba không biết là ai cả.” Tất nhiên rồi, Abram nghĩ đó là cái thằng đã đá mình. Một cơn giận bốc lên. Lần sau mình mà gặp nó, cậu tự nhủ một cách cứng cỏi, mình sẽ nện cho nó một trận dù có điều luật hòa bình hay không thì cũng mặc.

Mẹ cậu lắc đầu về phía bà nội. “Phải, thật may là nhà ta đã đặt làm lại cửa kính ở chỗ những người làm kính Cobbold. Ngày kia họ sẽ đến đây với những chiếc cửa kính mới. Con nghĩ “Hội những người bạn” sẽ giúp những người thợ kính Cobbold lúc nào cũng có việc làm trong cuộc chiến tranh lâu dài này.”

“Cửa kính đã được làm lại mấy lần rồi?” Bà nội hỏi, “Năm hay sáu lần?”

“Sáu ạ”, cha trả lời qua những khung cửa sổ không kính. “Đây là một cuộc chiến tranh trường kỳ mà.” Ông đóng chặt cánh cửa gỗ lại từ bên ngoài rồi đi qua cửa ra vào để đóng chốt lại từ bên trong. “Chúng ta hãy cứ đóng cửa lại cho đến khi nhà Barney đến đây.” Ông nhìn quanh cửa hiệu và những người trong gia đình. “Bây giờ mọi thứ đã gọn ghẽ cả rồi, vì thế tốt nhất là nên quay lại làm việc.”

Mẹ gật đầu, cất cái chổi đi. Bà và Sarah trở lại với món bánh tạc nhân trái cây. Abram được sai đi vác một bao bột mì thật lớn, sau đó thì cho củi vào

lò và quạt cật lực vào miệng lò phía dưới để ngọn lửa rục lên chuẩn bị cho mẻ bánh nướng sắp tới của bà nội. Lửa bắt đầu cháy đượm, hắt ra hơi nóng, sưởi ấm căn phòng mặc cho cửa kính đã bị vỡ.

Trở về từ kho để củi với một ôm củi lớn, Abram nghe bà nội thì thầm với mẹ. “Con có để ý không Martha? Có một cái cung màu đen bên những ngọn nến trên cửa sổ nhà mới của Margaret. Chắc là cho thằng Jack con cô ta. Nó vừa đi New Orleans với một đoàn kỵ binh Yorkshire.”

Mẹ lắc đầu rồi lẩm bẩm về chua xót: “Thằng bé tội nghiệp quá... Cầu Chúa phù hộ cho linh hồn cậu ta.”

“Và cho tâm hồn của người mẹ nữa”, bà nội nói thêm, giọng đầy ẩn ý. “Mẹ tự hỏi không hiểu bây giờ cô ta sẽ xoay xử thế nào với 4 đứa con trong khi người chồng cũng đã về với Chúa!” Rồi với một giọng dịu dàng hơn, gần như là nói với chính mình, bà thì thầm, “Lại một danh sách bánh nướng nữa chẳng?”

Abram cho thêm củi vào lò, quạt lửa to lên ở phía dưới. Sau đó cậu gói thêm một ít bánh nữa để giao ngay trong đêm nay. Ông mục sư nghỉ giải lao giữa hai mẻ bánh gừng, cần phải đưa bánh cho ông ngay trong đêm nay. Abram đặt giỏ bánh lên trên quầy hàng ở gần cửa sau, cạnh một chồng bánh nướng.

Lượng bánh tiêu thụ khiến cậu tha thiết muốn tham dự vào cái không khí rạo rức niềm vui của buổi lễ lớn này mà chỉ có gia đình cậu là bị gạt ra ngoài lề. Kẹo bánh, quà cáp, tiệc tùng và những cây thông Noel trang hoàng rực rỡ - cậu đã có lần thấy tất cả những cảnh đó dù chỉ là những hình ảnh thoáng qua trong lúc cậu gõ cửa từng nhà để giao bánh.

Tất nhiên, không phải là ngày lễ này hoàn toàn bị bỏ qua trong gia đình Woodhouse. Cửa hàng sẽ đóng cửa - không có chuyện làm việc vào ngày này - và họ bao giờ cũng có một bữa ăn tươi với những món tráng miệng đặc biệt. Sau đó, người cha sẽ đọc câu chuyện về ngày Lễ Thánh đản trong

cuốn kinh thánh thật bụi của ông, cặp kính gọng sắt run rẩy trên sống mũi ông. Những điều này có nghĩa gì?

Với “Hội những người bạn” trước đó bà nội đã giải thích cho chị em Abram. “Chúa Jesus sống ở trong lòng người, như các cháu cũng biết đấy và ngày nào cũng là ngày Chúa Giáng Sinh.” Abram hiểu điều bà muốn nói, nhưng cậu vẫn khao khát không khí hội hè vui tươi và những món quà ở những gia đình khác. Trong vấn đề này hình như bà nội không giữ đúng các tinh thần bất di bất dịch của điều luật. Kể từ ngày Abram đủ lớn để làm việc ở cửa hàng, mỗi một mùa Giáng Sinh đến cậu lại để ý thấy bà chuẩn bị những ổ bánh nướng, bánh tạc, bánh mì đặc biệt ngoài lượng bánh được khách hàng đặt trước. Sáng ngày Noel khi cậu thức giấc đã thấy bà đi đâu đó và chỉ xuất hiện vào giờ ăn trưa với khuôn mặt đỏ bừng sau khi đi trong gió lạnh. Bà không bao giờ cho biết bà đi đâu nhưng vào ngày hôm sau mở cửa hàng thì cậu thấy số bánh làm thêm ra đã không cánh mà bay.

Nhìn chăm chú vào từng chồng bánh nướng đã được đóng gói rất khéo, Abram chợt hiểu bà nội đi đâu vào tất cả những buổi sáng Noel ấy: số bánh này dành cho một số gia đình nghèo ở Settle. Ngay khi nhận ra điều đó, cậu cũng cảm thấy một thôi thúc mãnh liệt muốn đi phát bánh cùng bà vào sáng sớm ngày mai. Cậu quay về phía bà nội, vờn người qua một cái quây dính đầy bột mì.

Nghe lời yêu cầu của cậu, bà nội ngẩng đầu lên khỏi đồng bột đang nhào. “Nếu cháu thật sự muốn đi Abram ạ thì cháu có thể đi cùng. Nhưng cũng nên nghĩ trước khi quyết định. Bà sẽ dậy rất sớm mà cháu cũng không cần phải phá hỏng một buổi sáng êm đềm. Cứ nói cho bà biết trước khi đi ngủ.”

Abram gật đầu, cậu biết mình sẽ nói gì. Nếu muốn dậy sớm thì phải đi ngủ sớm, thế thôi.

Nhưng hóa ra mọi việc không đơn giản như vậy. Nhà của gia đình Woodhouse được xây bằng những tảng đá lớn, kiên cố, tất cả các cửa sổ đều được làm bởi một loại gỗ dày, vững chắc, không cho các tia sáng lọt vào.

Dù vậy Abram cũng thức dậy hai lần bởi tiếng chai lọ va vào bức tường ngoài, cùng với tiếng chửi rủa lâu bầu.

Lần thứ 2 thức giấc Abram quyết định không ngủ lại nữa, cậu mở to mắt nhìn vào bóng tối hồi lâu, dần dần nhớ đến thẳng tóc đỏ, tự hỏi không biết nó có phải là thủ phạm không. Cậu cũng không chắc là bà nội đánh thức cậu dậy hay cậu vẫn thức cho đến tận lúc ấy.

Bà nhìn thấy cậu ngáp bèn nói: “Cháu không cần phải đi đâu. Quay vào giường ngủ tiếp đi.” Cậu lắc đầu, loạng choạng đi đến chỗ cái tủ đựng quần áo ấm.

Hai bà cháu mặc đủ ấm rồi cùng yên lặng đi trên con đường Lancaster tối om, mỗi người mang một giỏ nặng. Bà nội dẫn đường và mặc dù phải dùng đến gậy chống, bà lướt đi êm ru trên đường, bước chân nhẹ nhàng như không bén đất. Abram chào đời sau bà hơn nửa thế kỷ cũng khó mà theo kịp bà.

Công việc rất đơn giản. Đến đường Hight Street, bà nội dừng lại trước một ngôi nhà, để gói bánh tựa vào cửa sao cho nó có thể đứng được. Bà hành động lặng lẽ như một tên trộm. Rẽ vào một con đường và lại một ngôi nhà nữa. Vào cái lúc họ đi đến Tilbury Close, chỉ cách cửa hàng có một chỗ rẽ nữa, thì giỏ bánh của họ đã gần như trống rỗng. Lôi một chiếc chìa khóa ra từ lớp áo dày, ấm áp bà nội mở cửa hàng. Nhờ ánh sáng mờ mờ hắt ra từ bếp than mà Abram có thể nhìn thấy một chồng bánh nữa sắp sẵn bên cạnh cửa. Trong khi hai bà cháu cho bánh vào giỏ, Abram thì thầm một câu hỏi vẫn cựa quậy mãi trong đầu cậu.

“Nội ơi, sao nội biết mình cần đi đâu?”

Bà chỉ nhún vai, rồi cũng thì thầm trả lời. “Người phụ nữ biết. Những cuộc hội họp của cánh phụ nữ cho bà biết, với lại chúng ta nghe được mọi chuyện trong cửa hàng. Và,” bà dừng lại một chút đầy ý nghĩa, “bà vẫn nhớ những cửa sổ có những dải ruybăng màu đen. Đi thôi nào.” Bà đóng cánh cửa lại sau lưng họ.

Ngoài một vài ô cửa sổ vẫn còn chập chờn ánh nến với đốm lửa leo lét gần tàn, cả thị trấn Settle chìm trong bóng đêm sâu thẳm. Họ đi ngang qua quảng trường trống trải với một dãy cửa hàng ở đường Shambles. Abram ngẩng lên nhìn bầu trời đêm trong vắt. Cậu có cảm giác như các vì sao lấp lánh hơn trong bầu không khí giá lạnh và giữa những cái bóng sừng sững của các tòa nhà. Bây giờ họ đi lên một con đường dốc thoải phía ngoài quảng trường nơi các ngôi nhà nhỏ hơn, tồi tàn hơn. Có vẻ như có nhiều ngôi nhà được nhận bánh hơn và chẳng bao lâu các giỏ bánh của họ lại nhẹ bồng. Đến đây, bà dừng lại ở một ngõ hẻm, ra hiệu cho Abram.

“Đây”, bà nói, đưa cho cậu một gói bánh lớn, “cháu cầm gói bánh này. Đi qua nhà thứ ba bên tay trái, cháu sẽ thấy một cái cổng, có một ngôi nhà nhỏ thụt sâu vào vài mét. Hãy nhẹ chân đi vào đó.”

Abram sốt sắng cầm lấy gói bánh, trong khi bà nội đi theo sau một quãng. Cậu tìm thấy cái cổng nhưng lại vấp phải một cục đá khi cậu đến gần. Cánh cổng kêu rít lên khi cậu đẩy vào nó. Đầu tiên cậu không nhìn thấy ngôi nhà, chỉ một lát sau mới thấy nó hiện lên mờ mờ. Cậu dò dẫm đi về phía ngôi nhà nhưng lại đập đúng vào một cái xô đựng sữa, cậu loạng choạng mất thăng bằng, cái xô lăn đi phát ra những tiếng kêu loảng xoảng.

Hoảng hồn bởi tiếng động, Abram đứng thẳng người lên, bước thêm một vài bước về phía ngôi nhà nhỏ. Cậu đã đến sát bên cánh cửa, cúi xuống định dựng gói bánh vào cánh cửa thì nó bất thành linh mở ra.

“Ai vậy?” một giọng nói sợ hãi cất lên. Trên khung cửa hiện ra một bóng người một tay cầm một cái đèn lồng, tay kia giơ lên một cái gậy to.

Trước luồng ánh sáng và tiếng động bất ngờ, Abram giật mình lùi lại, một lần nữa lại đá phải cái xô làm cho nó loảng xoảng lăn theo chân cậu. Mất thăng bằng, cậu phải giơ hai tay ra cho khỏi ngã và thấy gói bánh nặng trên tay lên. Bóng người trên ngưỡng cửa cũng sừng sờ không kém, thả cái gậy xuống theo phản xạ tự nhiên, đỡ gói bánh bằng một tay.

Tim vẫn đập thình thịch trước sự kiện bất ngờ, Abram dợm bước quay ra cổng. Đến đây cậu quay lại liếc về phía cái chòi nhỏ một lần nữa - rồi co giò chạy - thẳng đến cái bóng bà nội to phồng lên dưới nhiều lớp quần áo.

Bà nội giơ tay giữ cậu lại và ôm cậu một lát, cho đến khi cậu qua cơn hoảng hốt. Khi tựa vào người bà, cậu chợt nhận ra bà đang cười rung cả thân hình ấm áp.

“Lạy các vị thánh thần”, bà nói, “cháu không nhớ đấng Cứu thế đã nói gì sao? Khi các người cho đi của bố thí, đừng để cho tay trái biết tay phải làm gì. Bà sợ rằng cháu còn phải thực tập nhiều Abram ạ. Bây giờ thì đi thôi.”

Quay lại con đường chính, bà nội rời khỏi làng, đi vào một đường phố vắt dần lên cao, đoạn bà bất ngờ rẽ vào một cái cổng chào thấp mà Abram biết rằng sẽ dẫn ra con đường đi lên ngọn đồi Castleberg. “Cũng có ai ở đây hả bà?” cậu thì thầm, nhưng bà chỉ lắc đầu, tiếp tục bước. Bà thuộc con đường này cũng như bà biết mọi ngõ ngách của Settle, và dù trong bóng tối vẫn có thể đi trước dẫn đường bất chấp tuổi tác. Lên đến đỉnh đồi, bà ra tận chỗ mỏm đất nơi thôn làng hiện lên rõ nét bên dưới. Không khí trước một buổi bình minh thật trong lành. Một vài đốm sáng lẻ loi của thị trấn Settle nhấp nháy với họ và xa kia những ngọn sóng lười nhác của con sông Ribble sáng lên nhờ nhờ.

Nền trời đen sâu thẳm có một cái gì thật ấn tượng, không có trăng và những vì sao lấm tấm rải từ chân trời này sang chân trời kia hắt xuống trần một thứ ánh sáng lung linh huyền diệu. Abram nghe có tiếng đàn cừu be be yếu ớt đâu đó trên thung lũng phía sau. Ở trên cao không khí rất lạnh, nhưng mà sáng khoái. Abram nhận ra là chỉ đến lúc này cậu mới thấy lạnh.

Bà nội cắt đứt suy nghĩ của cậu. “Cháu có nhận ra bất cứ ai trong cái chòi nhỏ đó không, Abram?”

Cậu chau mày nhớ lại. Tất cả xảy ra quá nhanh, nhưng hợm đã - dưới ánh đèn, chỉ trong một phần trăm giây, cậu nghĩ cậu đã nhìn thấy khuôn mặt

này - cậu hít vào một hơi thật mạnh. “Nội,” Abram kêu giật giọng. “Đó chính là cái thằng đã đá cháu. Tóc và răng - đều giống lắm.”

Cậu cảm thấy cái gật đầu của nội hơn là nhìn thấy. “Thế đấy... và nó cũng nhận ra cháu nữa. Nhưng bây giờ thì có chuyện gì xảy ra ở đó nào? Cháu có thấy bất cứ điều gì không, nhóc?”

Cậu lại nhăn trán nhớ lại. Không có nhiều ánh sáng cho đến khi cửa mở, chỉ có một quầng sáng - từ cái gì nhỉ? Thế là cậu đã biết: “Nến, những ngọn nến trên bộ cửa.”

“Ui da, thế cháu có nhìn thấy gì ở giá cắm nến không?” Sau một hồi suy nghĩ, cậu lắc đầu.

“Một dải băng đen”, bà nhẹ nhàng nhắc. “Cho cha nó, bị giết ở Flanders hai tháng trước.”

Abram trầm ngâm suy nghĩ, nhìn hơi thở của cậu biến thành hơi nước và bắt đầu rung mình ớn lạnh, cho đến khi bà nội nói, “Tốt nhất là hãy quay về. Vẫn còn đến một chục nơi phải đến. Cuộc chiến tranh còn kéo dài và trong đôi mắt thế gian, Giáng Sinh chỉ là một chớp mắt. Dù vậy, bà nghĩ cháu đã hiểu được nhiều điều.”

Cậu lặng lẽ theo bà nội đi xuống dốc, qua những đường phố vắng vẻ, quảng trường trống trải đi về phía cửa hàng. Những ngọn nến sẽ thắp sáng vào tối nay, Abram thầm nghĩ, thằng tóc đỏ có thể lại xuất hiện, ném đá vào cửa sổ. Nhưng có lẽ là không. Abram nhận thấy nỗi tức giận dành cho thằng nhỏ đó đã lắng xuống. Nếu cậu gặp nó lần nữa, cậu sẽ không muốn đánh nhau với nó đâu. Và cậu cũng hy vọng nếu lúc này nó cũng nhận ra cậu thì có thể cơn giận của nó sẽ qua đi. Có thể sẽ có hòa bình trên trái đất, ít nhất thì cũng là giữa hai đứa con trai, ở Settle này, vào thời điểm này.

Những bậc trưởng lão ở Settle Meeting sẽ không để cho cậu thắp một ngọn nến ở cửa sổ dù là cho cái chiến thắng nhỏ bé này. Nhưng khi những sợi dây tẩm sáp được đốt lên ở nhà vào bữa tối, cậu sẽ nhớ điều này. Rằng

đó sẽ là một hội hoa đăng của người Quaker trong ngày Giáng Sinh. Cũng không phải là cách nghĩ thông thường lắm. Nhưng sẽ là như thế đấy.

quà tặng cho một Giáng sinh đã qua

Kris Neri

Ánh đèn Noel trong ngôi nhà bị kẻ cướp đột nhập chiếu ra bên ngoài hòa với ánh đèn xe tuần tra chiếu trên lối đi. Thám tử Julia Vargas của Sở Cảnh sát Los Angeles thẳng xe thật gấp, nhảy ra khỏi xe, đi đến chỗ người cảnh sát tuần tra chỉ vừa rời nhà nạn nhân, nghe anh ta thông báo những tin xấu nhất.

“Chào Murphy”, cô lên tiếng với người sĩ quan to bè bè có đôi má chảy xệ. Julia không cần phải hỏi vụ trộm này có giống với những vụ khác không, cô có thể nhìn thấy vẻ cảm thông trên khuôn mặt tử tế của Murphy. Đây lại là một vụ thêm vào trong một chuỗi các vụ trộm khác dưới quyền điều tra của cô.

“Chào Julia. Đội trưởng muốn cô báo cáo. Thông báo vừa nghe qua radio.” Murphy nói. Nếu anh có thắc mắc là tại sao cô không trả lời những mệnh lệnh phát qua radio thì anh cũng không hỏi.

Có lý do chính đáng trong sự né tránh của cô. Đội trưởng không cần một báo cáo, ông ta cần một vụ bắt bớ. Một điều cô không thể làm được cho đến lúc này.

“Anh không gặp tôi, Murphy ạ.”

Khóe môi Murphy cong lên trong một nụ cười nhăn nhó lún sâu vào trong hai gò má chảy xệ. “Được thôi, Julia.”

Cô đáp lại bằng một cái gật đầu căng thẳng. Cần cho cô một khoảng thời gian. Ngày mai là ngày nghỉ của cô. Dù vậy, cô cũng chưa biết liệu cô có giải quyết được trong vòng một ngày các việc mà cô không làm được trong suốt mấy tuần qua không.

“Chúc Giáng Sinh vui vẻ, Julia”, Murphy nói với theo khi anh đánh xe đi.

“Hừm”, cô làu bàu về ủ rũ.

Ngày Giáng Sinh! Những gia đình bị bọn trộm thăm viếng sẽ không có hội hè gì hết mà cô cũng thế nếu không giải quyết xong vụ này.

Julie hỏi chuyện những nạn nhân cuối cùng và được biết một câu chuyện cũ mèm. Một lần nữa, bọn trộm tỏ ra kén cá chọn canh lắm. Nhà của các nạn nhân không bị dọn sạch, chỉ những gì đáng giá mới bị chúng nằng đi. Đồ trang sức, đồ điện tử gọn nhẹ, những vật kỷ niệm và tất nhiên tiền mặt. Nhà nào cũng có nhiều món nho nhỏ có giá trị đủ để lọt mắt bọn trộm, và vào thời điểm này còn có cả quà Noel nữa.

Kích cỡ của những món đồ ăn trộm làm cô đau đầu nhất. Rõ ràng không phải bọn trộm là những tay đào tường khoét ngạch chuyên nghiệp - chúng lấy bất cứ món gì, chừng nào món đó nhỏ, gọn. Đôi khi cô tự hỏi không biết kẻ trộm có phải là một người đàn bà bé nhỏ không, nhưng bản thân cô cũng đâu to lớn gì cho cam mà cô vẫn có thể mang được những vật to nặng hơn nhiều.

Julie liếc nhìn quanh đường phố nơi có ngôi nhà vừa bị trộm ghé qua. Một vùng khá tươm, không phải cho dân giàu mà chỉ là hạng thường thường bậc trung, nhưng ở trong tình trạng khá tốt. Đây là chỗ ở của những người có khả năng mua những món đồ tốt, nhưng lại không có khả năng mua lại, một khi nó đã bị mất đi. Những mất mát này trở nên đặc biệt gây khó khăn cho họ vào dịp năm hết Tết đến.

Nỗi đau của các nạn nhân không bao giờ thôi làm cho Julia giận dữ. Thậm chí sau bao nhiêu năm làm trong nghề cảnh sát cô cũng không làm sao quen được với những đau thương, mất mát của các nạn nhân. Có lẽ đó là một dạng đèn bù chằng. Thám tử Vargas không phải lúc nào cũng ở chung trận tuyến với các thiên thần. Cô đã từng là một đứa trẻ giận dữ lạc lối bị một gã đàn ông điều khiển cho mục đích riêng của hắn. Cô và vài đứa

trẻ khác đột nhập vào các ngôi nhà ăn trộm đồ theo chỉ đạo của hắn. Bọn trẻ chỉ cần những lời khen ngợi, không bao giờ hiểu hết mức độ nguy hiểm của việc chúng đã tiến hành trong lúc bao nhiêu lợi lộc gã kia nắm trọn.

Cô rùng mình trước ý nghĩ ngày hôm nay cô sẽ ở đâu nếu như - thật tức cười cũng đúng vào một dịp Noel - thám tử Cruz không tóm được cô lúc cô đang lên vào nhà của một trong những người bạn ông. Ông đã dẫn cô về nhà riêng - trên đường đi cô vừa đấm đá vừa la hét chống lại - và ở đây cô đã được gặp vợ cảnh sát Cruz - một người đàn bà đầy yêu thương, quan tâm đến người khác. Một người đàn bà tóc bạc trắng mà ông giới thiệu với cô là Mama Noel, là Mrs Giáng Sinh, là Mrs Santa Claus. Họ cũng sống trong một ngôi nhà trắng như là ở Bắc Cực. Julie không lọt xác trong vòng một ngày, nhưng dưới sự quan tâm săn sóc của người đàn bà tốt đẹp ấy cô đã từng bước trả lại hè phố những cách thức mà cô học được ở nó trong một thời gian dài lâu lổ.

Julie mỉm cười âu yếm khi nhớ lại bà Cruz. Thám tử Cruz đã chết vào năm ngoái, để bà lại một mình và bà còn chưa hồi phục sau mất mát ấy. Julie chưa mua quà Giáng Sinh cho bà mà chỉ còn mấy ngày nữa để mua hàng. Bao giờ cô cũng cố gắng tìm một cái gì đó đặc biệt phù hợp để chúc mừng ngày kỷ niệm đặc biệt của họ và năm nay việc tìm ra món quà đó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với người đàn bà đã cứu vớt cuộc đời cô, mặc dù bà Cruz một mực cho rằng niềm vui sướng bà nhận được từ sự thay đổi của Julie đã là một phần thưởng quý giá lắm rồi.

Trước khi gặp ông bà Cruz, Julie không thể hình dung ra việc bước vào một ngôi nhà lạ như thế này còn là một cái gì ngoài việc ăn cắp. Cô càng không nghĩ có một ngày cô lại trở thành một sĩ quan cảnh sát chống lại quân trộm cắp. Ngay cả trong những giấc mơ hoang đường nhất cô cũng không bao giờ tưởng tượng ra được là cô lại sống trong một khu nhà cảnh sát. Bây giờ thì nhà của cô chỉ cách cái nhà vừa bị báo cáo là mất trộm có mấy khối nhà thôi.

Bởi vì nhà cô rất gần đây và sau khi xem xét xong, cô đi về nhà. Cô cũng không biết chắc là cô có thích chồng mình đi làm về muộn hay không nữa. Cô sẽ cảm thấy thoải mái hơn nếu có anh ở nhà để có thể nói chuyện công việc với anh, nhưng anh lại bận việc suốt một tuần cho nên chuyện đó cũng khó xảy ra. Có thể một quãng thời gian yên tĩnh sẽ giúp cô chẳng.

Cô rất thích khí hậu ở miền Nam California vào tháng 12. Đất vẫn còn giữ đủ hơi ấm cho việc làm vườn và chăm bón cây cối bao giờ cũng giúp cô suy nghĩ sáng suốt hơn. Rõ ràng cô không phải là người duy nhất thích làm vườn. Công ty Công viên và cây xanh trong thành phố đã đưa ra đề nghị trồng những hàng thông xanh tươi ở dọc hai bên lề đường như một sự chống đối kín đáo lại những điều mà giới chức trách trong thành phố đã làm suốt năm qua. Khi Julie về đến nhà, cô thấy mới chỉ sau vài giờ mà một cây thông ngay trước cửa nhà cô đã được trang trí rất đẹp.

Nhưng không chỉ có cây thông trước nhà cô, Julie nhận thấy vài cây thông khác trong những ngôi nhà bên cạnh được “tô điểm” bằng những đồ trang trí sắc sỡ - dù khá thô sơ, non nớt. Cô nhớ lại cuộc trao đổi với một người bạn vào ngày hôm qua.

“Cây cối là của công ty”, bạn cô nói, “còn đồ trang hoàng là của những người nghèo. Nghe đâu họ mượn cả một đám trẻ con làm việc đó.”

“Tôi thích lắm,” Julia tán thành. “Nó phù hợp với không khí ngày lễ.”

Cô vẫn mỉm cười khi một ý nghĩ lóe lên như một tia chớp trong đầu cô: Madre de Dros! Có thể nào lại thế...?

Cô đánh rơi dụng cụ làm vườn xuống đất, chạy thục mạng ra xe. Cô đánh xe đến những ngôi nhà bị ăn trộm và tìm thấy cũng những đồ trang trí tương tự đã được trang hoàng ở hàng cây trước cửa những ngôi nhà này, trong khi những căn nhà khác trong cùng một đường thì lại không. Thậm chí cô còn đọc được ý nghĩa của các băng giấy màu treo trên các cây được tô điểm. Nó đã được mã hóa, ngầm cho biết nhà nào đã được bọn đạo chích thăm viếng và điều gì cần đặc biệt chú ý khi chui vào nhà chôn chui. “Chưa

có ai vào nhà này”, một cách trang trí cho biết. Hoặc “Cần tiến hành lạng lẽ hết mức, nhà bên có chó.”

Cô nghiên cứu thật kỹ cách trang hoàng vụng về ở một cây thông và nghĩ mình đã phát hiện ra một điều gì. Bây giờ thì cô biết cần phải làm gì rồi.

Bọn trộm đập vỡ cửa sổ bếp và trèo vào theo lối bồn rửa bát. Chúng vớ ngay lấy chiếc cát-xét xách tay để trên bàn bếp, một số đồ trang sức trong phòng ngủ và một vài gói quà nhỏ để bên dưới cây thông Noel.

Từ trong một cái tủ tối om, nữ thám tử Julie Vargas lạng lẽ theo dõi quá trình làm ăn của bọn trộm mà cô đã dụ vào chính ngôi nhà của cô. Sau khi nghiên cứu cách trang trí rất trẻ con ở các thân cây trong thành phố, cô chẳng lấy gì làm ngạc nhiên về bọn người đã chui vào nhà cô ăn cắp, nhưng cô vẫn tìm thấy đôi điều thú vị trong chuyện này. Đứa lớn hơn chắc cũng chỉ 8, 9 tuổi là cùng, trong khi đứa bé thì còn ít tuổi hơn nữa. Chẳng lạ gì, chúng chỉ cầm đi những vật nhỏ gọn nhất.

Julie để cho những kẻ đột nhập vào nhà cô đi ra theo cái đường chúng đã trèo vào rồi lạng lẽ bám theo chúng. Bọn trộm nhỏ tuổi đi qua một chiếc xe cảnh sát trá hình đang quan sát ngôi nhà đến một chiếc xe tải do một trẻ vị thành niên lái, nó đứng ra gom lại những đồ ăn cắp. Chiếc xe đó và một chiếc xe cảnh sát trá hình nữa đi theo chiếc xe tải nhẹ trong lúc tên lái xe đi theo lộ trình của nó. Trước khi trời sáng, cái kẻ già đời khôn ngoan đứng sau điều khiển vụ này sẽ bị bắt giam và hầu hết bọn trẻ tham gia vào vụ trộm sẽ bị đưa vào trại dành cho trẻ vị thành niên phạm pháp.

Julie tóm hai tên trộm của mình ngay khi chiếc xe tải đi khuất. Cô nhét chúng vào hàng ghế sau và lái xe về hướng trụ sở cảnh sát bắt đầu một đêm dài thức trắng chẳng lấy gì làm thú vị. Bao nhiêu năm trong nghề cảnh sát làm cho cô thờ ơ với những lời lăng mạ chĩa vào cô, nhưng không phải lần này. Có kẻ nào có thể thờ ơ đối với những đứa trẻ có một tuổi thơ bị tước đoạt như vậy? Hơn nữa, hơn ai hết cô là người hiểu được cuộc đời sẽ nghiệt ngã đối với cách sống mà chúng đã bị buộc phải lựa chọn như thế nào.

Bất thành lĩnh cô đánh xe quay ngược lại lái về hướng ngược chiều với trụ sở cảnh sát.

“Ê, con heo”, một đứa ré lên. “Không phải đường đến chỗ bọn cóm hay trại giam. Chúng ta đi đâu vậy mà?”

Đến Bắc Cực, những con quỷ nhỏ may mắn ạ, cô nghĩ, để kiếm một cơ hội cho cuộc đời bọn bay. Để xem Mama Noel có thể cứu vớt hai cuộc đời non trẻ này không.

Cô mỉm cười một mình. Giáng Sinh mà, cô không thể hình dung ra cách nào tốt hơn để trả món nợ của cô ngoài cái cách tạo một cơ hội cho những người khác. Với lại, còn món quà nào phù hợp hơn để tặng bà Cruz? Đó là quà Giáng Sinh hôm nay cho một Giáng Sinh đã qua.

đêm Giáng sinh của một viên cảnh sát

Daniel “Chip” Ciammaichella

Đã quá 11 giờ đêm mà còn có 1 cú điện thoại gọi đến qua radio. Ánh sáng hắt lên từ đường phố làm những bông tuyết rơi trông như hàng triệu triệu các đốm sáng là bay về phía mặt đất rồi từ từ đông cứng lại. Viên cảnh sát tự đấu tranh với mình xem có nên trả lời điện thoại không, lại một cái chuông báo trộm ở một cửa hiệu gần đấy. Ca trực của anh chỉ còn chưa đến một tiếng nữa. Nếu có kẻ nào đó đột nhập vào cửa hàng, những giấy tờ liên quan đến vụ này sẽ phải mất đến vài tiếng.

Sal những muốn cái giờ trực còn lại của anh qua phắt cho rồi. Sau cùng, đêm nay là đêm Giáng Sinh mà anh còn phải mua quà cho bọn trẻ. “Cái chuông chắc chắn là đã kêu bởi một nhân viên nào đó khi khóa cửa”, Sal thầm nghĩ khi anh điều khiển chiếc xe cũ còn chạy rất ngon của mình về phía cửa hàng. “Mình không còn thời gian đi lượn lờ ngoài cửa tiệm, chắc là mình đến phải cho tiền bọn nhóc thôi, năm nay cứ để chúng tự mua sắm. Dù sao thì chúng cũng chẳng thích những món mình mua còn Maria thì không khoái cái đoạn mình đột nhập vào nhà cô ấy vào lúc 2 giờ sáng.”

Khi Sal đến cửa hàng, tòa nhà này tối om, chìm trong một vùng chung quanh tĩnh mịch, yên ả. Anh cho xe chạy quanh tòa nhà một vòng, tuyết xoay tròn như trong một cơn bão dữ dội qua ánh đèn pha. Vòng ra phía sau nhà, ánh đèn xe bị nuốt chửng bởi cái bóng đêm sâu thẳm bên trong một gara để ngỏ. Sal truyền tin qua radio về trung tâm rồi ra khỏi cỗ xe ấm áp để xem xét tình hình.

Khi Sal đi vào khoảng không tối om sau cánh cửa, anh nhận thấy những vết chân cô độc trên lớp tuyết mới rơi xuống. Dấu chân dẫn đến tòa nhà nhưng không thấy có dấu chân trở ra. Tay trái anh nắm chắc một cái đèn bấm lớn, tay phải kiểm tra khẩu súng lục đeo ở bên hông mà vẫn không

cảm thấy an tâm cho lắm. Người anh toát mồ hôi, trong khi anh nhớ lại một tòa nhà đen tối khác trong một Giáng Sinh nọ.

Mười năm về trước, Sal phải đối phó một vụ đột nhập vào một cửa hàng bán rượu. Trong khi anh đang lò dò từng bước vào căn phòng tối om thì một luồng ánh sáng làm anh lóa mắt. Anh nghe thấy tiếng động lách cách của một khẩu súng trong khi cả người anh bị quật ngã xuống đất bởi một viên đạn xuyên vào ngực. Mặc dù cái áo chống đạn đã cứu sống anh nhưng nó vẫn làm gãy 3 xương sườn và quật anh ngã xuống với một tiếng hự trong ngực.

Bản năng sinh tồn của Sal được mài giũa qua bao trận chiến vào sinh ra tử đã ngăn không cho anh mất hết lý trí, có được cái phản ứng có tính bản năng để có thể nâng khẩu súng đang đeo bên người lên. Hình ảnh cuối cùng mà anh còn nhớ được là việc anh nâng khẩu súng lên chĩa về phía phát ra ánh sáng, giết chết kẻ tấn công không rõ mặt.

Xua đuổi ký ức khủng khiếp ấy, Sal tắt đèn bấm trước khi vào cửa hàng. Anh cúi lom khom đi qua cửa, để cho mắt mình quen dần với bóng tối đen như mun trong gian hàng.

Trong suốt 17 năm trong nghề cảnh sát của Sal, cửa hàng này đã bị bọn trộm cắp viếng thăm khá nhiều lần. Trong khi mắt Sal hình dung mọi vật trong khung cảnh lờ mờ của gian hàng, Sal nhớ ra nơi đặt công tắc điện.

Trong khi thận trọng dịch chuyển từng phân về phía bảng taplô điện, anh cảm thấy nhói đau ở mạng sườn nơi anh đã nhận một viên đạn 10 năm về trước. Anh rúm người lại khi nhớ lại việc đã được giải thoát khỏi bệnh viện như thế nào và việc nổi đau của vết thương chẳng có nghĩa lý gì khi so sánh với nổi đau thực thể trong tim khi anh phát hiện vợ và con đã từ bỏ anh.

Sal không ngạc nhiên khi Maria mang đàn con bỏ đi. Cuộc sống của họ đã khởi đầu một cách tồi tệ và càng ngày càng xấu đi. Sal không thể buộc mình chia sẻ với cô những nỗi sợ hãi kinh khủng giày vò tâm trí anh và cô cảm thấy mình bị bỏ rơi. Thực ra, anh quan niệm kinh nghiệm của mình với

tư cách là một cảnh sát cũng như là một người lính là một cái gì không thể hiểu được đối với bất cứ ai, kể cả chính anh.

Maria mòn mỏi chờ đợi nhiều năm trong khi Sal trở nên hoài nghi và thiếu lòng tin. Cô lặng lẽ quan sát và thấy càng ngày anh càng phụ thuộc vào công việc và chai rượu Jim Beam để giải khuây. Vào thời điểm Maria mang con bỏ đi, Sal và Maria chẳng khác gì những kẻ xa lạ tình cờ ở chung dưới một mái nhà.

Cuối cùng Sal đã chạm tay vào bảng công tắc và bật đèn lên. Khi ánh sáng bừng lên trong khắp tòa nhà, anh nghe có tiếng bước chân chạy về phía cái cửa mà anh vừa bước vào. Khi anh chạy đến chỗ cửa mở, một chiếc xe cảnh sát khác lại trở tới. Trong khi những viên sĩ quan khác nhảy ra khỏi xe, Sal kêu to: “Người của các anh có thấy bất cứ ai vừa mới chạy ra ngoài không?”

Một trong những người mới đến có bộ dạng của một người có tiếng là thích những trò vui hơn là chia sẻ khó khăn, trả lời với một nụ cười mỉa: “Không, chúng tôi chẳng thấy đứa nào cả. Mà này, lại có thằng lỏi con nào thoát khỏi tay anh rồi à?”

Sal không đáp lại trong khi những người chung quanh, kẻ thì cười hô hố, người thì cười nụ. Sal bực mình quay qua xem xét những dấu chân đi vào, đi ra tòa nhà. Trong khi anh chăm chú phân tích những dấu chân lạ, cơn giận của anh từ từ nhường chỗ cho một nụ cười thoải mái, tự tin. “Có thể cái đồ cặn bã ấy đã chuồn khỏi, mà cũng có thể không. Các anh cứ ở lại đây cho đến khi người quản lý cửa hàng đến, tôi tìm hiểu ở phía bên ngoài.” Sau đó, anh nhìn vào một cảnh sát có thân hình hộ pháp và bảo, “Tại sao anh không làm một việc có ích một chút như là đi theo tôi ra ngoài xe chẳng hạn.”

Trong khi lần theo vết chân mới in trên tuyết, anh thầm nghĩ, “Quả thật giờ súng lên nỏ đùng đùng vài phát dễ chơi hơn là lần theo dấu vết của một con thỏ đực bị thương. Tất nhiên khi truy lùng một con thỏ như thế mình

phải được vũ trang tốt hơn và nhất là bọn thổ đực không được nổ súng trước.”

Dấu chân dẫn anh đi qua một khối nhà và gần đến một khối nhà nữa thì nó lại rẽ vào một lối đi nhỏ dẫn đến một căn nhà nhỏ ọp ẹp, xiêu vẹo. Sal lần theo dấu chân đi đến mái hiên, anh nhận thấy cũng cái dấu chân ấy rõ ràng đã đi ra từ nơi này, sớm nhất là lúc chập tối khi tuyết rơi chưa đủ dày để phủ lên dấu vết. “Trúng tủ rồi”, Sal thì thầm trong bóng tối lạnh cắt da cắt thịt. Anh đập mạnh lên cánh cửa rồi né sang một bên, súng lăm lăm trên tay. Trong nhà vang lên một giọng nói như có nước mắt của một thằng bé, tiếp theo giọng giận dữ của một người đàn bà. Anh nghe có tiếng lạch cạch của nắm đấm cửa, rồi cánh cửa từ từ mở ra, một luồng ánh sáng hắt ra ngoài hiên. Một người đàn bà vẻ mặt thiếu ngủ, mệt mỏi đứng ở ngưỡng cửa. Bà ta mặc một cái áo ngủ nhàu nát, mái tóc màu vàng xỉn cuộn lên bằng những cái lô giấy. Đứng phía sau bà ta, một cậu bé 12 tuổi nhìn ra ngoài với vẻ mặt sợ sệt của một kẻ có chuyện với lương tâm của mình. Trước khi Sal lên tiếng, người đàn bà đã chào anh bằng một giọng căng thẳng: “Chúc ông cảnh sát Giáng Sinh vui vẻ, mời vào... xin mời vào...”

Bước vào nhà, Sal nhìn thấy ngay một túi đồ để tựa vào tường. Một cái áo lông chồn đặt tiền lấp ló ngoài miệng túi. Khi mắt Sal đã quen với ánh sáng mờ mờ trong căn phòng, anh chú ý đến mọi chi tiết trong nhà.

Căn nhà hầu như trống trơn, trừ một chiếc ghế ba chân rệu rã. Trên sàn gỗ để một đống vứt rải rác quần áo và rác thải. Gián thoải mái bò trên những bức tường nứt nẻ và một mùi hôi hám thoảng trong không khí giá lạnh. Sal liếc nhanh vào bếp, nhận thấy cánh cửa sắt mẻ của một bếp lò đang mở toang, ngọn lửa cháy trong lò là nguồn cung cấp nhiệt duy nhất trong nhà.

Khi Sal quay lại nhìn người đàn bà và đứa bé, một cử động ở lối đi làm anh quay phắt lại. Ghé nhìn qua khe cửa là những đôi mắt tròn như mắt nai của ba cô con gái. Sal nhìn về phía chúng một lượt rồi quay lại nói với bà mẹ: “Thưa bà, tôi có lý do để tin là con trai bà đã lén vào cửa hàng Sears

trên đường 110. Tôi dám cá bằng con mắt trái của mình là mớ đồ trong cái bịch nilon lớn kia là đồ ăn cắp từ cửa hiệu ấy.”

Người đàn bà không nói gì, nước mắt bắt đầu tuôn lũ chã từ đôi mắt đỏ ngầu. Bà ta quay sang con trai, lườm nó với ánh mắt lạnh như băng. Thắng bé cố kìm những tiếng nức nở nghẹn ngào, khi nó nói: “Cháu đã lấy trộm đồ đó từ cái cửa hàng... đó... Mẹ cháu và các chị không có quà Giáng Sinh... Mẹ cháu không có tiền mà ai cũng biết là ông già Santa không có thật. Cháu nghĩ rằng ai cũng phải có quà và... rằng cái cửa hàng ấy có mất đi vài thứ cũng chẳng sao.”

Sal có nhiệm vụ làm cho trái tim mình biến thành cục đá khi nhìn vào đôi mắt mờ đi bởi những giọt lệ nom đến là vô tội của thằng nhỏ. “Đừng để lời lẽ của thằng lỏi làm cho mi mềm yếu ngốc ạ”, anh thầm nhủ, “đứa quái nào cũng có một câu chuyện thương tâm hết nhưng điều đó không có nghĩa là chúng có quyền đứng trên pháp luật.” Anh lảng vào mặt thằng bé một cái nhìn hăm dọa nhất khi rút cái còng tay ra khỏi thắt lưng. Anh tiếp tục gườm gườm nhìn quanh khi nói với bà mẹ: “Tôi sẽ giải thằng nhỏ về đồn thừa bà. Nếu bà có một người chị em gì đó trông coi bọn con gái, bà có thể đi theo nó.” Đôi mắt người đàn bà tràn ngập vẻ kinh hoàng khi Sal nói thêm: “Tôi cũng có thể gọi cho Sở An sinh nếu bà không có một người chị như vậy.” Cái nhìn trong mắt bà ta cho Sal biết bà còn sợ nơi này hơn cả đồn cảnh sát nữa.

Trước khi người mẹ trả lời, Sal bắt đầu tra khóa tay vào cổ tay thằng bé, nhưng anh còn chưa làm xong thì ba đứa bé gái đã chạy vào phòng, nước mắt tuôn như mưa. “Làm ơn đừng cho Martin vào tù thừa ông cảnh sát!” đứa lớn nhất kêu lên. “Santa sẽ không đưa nó vào tù thay cho việc tặng quà Giáng Sinh đâu.” Sal không thể nhìn vào mặt bọn con gái, và cảm thấy như trút được gánh nặng khi người mẹ mắng chúng và lừa chúng vào phòng ngủ.

Trong lúc bà mẹ dỗ dành con, Sal kiểm tra các món đồ để trong cái túi đựng rác gồm mấy con búp bê, quần áo cho bọn con gái, một chiếc vòng cổ

đặt tiền và một chiếc áo khoác lông chồn. Sal để ý thấy không có món nào dành cho một thằng bé con. “Có thể nó đã phát hoảng lên trước khi lấy một món gì đó cho mình.” Sal lăm bắm trong họng.

Người đàn bà quay ra, bà có vẻ đã lấy lại được bình tĩnh. Khi Sal cầm tay thằng nhỏ dẫn ra ngoài, bà ta nói: “Martin không phải là đứa trẻ hư, ông sĩ quan ạ. Nó dính vào những chuyện này bởi vì nó không có một người đàn ông bên cạnh để hướng dẫn nó.”

Sal bật ra, “Vậy cha nó đâu?” Nhưng chưa nói hết ý thì anh đã ước gì cái miệng rộng của anh đừng mở ra nhanh như thế. “Mình lại sắp nghe một câu chuyện làm tan nát cả trái tim đây”, anh nghĩ, khi quay mặt về phía người đàn bà.

“Cha của Martin không phải là một người tử tế. Hẳn ta chẳng có một điểm nào tốt, chỉ biết uống rượu, xài ma túy và đánh đập tôi. Thật ra hẳn cũng đã cố tu tỉnh sau khi Martin ra đời, nhưng bạn bè xấu và ma túy đã làm tất cả để cuộc đời con người này chấm dứt.” Người đàn bà dừng lại, sau đó lại tiếp tục, phần nào cay đắng hơn. “Khi Martin được 2 tuổi, cũng vào đêm Noel cha nó đã bị cảnh sát giết chết khi đột nhập vào một cửa hàng bán rượu. Kể từ đó, tôi đã phải xoay xở làm hàng chục nghề chỉ dành cho đàn ông để nuôi sống 5 miệng ăn. Tôi không bao giờ được trợ cấp...”

Người đàn bà tiếp tục kể lể, nhưng Sal không còn nghe nữa. Trong đầu anh lại hiện về hình ảnh dễ sợ trong cửa hàng rượu mười năm về trước. Anh nhớ là mình chưa bao giờ thấy mặt cái kẻ mà anh đã bắn và sau đó cũng từ chối xem xác hẳn. Vết đau ở mạng sườn lại nhói lên, anh cảm thấy mình có thể nôn ọe vào bất cứ lúc nào. “Không thể là cái gã ấy,” anh nghĩ. “Mà nếu có là gã đi chẳng nữa thì chính gã đã bắn mình trước, mình chỉ nổ súng vào cái kẻ đã tấn công mình thôi.” Chưa bao giờ Sal nghĩ tên trộm đã làm anh bị thương như một người còn sống thật. Cho đến lúc này chưa bao giờ anh thoáng có ý nghĩ là con người ấy có thể cũng có một cuộc sống và có thể đã bỏ lại một gia đình.

Những cảm xúc dồn nén trong ngực Sal có vẻ như sắp phụt ra như một núi lửa. Anh quay mặt đi chỗ khác, hy vọng người đàn bà và thằng con trai không đọc được suy nghĩ của anh.

“Tôi lấy bàn chải đánh răng cho Martin nhé. Nó có được phép mang theo không?” Giọng người đàn bà không to hơn một tiếng thì thầm.

Trong một giây, một cái gì đó trong Sal nổ ra. Tất cả những nỗi đau buồn, giận dữ chất chồng của quá khứ dường như đã nhấc khỏi tim anh, và anh biết mình phải làm gì. “Không”, anh đáp một cách thô bạo, rồi quay về phía thằng bé, tháo chiếc còng tay ra. “Ta sẽ cho cháu một cơ hội, nhóc ạ.” Anh nói bằng một giọng của một cảnh sát uy quyền nhất. “Nhưng nếu ta còn bắt gặp người dù chỉ khạc nhổ trên đường phố, thì ta cũng bắt nhốt lại và ném chìa khóa đi.”

Cả đứa con trai và người mẹ đều không nói nên lời, họ chỉ nhìn Sal vẻ kinh ngạc và biết ơn. Sal nói tiếp: “Bây giờ thì cầm chiếc chìa khóa này, cho tất cả những món đồ ăn cắp kia vào cốp xe của ta đậu ở ngoài kia kìa. Nói với cái chú mập ú ấy là ta sẽ trả lời tất cả những câu hỏi của chú ấy sau.” Thấy thằng bé do dự, anh quát lên: “Đi ngay và làm đi trước khi ta đổi ý.”

Khi thằng bé túm lấy cái túi đồ, chạy ra cửa, Sal thò tay vào túi rồi quay về phía người đàn bà. Anh cúi mặt nhìn xuống sàn khi đặt một xấp tiền vào tay người đàn bà: “Tôi, tôi muốn bà dùng số tiền này mua quà Giáng Sinh cho bà và sắp nhỏ. Tôi không chịu được hành động trộm cắp, nhưng đêm nay là đêm Noel, và lũ trẻ xứng đáng có một món quà thật ý nghĩa.”

Thằng bé quay lại trả cho Sal chiếc chìa khóa. Người đàn bà vẫn không nói được câu nào mà Sal cũng tránh không nhìn bà. “Đừng nghĩ cháu có thể chạy thoát với trò trộm cắp ấy,” Sal nói với thằng bé giọng nghiêm khắc. “Chú sẽ đi lại quanh đây để biết chắc là cháu vẫn ở trong vòng kiểm soát. Chú biết chắc là chú có thể tìm ra một trăm việc ở đây cho cháu làm để đền bù cho lỗi lầm của mình.”

Khi Sal quay đi anh bắt gặp ánh mắt người mẹ. Đôi mắt đẫm lệ thể hiện cùng một lúc sự biết ơn, nỗi đau và Sal nghĩ... cả nỗi thương thân. Anh vội vàng quay đi và bước về phía cửa. “Giáng Sinh vui vẻ!” anh nói, khi nhanh nhẹn bước qua ngưỡng cửa đi ra ngoài không gian tuyết trắng. Trong lúc đi ra xe, Sal nghĩ anh nghe người đàn bà nói: “Chúa sẽ phù hộ ông.” Nhưng lời lẽ của bà ta khó mà to hơn tiếng đập dữ dội của trái tim trong lồng ngực anh.

Sal biết rằng anh chẳng có trách nhiệm gì về tình trạng sinh tồn của Martin và gia đình nó nhưng cũng lúc ấy anh biết mình sẽ làm một cái gì đó.

“Có thể mình muốn giúp những người này thay cho tất cả những người mình không thể giúp”, Sal tự nhủ khi anh chui vào xe của anh. “Có thể đó chỉ là một việc phải làm, thế thôi.”

Khi Sal sập cửa xe, anh nghĩ anh nghe thấy tiếng leng keng trong vắt của một cỗ xe trượt. Ngẩng lên, anh thoáng thấy một cái bóng lướt đi rất nhanh trong màn đêm mênh mông tuyết trắng. Anh nhìn người cảnh sát béo ục ịch với một ngụ ý rõ ràng, tốt nhất không nên có bất cứ một câu hỏi nào trong khi họ phóng qua những đường phố phủ đầy tuyết ở Cleveland để trở về đồn cảnh sát.

Khi chiếc xe đậu lại trong nhà xe ở dưới tầng hầm, Sal lấy chùm chìa khóa đi ra sau mở cốp xe lấy túi đồ ăn cắp, người cảnh sát to béo đi thẳng đến căn tin. Sal tra chìa khóa vào ổ, liếc nhìn đồng hồ đeo tay và nhăn mặt.

“Chết rồi tất cả các cửa hàng đều đóng cửa rồi... đành vậy, bọn nhóc sẽ phải nhận tiền tự mua quà Giáng Sinh thôi.”

Mặc dù vậy tâm trạng anh rất u ám, bởi anh biết con trai anh muốn có những chú rùa Ninja, còn con gái mơ có một cái đài... những món quà anh đã hứa với Maria là sẽ tự tay mua.

“Mình đoán người ta sẽ phong mình là Người cha trong năm,” anh lầm bầm khi mở cốp xe lên.

Khi anh lấy cái túi đựng đồ ăn cắp ra, anh phát hiện còn hai cái túi nữa... không nằm trong số đồ lấy cắp, vừa mới đây còn chưa có. Anh thở gấp khi nhận ra đó là một bộ đồ chơi Rùa Ninja dành cho một cậu con trai cỡ tuổi con anh và món kia là một cái cátxét xách tay hiệu Sony. Đầu tiên anh nghĩ anh bạn béo mập có thể biết nghĩ đến người khác hơn là chỉ biết chén bánh donut, đã đến siêu thị mua quà cho con anh trong lúc anh giải quyết vụ Martin, nhưng có một mẫu giấy từ cái hộp đựng cátxét rơi ra:

“Tôi nay anh đã làm một việc tốt cho một gia đình khốn khó, tôi hy vọng anh cũng sẵn lòng làm một việc cho tôi. Năm nay tôi đã bị rớt lại đằng sau, vì vậy phiền anh hãy chuyển những món quà này đến tận tay con anh hộ tôi. Merry Christmas. Kris Kingle.”

Vài phút sau, hai sĩ quan đi làm nhiệm vụ trở mắt ra nhìn Sal nằm trên sàn xi măng, vừa cười như điên vừa hát nghêu ngao bài “Jingle Bell” như thể anh đã xin quắc cần câu. Họ còn sửng sờ hơn khi thấy Sal nháy lên, nồng nhiệt ôm họ, miệng kêu toáng lên “Merry Christmas!” trước khi chạy ra khỏi trụ sở như một người điên, cái ánh long lanh trong mắt anh thì họ chưa trông thấy bao giờ.

một đêm Giáng sinh dài

Grant Walker

Katey nhìn tuyết tan trên bề cửa sổ. Xa xa ngoài kia, tuyết rơi lả tả trong bóng đêm và lấp lánh dưới ánh sáng đèn đường. Hai tay cô ép chặt vào ngực.

Chắc gia đình cô đang quây quần bên nhau vừa xem video về Noel vừa ăn bánh kẹo và uống eggnog. Đứa cháu gái và hai cháu trai chắc đang sung sướng nhảy nhót trong phòng, hồi hộp kích động chờ ông già Noel đến. Katey thở dài. Thật là một đêm Noel lạ lùng.

Cô quay lại phòng của y tá. Tijiak đang ở đây, đọc một trong những cuốn tiểu thuyết ly kỳ của cô và ăn kẹo ngôi sao. “Chị kiểm tra qua ông Tinsel chưa?” cô hỏi. Tijiak gật đầu, không rời mắt khỏi cuốn sách đang đọc: “Có chuyện gì không?” Tijiak lại lắc đầu. Katey nhịp nhịp ngón tay lên mặt quây. Tijiak đặt cuốn sách xuống, nhìn Katey mỉm cười: “Sao mà chị cứ bồn chồn như một con gà tây trong ngày lễ Tạ ơn vậy.”

“Tôi biết”, Katey thở dài, “chỉ là tôi không thể không nghĩ đến nó. Chị ấy cứ ngồi ở đấy bên cạnh anh ta, thật cô đơn. Chị ấy đã không ngủ nghỉ gì trong 48 tiếng vừa qua.” “Noel không có nghĩa là không có ai bị bệnh.” Tijiak đáp.

“Tôi biết, nhưng điều này khác chứ, nó...” Giọng Katey nghẹn lại. Ý nghĩ của cô quay về căn phòng phía dưới nơi bà Tinsel ngồi cầu nguyện cạnh chồng. Một người đàn ông mới 30 tuổi, sức khỏe tốt, nhưng lại đang nằm đây trong trạng thái hôn mê sau một cơn đau tim vào hai ngày trước.

“Anh ấy sẽ khỏe lại”, người vợ nói với cô. “Chúng tôi vừa mới chuyển đến đây. Không bạn bè, không con cái, không họ hàng. Anh ấy là tất cả những gì mà tôi có.”

Tijiak nhẹ nhàng đặt tay lên vai Katey vẫn bồn chồn nhịp nhịp ngón tay xuống quầy. “Sao chị không thử xuống dưới đó xem sao?” “Được, để tôi xuống xem sao.”

Bà Tinsel ngồi trên một cái ghế kê cạnh giường, hai tay khoanh lại đặt trong lòng. Chỉ có ánh sáng bên ngoài và khuôn mặt tròn, dịu dàng của chị sáng lên mờ mờ trong căn phòng. Người chồng thở đều đều nhưng vẫn bất tỉnh nhân sự. Đó là một người đàn ông cao lớn, mạnh mẽ và theo bà Tinsel đó là một con ngựa hoang ngoài thảo nguyên với một trái tim vàng. Có vẻ như anh không hiện diện trong căn phòng yên tĩnh chỉ có tiếng cầu kinh và tiếng máy trợ tim kêu rì rì. Bà Tinsel ngẩng đầu lên khi Katey bước vào. “Tôi cứ mãi nói chuyện với anh ấy”, chị nói, vén mái tóc dài màu nâu vàng lên khỏi khuôn mặt, “anh ấy chẳng nói cái gì hết, nhưng tôi thấy mi mắt anh ấy động đậy. Tôi nghĩ có một lần anh ấy siết chặt tay tôi.”

Katey bước đến gần, kiểm tra máy đo. “Chị cần nghỉ ngơi một lát chị Tinsel ạ”, cô nói, vì không biết nói điều gì khác. “Tôi vẫn khỏe mà, với lại tôi cũng không có cách nào ngủ được.” Người vợ dừng lại, rồi ngẩng đầu nhìn lên, đôi mắt xám của chị sáng lên trong căn phòng tranh tối tranh sáng. “Cô nghĩ là anh ấy sẽ tỉnh lại chứ? Tôi muốn nói, không có ai ra đi vào đêm Chúa ra đời, phải không?”

“Không đâu.”

“Bác sĩ nói nhà tôi sẽ ở trong tình trạng này một thời gian dài. Rất có thể, anh ấy sẽ không còn được như cũ, kể cả khi đã qua cơn hiểm nghèo. Nhưng tôi không quan tâm, tôi chỉ cần anh ấy quay trở lại. Cha mẹ tôi đã mất từ khi tôi còn bé, chẳng có ai thực sự muốn quan tâm đến mắt đến tôi. Tôi cứ bị luân chuyển, xê dịch như các quân bài trên bàn. Cô đơn lắm cô biết không, chẳng có ai để tôi trao gởi trái tim. Rồi tôi gặp Brian,” chị đặt bàn tay mảnh dẻ của mình lên vai chồng. “Tôi không thể chịu cảnh cô đơn một lần nữa.”

“Kẹo nhé?” Đó là Tijiak với một đĩa đựng những viên kẹo ngôi sao. Khuôn mặt bà Tinsel tươi lên một chút với sự cắt ngang này. Họ cùng nhau

nhai kẹo trong im lặng.

“Tôi còn nhớ một kỳ Giáng Sinh.” Katey kể, “Trong khu nhà chúng tôi ở hồi ấy có một người góa vợ, làm nghề mộc. Ông ấy không có con, nhưng bao giờ ông cũng làm những món quà cho tất cả bọn trẻ con trong khu phố. Những món đồ bằng gỗ: xe hơi, xe tải, nhà cho búp bê thậm chí cả những con quay nữa. Những món đồ rất đẹp đẽ, tinh xảo. Rồi một năm ngôi nhà ông bén lửa bốc cháy vào ngay trước ngày lễ Noel và thế là tất cả những món đồ chơi đó đều bị phá hủy. Nhưng ông không tiếc căn nhà, chỉ tiếc đám đồ chơi. Ông ấy buồn lắm. Tất cả chúng tôi đều cầu chúc mọi sự tốt lành cho ông. Sau đó cha tôi, chú tôi và một số người lớn khác họp lại mua cho ông dụng cụ làm mộc. Họ làm một xưởng mộc trong gara một nhà hàng xóm và cùng nhau làm những món đồ chơi suốt mấy ngày không nghỉ. Tất cả bọn trẻ con chúng tôi, sau giờ học lại tập trung đến đấy xem. Nó cũng giống như một cái xưởng làm mộc của Santa vậy. Người lớn còn đội cả những chiếc mũ màu đỏ. Tôi còn nhớ mẹ tôi nói đó là phép màu của ngày Noel.”

Katey dừng lại, đột nhiên cô cảm thấy mình ngớ ngẩn. Cô cũng không hiểu tại sao mình lại kể ra câu chuyện ấy. Bà Tinsel nhìn cô, cô mỉm cười nhưng có vẻ rất mệt mỏi. “Chuyện cô kể hay lắm”, chị nói, “tôi chưa bao giờ có trong tay một phép màu, nhưng tôi có một phép màu như vậy ngay bây giờ.”

“Mọi người không bao giờ biết được chuyện gì sẽ xảy ra đâu”, Tijiak nói, đặt cái kẹo của cô xuống. “Có một chuyện xảy ra ở một bệnh viện, lúc ấy tôi đang làm việc ở khu vực cấp cứu. Trong ca trực đêm của tôi vào một đêm Noel như thế này, chúng tôi nhận một bệnh nhân vừa được mổ cấp cứu xong. Bệnh nhân và vợ không phải là người địa phương, họ sống ở phía nam Missouri và đến đây đi du lịch. Thực ra ca mổ đã thành công, nhưng ngay sau đó có những biến chứng nghiêm trọng và bệnh nhân rơi vào trạng thái hôn mê kéo dài. Chúng tôi tiếp nhận ông vào phòng săn sóc đặc biệt trong trạng thái hôn mê ấy. Hết ngày rồi tuần trôi qua, biến chứng càng trở

nên xấu hơn, bệnh nhân có những triệu chứng của một tình trạng mà ngay cả sự can thiệp của y học cũng không dễ làm được một thay đổi nào. Cuối cùng, sau vài tháng các bác sĩ hội chẩn lần cuối và đi đến kết luận bệnh nhân sẽ không bao giờ tỉnh lại. Ở đây có một vài điều rất lạ lùng. Một trong những điều lạ nhất là người vợ như một người sống trên sao Hỏa, không hề biết ký séc hoặc thanh toán các hóa đơn và giải quyết công việc nhà. Họ là những người giàu có. Chị vợ hết như một cô gái thủy cung sống trong tòa lâu đài với người chồng hết lòng nâng niu, không muốn để cho vợ biết đến những khía cạnh chẳng lấy gì lãng mạn của cuộc sống đời thường. Họ không có con cái và người thân, vì vậy khi người chồng nằm xuống, chị vợ như một người thức dậy sau một giấc mơ dài. Trong suốt thời gian người chồng nằm trong phòng săn sóc đặc biệt, các y tá, kỹ thuật viên và những người có liên quan phải dạy chị ta cách ký tên vào các tờ séc, liên hệ với các khách sạn, đăng ký các chuyến đi, tìm ra một luật sư giỏi và vân vân. Một buổi sáng trong lúc chuẩn bị tắm cho bệnh nhân, cô y tá vừa làm vệ sinh vừa nói chuyện với ông như họ bao giờ cũng được huấn luyện để làm thế. Ngay cả một bệnh nhân trong trạng thái hôn mê sâu cũng có thể có phản ứng. Hôm ấy trong lúc chăm sóc bệnh nhân cô y tá nói như mọi lần. “Chào ông, đến giờ tắm rồi. Ông thấy trong người thế nào?” Đột nhiên ông ấy mở mắt ra và thậm chí còn trả lời rất rành rọt. “Như chúng ta có thể trông đợi. Còn cô thì sao?” và ông chăm chú nhìn cô y tá. Cô này từng sờ đến nỗi phải mất mấy giây mới cất tiếng gọi tất cả chúng tôi đến bên giường ông và giục: “Nói chuyện với ông ấy đi.” Tất nhiên chúng tôi nghĩ cô ấy hẳn đã phát rồ nhưng vẫn làm theo yêu cầu của cô ta. Người đàn ông mở mắt ra một lần nữa, trả lời các câu hỏi của chúng tôi. Các bác sĩ trong ca trực được mời đến cùng những chuyên gia hô hấp và tất nhiên cả người vợ. Trong ngày hôm ấy, bệnh nhân đã bất tỉnh hàng mấy tháng trời đã tỉnh lại nói chuyện như sáo với vợ, hướng dẫn người vợ các cách thức điều hành công việc làm ăn của họ, cần phải làm gì với những bất động sản, những con tàu, tài sản, cổ phiếu, tài khoản vân vân và ông ấy nói liên tục không nghỉ trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Sau khi nói chuyện công việc xong, ông nói với vợ là cuộc hôn nhân của họ tốt đẹp như thế nào, người vợ yêu đã có

ý nghĩa như thế nào trong đời mình. Sau đó ông nhắm mắt lại và lại chìm vào một trạng thái mà ông đã ngủ yên bấy lâu nay.”

Kể chuyện xong, Tijiak quay về phía giường bệnh: “Không thể giải thích bằng những kiến thức y học, nhưng chuyện xảy ra như thế đấy. Đó là một điều màu nhiệm, một phép màu của ngày Giáng Sinh.”

“Cô có nghĩ Brian có thể nghe được câu chuyện giữa chúng ta không?” Bà Tinsel hỏi, khắp khởi hy vọng.

“Anh ấy đang ở đây”, Tijiak đáp, “tôi tin là có.”

“Đúng thế”, bà Tinsel nói, mỉm cười. Chị nhìn xuống người chồng. “Anh sẽ quay về, anh có nghe thấy không?” Rồi chị hít vào một hơi thật sâu. “Tôi nghĩ tôi có thể ngủ được một lát.”

Katey cầm tay người đàn bà. “Chúng tôi sẽ chăm sóc anh ấy.”

Bà Tinsel siết chặt tay cô và đứng dậy: “Tôi đã không cầu Chúa nhiều, nhưng tôi nghĩ có thể tôi nên làm điều đó ngay bây giờ. Các cô sẽ cầu nguyện cùng với tôi chứ?”

“Vâng”, Katey đáp.

Và họ làm thế trong suốt đêm Giáng Sinh dài.

lá thư ngày Giáng sinh

Anton Chekhov

I.

“Tôi sẽ viết cái gì đây?” Yegor nói, nhúng ngòi bút vào lọ mực.

Vasilisa đã không gặp con gái bốn năm rồi. Con gái bà - Yefimya - đã đi biệt lên Petersburg sau đám cưới, chỉ gửi về có hai lá thư và từ đó như biến khỏi cuộc đời họ, không để lại một hình ảnh hay một lời nào. Dù bà mẹ già có đang vắt sữa bò vào lúc tỉnh mơ hay nhóm lò hoặc ngủ gà gật vào ban đêm thì bao giờ bà cũng chỉ nghĩ đến một chuyện và chỉ một mà thôi - chuyện gì đã xảy ra cho Yefimya, không biết cô có còn sống ở cái nơi xa tít tắp kia không. Bà phải gửi cho con một lá thư nhưng mà chồng bà không biết chữ và quanh đây cũng chẳng có ai biết viết.

Rồi mùa Giáng Sinh đến gần, Vasilisa không chịu đựng được lâu hơn nữa, bà tìm đến Yegor ở quán rượu. Y là em vợ chủ quán, thường ngồi vạ vật trong quán rượu chẳng làm gì từ sau ngày giải ngũ. Người ta nói rằng, y có thể viết thư nếu được trả công hậu. Đầu tiên, Vasilisa nói chuyện với đầu bếp, rồi vợ chủ quán, cuối cùng là chính Yegor. Họ thỏa thuận mức tiền công là 15 kôpêc.

Và bây giờ - vào ngày thứ hai của mùa lễ, trong gian bếp sau quán rượu, Yegor ngồi bên bàn, bút sẵn sàng trên tay. Bà già Vasilisa đứng đó, khuôn mặt nhăn nheo hẳn lên nét đau khổ, âu lo. Piot, chồng bà, một ông già quắt queo, cái đầu hói chỉ còn thừa vài sợi tóc bạc, cùng đi với bà. Ông đứng đó nhìn trân trân về phía trước như một người mù. Trên bếp lò có đặt một cái chảo đang om một miếng thịt heo, ngọn lửa kêu vù vù và cái chảo rán kêu xèo xèo đều như có một điều gì muốn nói. Không khí trong bếp ngột ngạt, căng thẳng.

“Tôi phải viết cái gì đây?” Yegor hỏi lại lần nữa.

“Cái gì à?” Vasilisa hỏi, nhìn y vừa giận dữ vừa nghi ngờ. “Đừng có làm rộn tôi. Cậu không viết những chuyện không không đâu, đừng lo lắng, cậu sẽ được trả công mà. Bây giờ thì viết đi. “Gửi Andrey Hrisanfith con rể thân yêu và đưa con gái yêu thương duy nhất Yefimya Petrovna”.”

“Xong rồi, đọc tiếp đi.”

“Cha mẹ chúc các con một Giáng Sinh hạnh phúc. Cha mẹ vẫn còn sống, mạnh khỏe và mẹ cũng mong các con được như vậy... lạy Chúa lòng lành... lạy Đức vua trên trời...”

Vasilisa im bật, suy nghĩ và trao đổi mấy cái liếc mắt với ông chồng.

“Và mẹ cũng muốn các con như vậy, lạy Đức Chúa trời, vị Vua cao cả trên trời”, bà lặp lại và bật khóc.

Rồi bà ghen ngào không nói nên lời. Vậy mà trước đó, trong lúc bà nằm nghĩ ngợi suốt đêm bà đã tưởng đâu bà không thể nói hết những điều muốn nói trong hàng chục lá thư. Từ ngày cô con gái độc nhất theo chồng đi xa, đã bao nhiêu nước đổ ra biển cả rồi, hai người già sống trong cảm giác mất mát, hàng đêm nằm thở dài, nặng trĩu tâm tư, cứ như thể họ đã chôn đưa con gái ấy. Có biết bao nhiêu sự cố đã diễn ra trong làng từ cái ngày ấy, bao nhiêu người lên xe hoa, bao nhiêu người trở ra nghĩa địa. Bao nhiêu mùa đông dài dằng dặc! Bao nhiêu đêm trường đằng đằng!

“Nóng quá”, Yegor nói cởi nút áo khoác ngoài. “Phải đến 70 độ [1] không chừng. Còn gì nữa nào?”

Hai người già vẫn câm lặng.

“Con rể hai người làm gì ở Petersburg?”

“Nó là một người lính, anh bạn tốt ạ”, ông già trả lời bằng một giọng yếu ớt. “Nó giải ngũ cũng cùng thời gian với cậu. Phải, nó là một người lính và bây giờ chắc chắn nó đang sống ở Petersburg, ở một cơ sở thủy y nào đó. Chả là chỗ ấy, bác sĩ chữa bệnh bằng nước ấy mà. Thế là, chắc chắn con rể tôi đang làm gác cổng cho một bệnh viện như thế.”

“Đây nó đã viết ở đây”, bà già nói, lấy từ trong túi áo ra một lá thư. “Già này nhận được thư này của Yefimya, chỉ có Chúa mới biết là vào lúc nào. Có thể là bây giờ chúng không còn sống trên đời này nữa.”

Yegor suy nghĩ một lát rồi bắt đầu ngoáy bút lia lịa. “Vào lúc này”, y viết, “từ khi số phận của các con thông qua việc phân công con vào lực lượng quân sự, chúng ta khuyên con xem lại Bộ luật về kỷ luật các vụ vi phạm của các viên chức trong Văn phòng Chiến tranh.”

Y vừa viết vừa đọc to những điều đang viết trong lúc bà lão Visilisa cân nhắc những điều muốn nói trong thư: năm ngoái họ đã hết lòng trông mong được mùa như thế nào, vụ bắp của họ không kéo dài dù là chỉ đến mùa Giáng Sinh ra sao, vì đâu mà họ buộc lòng phải bán đi con bò sữa... Bà cần phải hỏi xin con gái một ít tiền, cần phải viết ra giấy trắng mực đen là ông già thường xuyên phải chữa bệnh và không nghi ngờ gì nữa chẳng bao lâu nữa ông cũng đến phải dâng linh hồn mình cho Chúa... nhưng làm sao có thể diễn đạt những điều này qua ngôn ngữ? Cái gì cần nói trước, cái gì cần nói sau?

“Hãy chú ý”, Yegor tiếp tục viết, “trong cuốn 5 của bộ Điều lệ Quân đội thì người lính là một từ thông thường và phù hợp, một người lính ở cấp bậc cao nhất được gọi là tướng còn ở cấp bậc thấp nhất là binh nhì...”

Ông già cắn cắn môi và nói nhỏ nhỏ: “Nên chẳng cũng phải hỏi thăm mấy đứa cháu ngoại.”

“Cháu ngoại?” bà già bật lên, giận dữ nhìn chồng, “có thể là chẳng có đứa nào hết.”

“Phải, nhưng cũng có thể là có. Ai mà biết được?”

“Và do đó con có thể phán đoán”, Yegor hồi hã viết tiếp, “chỗ nào có kẻ thù còn chỗ nào thì không. Kẻ thù lớn nhất của chúng ta là Bacchus.” Ngồi bút sột soạt trên giấy để ra những ngôn từ hoa mỹ trông như những cái móc câu. Yegor vội vàng viết tiếp rồi đọc lại từng dòng một vài lần. Y ngồi thẳng trên ghế, duỗi bàn chân to bè dưới gầm bàn, vẻ no đủ, dồi dào sức

khỏe với khuôn mặt xù xì thô ráp của một con thú, cái cổ đỏ rần như cổ bò mộng. Bản thân y đã là một kẻ phạm phu tục tử, lỗ mãng, tự phụ, cho là mình vô địch, tự hào với việc đã được sinh ra và lớn lên trong một gia đình có của ăn của để. Bà lão Vasilisa hiểu rõ sự lỗ mãng, nhưng không thể diễn đạt điều đó bằng lời mà chỉ có thể nhìn hẩn vừa giận dữ vừa ngờ vực. Đầu óc già nua của bà bắt đầu ong ong nhức nhối, các ý nghĩ cứ rối tung lên trước giọng đọc và lời lẽ ngu ngốc của y, cũng vì hơi nóng ngột ngạt trong bếp nữa. Bà chẳng nói được câu nào mà cũng chẳng nghĩ được điều gì hết, chỉ ngây người đợi cho y ngoáy xong. Nom ông già lại có vẻ hoàn toàn tin tưởng. Ông lão tin vào bà vợ già đã dắt ông đến đây, tin vào Yegor và khi ông nhắc đến cơ sở thủy y, thì có thể thấy ông tin cả vào cơ sở y tế này và liệu pháp trị bệnh bằng nước.

Viết thư xong, Yegor đứng lên đọc lại từ đầu đến cuối. Ông già chẳng hiểu lấy một từ nhưng ông gật gù vẻ tin tưởng. “Tốt lắm, nghe thật trôi chảy...”, ông nói. “Chúa sẽ phù hộ cho cậu một sức khỏe tốt. Được, được lắm...”

Hai vợ chồng già đặt lên bàn 3 đồng 5 kôpêc rồi ra ngoài quán rượu, ông già nhìn về phía trước với ánh mắt bất động không sinh khí như mắt người lòa, một vẻ tin tưởng tuyệt đối viết lên trên mặt ông, còn bà Vasilisa thì giận dữ xua đuổi một con chó khi ra khỏi quán và bực bõ nói:

“Hừm, con vật mắc dịch!”

Suốt đêm ấy bà không chợp mắt, những ý nghĩ rối bời giày vò bà lão, ngày vừa rạng ở chân trời bà đã trở dậy, cầu nguyện và đi ra bưu trạm gửi thư. Từ nhà đi đến đó cũng mất 8, 9 dặm đường.

II.

Cơ sở chữa bệnh bằng nước của bác sĩ B.O. Mozelweiser làm việc cả vào ngày Tết và mọi việc cũng diễn ra như ngày thường, chỉ có một điều khác biệt duy nhất, người gác cổng, bác Andrey Hrisanfitch, diện một bộ đồng phục có một dải viền mới cáu, đôi ủng vừa được đánh xi bóng loáng và bác

ta chào mỗi người khách đi qua cổng bằng một câu đơn đả: “Chúc mừng năm mới.”

Lúc đó là buổi sáng, Andrey Hrisanfitch đứng cạnh cửa, đang đọc báo. Đúng 10 giờ một vị tướng bước vào, đó là một vị khách thường lui tới và đi ngay sau ông tướng là một bưu tá. Andrey giúp vị tướng cởi áo khoác và nói.

“Chúc Đức ông một năm mới tốt lành.”

“Cảm ơn anh bạn, tôi cũng chúc anh như thế.”

Lên đến đầu cầu thang ông tướng hỏi, gật đầu về phía một cái cửa (ngày nào ông cũng hỏi đúng cái câu ấy và bao giờ cũng quên câu trả lời).

“Phòng này là phòng gì vậy?”

“Dạ thưa ngài, đó là phòng xoa bóp.”

Khi bước chân của vị tướng tắt hẳn, Andrey quay ra nhìn vào đồng hồ phẩm vừa mang tới, tìm thấy một lá thư mang tên mình. Bác ta bóc ra, đọc một vài dòng rồi lại quay sang tờ báo, sau đó nhẩn nha quay về phòng mình dưới chân cầu thang ngay ở đoạn cuối hành lang. Vợ bác, Yefimya đang ngồi trên giường cho con bú, nó vẫn khóc, đứa lớn nhất đứng bên cạnh, ngả cái đầu có những món tóc loăn xoăn lên đầu gối mẹ, đứa thứ ba nằm ngủ trên giường.

Đi vào phòng, Andrey đưa cho vợ lá thư và nói:

“Từ dưới quê gửi lên, chắc thế.”

Nói đoạn bác bước ra khỏi phòng, vẫn không rời mắt khỏi tờ báo. Bác ta có thể nghe cái giọng run run của vợ khi đọc những dòng đầu tiên. Cô đọc lại lần nữa rồi không thể đọc tiếp được nữa, những dòng này là đủ với cô. Yefimya bật khóc nức nở rồi ôm đứa trẻ lớn nhất vào lòng, hôn lên má nó và bắt đầu nói - khó có thể nói rõ là cô đang cười hay đang khóc.

“Của bà ngoại và ông ngoại con... từ dưới quê đấy... Lạy Đức mẹ linh thiêng, lạy cái vị thánh thần và những người tuần đạo! Tuyết dồn lên thành từng đống dưới các mái nhà... cây cối trắng xóa hết cả. Bọn con trai trượt trên những chiếc xe trượt tuyết... và người cha già đầu hói của con đang nằm trên nắp lò sưởi... và có một con chó nhỏ lông vàng... Các con thân yêu!”

Andrey Hrisanfitch nghe những lời này, sức nhớ là vợ bác đã ba bốn lần đưa thư cho bác, nhờ bác gửi về quê nhưng bao giờ cũng có một việc quan trọng nào đó không cho bác làm điều đó, thế là những lá thư ấy không bao giờ được gửi đi và bằng một cách nào đó cũng lạc đi đâu mất.

“Những con thỏ nhỏ nhớn như chơi đùa trên các cánh đồng”, Yefimya ê a đọc tiếp, vừa hôn con trai vừa lau nước mắt. “Ông ngoại con là người nhân hậu, hiền lành, bà ngoại cũng rất tốt - một trái tim dịu dàng. Họ là những người nhà quê chân tình, họ là những người biết sợ Chúa... và có một ngôi nhà thờ nhỏ trong làng, những người dân quê đến nhà thờ hát thánh ca. Nữ Chúa trên nước trời, Đức mẹ thiêng liêng, người bảo vệ chúng sinh hãy mang chúng con lên đấy!”

Andrey Hrisanfitch quay về phòng làm một liều thuốc cho đến lúc nghe có tiếng chuông gọi cửa và Yefimya thôi không nói nữa nhưng vẫn còn sứt sứt, lau khô đôi mắt, dù vậy đôi môi cô vẫn còn run rẩy. Cô sợ chồng - ôi cô mới sợ bác ta làm sao! Cô run lấy bầy và đo đếm nỗi kinh hoàng bởi tiếng bước chân của bác ta cùng cái nhìn trong đôi mắt ấy nên không dám thốt ra một lời khi có mặt chồng.

Andrey mời lửa vào liều thuốc, đúng lúc đó có tiếng chuông ở đầu cầu thang. Bác ta bỏ liều thuốc xuống, lấy lại vẻ mặt trịnh trọng và vội vã đi ra cửa.

Ông tướng đang xuống cầu thang, tươi tỉnh hồng hào sau khi tắm.

“Cái gì trong phòng này vậy?” ông hỏi, lại chỉ vào một cánh cửa.

Andrey đặt hai tay thẳng tắp theo đường may của chiếc quần và xướng lên thật to.

“Charcot douche, thưa ngài.”

[1]. Độ ở đây là độ *Fahrenheit*, 70 độ tương đương với trên 21 độ *C*.

ngọn nến đêm Noel

Clement C. Moore

Đó là ngày 24 tháng 12 ở Rheims, nước Pháp, gần 500 năm về trước. Một đám người ăn mặc đẹp đẽ, khuôn mặt hân hoan tụ tập ở một tháp chuông lớn của một nhà thờ lớn trước khi vào trong nhà thờ dự lễ mừng Chúa Giáng Sinh. Tiếng trẻ con nói nói cười cười vui tai trong đám đông trong khi hàng tốp nam thanh nữ tú hát những bài hát mừng Giáng Sinh và khiêu vũ theo tiếng sáo véo von và tiếng trống bập bùng. Ở bất cứ chỗ nào cũng thấy những khuôn mặt sáng bừng lên niềm hạnh phúc và có vẻ như có đốt đuốc đi quanh vùng Rheims cũng không tìm ra một người buồn hay một trái tim cô đơn.

Tuy vậy vẫn có 4 người. Ba người trong số đó sống trong một túp lều nhỏ xíu, ọp ẹp bên bờ sông. Dù hình dáng bên ngoài của nó có vẻ bệ rạc nhếch nhác, trong nhà vẫn ngăn nắp và sạch sẽ. Chỉ một phòng thôi mà vừa là phòng ngủ, phòng khách, phòng ăn và bếp cho cả 3 người nhưng sàn nhà lát bằng những tảng đá lớn được quét tước rất cẩn thận, tấm chăn bông để trên những tấm nệm nhồi rơm ở góc nhà gần như là sạch bong không một vết bẩn. Một cái bàn thô kệch, một cái ghế gầy, một ghế đẩu và một chiếc ghế dài lung lay là những món đồ đặc duy nhất trong phòng. Ở một góc phòng xa hơn là một cái bếp lò đun bằng than đá, ngọn lửa yếu ớt vàng vọt của nó không chỉ dùng để đun nấu mà còn để sưởi ấm ba tấm lòng.

Vật duy nhất có hơi hướng thẩm mỹ trong căn phòng lại chính là một bàn thờ nhỏ, đặt trên một cái kệ dựng sát vào bức tường sau. Một vài bông hoa đồng nội cắm trong một cái bình đặt trước bàn thờ, từ cái kệ rủ xuống một tấm khăn thêu rộng màu đỏ, đường kim mũi chỉ rất nhuễn và khoáng đạt, trước đã từng có vinh dự bao bọc tấm khiên của một trang hiệp sĩ.

Một thiếu phụ còn trẻ cúi người xuống một cái xa quay sợi, một cậu bé chừng 7 tuổi đang bày ra cái bàn khập khiễng vài cái đĩa rạn nứt, và cuối

cùng một cô bé lớn hơn em chừng 1 hay 2 tuổi đang quấy một cái nồi để trên bếp lò. Thiếu phụ mà vẻ đẹp rực rỡ vẫn lồ lộ, bất chấp bộ quần áo rách rưới chính là nữ công tước Marie de Malincourt, cậu bé và cô bé kia là tiểu công tước Louis và công tước tiểu thư Jeanne. Trong khi ngồi quay sợi, thiếu phụ buồn rầu nhớ lại Noel năm ngoái, mới cách đây một năm mà biết bao vật đổi sao dời.

Khi ấy nàng sống trong tòa lâu đài rộng mênh mông và vào một ngày như ngày này, nàng và phu quân cùng tiểu thư và công tử thân chinh ra tận cổng lâu đài chào đón một đám đông người tứ xứ: Người già, người ốm và người nghèo thấy đều kéo đến đây và gia đình Malincourt đi trong đám đông phát cho tất cả mọi người quần áo ấm, thuốc chữa bệnh và lương thực. Cả Louis và Jeanne cũng biết nghĩ đến việc chia sẻ những món đồ chơi của mình cho những đứa trẻ nhà nghèo.

Rồi chiến tranh quét qua thung lũng thanh bình của họ, chỉ trong vòng một đêm tòa lâu đài hạnh phúc đã thành một đồng gạch vụn. Công tước bị bắt và giải đi trong khi công tước phu nhân cùng hai con bỏ chạy xuống một địa đạo bí mật ngay đêm ấy và trốn đến một ngôi làng. Nhưng đến nơi họ thấy nó cũng tan hoang, tiêu điều; dân làng đã hoảng sợ bỏ chạy hết trước sức tấn công của quân địch. Kể từ đó ba người vốn quen sống vương giả nay phải sống lang thang trên đường thiên lý, bán dần từng món đồ trên người để đổi lấy thức ăn và một mái nhà để ngủ. Thậm chí cả áo khoác của phu nhân Marie cũng sang tay cho vợ một thương gia giàu có, bộ quần áo đẹp của Louis và Jeanne ra đi nhường chỗ cho những bộ quần áo vải gai của nông dân. Trong số đồ đạc cũ chỉ có một vật còn được giữ lại - đó là tấm khăn phủ chiếc khiên của công tước, một món mà cậu bé Louis đã mang theo khi trốn khỏi lâu đài vào cái đêm kinh hoàng ấy.

“Cha đưa cho con giữ chờ đến ngày cha quay trở lại”, cậu nói và trải qua bao khổ nhọc, nhọc nhằn trên đường trốn chạy cậu vẫn giữ nó bên mình. Đó là kỷ vật quý giá đối với cả ba người, bởi vì nó là vật duy nhất nhắc họ nhớ đến người chồng, người cha và cuộc sống họ đã từng chia sẻ với nhau.

“Mẹ ơi”, đột nhiên Jeanne nói, cắt ngang luồng suy nghĩ của mẹ, “đêm nay là đêm Giáng Sinh.”

“Phải”, phu nhân thở dài, “vậy mà không có đồ chơi và bánh kẹo cho con và em Louis...”

“Chúng con không cần đâu”, bọn trẻ đồng thanh đáp. “Chúng con có mẹ và chúng con ấp ủ tinh thần của ngày Giáng Sinh trong tim.”

Người mẹ ngẩng lên nhìn con và mỉm cười. “Phải, dù cuộc sống hết sức khó khăn chúng ta vẫn còn được ở bên nhau và mặc dù chúng ta rất nhớ cha các con thì mẹ chắc rằng tối nay còn có những người khác ở Rheims cũng nhớ những người thân của họ. Mẹ chỉ ước gì chúng ta còn có một cái gì đó để cho người nghèo như chúng ta đã từng làm...” Một sự im lặng đầy hiểu biết tràn ngập trong căn phòng.

“Mẹ à”, Jeanne nói với một nụ cười phấn khích, “Con biết một thứ chúng ta có thể mang cho người khác.” Vừa nói, cô bé vừa cầm lên một mẫu nến nhỏ trên bàn và vội vã đi đến bên cửa sổ.

“Nhìn đây”, cô tiếp tục, “con sẽ đặt nó trên bệ cửa sổ, có lẽ có một ai đó cần một chút ánh sáng, một người bất hạnh như chúng ta, họ sẽ cảm thấy ấm lòng hơn nhờ món quà của ngọn nến nhỏ này. Đây, mẹ nhìn coi - nó sáng lên như thế nào trong khung cảnh tuyết rơi,” và cô bé đứng ngây người ngắm nghía tác phẩm của mình.

“Con là một đứa bé ngoan, Jeanne ạ”, phu nhân Marie nói, đoạn trở về với công việc của mình.

Ở ngoài quảng trường lớn, giữa bao nhiêu ánh sáng và niềm vui hội hè có một trái tim trĩu nặng u buồn. Nó đập trong lồng ngực của một chú bé 9 tuổi trong bộ quần áo rách rưới. Đôi chân không vớ của cậu xỏ vào một đôi guốc mộc xù xì. Cậu bé chỉ có một mình trên đời, không tiền bạc, không bạn bè, đói, lạnh và khốn khổ. Mỗi khi cậu bé cố kể câu chuyện của mình cho một ai đó trong đám đông đi lại quanh cậu thì chẳng có ai thêm chú ý đến, hoặc giả họ cau mày với cậu, hoặc huých vào người cậu xua đi.

Cuối cùng, trong nỗi thất vọng sâu xa, cậu bé bắt đầu một mẻ bước trên đường phố, thỉnh thoảng dừng lại liếc nhìn những ngôi nhà đẹp đẽ trên đường và tìm kiếm một sự giúp đỡ. Nhưng không có một mái nhà nào mở rộng cánh cửa đón chào một đứa bé nghèo như chú. Cuối cùng, xa xa bên phía bờ sông, chú nhìn thấy một đốm lửa nhỏ đột nhiên xuất hiện trên một bệ cửa sổ và chú vội vã đi về phía đốm sáng chập chờn đó. Khi đến gần chú thấy đó chỉ là một ngọn nến trên bệ cửa sổ một túp lều, một cái lều nghèo nàn nhất trong cả vùng Rheims này, nhưng ánh sáng bẽn lẽn của nó mang đến cho chú một cảm xúc ấm áp thật bất ngờ và chú chạy đến đấy, gõ cửa căn lều.

Cánh cửa mở ra gần như ngay tức khắc bởi một cô bé, và ngay sau đó có 2 người nữa cũng đứng lên chào đón chú. Trong một tích tắc chú đã thấy mình ngồi trên một chiếc ghế bên cạnh bếp lò đun bằng than đá. Cô bé sưởi ấm một bàn tay chú bằng cách nắm một tay giá lạnh của chú trong đôi tay ấm áp của mình, trong khi cậu em trai nắm bàn tay kia, còn người đàn bà tuyệt đẹp thì quỳ xuống tháo đôi guốc gỗ ra chà xát đôi bàn chân như đóng băng lại của chú. Khi người khách nhỏ tuổi đã ấm người lên, cô bé múc súp vào ba cái tô và một món hầm vẫn còn sôi sùng sục trên bếp. Mỗi tô chỉ có được một ít, nhưng cô đẩy tô đầy nhất đến trước mặt người khách lạ.

Sau mấy lời tạ ơn Chúa, họ bắt đầu ăn món súp như chưa bao giờ có một món ăn ngon lành và béo bổ đến thế. Khi họ vừa ăn xong đột nhiên cả căn phòng sáng bừng lên, như thể có ánh sáng của hàng ngàn ngọn nến. Rồi có tiếng nói vọng từ trên trời cao xuống, trên người khách lạ tỏa ra vô vàn ánh hào quang đến nỗi ba mẹ con phu nhân Marie không thể nhìn vào mặt người ấy.

“Các con, với ánh sáng của ngọn nến bé nhỏ này, đã soi đường cho Chúa Hài đồng đi lên Thiên đường”, cuối cùng vị khách của họ lên tiếng, một tay đặt trên then cửa. “Tối nay lời nguyện cầu tha thiết nhất của các con sẽ thành hiện thực.” Chưa kịp chớp mắt, mọi người đã thấy vị khách biến mất.

Nữ công tước và hai người con vội quỳ xuống, cầu nguyện và trong khi họ vẫn còn đang quỳ như vậy, vài phút sau, một hiệp sĩ với thanh gươm sáng chói, nhẹ nhàng đẩy cánh cửa bước vào lều...

“Mari! Jeanne! Louis!” hiệp sĩ kêu lên giọng tràn ngập tình yêu thương. “Em và các con có biết anh đã bị truy đuổi sau hàng tháng trời gian khổ trong chốn lao tù và trong tuyệt vọng như thế nào không? Sau đó anh đã đi khắp nơi để tìm mấy mẹ con.”

Ngay lập tức cả gia đình quây quần bên người anh hùng với những vòng tay và những nụ hôn.

“Nhưng Cha ơi, làm sao cha biết là chúng con ở đây?” cuối cùng cậu bé Louis hỏi.

“Một cậu bé ăn mặc rách rưới cha gặp trên đường đã cho cha biết nơi mấy mẹ con đang sống”, hiệp sĩ trả lời.

“Đó là Chúa Hài đồng”, Marie thành kính kêu lên và kể cho chồng nghe toàn bộ câu chuyện.

Và thế là kể từ đó, họ và tất cả con cháu họ, cho đến tận ngày nay vẫn thắp sáng một ngọn nến trên bệ cửa sổ vào đêm trước Giáng Sinh, để soi đường cho Chúa Hài đồng trong cuộc hành trình của Ngài.

đồng lửa trong đêm đen

Peter Adotey Addo

Đó là cái đêm trước khi Chúa giáng sinh, còn tôi là một đứa trẻ bất hạnh vì gia đình tôi đã tan nát mỗi người một ngã, vì thế mà tôi biết chắc là Giáng Sinh sẽ không bao giờ đến nữa. Không còn niềm vui và tâm trạng háo hức mà tôi bao giờ cũng cảm thấy khi mùa Giáng Sinh đến gần. Tôi mới được 8 tuổi nhưng mấy tháng vừa rồi tôi đã trưởng thành rất nhanh. Mới năm ngoái thôi tôi còn nghĩ Giáng Sinh đã mang đến cho làng tôi rất nhiều thứ. Giáng Sinh bao giờ cũng là một ngày lễ tôn giáo tràn đầy niềm vui đối với tôi. Đó là quãng thời gian những bản nhạc Giáng Sinh ngọt ngào, tuyệt vời vang lên trên đường phố, trên radio, ti vi và ở khắp mọi nơi. Giáng Sinh bao giờ cũng là một sự kiện được nhiều người trông đợi và không khí chuẩn bị rộn ràng bắt đầu từ tháng 11. Chúng tôi có cảm giác như đang chuẩn bị cho sự ra đời của Chúa Jesus. Giáng Sinh cũng là dịp họ hàng, bạn bè thăm viếng nhau, vì thế bao giờ cũng có cả một dòng người đi lại, thăm hỏi nhau với một niềm vui lớn và chuyện này diễn ra ở tất cả các dân tộc.

Đấy, bao giờ tôi cũng nghĩ về ngày Giáng Sinh như thế. Ôi sao mà tôi ao ước được nếm lại những món ăn truyền thống trong bữa tiệc đêm Noel và bữa tiệc chính trong ngày Noel đến thế, bởi vì tôi biết mình sẽ không được nếm lại hương vị của cơm lúa mới, của thịt gà, thịt dê, thịt cừu và đủ loại trái cây. Các ngôi nhà trong làng đều được trang hoàng rất đẹp. Trẻ con và những người trẻ tuổi thích bày biện, chăng đèn kết hoa ở nhà và ở trường với những băng giấy màu sắc sỡ. Tất cả chúng tôi đều ngóng đợi buổi lễ đêm Noel ở nhà thờ. Sau buổi lễ, niềm vui trải dài trên tất cả các đường đi lối lại trong làng. Ai cũng sống trong tâm trạng phơi phới, vui cười được nhân lên bởi tiếng đàn rạo rức niềm vui của các nhạc công trong vùng. Rồi đến ngày Giáng Sinh mọi người lại quay lại nhà thờ nghe Thánh kinh và cùng hát những bản Thánh ca nhắc nhở chúng tôi về ý nghĩa của việc Chúa

Jesus giáng thế. Chúng tôi bao giờ cũng nghĩ rằng những điều này có nghĩa là ngày Giáng Sinh. Sau buổi lễ mọi người đều có quà, những thỏi chocolate đặc biệt, những chiếc bánh đặc biệt và cả những gói bánh quy đặc biệt trong dịp lễ. Thanh thiếu niên được bảo cho biết những món quà này là của Chúa Jesus và điều đó bao giờ cũng có nghĩa là hạnh phúc cho tất cả chúng tôi. Người ta cũng nhận được cả quần áo mới, có thể cả những đôi giày mới nữa. Trong khi đó thì ở khắp nơi vang lên những tiếng chào hỏi chúc tụng có ý nghĩa đặc biệt. “Afishapa” trong ngôn ngữ chúng tôi có nghĩa là Giáng Sinh vui vẻ và Chúc mừng năm mới. Ôi, ước gì những kỷ ức vẫn còn tươi rói trong đêm hôm nay có thể mang Giáng Sinh đến cho tất cả chúng tôi. Tuy vậy, Giáng Sinh năm nay mọi thứ đều khác và tôi biết một Giáng Sinh thật sự sẽ không bao giờ đến nữa. Tất cả mọi người đều buồn bã, tuyệt vọng bởi sự kiện vừa xảy ra hồi tháng Tư, khi cái gọi là Đội quân của Tự do tấn công vào làng chúng tôi bắt đi tất cả thanh niên, trai cũng như gái.

Các gia đình bị chia lìa, có nhiều người còn bị chết. Chúng tôi buộc phải tập trung lại và bị đem đi lao động ở xa làng mà không hề có lương thực. Cái đói trở nên thường trực bởi vì lượng thức ăn chỉ đủ cầm hơi. Chẳng còn bao nhiêu thứ có thể ăn được. Bọn lính đã đốt cháy sạch mọi thứ trong làng và trong suốt thời gian bị tập trung lao động, dân làng mất hết cả ý niệm về thời gian và nơi chốn.

Việc làng tôi có thể thoát khỏi bọn lính vào một đêm mưa gió có thể coi là một phép màu. Sau mấy tháng rong rọc sống trong một cánh rừng nhiệt đới chúng tôi đã tìm được đường trở về ngôi làng tan hoang cháy trụi. Hầu hết mọi người đều ốm yếu, kiệt sức và tuyệt vọng. Hầu hết các thành viên trong các gia đình đều lưu lạc không biết nơi đâu mà tìm. Chúng tôi không còn khái niệm về ngày tháng nữa. Về đến nơi rồi mà mọi người vẫn chưa ai nhận ra đây là đâu cho đến khi người bà ốm yếu của tôi nhận ra loài hoa đỏ và vàng mà chúng tôi đặt tên là “Lửa trên núi” nở đầy trên cành một cây đại thụ mọc ở giữa chợ, cây đại thụ đã mọc lên ở đấy từ mấy đời rồi và hàng năm cứ đến mùa Giáng Sinh là loài hoa nhị sắc lại đơm đầy các cành nhánh.

Nhờ một lý do bí ẩn nào đó cái cây vẫn còn sống sót trong khi ngọn lửa trù lên thiêu trụi cả khu chợ.

Tôi nhớ vị mật ngọt của loài hoa này bao giờ cũng quyến rũ các loài côn trùng và làm chúng say đến nỗi ngã lăn ra đất làm mồi cho bầy quạ đen và thằn lằn. Dân làng ngạc nhiên khi thấy ngọn lửa mà bọn lính độc ác đốt lên nhấn chìm cả chợ và khu làng trong biển lửa mà không thiêu đốt được cây “Lửa trên núi.” Chẳng phải là một phép màu sao? Bà nội bảo chúng tôi rằng sắp đến Giáng Sinh rồi vì cây đang đơm đầy hoa. Như bà có thể nhớ được thì cây này chỉ ra hoa vào dịp Giáng Sinh. Tâm hồn tôi có tươi lên được mấy phút khi tôi nhìn những bông hoa này. Nhưng chẳng bao lâu sau nó lại trĩu nặng. Làm gì còn có Giáng Sinh khi mà cha mẹ và làng quê thân yêu của tôi không còn nữa?

Đâu còn mùa Giáng Sinh để chúng tôi ăn mừng ngày ra đời của Hoàng tử của Hòa bình bởi vì kể từ tháng Tư chúng tôi đã không còn biết thế nào là sự bình an, chỉ còn chiến tranh, loạn lạc và chết chóc. Sao chúng tôi có thể tổ chức ngày lễ như nội tôi đã dạy trước khi bà qua đời. Đó là những lời trăng trối cuối cùng trước khi bà nhắm mắt vào tối ngày 23.

Trong khi tôi ngồi đó, nhớ lại niềm vui của những Giáng Sinh đã qua và những khổ đau của hiện tại thì có một tiếng còi xe vang lên và không chỉ một cái xe mà có đến mấy cái xe hơi đang phóng vào làng tôi. Thoạt tiên chúng tôi nghĩ những chiếc xe chở đầy những kẻ súng lăm lăm trên tay mặt đằng đằng sát khí, chúng tôi chạy vào rừng ẩn nấp. Trước sự ngạc nhiên của dân làng họ không mang theo vũ khí. Chỉ là những du khách bình thường. Hình như cây cầu bắc ngang qua dòng sông gần làng tôi đã bị bọn lính phá hủy vào hồi tháng tư khi chúng rút quân khỏi làng. Bởi vì trời đã gần tối và có lời đồn có mìn gài trên đường, họ không muốn mạo hiểm. Con đường đi của họ dẫn thẳng tới làng tôi. Khi trông thấy đoàn người đói khát họ sững người và phát hoảng lên khi chứng kiến những nỗi thống khổ và cảnh hoang tàn bốn phía chung quanh chúng tôi. Nhiều người trong số họ bật khóc. Họ khẳng định với chúng tôi rằng đêm hôm ấy là đêm Noel. Tất cả

bọn họ đều đang trên đường trở về làng quê của mình để ăn mừng Giáng Sinh với gia đình và bạn bè. Giờ đây hoàn cảnh đã đưa họ đến làng chúng tôi đúng vào đêm Noel. Họ chia sẻ số thức ăn ít ỏi với chúng tôi. Thậm chí họ còn giúp chúng tôi nhóm một đồng lửa lớn ở giữa chợ để sưởi ấm. Nhưng đến giữa chừng chị gái tôi bị mệt và không còn đứng nổi nữa. Một thời gian ngắn sau khi trở về làng, bà nội bảo tôi chị lớn của tôi sắp sinh một đứa bé. Chẳng hiểu sao chị ấy lúc nào cũng sống trong tâm trạng mê sảng, cả ngày không nói một câu kể từ ngày dân làng trốn thoát khỏi bọn lính.

Tôi rất lo cho chị vì chúng tôi không có thuốc men lại không gần bệnh viện. Một số người khách và dân làng cởi áo ngoài và lấy quần áo của họ trải ra đất làm cho chị tôi một cái ổ gần đồng lửa. Chính cái đêm định mệnh ấy chị tôi sinh ra một bé trai kháu khỉnh. Điều này được coi là một sự kiện đáng ăn mừng. Chiến tranh hay không chiến tranh cũng mặc, người dân Châu Phi chúng tôi cần múa hát và chúng tôi đã nhảy múa vui đùa cho đến tận lúc gà gáy vào quãng 6 giờ sáng. Chúng tôi hát những bài hát Giáng Sinh. Mỗi người hát bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Lần đầu tiên tất cả những đau thương, mất mát của mấy tháng qua biến mất. Sáng ra người làng hỏi chị tôi: “Cô sẽ đặt tên cháu bé là gì?” Bạn có tin được không, trong cảnh quê hương cháy trụi và hầu hết nam thanh nữ tú bị bọn giặc bắt đi, vậy mà chị tôi nói: “Tên thằng bé sẽ là Gye Nyame, có nghĩa là ngoài Chúa ra tôi không sợ cái gì hết.”

Vâng chúng tôi đã ăn mừng Giáng Sinh như thế đấy, cuối cùng Giáng Sinh cũng vẫn đến làng tôi đêm ấy, không đến trên những chiếc xe hơi hoặc với những người khách lạ mà đến với việc đứa cháu tôi chào đời trong đồng hoang tàn, đổ nát. Giữa bao nhiêu đau khổ của chúng tôi, có một niềm hy vọng được nhen lên bằng sự ra đời của đứa bé này. Sự ra đời đã biến câu chuyện xưa cũ về sự tàn bạo và mất mát thành một niềm hy vọng chung cho tất cả, chính cái niềm hy vọng mà chúng ta tìm thấy với sự ra đời của Chúa Hài đồng. Một phép màu đã xảy ra vào đêm Giáng Sinh và bất chợt tôi biết dân làng tôi không còn đơn độc nữa. Bây giờ thì tôi nhận ra một điều là bao

giờ cũng còn hy vọng và Giáng Sinh vẫn đến với ta trong bất cứ hoàn cảnh nào. Giáng Sinh bao giờ cũng ở trong tất cả chúng ta. Thậm chí Giáng Sinh còn đến ngôi làng bị thiêu trụi, hoang tàn của chúng tôi đêm ấy.

1. Lone Ranger: Nhân vật người hùng miền Viễn Tây trong loạt phim truyền hình cùng tên nổi tiếng của Mỹ. 2. Zoro: Người anh hùng giấu mặt trong bộ phim Huyền thoại Zorro. 3. Người dơi: Siêu anh hùng trong bộ phim Người dơi. 4. Các chàng trai Bonanza: Phim Bonanza kể về cuộc phiêu lưu thú vị của Ben Cartwright và các con trai của ông khi bảo vệ trang trại và giúp đỡ người khác. 5. Peter Gunn: Thám tử tài ba trong bộ phim cùng tên của Mỹ.

1. Viết tắt của Alternative captain: đội trưởng dự bị – (ND) 2. Mùa Thu (tiếng Anh) - ND 3. Nơi trú ẩn (Tiếng Anh) – ND 4. Những người chủ trì hôn lễ ở Las Vegas thường đóng giả làm Elvis Presley – ND 9. Tên nữ nhân vật chính trong bộ phim truyền hình dài tập Leave it to Beaver của Mỹ – ND 10. Một người Mỹ da đen đã bị một nhóm cảnh sát Los Angeles đánh liên tiếp bằng dùi cui, cùng lúc một nhóm cảnh sát khác bàng quan đứng nhìn. Cảnh này đã được một người đi đường ghi lại từ xa và làm dấy lên làn sóng phản nộ trong cộng đồng người Mỹ da đen. Sau đó trong một lần truyền hình, Rodney King đã nói câu “Chúng ta không thể sống hòa thuận được sao?” – ND 11. Một loại axit amin có trong thịt gà tây, L-tryptophan sản sinh ra vitamin B và axit nicotinic trong cơ thể, nhưng nó cũng gây buồn ngủ. – ND 12. Một lễ hội đấu bò kéo dài mười ngày được tổ chức hàng năm ở Calgary, Alberta, Canada. – ND 5. Một loại thuốc nhuận tràng – ND 6. Split-level: ngôi nhà được chia làm hai khu và sàn của khu bên này nằm cao hơn so với khu bên kia. Hai khu được nối với nhau bằng cầu thang – ND 7. Foam finger: một đồ vật có hình bàn tay nắm lại với ngón trỏ giơ lên cao, tượng trưng cho vị trí số một, thường dùng để cổ vũ trong các môn thể thao – ND. 8. Tên một bài hát của Elvis Presley, dịch sang tiếng Việt là Chó Săn – ND 16\.

Tác giả chơi chữ, dùng một từ tiếng lóng vừa chỉ thám tử tư, vừa chỉ bộ phận sinh dục. 17\.

Running Base: thuật ngữ bóng chày, chỉ việc cầu thủ của đội tấn công cố gắng chiếm chốt của đội phòng thủ. 18\.

File rất nhỏ lưu giữ những lần lướt web của người sử dụng trên máy tính. 19\.

Đơn vị đo trọng lượng của Anh Mỹ, một pound xấp xỉ 4,45kg. 3\.

Đơn vị đo chiều dài của Anh: 1foot = 0,3m. 4\.

Vị thần cai quản âm phủ trong thần thoại Hy Lạp. 5\.

Cảm giác đau đớn và khó thở của những người lặn sâu ở biển khi đột ngột ngoi lên mặt nước. 6\.

Ý nói khu

sang trọng. 7\ Abraham Zapruder, người duy nhất quay được đoạn phim chi tiết vụ ám sát tổng thống John Kennedy năm 1963. 20\ Một nhân vật phản diện trong bộ phim A Christmas Carol, chuyển thể từ truyện ngắn cùng tên của Charles Dickens, được viếng thăm bởi ba hồn ma Giáng Sinh quá khứ, hiện tại và tương lai. 8\ Đây là những thành tố thường xuất hiện trong tên người Do Thái. 9\ tên một hiệu quần áo thời trang. 10\ Một môn thể thao gần giống với bóng chày, nhưng sử dụng bóng to hơn, và bóng được lăn về đích thay vì được ném, và các cầu thủ đá bóng thay vì đập. 11\ Chứng bệnh mà bệnh nhân thường chuyển tiếp giữa trạng thái cực đoan, từ kích động cho tới trầm cảm. 21\ Kiểu để tóc quen thuộc của những người hói, nuôi dài lọn tóc ở một bên đầu rồi ép nó nằm che phần hói. 22\ Fonzairelli, nhân vật trong phim hoạt hình những năm 70. 12\ Hội chứng Stockholm là một hiện tượng tâm lý đôi khi xảy ra với con tin bị bắt cóc, theo đó nạn nhân bị bắt cóc thường tỏ dấu hiệu đồng cảm với kẻ bắt cóc mà không tính đến hoàn cảnh nguy hiểm hay rủi ro mà nạn nhân lâm phải. 23\ Đồ ăn thanh khiết theo luật Do Thái. 13\ Với người Do Thái, sinh nhật 15 là một dịp quan trọng, đánh dấu ngưỡng cửa trưởng thành của con trai. 24\ Những hồ sơ hoàn tất là kết quả của nhiều năm nghiên cứu khoa học kết hợp với kinh nghiệm nhiều năm. 14\ Con số trung bình của thị dân. 15\ Nguyên văn là “Dying Nun” - dì phước chết, và “Flying Nun” - dì phước bay. 1\ 90 - 95 điểm. 2\ Nhóm trường danh giá nhất ở Mỹ. A.A. (Alcoholics Anonymous): Tổ chức hỗ trợ những người nghiện rượu trên toàn thế giới. Hasit: Một loại thuốc lá có khả năng kích thích và gây nghiện giống như cần sa. Aspirin: Tên thuốc “aspirin” chính thức ra đời từ năm 1899 và ban đầu được bào chế dưới dạng bột, dùng để chữa bệnh cúm, cảm sốt. Có hai loại suy nhược, ngoại sinh và nội sinh. Suy nhược ngoại sinh xảy ra khi cơ thể phản ứng lại những sự kiện bên ngoài và thường có liên quan mật thiết đến cảm giác đau buồn. Trong khi đó, suy nhược nội sinh là kết quả của cơ chế sinh hóa sai lệch và thường có liên quan đến yếu tố di truyền, ví dụ như chứng ăn uống vô độ hoặc nghiện rượu hay nghiện ma túy. Trong thực tế, tất cả những điều này chính là những biểu hiện khác nhau của cùng một hoặc các rối loạn sinh hóa tương tự trong cơ thể. 1. Hai

nhân vật chính đã bước vào giai đoạn học đại học và đối cách xưng hô, không gọi “cậu” như trước nữa mà gọi là “anh” như cách gọi khi kể chuyện ở hiện tại. Palliative cure - Điều trị xoa dịu: Liệu pháp làm giảm các triệu chứng của rối loạn nhưng không chữa khỏi được nó. Ví dụ, điều trị ung thư ở giai đoạn cuối thường là điều trị xoa dịu. (Theo Từ điển Bách khoa Y học, giáo sư Ngô Gia Hy chủ biên.) 'Mizaru - Mikazaru - Mazaru' - Ba chú khỉ khôn ngoan đến từ Nhật Bản. Thông thường khi đôi tay khỉ che lại một nơi nào đó chính là để tự mình thanh tịnh, cách ly khỏi những điều xấu xa, cảm dỗ. Mizaru với đôi tay bịt tai 'không nghe điều xấu, Mikazaru với đôi tay che mắt 'không nhìn điều xấu' và Mazaru với đôi tay che miệng 'không nói điều xấu'. Đôi khi người ta còn thấy xuất hiện chú khỉ thứ tư mang tên Shizaru với đôi tay khoanh trước ngực, ngụ ý 'không làm điều xấu'. Nữ bác sĩ người Mỹ gốc Thụy Sĩ, tác giả công trình 'On Death and Dying'(Chết và Chờ chết) rất nổi tiếng trong lĩnh vực tâm thần học. 1. Ngày giải phóng Hải Phòng. 1. Maria Montessori (31/8/1870 - 6/5/1952) là một bác sĩ và cũng là một nhà giáo dục nổi tiếng người Ý. Bà nổi tiếng với phương pháp giáo dục mang tên mình, được sử dụng phổ biến trên toàn thế giới. Montessori chia sự phát triển con người làm bốn giai đoạn; từ sơ sinh đến 6 tuổi; từ 6 - 12 tuổi; từ 12 - 18 tuổi và từ 18 - 24 tuổi. Mỗi giai đoạn có những đặc trưng không giống nhau và tương ứng là các phương pháp tiếp cận giáo dục khác nhau cho từng giai đoạn. 1. Bó hẹp hoạt động là cụm từ được dịch thoát nghĩa từ câu thành ngữ “Họa địa vi lao”, có nghĩa là vẽ cái nhà tù trên mặt đất. Ý chỉ phạm vi hoạt động bị bó hẹp, không được vượt ra ngoài khuôn phép. 2. Lawrence Kohlberg (1927 - 1987) là một nhà tâm lý học người Mỹ nổi tiếng với lý thuyết về sáu giai đoạn của sự phát triển đạo đức. 1. Jean Piaget (1896 - 1980) là một nhà tâm lý học và triết học người Thụy Sĩ. Ông nổi tiếng với những nghiên cứu nhận thức luận với trẻ em. 1. Vách đá trực quan hay còn gọi là Visual cliff do hai nhà tâm lý học người Mỹ R.D. Walk và E.J.Gibson thiết kế ra. 1. Abraham (Harold) Maslow (1908 - 1970) là một nhà tâm lý học người Mỹ gốc Nga, ông được biết đến qua mô hình tháp nhu cầu nổi tiếng. Tháp nhu cầu của ông có năm tầng, tầng thứ nhất là các nhu cầu cơ bản; tầng thứ hai là nhu cầu an toàn; tầng thứ ba là nhu cầu được

giao lưu tình cảm và được trực thuộc; tầng thứ tư là nhu cầu được kính trọng, quý mến và tầng thứ năm là nhu cầu tự thể hiện bản thân. 2. Trường thiên tiểu thuyết “Jean Christophe” của Romain Rolland (1866-1944) được lấy cảm hứng từ cuộc đời Beethoven. Đây là tác phẩm mang tính tự truyện, trình bày mọi vấn đề liên quan đến chính trị, văn học và nghệ thuật, tác phẩm đã mang lại cho tác giả giải Nobel năm 1915. 3. Tiểu thuyết của nhà văn Mỹ Theodore Dreiser, ra đời vào năm 1900. 1. Édouard Séguin (1812 - 1880) là một bác sĩ và nhà giáo dục sinh ra ở Clamecy, Nièvre, Pháp. Ông được ghi nhớ bởi những đóng góp cho các trẻ em suy giảm nhận thức ở Pháp và Hoa Kỳ. 2. Nguyên văn tác giả nói là Thiên (Tiền/trời), em bé phát âm ngọng thành Điên (Diền/Đỉnh), dịch giả dịch thành “Trời” và “Tời” để chuyển tải cách phát âm ngọng của cháu bé. 3. Jean Piaget (1896 - 1980) là một nhà tâm lý học và triết học người Thụy Sĩ. Ông nổi tiếng về những nghiên cứu nhận thức luận về trẻ em. Lý thuyết về phát triển nhận thức và góc nhìn nhận thức luận của Piaget được gọi chung là 'Nhận thức luận di truyền' (genetic epistemology). 4. Sách do Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2012. 5. Karl Witte (1800 - 1883) là nhà nghiên cứu về Dante của Đức, người lập kỷ lục tiến sĩ trẻ nhất thế giới ở tuổi mười hai, hiện kỷ lục này vẫn chưa bị phá vỡ. 1. Bertrand Arthur William Russell, Bá tước Russell III (1872 - 1970): một triết gia, nhà logic học, nhà toán học người Anh. 1. Jack London (1876 - 1916), nhà văn Mỹ nổi tiếng với tác phẩm “Tiếng gọi nơi hoang dã”, “Gót sắt”, “Tình yêu cuộc sống”, “Nanh trắng”. 1. Trung Quốc tính thang điểm 100. 1. Nguyên văn dùng một từ “kiêu ngạo”, nhưng do sắc thái biểu đạt và hoàn cảnh áp dụng trong tiếng Việt có đặc thù khác biệt so với tiếng Trung, nên dịch giả lựa chọn dịch thành hai từ “kiêu ngạo” và “kiêu hãnh (BTV). 1. Con lừa trong tiếng Trung phát âm là “lú”, con cá là “yú”. Bởi vậy ở đây bé nghe không rõ nên đã nhầm hai từ này với nhau. 2. Sigmund Freud (tên đầy đủ là Sigmund Schlomo Freud; 1856 - 1939) là một bác sĩ về thần kinh và tâm lý người Áo. Ông được công nhận là người đặt nền móng và phát triển lĩnh vực nghiên cứu phân tâm học. 1. Tam đoạn thức là công thức biện chứng phổ quát của mọi sự tồn tại, vận động và phát triển. Tam đoạn thức có ba thành

phần chính: Chính đề, tức luận đề chủ yếu; Phản đề, phủ định của chính đề theo nghĩa phủ định biện chứng; Hợp đề, tổng hợp chính đề và phản đề, là sự thống nhất mâu thuẫn giữa chính đề và phản đề, là sự phủ định của phủ định nguyên đề.

2. Chuỗi thức ăn (quan hệ thức ăn) là một dãy gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau, loài đứng trước là thức ăn của loài đứng sau.

1. “Hoàng tử bé”: Tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Antoine de Saint-Exupery, xuất bản năm 1943.

2. Để phát triển năng lực tư duy, rèn luyện kỹ năng làm việc và quản lý công việc của trẻ, Montessori dành cho trẻ những khoảng thời gian mở để thực hiện các “dự án” của mình. Dựa trên quan sát, bà đưa ra kết luận rằng, trẻ em thể hiện sự tập trung cao độ khi được tự do khám phá vô số những điều thú vị xung quanh. Do đó các giáo viên Montessori cho phép trẻ tự chọn công việc mà chúng sẽ làm, tự quyết định cách làm và thời gian hoàn tất. Như vậy, học sinh thì được tự do tìm hiểu và trải nghiệm trong khi giáo viên có thời gian để quan sát và giúp đỡ trẻ khi cần. Giáo viên không yêu cầu trẻ bỏ dở công việc của chúng, trừ khi thực sự cần thiết.

3. Montessori phát triển bộ đồ dùng dạy học để phát triển năm lĩnh vực: giác quan, kỹ năng cuộc sống, ngôn ngữ, toán, địa lý và văn hóa. Bộ đồ dùng dạy học này bao gồm 134 trò chơi khác nhau dành cho trẻ. Các trò chơi này được thiết kế để trẻ tự chơi và tự kiểm chứng kết quả công việc của mình (ví dụ bộ xếp hình bản đồ thế giới, nếu các mảnh ghép sẽ chưa khớp lại được với nhau, trẻ tự biết là mình chưa xếp đúng). Giáo viên được đào tạo để hiểu rõ ý nghĩa của mỗi trò chơi, quy trình và cách giải thích cho trẻ. Trong giờ học, trẻ tự lựa chọn trò chơi cho mình - mỗi trò nhằm phát triển một hay một vài trong số năm lĩnh vực trên. Nếu trẻ gặp khó khăn, giáo viên sẽ đưa ra chỉ dẫn hợp lý cho trẻ. Ở đây, tác giả muốn hướng con thao tác các đồ dùng dạy toán.

1. Ở đây nguyên văn là “Hộp thứ ba là sắc thái màu của cả hai hộp đầu tiên”, nhưng trên thực tế không phải vậy, hộp thứ hai đã bao gồm ba màu của hộp thứ nhất, trong khi hộp thứ ba chỉ có chín màu. Tham khảo thêm tại: <http://www.infomontessori.com/sensorial/visual-sense-color-tablets.htm> và <http://www.nienhuis.com/en/third-box-of-color-tablets-1-2.html>

2. Paul Cézanne (1839 - 1906) là một họa sĩ người Pháp thuộc trường phái hậu ấn

tượng, là người được coi là cây cầu nối giữa trường phái ấn tượng thế kỷ 19 và trường phái lập thể thế kỷ 20. 3. Claude Monet (1840 - 1926) họa sĩ nổi tiếng người Pháp, một trong những người sáng lập ra trường phái ấn tượng. 4. Triết lý loại suy, hay suy luận loại suy xuất phát từ sự giống nhau có thực của hai đối tượng đó để đưa ra kết luận. 1. Erich Seligmann Fromm (1900 - 1980) là nhà tâm lý học xã hội, nhà phân tâm học, nhà xã hội học, triết gia nhân văn và nhà xã hội học dân chủ người Đức. 2. Alfred Adler: Bác sĩ và nhà tâm lý học người Áo, được biết tới nhiều nhất với tư cách người sáng lập ra Tâm lý học cá nhân (Individual psychology). Được tin nhiệm ngang với Carl Jung và Sigmund Freud như một trong những nhà sáng lập có ảnh hưởng nhất tới tâm lý học hiện đại. Trong số những đóng góp chủ yếu của Adler phải kể tới kỳ vọng bẩm sinh (birth order) trong sự hình thành nhân cách, sự ảnh hưởng của việc bỏ bê hoặc nuông chiều trong sự phát triển của trẻ em, khái niệm một động lực về “bản ngã hoàn hảo” (self perfecting) trong sự tồn tại của con người, và ý tưởng rằng người ta cần nghiên cứu và đối xử với bệnh nhân như là “con người toàn thể” (a whole person). Một nguyên lý quan trọng khác trong lý thuyết của Adler đó là những mơ tưởng của con người trong tuổi thơ có thể hướng dẫn cho sự nhận thức và các lựa chọn theo suốt cuộc đời họ, và khả năng cùng làm việc với người khác vì một lợi ích cộng đồng là tiêu chuẩn chính yếu về sức khỏe tâm thần. 3. Trích bài thơ “Lời tự thú” Pushkin, Tạ Phương dịch. 1. CCTV (China Central Television) - Đài truyền hình trung ương Trung Quốc. 1. Giáo dục Waldorf là một phương thức giáo dục dựa vào lý thuyết nuôi dạy trẻ của triết gia người Áo Rudolf Steiner. 1. Anton Pavlovich Chekhov (1860-1904) là nhà viết kịch người Nga nổi tiếng và có ảnh hưởng lớn trên thế giới với thể loại truyện ngắn. 2. “Ruồi trâu” là cuốn tiểu thuyết của nhà văn Ethel Lilian Voynich, xuất bản năm 1897 tại Hoa Kỳ và Anh.

Table of Contents

THAY LỜI TỰA

truyền thuyết về Giáng sinh

ngày Giáng sinh đầu tiên

truyền thuyết về ông già Noel

truyền thuyết về cây thông Noel

câu chuyện thật xảy ra với Rudolph

câu chuyện về cuộc đời ông già Noel

ông già Noel bị bắt cóc

câu chuyện ngày Giáng sinh

câu chuyện thật về ông già Noel

quà Giáng sinh dành cho Kathryn

đêm thánh vô cùng

ông ngoại đâm phải bảy tuần lộc

cuộc đời tuyệt đẹp

Santa Claus ở quán rượu Simpson

có một năm bảy tuần lộc không bay

câu chuyện Giáng sinh

bài ca Giáng sinh

cây thông Noel cho ông già Noel

ông già Noel không mặc đồ màu đỏ

cây thông trên thiên đường

những ngọn nến trên cửa sổ

quà tặng cho một Giáng sinh đã qua

đêm Giáng sinh của một viên cảnh sát

một đêm Giáng sinh dài

lá thư ngày Giáng sinh

ngọn nến đêm Noel

đống lửa trong đêm đen